

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH    BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI**

**DƯƠNG THỊ THU HÀ**

**VĂN HÓA THIỀN TÔNG TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI**  
**VIỆT NAM HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC**

**HÀ NỘI – 2016**

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH    BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI**

**DƯƠNG THỊ THU HÀ**

**VĂN HÓA THIỀN TÔNG TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI**  
**VIỆT NAM HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC**

**Chuyên ngành: Văn hóa học**

**Mã số: 62310640**

**Người hướng dẫn khoa học:**

- 1. GS.TS. Đỗ Quang Hưng**
- 2. TS. Phạm Thị Thu Hương**

**HÀ NỘI – 2016**

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH    BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI**

**DƯƠNG THỊ THU HÀ**

**VĂN HÓA THIỀN TÔNG TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI  
VIỆT NAM HIỆN NAY**

**PHỤ LỤC LUẬN ÁN**

**HÀ NỘI – 2016**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tác giả xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của chính tác giả. Các kết quả nghiên cứu và các kết luận trong Luận án này là trung thực, không sao chép từ bất kỳ một nguồn nào và dưới bất kỳ hình thức nào. Việc tham khảo các nguồn tài liệu đã được thực hiện trích dẫn và ghi nguồn tài liệu tham khảo đúng quy định.

Tác giả Luận án

**Dương Thị Thu Hà**

## MỤC LỤC

|                                                                                                        |            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>MỤC LỤC</b>                                                                                         | <b>1</b>   |
| <b>DANH MỤC CHỮ CÁI CHỮ VIẾT TẮT</b>                                                                   | <b>2</b>   |
| <b>DANH MỤC CÁC BẢNG</b>                                                                               | <b>3</b>   |
| <b>DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ</b>                                                                            | <b>4</b>   |
| <b>MỞ ĐẦU</b>                                                                                          | <b>5</b>   |
| <b>Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA LUẬN ÁN</b>                         | <b>11</b>  |
| 1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu                                                                    | 11         |
| 1.2. Cơ sở lý thuyết và một số khái niệm, thuật ngữ                                                    | 30         |
| <b>Tiểu kết</b>                                                                                        | <b>45</b>  |
| <b>Chương 2. THIỀN TÔNG VIỆT NAM VÀ VĂN HÓA THIỀN TÔNG VIỆT NAM</b>                                    | <b>47</b>  |
| 2.1. Thiền tông Việt Nam                                                                               | 47         |
| 2.2. Văn hóa Thiền tông Việt Nam                                                                       | 67         |
| <b>Tiểu kết</b>                                                                                        | <b>91</b>  |
| <b>Chương 3. ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HÓA THIỀN TÔNG TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY</b>              | <b>93</b>  |
| 3.1. Văn hóa Thiền tông đối với chính trị                                                              | 94         |
| 3.2. Văn hóa Thiền tông đối với kinh tế                                                                | 100        |
| 3.3. Văn hóa Thiền tông trong văn hóa                                                                  | 105        |
| 3.4. Văn hóa Thiền tông đối với xã hội                                                                 | 126        |
| <b>Tiểu kết</b>                                                                                        | <b>136</b> |
| <b>Chương 4. XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HÓA THIỀN TÔNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA</b> | <b>138</b> |
| 4.1. Những tiền đề để văn hóa Thiền tông Việt Nam phát triển                                           | 138        |
| 4.2. Xu hướng phát triển cơ bản của văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay                               | 143        |
| 4.3. Những vấn đề chủ yếu đặt ra với văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay                              | 155        |
| <b>Tiểu kết</b>                                                                                        | <b>161</b> |
| <b>KẾT LUẬN</b>                                                                                        | <b>162</b> |
| <b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</b>                           | <b>165</b> |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>                                                                     | <b>166</b> |
| <b>PHỤ LỤC</b>                                                                                         | <b>182</b> |

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| <b>CHỮ VIẾT TẮT</b> | <b>CHỮ VIẾT ĐẦY ĐỦ</b>                                       |
|---------------------|--------------------------------------------------------------|
| BCHTW               | Ban chấp hành Trung ương                                     |
| CBCNV               | Cán bộ công nhân viên chức                                   |
| ĐVSKTT              | Đại Việt sử ký toàn thư                                      |
| GHPGVN              | Giáo hội Phật giáo Việt Nam                                  |
| GS                  | Giáo sư                                                      |
| H                   | Hà Nội                                                       |
| KHXH                | Khoa học Xã hội                                              |
| Nxb                 | Nhà xuất bản                                                 |
| PGS                 | Phó giáo sư                                                  |
| TĐNL                | Thánh đẳng ngữ lục                                           |
| TĐL                 | Thánh đẳng lục                                               |
| TK                  | Thế kỷ                                                       |
| tp. HCM             | Thành phố Hồ Chí Minh                                        |
| tr.                 | Trang                                                        |
| TS                  | Tiến sĩ                                                      |
| TTTL                | Tam tổ Trúc Lâm                                              |
| TTVNTCĐPH&HH        | Thiên tông Việt Nam trên con đường phục hưng và<br>hoàng hóa |
| VHLKHXH             | Viện Hàn lâm Khoa học xã hội                                 |
| VHTT                | Văn hóa Thông tin                                            |

## DANH MỤC CÁC BẢNG

| Stt | Nội dung bảng thống kê                                                                                     | Trang |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1   | <b>Bảng 2.1.</b> Các di tích liên quan đến Trần Nhân Tông                                                  | 77    |
| 2   | <b>Bảng 2.2.</b> Các di tích liên quan đến thiền phái Trúc Lâm Yên Tử                                      | 78    |
| 3   | <b>Bảng 3.1.</b> Trình độ học vấn của người được trưng cầu ý kiến                                          | 91    |
| 4   | <b>Bảng 3.2.</b> Nghề nghiệp của người được trưng cầu ý kiến<br>(người dân)                                | 95    |
| 5   | <b>Bảng 3.3.</b> Hoạt động do các thiền viện tổ chức cho người<br>trung niên                               | 99    |
| 6   | <b>Bảng 3.4.</b> Độ tuổi của người được phỏng vấn                                                          | 112   |
| 7   | <b>Bảng 3.5.</b> Tôn giáo người được phỏng vấn                                                             | 112   |
| 8   | <b>Bảng 3.6.</b> Trình độ học vấn của thiền sinh                                                           | 113   |
| 9   | <b>Bảng 3.7.</b> Nghề nghiệp của người tham gia phỏng vấn (thiền sinh)                                     | 113   |
| 10  | <b>Bảng 3.8.</b> Tương quan giữa tuổi của thiền sinh với mục đích<br>tham gia các khóa thiền (%)           | 116   |
| 11  | <b>Bảng 4.1.</b> Nhận định về xu hướng phát triển của văn hóa<br>Thiền tông ở Việt Nam trong tương lai (%) | 152   |

## DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

| Stt | Nội dung biểu đồ                                                                          | Trang |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1   | <b>Sơ đồ 1.1.</b> Thành tố/biểu hiện của văn hóa Thiền tông                               | 42    |
| 2   | <b>Biểu đồ 3.1.</b> Giới tính của người được trưng cầu ý kiến (người dân)                 | 94    |
| 3   | <b>Biểu đồ 3.2.</b> Hoạt động trong các khóa thiền đối với thanh, thiếu niên (%)          | 109   |
| 4   | <b>Biểu đồ 3.3.</b> Giới tính của người được phỏng vấn (thiền sinh)                       | 111   |
| 5   | <b>Biểu đồ 3.4.</b> Mục đích tham gia khóa thiền tại thiền viện                           | 115   |
| 6   | <b>Biểu đồ 3.5.</b> Tác động của văn hóa Thiền tông đến việc tổ chức đời sống cá nhân (%) | 117   |
| 7   | <b>Biểu đồ 3.6.</b> Tác động của văn hóa Thiền tông đến xã hội (%)                        | 118   |
| 8   | <b>Biểu đồ 3.7.</b> Các hoạt động thường tổ chức nơi dân cư sinh sống (%)                 | 134   |



## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

1.1. Văn hóa Phật giáo là bộ phận hữu cơ của văn hóa dân tộc; trong đó, văn hóa Thiền tông nổi lên như một biểu tượng của văn hóa Phật giáo Việt Nam, góp phần làm giàu thêm bản sắc văn hóa dân tộc. Ngoài những đóng góp về tư tưởng, văn hóa Thiền tông còn ảnh hưởng đến văn học, nghệ thuật, kiến trúc, lối sống của người Việt Nam... Những giá trị văn hóa và đóng góp của Thiền tông Việt Nam vào văn hóa dân tộc chính là văn hóa Thiền tông Việt Nam.

1.2. Những công trình nghiên cứu về Thiền tông nói chung, Thiền tông Việt Nam nói riêng chiếm số lượng khá đồ sộ. Các nghiên cứu này tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau như tôn giáo học, lịch sử, văn học, triết học, tâm lý học... Tuy vậy, những nghiên cứu tiếp cận Thiền tông dưới góc độ văn hóa học vẫn khiêm tốn về số lượng và mờ nhạt về hệ thống lý luận, trong khi giá trị văn hóa mà Thiền tông Việt Nam đóng góp vào nền văn hóa dân tộc lại không hề nhỏ bé. Những giá trị văn hóa của Thiền tông Việt Nam đã kết tinh thành di sản văn hóa dân tộc từ trong quá khứ như tư tưởng, thơ thiền, di tích, đạo đức, lối sống, các danh nhân... Cho đến nay, những giá trị đó tiếp tục đóng góp tích cực vào đời sống xã hội và đang phát triển, hoàn thiện hơn trong điều kiện thực tế.

1.3. Việc nghiên cứu Thiền tông Việt Nam với nhãn quan văn hóa học chính là nghiên cứu về văn hóa Thiền tông Việt Nam. Văn hóa Thiền tông Việt Nam được nhìn nhận ở những chiều kích cụ thể sau:

*Thứ nhất*, Thiền tông Việt Nam với dòng chủ đạo là thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là dòng thiền của người Việt Nam, do người Việt Nam sáng lập, đóng góp tích cực vào văn hóa dân tộc kể từ khi ra đời cho đến nay. Dòng thiền này góp phần thể hiện bản sắc văn hóa, đặc biệt là văn hóa Phật giáo Việt Nam. Vì vậy, Thiền tông Việt Nam cần được nghiên cứu, bảo tồn và phát triển như một di sản văn hóa tinh thần do cha ông để lại cho chúng ta.

*Thứ hai*, Thiền tông Việt Nam mà cụ thể là thiền phái Trúc Lâm Yên Tử từng gắn với triều đại nhà Trần nhưng qua thời gian, khi nhà Trần mất dần vai trò của mình trên chính trường chính trị, Thiền tông Việt Nam cũng dần mờ nhạt. Tuy nhiên gần đây, Thiền tông Việt Nam có xu hướng hồi sinh và trở thành hiện tượng văn hóa đáng quan tâm trong xã hội hiện đại. Sự hồi sinh đó được biểu hiện thông qua sinh hoạt văn hóa và đóng góp cụ thể của Thiền tông Việt Nam trong một số lĩnh vực đời sống xã hội. Điều này khiến cho Thiền tông Việt Nam trở thành đối tượng nghiên cứu của văn hóa Việt Nam hiện nay.

*Thứ ba*, sự hồi sinh và phát triển của Thiền tông Việt Nam phù hợp với xu hướng coi trọng sinh hoạt thiền trên thế giới hiện nay. Khi con người phải đối mặt với nhiều nguy cơ của cuộc sống, người ta chọn thiền như một phương thức giúp cân bằng cuộc sống, lấy lại những giá trị nhân bản tích cực. Thiền thu hút nhiều người tham gia, thông qua sinh hoạt văn hóa mang đậm chất thiền (thiền định, cắm hoa, thưởng trà, tranh thiền, công viên thiền, du lịch thiền, ẩm thực thiền, vườn thiền, điêu khắc thiền, âm nhạc thiền, thơ văn thiền, zenspa...). Thiền tông Việt Nam là một bộ phận của thiền trên thế giới. Các sinh hoạt văn hóa của Thiền tông Việt Nam không chỉ thu hút nhiều người trong nước mà cả người nước ngoài. Trên thế giới có “Giải thưởng Trần Nhân Tông về hòa bình và hòa giải” (Trần Nhân Tông là người sáng lập thiền phái Trúc Lâm trước đây, tiền thân của Thiền tông Việt Nam hiện nay). Giải thưởng này do một số giáo sư Trường Đại học Havort - Mỹ đề xướng, có sự tham gia của không ít giáo sư, học giả, cựu chính trị gia ở nhiều quốc gia khác nhau trong đó có Việt Nam. Hệ thống thiền viện và các khóa tu thiền của Thiền tông Việt Nam được tạo dựng không chỉ trong nước mà cả ở một số quốc gia trên thế giới. Như vậy, ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông Việt Nam không dừng lại ở trong nước mà nó đã lan rộng ra quốc tế. Thiền tông Việt Nam trở thành gạch nối văn hóa Việt Nam với thế giới. Quan tâm, nghiên cứu và tạo cơ hội để văn hóa Thiền tông Việt Nam phát triển là cách để giới thiệu, quảng bá văn hóa Việt Nam với thế giới và để thế giới hiểu Việt Nam hơn. Điều này góp phần tạo dựng thương hiệu cho văn hóa Việt Nam ra thế giới.

*Thứ tư*, những giá trị của Thiền tông dưới lăng kính văn hóa chính là giá trị văn hóa của Thiền tông hay văn hóa Thiền tông. Văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay cần được nghiên cứu thấu đáo. Biểu hiện của văn hóa Thiền tông Việt Nam ra sao, ảnh hưởng của nó trong đời sống xã hội, xu hướng phát triển như thế nào cũng là những vấn đề cần quan tâm của đời sống xã hội hiện nay. Đây cũng là vấn đề đặt ra trong quá trình xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa về văn hóa, khi mà bản sắc dân tộc và hiện đại hóa văn hóa là điều kiện tồn tại và phát triển của dân tộc.

Với những lý do trên, tác giả chọn đề tài ***Văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay*** làm đề tài Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Văn hóa học.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Nghiên cứu văn hóa Thiền tông nhằm hướng tới tìm hiểu những biểu hiện của văn hóa Thiền tông và ảnh hưởng của nó trong đời sống xã hội Việt Nam; một số xu hướng phát triển của văn hóa Thiền tông Việt Nam.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Xác định nội hàm văn hóa Thiền tông.
- Tìm hiểu về Thiền tông Việt Nam và văn hóa Thiền tông Việt Nam.
- Nghiên cứu một số ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội nước ta hiện nay.
- Xác định xu hướng phát triển và một số vấn đề đặt ra với văn hóa Thiền tông ở nước ta hiện nay.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của Luận án là văn hóa Thiền tông Việt Nam và những ảnh hưởng của nó trong đời sống xã hội nước ta hiện nay.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- *Về nội dung:* Luận án tập trung nghiên cứu văn hóa Thiền tông Việt Nam và những biểu hiện của nó; ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông Việt Nam trong đời sống xã hội nước ta hiện nay, xu hướng phát triển của văn hóa Thiền tông Việt Nam. Trong đó, phần ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông Việt Nam trong đời sống xã hội nước ta được tiến hành qua trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi 700 người bao gồm thiền sinh, thiền sư, nhân dân và cán bộ chính quyền, kết hợp với phỏng vấn sâu một số người dân và thiền sinh khác.

- *Về thời gian:* Luận án tập trung nghiên cứu thời gian từ năm 1986 đến nay. Vì năm 1986 được coi là mốc đánh dấu sự đổi mới toàn diện của đất nước trên nhiều lĩnh vực trong đó có văn hóa và tôn giáo. Nhờ những tiền đề kinh tế, xã hội từ năm 1986 trở lại đây mà tôn giáo, văn hóa ở Việt Nam nói chung và Thiền tông Việt Nam, văn hóa Thiền tông Việt Nam nói riêng có xu hướng hồi sinh, phát triển.

- *Về không gian:* Luận án tập trung khảo sát khu vực Bắc Bộ, đặc biệt là trên địa bàn 3 tỉnh/thành Hà Nội, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc. Tại những nơi này, tác giả lựa chọn một số địa danh gắn với thiền phái Trúc Lâm và 5 thiền viện trong hệ thống thiền viện Trúc Lâm để khảo sát là Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử, Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên, Thiền viện Trúc Lâm An Tâm - Tây Thiên, Thiền Viện Trúc Lâm Giác Tâm và Thiền viện Trúc Lâm Sùng Phúc và trường ảnh hưởng của các thiền viện này trong không gian văn hóa Bắc Bộ.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện mục tiêu đặt ra, đề tài sử dụng hệ thống các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

- *Phương pháp liên ngành:* Văn hóa học, Tôn giáo học, Sử học, Triết học, trong đó, phương pháp Văn hóa học là chủ đạo. Tác giả không chỉ tiếp cận được văn hóa Thiền tông Việt Nam ở góc nhìn hẹp, mà còn thấy được nguồn gốc hình thành, nội dung tư tưởng, quy luật vận động, phát triển, yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển

của văn hóa Thiền tông Việt Nam, đặc trưng và biểu hiện của văn hóa Thiền tông Việt Nam theo diễn trình lịch sử đặt trong không gian văn hóa của chính nó.

- *Phương pháp điều tra xã hội học*: là phương pháp thu thập thông tin về các hiện tượng và quá trình kinh tế - xã hội trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể nhằm phân tích và đưa những kiến nghị đúng đắn đối với công tác quản lý. Phương pháp này giúp thu thập thông tin định tính như quan điểm, thái độ, động cơ, tâm tư, nguyện vọng... và xử lý số liệu thống kê đảm bảo tính khách quan, thuyết phục, tường minh cho những lập luận, luận cứ trong Luận án. Trong Luận án này, tác giả sử dụng các hình thức khảo sát điền dã, phỏng vấn sâu, điều tra bảng hỏi với các thiền sinh, thiền sư, người dân và chính quyền nhằm thu thập tư liệu xác thực, khách quan, toàn diện về ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội.

- *Phương pháp nghiên cứu chọn mẫu*: Hiện nay, theo thống kê trên cả nước hiện có khoảng 60 thiền viện được xây dựng và là nơi phục hưng Thiền tông Việt Nam, thực hiện các khóa tu thiền và sinh hoạt thiền. Hoạt động của các thiền viện này đều tuân thủ và thực hiện theo giáo lý Thiền tông Việt Nam. Trong Luận án, tác giả chọn nghiên cứu trường hợp với 5 thiền viện là Trúc Lâm Yên Tử, Trúc Lâm Tây Thiên, Trúc Lâm An Tâm, Trúc Lâm Giác Tâm và Trúc Lâm Sùng Phúc.

- *Phương pháp tiếp cận hệ thống*: Phương pháp này giúp tác giả tiếp cận sự vật, hiện tượng, giá trị văn hóa của Thiền tông một cách có hệ thống, từ đó chỉ ra biểu hiện/thành tố của văn hóa Thiền tông, một số đặc điểm cơ bản của văn hóa Thiền tông, xu hướng phát triển của văn hóa Thiền tông ở nước ta.

- *Phương pháp phân tích tổng hợp*: Phương pháp này giúp tác giả Luận án tiếp cận các kết quả nghiên cứu, từ đó tổng hợp, liên kết các kết quả từ sự phân tích để rút ra kết luận cần thiết.

## **5. Kết quả và những đóng góp của Luận án**

Chúng tôi hy vọng Luận án là một trong những nghiên cứu có tính hệ thống đầu tiên về văn hóa Thiền tông, biểu hiện của văn hóa Thiền tông trong xã hội Việt

Nam; những ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay; xu hướng phát triển của văn hóa Thiền tông Việt Nam;

Luận án là tiền đề cho việc tiếp tục nghiên cứu và bảo tồn văn hóa Thiền tông Việt Nam không chỉ trong quá khứ mà cả ở hiện tại. Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo, giảng dạy về văn hóa Phật giáo Việt Nam, văn hóa Thiền tông, Lịch sử tư tưởng Việt Nam...

## **6. Bố cục của Luận án**

Ngoài phần Mục lục, Lời cam đoan, Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Phụ lục, nội dung của Luận án gồm 4 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu và Cơ sở lý thuyết của Luận án

Chương 2. Thiền tông Việt Nam và văn hóa Thiền tông Việt Nam

Chương 3. Ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay

Chương 4. Xu hướng phát triển của văn hóa Thiền tông ở Việt Nam hiện nay và những vấn đề đặt ra

## Chương 1

### TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA LUẬN ÁN

#### 1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Các công trình nghiên cứu liên quan đến Thiền tông và các thành tố của văn hóa Thiền tông Việt Nam chiếm số lượng khá lớn. Trong đó, tác giả lựa chọn những công trình liên quan đến Luận án để tổng thuật. Với từng nhóm vấn đề, tác giả Luận án tổng thuật cả những nghiên cứu trong nước và ngoài nước, cả nghiên cứu của các thiền sư - với tư cách là người trong cuộc và nghiên cứu của các học giả, các nhà nghiên cứu - với tư cách là người ngoài cuộc. Điều này hướng tới việc có được sự nhìn nhận, đánh giá về vai trò/ảnh hưởng của thiền, Thiền tông và các biểu hiện của văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội một cách đa chiều, khách quan, toàn diện. Do vậy, thiền, Thiền tông và các biểu hiện của văn hóa Thiền tông cũng vì thế được thể hiện đầy đủ hơn trong đời sống xã hội hiện nay. Đây cũng chính là hướng nghiên cứu của đề tài và là nhiệm vụ mà luận án cần tập trung giải quyết.

##### ***1.1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến thiền, Thiền tông***

Tác giả luận án đã tiến hành tổng thuật các công trình nghiên cứu liên quan đến thiền, Thiền tông của các tác giả trong nước và ngoài nước, của cả thiền sư và các nhà nghiên cứu, học giả. Trong số những công trình được tổng thuật, có 4 nhóm vấn đề cơ bản liên quan đến thiền, Thiền tông: lịch sử hình thành và phát triển thiền, Thiền tông; bản chất và nội dung tư tưởng thiền, Thiền tông; nghi thức và thực hành thiền; vai trò của thiền, Thiền tông trong đời sống, cụ thể như sau:

##### ***1.1.1.1. Nghiên cứu của các học giả nước ngoài***

##### ***Những nghiên cứu bàn về lịch sử hình thành và phát triển thiền, Thiền tông***

Thiền sư Thái Hư là người có nhiều nghiên cứu về Thiền tông, trong đó phải kể đến tác phẩm *Thiền tại Phật học Trung Quốc* [65] trình bày về lịch sử thiền Trung Quốc từ Sơ tổ Bồ Đề Đạt Ma đến Lục tổ Huệ Năng. Tác phẩm đã khái quát được lịch sử hình thành và phát triển của Thiền tông Trung Quốc. Y Xuy Đôn với

*Lịch sử Thiền học* [187] giới thiệu lịch sử thiền Trung Quốc, ảnh hưởng của nó trong xã hội. Đây là một tài liệu tham khảo trong Luận án. Bởi lịch sử Thiền tông Việt Nam được bắt nguồn từ yếu tố ngoại sinh là Thiền tông Trung Hoa.

Kraft Kenneth với *Lịch sử tư tưởng Nhật Bản Quốc sư Đại Đăng và sơ kỳ Thiền tông Nhật Bản* [77] giới thiệu thân thế, sự nghiệp của Quốc sư Đại Đăng và thiền Nhật Bản vào đầu thế kỷ XIV.

Người có khá nhiều tác phẩm về thiền là thiền sư Daisetz Teitaro Suzuki (1870-1966). Ông đã góp công trong việc truyền bá thiền sang phương Tây. Suzuki viết nhiều sách về thiền và nổi danh với bộ *Thiền luận (Essays in Zen-Buddhism)*, gồm ba quyển: *Quyển Thượng*, *Quyển Trung*, *Quyển Hạ*. *Thiền luận* là công trình công phu về thiền bao gồm: lịch sử ra đời, điều kiện ảnh hưởng đến các hệ phái thiền. Trong *Quyển Hạ*, luận 1, Suzuki đưa ra luận điểm: “*Nếu thiền vẫn là một hình thức đạo Phật Ấn du nhập Trung Hoa... Khi thiền thắt chặt với tâm tính Trung Hoa, những diễn đạt của nó trở thành Trung Hoa một cách đặc trưng*” [120]. Điều này cho thấy thiền biến đổi và chịu ảnh hưởng môi trường văn hóa nó thâm nhập. Đây là gợi ý thiết thực cho hướng nghiên cứu trong Luận án này. Bởi Thiền tông khi đến Việt Nam, chịu ảnh hưởng văn hóa bản địa, đã biến đổi phù hợp với nơi mà nó thâm nhập. Tác phẩm khác của Daisetz Teitaro Suzuki là *Thiền học nhập môn* [33], là tập hợp bài viết đã đăng trong tạp chí *Tân Đông Phương* (New East), do Robertson Scott chủ biên. Tác phẩm không hướng tới nghiên cứu học thuật về thiền mà giới thiệu tổng quan về thiền, lịch sử hình thành và phát triển thiền, Thiền tông với tư cách là một môn khoa học.

*Những nghiên cứu bàn về bản chất, nội dung tư tưởng thiền, Thiền tông*

Liên quan đến bản chất, nội dung tư tưởng của thiền, Thiền tông, thiền sư Daisetz Teitaro Suzuki có *Thiền và bát nhã* [31] đề cập đến tư tưởng triết học thiền. Tác phẩm khác là *Thiền và phân tâm học*, trong đó có đoạn bàn về thiền:

Tây phương nỗ lực làm vòng tròn thành vuông. Đông phương nỗ lực làm vòng tròn cân với hình vuông. Đối với thiền, vòng tròn là một vòng tròn, hình vuông là một hình vuông và đồng thời hình vuông là một vòng tròn



và vòng tròn là một hình vuông... Đối với thiền giảng sinh là thoát sinh; im lặng gần như sấm sét; lời là phi lời; xác thịt là phi xác thịt; ở đây và bây giờ tương ứng với tính không và vô biên [32, tr. 28 - 29].

Đây là cách kiến giải theo lối so sánh, đối chứng, tương quan của sự vật, hiện tượng này để bộc lộ sự vật hiện tượng khác.

Ayya Khema với *Khi nào chim sắt bay - Hành trình của Phật giáo về phương Tây* (*When the Iron Eagle Flies* đề cập đến quan niệm về thiền: “Thiền chính là một phương tiện, không phải là cứu cánh... Trong Pali ngữ, thiền được gọi là *bhavana*, “luyện tâm”, được dùng để bào gọt tâm cho đến khi nó trở thành một dụng cụ sắc bén có thể cắt xuyên qua những thực tại thường ngày” [190]. Watts Alan với *Thiền đạo* (*The way of zen*) giới thiệu nguồn gốc thiền, kỹ thuật thiền, trong đó có luận bàn về thiền:

Tiếng Zen không có tương đương trong Anh ngữ. Đó là một danh từ Nhật phát xuất từ danh từ Trung Hoa là Thiền hay *Thiền na*, dịch âm từ tiếng Phạn *Dhyana* thường được dịch là *Meditation*. Đây là cách dịch sai lầm, vì đối với người Anh, danh từ *Meditation* chỉ có nghĩa là một sự suy tưởng sâu xa, trong khi ở Yoga, *Dhyana* là một trạng thái tâm thức cao cấp, trong đó con người tìm thấy sự hợp nhất với thực tại tối hậu của vũ trụ... Như vậy muốn dịch danh từ Zen cho xác nghĩa thì phải dịch là *Elighenment*, nhưng không những chỉ là *Enlightenment* hay giác ngộ, mà là con đường đưa đến giác ngộ [188, tr.2].

Giả Đề Thao với *Đàn Kinh - tinh hoa và trí tuệ: Kiệt tác về Thiền tông của Lục Tổ Huệ Năng* [126] tổng hợp bài giảng của tác giả; Krishnamurti với *Lửa thiền* [70] đề cập đến những triết lý thiền. Osho với tác phẩm *Không nước không trăng: 10 câu truyện thiền*; tác phẩm khác của Osho là *Thiền: Nghệ thuật của nhập định* (*Mediatation: The art of ecstasy*). Theo đó, Osho cho rằng: “Thiền có nghĩa là nhận biết. Bất kỳ điều gì bạn làm với nhận biết thì đó là thiền. Không phải hành động mà phẩm chất bạn đang mang vào hành động đó mới là vấn đề” [101].

### *Những nghiên cứu bàn về nghi thức và thực hành thiền*

Thiền sư Trí Khải với *Thiền căn bản* [68]; Shunryu Suzuki với *Không hẳn luôn như thế (Not always so)* [192]; Ferguson Gaylon với *Đánh thức chân tính* [38]... Mục tiêu của những cuốn sách là hướng dẫn thực hành thiền, nên những vấn đề khác không được đề cập trong tác phẩm này.

Trương Trùng Cơ với *Thiền đạo tu tập (The Practice of Zen)* [22] là nghiên cứu có tính khái quát và hướng dẫn thực hành thiền. Đây là tác phẩm gắn với tên tuổi của Trương Trùng Cơ.

### *Những nghiên cứu bàn về vai trò của thiền, Thiền tông trong đời sống*

Wilson Paul với *Hãy để tâm hồn thanh thản* [189] tiếp cận thiền dưới lăng kính tâm lý; cũng với chủ đề tương tự, O'Hara Nancy với *Tĩnh lặng một góc thiền* [99]; Hilbrecht Heinz với *Thiền và não bộ: Thông thái cổ xưa và khoa học hiện đại* [54]... đề cập đến vai trò tích cực của thiền, Thiền tông đối với sức khỏe, tâm lý.

Trong các tác phẩm vừa kể trên, tác giả Luận án nhận thấy thiền, Thiền tông được các thiền sư, các nhà nghiên cứu tiếp cận, đề cập trên bốn bình diện: lịch sử hình thành, bản chất và nội dung tư tưởng, nghi thức và thực hành thiền, vai trò của thiền, Thiền tông trong đời sống dưới lăng kính lịch sử, tôn giáo tâm lý, y học... Vì vậy, dưới lăng kính văn hóa học, thiền, Thiền tông hoàn toàn có thể trở thành đối tượng nghiên cứu của văn hóa mà cụ thể trong Luận án này là văn hóa Thiền tông.

#### *1.1.1.2. Nghiên cứu của các học giả trong nước*

##### *Những nghiên cứu bàn về lịch sử hình thành và phát triển thiền, Thiền tông*

Những nghiên cứu liên quan đến thiền, Thiền tông Việt Nam vốn xuất hiện rất sớm qua một số tài liệu Hán - Nôm, tiêu biểu như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Thiền uyển tập anh*, *Thánh đẳng ngữ lục*, *Tam tổ Trúc Lâm*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*... Trong đó, *Đại Việt sử ký toàn thư* là bộ sách chính sử lâu đời nhất của nước ta. Bộ sách cung cấp những thông tin về lịch sử nước ta nói chung trong đó có lịch sử Phật giáo nước ta nói riêng. Tác giả Luận án sử dụng bộ

*Đại Việt sử ký toàn thư* đã được dịch ra chữ quốc ngữ do Nxb Khoa học Xã hội phát hành năm 1998 (gồm 4 tập). *Thiền uyển tập anh* là tập sách ghi chép lại cuộc đời, công đức của các vị cao tăng ở nước ta từ cuối TK VI đến đầu TK XIII. Đây là tập “đại thành” về Phật giáo Lý - Trần, có giá trị lịch sử đóng góp cho ngành khảo cổ, lịch sử, văn học, triết học, tôn giáo, văn hóa... Tác phẩm này “*không phải do một người biên tập mà do nhiều người biên tập*” [80, tr.116] và là một tác phẩm đã hình thành qua nhiều giai đoạn. *Thánh đẳng ngữ lục* (hay *Thánh đẳng lục*) là tập sách kể lại sự tu hành đắc đạo của năm vị vua đời Trần: Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông, Trần Minh Tông, được xem là năm vị “thánh tăng”, trao truyền tâm pháp như năm ngọn đèn thánh. Năm vị vua này đều ngộ lý thiền và được trao đèn thánh. Tập *Thánh đẳng lục* ra đời khoảng cuối đời nhà Trần. Năm 1705, sư Chân Nguyên cho in tái bản một lần và năm 1848 vào đời Tự Đức năm thứ nhất tái bản một lần nữa. Đến nay, quyển sách đã nhiều lần tái bản. Hiện giờ chúng ta đang sử dụng bản in năm 1750. Ở Hà Nội có những thư viện còn lưu giữ bản in năm 1750 và 1848, còn những bản in về trước thì chưa tìm thấy. *Tam tổ Trúc Lâm* là tác phẩm ghi chép về cuộc đời và sự nghiệp của 3 vị Tam Tổ Trúc Lâm là Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang. Đây là tài liệu có ý nghĩa trong nghiên cứu tôn giáo, lịch sử, khảo cổ học, triết học, văn hóa và văn học...

Trong số học giả nghiên cứu về thiền, Thiền tông, phải kể đến thiền sư Thích Thanh Từ, người có nhiều công trong việc phục hưng Thiền tông Việt Nam hiện nay. Thiền sư đã có hàng chục tác phẩm liên quan đến Thiền tông và Thiền tông Việt Nam. Tác giả Luận án viện dẫn một số tác phẩm sau đây:

Cuốn *Thiền sư Việt Nam* [158] giới thiệu các vị thiền sư và các hệ phái Phật giáo Việt Nam từ TK III đến TK XVIII. Thiền sư trình bày biểu đồ phái Thiền tông ở Trung Hoa truyền sang Việt Nam và xếp riêng biểu đồ thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Điều này cho thấy thiền sư đã phân biệt Thiền tông ở Việt Nam, vốn có nguồn gốc du nhập từ bên ngoài vào với thiền Trúc Lâm Yên Tử là của người Việt Nam sáng lập, tức là Thiền tông Việt Nam hiện nay. Tác phẩm tiếp theo là *Sử 33 vị tổ*

*Thiền tông Ấn Hoa* [157] kể về 33 vị tổ Thiền tông Ấn Độ, Trung Hoa. Đây đều là những vị tổ Thiền tông có ảnh hưởng đến sự truyền thừa Thiền tông tại Việt Nam. *Xuân Phụng Hoàng* [165] gồm những lời dạy, bài pháp của hòa thượng Thích Thanh Từ tại Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt. Thiền sư nhấn mạnh:

Nhìn về đức Phật, Ngài đang làm Đông cung Thái tử nhưng xả bỏ điện ngọc đi xuất gia, và sau Ngài thành Phật, tức là thành Chánh giác. Ở Việt Nam mình, một ông Tổ là Điều Ngự Giác Hoàng, đang ở ngôi vua mà lìa tòa vàng, đến núi Yên Tử để giáo hóa Tăng đồ. Vậy, bên kia Phật là đông cung, bên này Tổ Việt Nam chúng ta là một ông vua, thì mình đâu có xấu hổ gì phải không? Một ông vua đi tu được ngộ đạo rồi lên núi để giáo hóa Tăng đồ, bên kia vị đông cung đi tu được thành Phật. Như vậy, vị Giáo chủ là đông cung, vị Tổ Việt Nam là ông vua, đó cũng là một điều kỳ đặc của quê hương xứ sở mình mà ít ai để ý tới [165].

Điều này thể hiện tư duy hướng nội và trọng nội của hòa thượng Thích Thanh Từ. Hòa thượng hướng tới việc trân trọng và nhìn nhận đúng mức về Thiền tông Việt Nam.

Thích Thanh Từ với *Tam Tổ Trúc Lâm giảng giải* [159] gồm những bài thơ, bài văn của Tam Tổ phái Trúc Lâm. Thiền sư đã sử dụng văn học (bài văn, bài thơ) để biểu đạt thân thể, sự nghiệp của 3 vị tổ Thiền tông Việt Nam. Dưới góc nhìn văn hóa học, tác giả Luận án nhận thấy đây chính là biểu hiện của văn hóa thiền. Thích Thanh Từ với *Thánh đẳng lục giảng giải* [154] kể về sự tu hành và ngộ đạo của năm vị vua đời Trần. Một tác phẩm khác là *Ba vấn đề trọng đại trong đời tu của tôi* trình bày chủ trương khôi phục Phật giáo đời Trần, theo thiền sư:

Chúng tôi chủ trương khôi phục Thiền tông đời Trần là cái nhìn trở lui về quá khứ. Đứng về mặt truyền thống không thể chỉ có ngày nay mà không có những ngày xưa. Lấy những kinh nghiệm hay của người xưa ứng dụng trong hoàn cảnh hiện nay thì hữu ích. Bắt người nay rập khuôn theo người xưa là nệ cổ lạc hậu. Chúng tôi chất lọc những cái hay của

Phật giáo đời Trần... điều nào ứng dụng được hữu ích trong hoàn cảnh chúng ta hiện nay thì ứng dụng [153].

Lê Mạnh Thát với *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* [127], tác phẩm gồm 3 tập, đề cập đến lịch sử Phật giáo Việt Nam, tư tưởng Phật giáo, sinh hoạt văn học, nghệ thuật, kiến trúc... là tài liệu được tác giả sử dụng và kế thừa trong khi thực hiện Luận án.

Thích Thanh Đạt với Luận án Tiến sĩ Sử học *Thiền phái Trúc Lâm thời Trần* [36] nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển của Thiền phái Trúc Lâm thời Trần. Đây là công trình nghiên cứu công phu về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử dưới góc độ sử học. Các kết quả nghiên cứu trong Luận án này được tác giả tiếp thu, kế thừa, đặc biệt phần nghiên cứu lịch sử hình thành, nội dung tư tưởng, mặt ưu việt và hạn chế của thiền phái này. Tuy vậy, những đóng góp của thiền phái này trong lĩnh vực văn hóa chỉ chiếm trọng số khiêm tốn trong Luận án của Thích Thanh Đạt. Vì vậy, tác giả ý thức và cố gắng tìm hiểu, làm sáng tỏ những đóng góp với văn hóa dân tộc của thiền phái này.

*Kỷ yếu 5 năm Thiền viện Trúc Lâm (1994-1999)* gồm những tác phẩm văn chương của thiền sinh Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt trong 5 năm (1994 -1999) là minh chứng cho sự hồi sinh của Thiền tông Việt Nam hiện đại.

Bên cạnh nghiên cứu của các thiền sư trong nước, nghiên cứu của các học giả, nhà khoa học chiếm số lượng khá lớn. Trong số đó tác giả Luận án điểm mục và viện dẫn một số tác phẩm sau:

Nguyễn Tài Thư với *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* [140] trình bày về Phật giáo Việt Nam thời kỳ du nhập đến TK XIX.

Nguyễn Nhân với *Cuộc đời và ngộ đạo của 36 vị tổ sư Thiền tông Ấn Độ - Trung Hoa - Việt Nam* [93] giới thiệu thân thế và cuộc đời 36 vị tổ sư Thiền tông Ấn Độ, Trung Quốc và Việt Nam. Nguyễn Đăng Thục với tác phẩm *Thiền học Việt Nam* giới thiệu về thiền học Việt Nam qua các thời kỳ trong lịch sử:

Văn hóa vốn là sản phẩm tinh thần của nhân loại trong sự điều hòa, thích ứng với hoàn cảnh địa lý lịch sử để sinh tồn... Thiền học cũng chính là một đặc trưng văn hóa do điều kiện sinh tồn đặc biệt của nhân loại cõi Lĩnh Nam, đất Giao Chỉ chỗ các trào lưu văn hóa ngưng tụ...[138].

Tác phẩm khác của nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Thục là *Thiền học Trần Thái Tông* [137] viết về Trần Thái Tông, nhà thiền học lớn thời Trần. Huyền Cương với bài *Về bối cảnh ra đời của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử* [24]. Trần Lý Trai với *Vài suy nghĩ về lịch sử truyền thừa Thiền phái Trúc Lâm* [143], là những lập luận về sự truyền thừa của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Phạm Đình Nhân với bài *Thiền sư Thường Chiếu - người thúc đẩy sự hòa nhập ba dòng thiền của Phật giáo Việt Nam thế kỷ XIII* [95] là chuyên khảo về thiền sư Thường Chiếu, vai trò của thiền sư với sự ra đời của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Hoàng Minh Đô với bài *Những đóng góp của Tam Tổ Trúc Lâm cho sự phát triển của Phật giáo thời Trần và tư tưởng Việt Nam* [37] phân tích đóng góp của 3 vị tổ thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Tác giả Nguyễn Quốc Tuấn với chuyên khảo *Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX* giới thiệu về lịch sử Phật giáo Việt Nam; đặc trưng cơ bản của Phật giáo Việt Nam TK XX. Tác giả Luận án quan tâm đến mục 2.1. Một số nguyên nhân của phong trào chấn hưng Phật giáo: “rõ ràng là sứ mệnh của Phật giáo đi liền với vận mệnh của dân tộc. Dân tộc bị nô lệ thì Phật giáo không thể nằm ngoài” [147, tr.53]. Tác giả kế thừa những phân tích này của nhà nghiên cứu Nguyễn Quốc Tuấn. Đây là căn cứ cho luận điểm những tiền đề để Thiền tông Việt Nam hồi sinh và phát triển. Chương 3, chương 4, chương 5 đề cập đến những đặc điểm cụ thể và vai trò của Phật giáo Việt Nam TK XX như tính bình dân, đại chúng và vùng tộc người, tính phức hợp và thống nhất làm căn cứ để tác giả tham khảo khi khái quát một số đặc điểm của văn hóa Thiền tông.

#### *Những nghiên cứu về bản chất, nội dung tư tưởng thiền, Thiền tông*

Tác phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* của Ngô Thì Nhậm là tài liệu có giá trị bàn về nội dung tư tưởng Thiền tông Việt Nam. Tác phẩm này do Ngô Thì Nhậm viết chính và những người khác tham gia là Hải Huyền, tham gia phần *thanh*

*dẫn*; Hải Âu, tham gia phần *thanh chú*; Hải Hòa, tham gia phần *thanh chú*; Hải Điền tham gia phần *thanh tiểu khấu*. Sách gồm hai phần, phần đầu là *Tam tổ hành trạng* nói về hành trạng ba vị tổ Trúc Lâm; phần sau có tên là *Đại chân viên giác thanh*, gồm 24 chương nói về 24 thanh, 24 vấn đề liên quan đến giáo lý Nho và Phật. Tác phẩm này đề cập tới nhiều vấn đề của thiền học, có ý nghĩa to lớn đối với học thuật Phật giáo đương thời, là sự tiếp nối tư tưởng thiền Trúc Lâm. Những phạm trù hay, vấn đề kinh điển của thiền được trình bày, giải thích trong sách giúp cho người học đạo đương thời lĩnh hội tư tưởng căn bản của thiền Trúc Lâm. Có điều, so với tư tưởng Trúc Lâm trước đó thì tinh thần thực tiễn, tư tưởng Nho học được thể hiện có phần rõ hơn.

Thích Thanh Từ với *Thiền học đời Trần* [172] giới thiệu những giá trị của thiền học đời Trần;

Thích Nhất Hạnh với *Thả một bè lau* [50], tác phẩm phân tích, bình luận và tìm hiểu tính triết lý trong *Truyện Kiều* đứng trên quan niệm thiền Phật giáo.

Nguyễn Duy Hình với *Tư tưởng Phật giáo Việt Nam* [57] trình bày về tư tưởng Phật giáo Việt Nam trong đó có Thiền tông. Nguyễn Tuệ Chân (dịch) với *Mỗi ngày một công án thiền* [16] khái quát về thiền, công án chọn lọc của Thiền tông Trung Quốc.

Hoàng Thị Thơ với *Luận án Tiến sĩ Triết học Sự hình thành tư tưởng thiền Phật giáo* [134] đề cập về tư tưởng thiền, lịch sử tư tưởng thiền Trung Quốc và thiền Phật giáo Ấn Độ.

Nguyễn Hùng Hậu với *Lược khảo tư tưởng Thiền Trúc Lâm Việt Nam* [52] trình bày hoàn cảnh chính trị, kinh tế xã hội văn hóa để hình thành thiền Trúc Lâm Yên Tử. Trương Văn Chung với *Tư tưởng triết học của thiền phái Trúc Lâm đời Trần* [20], trình bày tiền đề hình thành, phát triển và tư tưởng triết học của thiền phái Trúc Lâm. Lê Đình Phụng với bài *Vài nét về Thiền phái Trúc Lâm - Phật giáo Việt Nam* [105, tr.20 - 25] nêu đặc trưng cơ bản của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử dưới góc độ Tôn giáo học. Xuân Phổ với bài *Lạt ma giáo và Thiền tông Việt Nam - tương đồng và khác*

biệt [104, tr.52 - 57] chỉ ra điểm tương đồng, khác biệt giữa Lạt ma giáo và Thiền tông Việt Nam.

Hoàng Văn Cảnh với Luận án Tiến sĩ Triết học *Pháp bảo đàn kinh và ảnh hưởng của nó đối với các nhà thiền học thời Trần* [15], phân tích tư tưởng triết học cơ bản trong Pháp bảo đàn kinh và ảnh hưởng nó với các nhà thiền học Việt Nam thời Trần.

Đỗ Ngây với Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Tôn giáo học *Triết lý nhập thế của Phật giáo Việt Nam thời Lý - Trần* [88] đi sâu khai thác tính nhập thế của Phật giáo thời Lý - Trần trong đó bàn về tính nhập thế của Thiền tông Việt Nam. Tác giả Luận án có sự kế thừa nhất định khi đề cập đến tư tưởng Thiền tông Việt Nam.

#### *Những nghiên cứu bàn về nghi thức và thực hành thiền*

*Thiền đốn ngộ* [155] giới thiệu phương pháp thiền của Thiền tông Trung Hoa và Thiền tông Nhật Bản. Tác phẩm *Hoa vô ưu* [160] gồm các bài giảng của Thích Thanh Từ về Phật học, tu thiền cho sinh viên tại một số trường Đại học ở Hà Nội và tp.HCM và tăng ni, Phật tử tại một số thiền viện.

Ngoài hòa thượng Thích Thanh Từ, thiền sư Thích Nhất Hạnh cũng là tác giả của nhiều tác phẩm nổi tiếng về thiền. *Trái tim mặt trời: Từ chánh niệm đến thiền quán* [49] hay *An lạc từng bước chân* [48] hướng dẫn thực hành thiền, là dạng tài liệu phổ thông. Đó là những chia sẻ có tính cảm nghiệm của thiền sư với tư cách là người trong cuộc nhìn về thiền và hướng dẫn thực hành thiền. Có thể thấy, quan điểm và cách hướng dẫn thực hành thiền của thiền sư khá hiện đại, gắn triết lý thiền với cuộc sống.

Thích Giác Nhiệm với *Nguyên lý Thiền yên lặng* [96] là tài liệu hướng dẫn thực hành thiền, đặc biệt là những người tham gia tu tập. Thích Thông Huệ với *Thiền trong đời thường* [62] giới thiệu nội dung tu thiền trong cuộc sống.

Thích Thanh Đạt với Luận án Tiến sĩ Sử học *Thiền phái Trúc Lâm thời Trần* [36] nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển của Thiền phái Trúc Lâm thời Trần.

Nguyễn Ngọc Kha với *Tìm hiểu và thực hành thiền góc độ sinh học với sức khỏe* [70] là tài liệu hướng dẫn thực hành thiền dưới lăng kính y học. Phạm Phi



Hoành (biên dịch) với *Thiền định chữa lành mọi vết thương: Các bài tập thiền trị trầm cảm* [60] giới thiệu thiền định dưới góc độ tâm lý và y học. Giai Không với *Đối thoại thiền* [76] hướng dẫn thực hành thiền; cũng với chủ đề tương tự, Võ Hà với *Thiền - thở - stress* [44].

Nguyễn Minh với *Sống thiền* [84] và Nguyễn Ước với *Cẩm nang sống thiền* [178] là những tài liệu phổ thông có tính chất tra cứu về thiền.

Tác phẩm của Nguyễn Nhân là *Những câu hỏi về Thiền tông: Sách viết theo dòng chảy của mạch nguồn Thiền tông* [94] trình bày những lời giải đáp về đạo Phật, kinh Phật, các lời tu của đạo Phật...

*Những công trình liên quan đến vai trò của thiền, Thiền tông trong đời sống*

Thích Thông Phương là thiền sư có nhiều tác phẩm về Thiền tông và Thiền tông Việt Nam. Tác giả viện dẫn 3 tác phẩm của Thích Thông Phương để luận đàm. Tác phẩm thứ nhất là *Cửa thiền hé mở* [106] trình bày vai trò của thiền trong đời sống. Tác phẩm thứ 2 là *Trần Nhân Tông với thiền phái Trúc Lâm* [108] giới thiệu vai trò, ảnh hưởng của Trần Nhân Tông với thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Tác phẩm thứ 3 là *Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử* [107], có đoạn:

Nói Phật giáo cũng chính là nói Thiền phái Trúc Lâm. Một thiền phái mang tên Việt Nam, với ông tổ người Việt Nam... Không phải tổ nước ngoài mới hay, tổ người Việt Nam không hay. Không phải dòng thiền truyền vào từ nước ngoài mới hay, dòng thiền trong nước không hay... Thiền phái Trúc Lâm nổi bật nhất ở thời kỳ nhà Trần với 3 vị Tổ đầu, sau đó do nhiều yếu tố trong đó có hoàn cảnh chính trị, xã hội khiến những người tu hành này phải tiềm ẩn... nên trong lịch sử dường như lu mờ một khoảng... mạch nguồn thiền vẫn còn trôi chảy, đủ duyên thì nó sẽ bùng dậy [107].

Tác phẩm đã đề cập đến vai trò của thiền phái Trúc Lâm đối với lịch sử dân tộc, thể hiện ý thức coi trọng dòng thiền dân tộc của tác giả.

Hồng Quang với *Thiền và những lợi ích thiết thực* [109], trình bày lợi ích của thiền với sức khỏe thể lực và trí lực. Thông Triệt với *Thiền dưới ánh sáng khoa học*

[145] chứng minh thiền là một môn khoa học tâm linh thực nghiệm, có ảnh hưởng tích cực và định hướng nhiều hành vi tích cực trong cuộc sống.

Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc lần thứ IX - 2012 tại Thái Lan, với sự tham gia của 85 quốc gia và vùng lãnh thổ đã thông qua Bản tuyên bố Bangkok gồm 8 điểm, trong đó nội dung quyết định thứ 4 đã đề cập đến thiền: *“Nhằm thúc đẩy sự chuyển hóa tinh thần, đạo đức và nhận thức trong xã hội, chúng tôi khuyến khích việc thúc đẩy sự hành thiền vốn đã được bảo tồn trong tất cả các truyền thống của Phật giáo”*.

Nhìn lại các nghiên cứu liên quan đến thiền, Thiền tông tác giả nhận thấy số lượng tài liệu đa dạng, tập trung vào 4 vấn đề cơ bản: lịch sử hình thành và phát triển của thiền, Thiền tông; bản chất và nội dung tư tưởng thiền, Thiền tông; nghi thức và thực hành thiền; vai trò của thiền, Thiền tông trong đời sống nhưng được nhìn nhận dưới lăng kính lịch sử, triết học, tôn giáo học, tâm lý học, y học, hướng dẫn thực hành thiền... Những biểu hiện của văn hóa Thiền tông dường như thấp thoáng xuất hiện ở một số tác phẩm, tuy còn lẻ tẻ, mờ nhạt và dưới lăng kính của các khoa học khác. Điều này chứng tỏ, có một không gian văn hóa Thiền tông tồn tại mà các nhà nghiên cứu, các học giả đã bước đầu nhận thấy. Vậy nên, cần thiết có một nghiên cứu hệ thống, hoàn chỉnh về văn hóa Thiền tông Việt Nam. Đó cũng chính là mục tiêu và nhiệm vụ đặt ra trong Luận án của tác giả.

### ***1.1.2. Những công trình nghiên cứu liên quan đến các thành tố của văn hóa Thiền tông***

Trong phần này tác giả luận đàm những tác phẩm liên quan đến biểu hiện văn hóa Thiền tông. Đây là nghiên cứu của các thiền sư, các học giả trong và ngoài nước. Bởi vậy, các biểu hiện liên quan đến văn hóa Thiền tông dường như được thể hiện cụ thể hơn như nghệ thuật, thực hành thiền, tư tưởng, đạo đức, lối sống, văn học, danh nhân, kiến trúc, mỹ thuật...

#### ***1.1.2.1. Nghiên cứu của các học giả nước ngoài***

##### ***Những nghiên cứu về nghệ thuật với thiền***

Daisetz Teitaro Suzuki với *Thiền và văn hóa Nhật Bản* [34] giới thiệu về thiền học, quan hệ giữa thiền và văn hóa Nhật Bản: nghệ thuật, võ sĩ đạo, kiếm đạo,

Nho học, trà đạo và thơ Haiku... Thiền là một phần trong lối sống, ứng xử, góp phần tạo ra bản sắc văn hóa của người Nhật Bản. Ômori Katsujô với *Nghệ thuật thư pháp thiền Nhật Bản* [102] minh họa về văn hóa thiền qua nghệ thuật thư pháp hoặc tranh thiền. Addiss Stephen với *Nghệ thuật zen: Hòa phẩm và Thư pháp của các tu sĩ Nhật Bản 1600 - 1925* [1] giới thiệu lịch sử hội họa và thư pháp của các tu sĩ trường phái zen từ năm 1600 đến năm 1925.

#### *Những nghiên cứu về thực hành thiền*

Bovay Michel với *Zen: Pratique et enseignement, histoire et tradition, civilisation et perspectives (Thiền: thực hành và giảng dạy, lịch sử và quan điểm)* đề cập đến thực hành thiền học trong cuộc sống (có ảnh minh họa). Bovay Michel là nghệ sĩ và có công truyền bá thiền ở châu Âu. Bovay Michel định nghĩa thiền theo nhãn quan nghệ thuật. Kobutsu Malone, Henry Mathews và William Graham với *Sen nở chốn tử tù* [79] giới thiệu phương pháp tu tập làm thức tỉnh tâm linh những người tử tù.

#### *1.1.2.2. Nghiên cứu của các học giả trong nước*

##### *Những nghiên cứu bàn về nội dung tư tưởng và vai trò của văn hóa Thiền tông*

Thích Thiện Ân với *Triết học zen: Tư tưởng Phật giáo Nhật Bản và các nước Á Châu* [3] giới thiệu các trường phái triết học zen; lịch sử triết học zen Nhật Bản; triết học zen trong văn hoá Nhật Bản, trong văn học Anh - Mỹ với văn hóa phương Đông và phương Tây.

Nguyễn Duy Hình với *Phật giáo trong văn hóa Việt Nam* [58] đề cập đến đóng góp của Phật giáo trong Văn hóa Việt Nam. Tác phẩm khác của Nguyễn Duy Hình là *Tuệ Trung nhân sĩ - thượng sĩ - thi sĩ* [56] giới thiệu Tuệ Trung thượng sĩ là danh nhân, góp phần tạo ra diện mạo cho văn hóa Thiền tông Việt Nam.

Dương Thị Thu Hà với *Tiềm năng phát triển du lịch thiền ở Việt Nam* [40] và *Vai trò của Thiền tông Việt Nam với văn hóa dân tộc* [41], *Văn hóa Thiền tông trong hệ giá trị Việt Nam hiện nay* [42] là những cách tiếp cận cụ thể của tác giả về văn hóa thiền và biểu hiện của văn hóa thiền; Bài viết *Văn hóa Thiền tông và vai trò của văn*

*hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay* trên Tạp chí Khuông Việt [43],... là những kiến giả của tác giả về văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay.

Trần Trương với *Danh nhân Yên Tử* [146] phác họa chân dung của các vị thiền sư tiêu biểu tại Yên Tử, từ tổ Hiện Quang thời nhà Lý đến Tam Tổ Trúc Lâm thời nhà Trần, từ tổ Chân Nguyên thời Lê đến Tỳ khiêu ni Đàm Thái thời nhà Nguyễn.

Anh Chi với tác phẩm *Thiền phái Trúc Lâm - một nguồn lực của dân tộc* [17] nhìn nhận thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là nguồn lực kinh tế và văn hóa của dân tộc. Lê Khánh Bằng với *Phương pháp tự học và hướng dẫn tự học ngoại ngữ có chất lượng và hiệu quả cao bằng thiền*, giới thiệu về chất lượng, hiệu quả học ngoại ngữ bằng thiền.

*Kỷ yếu Hội thảo Chùa Vĩnh Nghiêm Bắc Giang và Thiền phái Trúc Lâm trong quá trình phát triển Phật giáo Việt Nam* tập hợp 63 bài viết trong 4 chủ đề: Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng thiền phái Trúc Lâm, Chùa Vĩnh Nghiêm, kho mộc bản kinh Phật Hán - Nôm chùa Vĩnh Nghiêm, Bắc Giang; công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa về thiền phái Trúc Lâm. Đây là minh chứng về sự tồn tại của văn hóa Thiền tông: giá trị tư tưởng, di tích, mộc bản hiện còn lưu giữ tại chùa Vĩnh Nghiêm.

*Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Phật giáo Châu Á và Việt Nam trong tiến trình phát huy bản sắc văn hóa dân tộc* tập hợp 85 bài viết của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước về Phật giáo. Tác giả quan tâm đến các bài viết về Phật giáo với an sinh xã hội, xu hướng Phật giáo nhân gian, Phật giáo với tư cách là nguồn lực của xã hội hiện đại, Phật giáo với giáo dục đạo đức, Phật giáo với việc giữ gìn các di sản văn hóa dân tộc, Phật giáo tham gia xóa đói giảm nghèo... Dưới góc nhìn văn hóa, những nghiên cứu trên là biểu hiện của văn hóa thiền. Trong đó, một số bài viết đã đề cập đến biểu hiện cụ thể của văn hóa Thiền tông Việt Nam như *Tư tưởng Phật*

*hoàng Trần Nhân Tông và Thiền phái Trúc Lâm với sự phát triển Phật giáo và xã hội Việt Nam hiện nay của thượng tọa, TS Thích Thanh Đạt, Triết lý nhập thế của Phật giáo và cư trần lạc đạo của Trần Nhân Tông của PGS.TS Hoàng Thị Thơ, Vị trí của văn hóa Phật giáo trong nền văn hóa Việt Nam của GS Nguyễn Đình Chú...*

*Kỷ yếu Hội thảo Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử và công tác quy hoạch, bảo tồn, phát huy những giá trị của khu di tích Yên Tử hiện nay, tập hợp 47 bài viết của các nhà khoa học, tăng ni. Trong số đó, đặc biệt quan tâm đến các bài viết: Vai trò của tư tưởng Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử trong việc hình thành bản sắc nền văn hóa dân tộc trong dựng nước và giữ nước của thượng tọa Thích Huệ Thông, Phật giáo Trúc Lâm với những nét son trong lòng dân tộc của hòa thượng Thích Thông Phương, Phật hoàng Trần Nhân Tông từ truyền thống đến hiện đại của tác giả Nguyễn Hữu Sơn... Trong bài viết Thiền phái Trúc Lâm trong lịch sử thiền học Việt Nam của hòa thượng Thích Thiện Nhơn có đoạn viết:*

*Phật giáo Việt Nam cũng hòa đồng cùng dân tộc, góp phần giữ vững bờ cõi, hòa bình, độc lập dân tộc và bảo vệ tổ quốc Việt Nam thân yêu, đạo Phật trở thành mạch sống của dân tộc, ảnh hưởng không nhỏ trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, xã hội, chính trị và ngoại giao [110, tr.6].*

#### *Những nghiên cứu bàn về đạo đức, lối sống thiền*

*Trần Thị Minh Tâm với Thiền Nhật Bản và đời sống người Nhật [122] giúp người đọc tìm hiểu ảnh hưởng của thiền đến văn hoá nghệ thuật Nhật Bản. Thích Chơn Thiện với Tìm vào thực tại [133] đề cập đến Thiền tông Việt Nam góp phần tạo dựng bản sắc văn hóa dân tộc. Thích Thánh Nghiêm với tác phẩm Dùng thiền tâm thay thế phiền tâm giới thiệu những bí quyết làm việc hiệu quả và giao tiếp: “Trong công việc, dù ta hợp tác cùng ai thì cũng nên tôn trọng họ, coi họ như những vị Bồ Tát bên mình... Đã là cộng sự với nhau thì nên coi đối phương là một vị Bồ Tát, tôn trọng nhân cách của họ” [92]. Như vậy, thiền hướng con người xây dựng văn hóa ứng xử, một dạng thức biểu hiện của văn hóa thiền. Thích Chân*

Quang với *Khi người giàu tu thiền (When the rich meditates)* [111] tập hợp bài giảng về thiền định, cách đạt được sự giàu có, thành đạt và bình an. Thích Phụng Sơn với *Những nét văn hóa đạo Phật* [118] gồm các bài viết về văn hóa Phật giáo qua sinh hoạt thiền quán, hoa đạo, vườn cảnh... Tác phẩm khác của Thích Phụng Sơn là *Cuộc hành trình tâm linh của Steve Jobs - Nhà công nghiệp vĩ đại* [119], trình bày những nghiên cứu về cuộc đời của Steve Jobs - một thiên tài vi tính và ứng dụng thiền của Steve Jobs. Là người đồng sáng lập công ty Apple, Steve Jobs đã cống hiến cho nhân loại hơn 230 phát minh và đồng sáng kiến như iPods, iPhones và iPads. Trải qua nhiều thăng trầm, có khi bị truất phế khỏi công ty do chính ông sáng lập, Steve Jobs đã vượt qua các cung bậc khổ đau, trải nghiệm thiền, nhờ đó làm chủ được mình trong vinh nhục. Đối với ông, thiền Phật giáo tác động sâu sắc và tích cực, có khả năng chuyển hóa con người, giúp con người lạc quan, hạnh phúc, sáng suốt và cải thiện cuộc sống tốt hơn.

*Thiền tông Việt Nam trên con đường phục hưng và hoằng hóa* (tập 1) [131] là tập sách được đầu tư công phu giới thiệu về hòa thượng Thích Thanh Từ với tư cách là người có công lớn trong việc phục hưng Thiền tông ở Việt Nam hiện nay; quá trình phục hưng Thiền tông Việt Nam bắt đầu từ một thiền viện ở Vũng Tàu đến nay đã phát triển lên hàng chục thiền viện cả ở trong và ngoài nước. Cuốn sách là tài liệu thiết thực khi tìm hiểu và chứng minh biểu hiện của văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay (sinh hoạt văn hóa tôn giáo, lối sống, kiến trúc tại các thiền viện).

#### *Những nghiên cứu liên quan đến văn học thiền, Thiền tông*

Công trình của Ủy ban Khoa học Xã hội, Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, Nxb Khoa học Xã hội, năm 1978, gồm 3 tập, đã sưu tầm, dịch thuật và giới thiệu hầu như đầy đủ các tác phẩm văn học Phật giáo thời Lý - Trần... *Thơ văn Lý - Trần* được biên soạn dưới sự chỉ đạo của GS Đặng Thái Mai và GS Cao Xuân Huy. Đây là công trình có ý nghĩa đặc biệt trong việc sưu tầm, khôi phục những tài liệu tưởng chừng đã mất trong kho tàng di sản văn học dân tộc. Đây là một minh chứng cho biểu hiện của văn hóa Thiền tông Việt Nam.

Đỗ Lai Thúy trong bài *Lên Yên Tử nghĩ về thiền* [139] đã thể hiện cảm nghiệm về thiền. Lấy cảm hứng từ Yên Tử - cái nôi của thiền phái Trúc Lâm, tác giả đã trình bày giá trị tư tưởng của thiền trong cuộc sống. Dưới bút pháp sắc sảo, cá tính của nhà phê bình văn học có kinh nghiệm, giá trị về tư tưởng của thiền trong cuộc sống được phân tích qua các tác phẩm thơ thiền. Thành công của Đỗ Lai Thúy là ở chỗ vận dụng, liên hệ, kết nối thiền với cuộc sống thực tại. Nguyễn Phạm Hùng với *Thơ thiền Việt Nam - Những vấn đề lịch sử và tư tưởng nghệ thuật: Chuyên luận và thơ tuyển* [63]. Đề tài Khoa học Công nghệ cấp quốc gia của tác giả Nguyễn Phạm Hùng *Văn học Phật giáo Việt Nam* [64] là công trình khoa học công phu. Tác giả có sự kế thừa kết quả nghiên cứu từ các công trình này và đây chính là luận chứng về sự tồn tại của văn hóa Thiền tông với biểu hiện cụ thể là văn học. Đoàn Thị Thu Vân với Luận án Tiến sĩ Ngữ văn *Khảo sát một số đặc trưng nghệ thuật của thơ thiền Việt Nam thế kỷ XI - thế kỷ XIV* [179] nghiên cứu và phân tích một số đặc trưng nghệ thuật của thơ thiền Lý - Trần; So sánh đặc trưng nghệ thuật thơ thiền Lý - Trần với thơ Nho cùng thời và với thơ thiền Trung Quốc. Nguyễn Hữu Sơn với Luận án Tiến sĩ Ngữ văn *Khảo sát loại hình tiểu truyện thiền sư trong Thiền uyển tập anh* [116]. Đây cũng là luận chứng của văn hóa Thiền tông Việt Nam thể hiện qua văn học. Đinh Vũ Thùy Trang với Luận án Tiến sĩ Ngữ văn *Tư tưởng thiền trong thơ Đường* [144] tập trung nghiên cứu thơ thiền trong đời sống tinh thần thời Đường, tư tưởng thiền với nghệ thuật thơ Đường.

#### *Những nghiên cứu về nghệ thuật, kiến trúc, mỹ thuật, du lịch với thiền*

Ngô Ánh Tuyết với *Thiền và võ đạo* [152] là chuyên khảo về tinh thần thiền trong võ đạo. Hoàng Văn Khoán (chủ biên) với tác phẩm *Văn hóa Lý - Trần kiến trúc và nghệ thuật điêu khắc chùa tháp* [75] cung cấp cho tác giả Luận án tư liệu quý về kiến trúc và mỹ thuật Phật giáo thời Trần, là một dạng thức biểu hiện của văn hóa Thiền tông Việt Nam. Ban Quản lý di tích và rừng quốc gia Yên Tử với *Danh sơn Yên Tử thiền phái Trúc Lâm* [4] giới thiệu vị trí địa lí, quy mô, giá trị văn hóa tư tưởng, du lịch, quân sự... của khu di tích - danh thắng Yên Tử.

Dương Hồng Hạnh với bài viết *Phát triển du lịch thiền tại Tây Thiên* [45] nhìn nhận thiền là tài nguyên du lịch nhân văn, Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên là

điểm đến của loại hình du lịch thiền. Nguyễn Tiến Cường với *Học thiền theo chương trình du lịch lên núi Yên Tử* [26] tiếp cận về thiền dưới góc độ một chương trình du lịch tâm linh tại Yên Tử. Lê Quang với *Yên Tử - di tích lịch sử và danh thắng: Sách hướng dẫn tham quan du lịch* [110] hướng dẫn tham quan tại Yên Tử.

Văn hóa Phật giáo nói chung và văn hóa Thiền tông Việt Nam đã trở thành mối quan tâm của các nhà nghiên cứu nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau. Ngoài ra, tác giả đã tiến hành tham khảo bài viết có liên quan đến văn hóa Thiền tông từ các trang báo điện tử như [btgcp.org](http://btgcp.org); [phathoc.online](http://phathoc.online); [thuvienhoasen.org](http://thuvienhoasen.org); [thientong.net](http://thientong.net); [nghethuatphatgiao.com](http://nghethuatphatgiao.com); [tapchivanhoaphatgiao.com](http://tapchivanhoaphatgiao.com); [vanhoahoc.edu.vn](http://vanhoahoc.edu.vn)... để phục vụ cho những nghiên cứu và kiến giải trong Luận án.

Nhìn lại những công trình đã luận bàn có thể thấy, các học giả, nhà nghiên cứu đã bước đầu nhìn nhận và tiếp cận văn hóa Thiền tông với hình thức biểu đạt khác nhau. Trong những công trình đó xuất hiện những chuyên khảo liên quan đến văn hóa Thiền tông được nghiên cứu công phu như văn học (thơ thiền), giáo dục, du lịch, tư tưởng, nghệ thuật (võ đạo, thư pháp)... Tuy vậy, đây vẫn là những nghiên cứu lẻ tẻ, tiếp cận văn hóa Thiền tông từ nhiều lĩnh vực khác nhau, thiếu những nghiên cứu chỉnh thể về văn hóa Thiền tông dưới góc độ Văn hóa học. Vì vậy, nghiên cứu về văn hóa Thiền tông vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ mà Luận án hướng tới giải quyết.

### ***1.1.3. Nhận xét và vấn đề đặt ra cho nghiên cứu tiếp theo của Luận án***

Tổng thuật công trình nghiên cứu đã đề cập phần trên, tác giả có nhận xét sau:

- *Thứ nhất*, trong số hơn 100 tài liệu tổng thuật từ các nguồn sách, báo, tạp chí, Luận án, Kỷ yếu hội thảo... liên quan đến thiền, Thiền tông, các biểu hiện văn hóa Thiền tông Việt Nam được biên soạn, thực hiện từ các thiền sư và những nhà nghiên cứu, học giả không phải thiền sư ở cả trong và ngoài nước. Nhờ vậy, thiền, Thiền tông và các biểu hiện của văn hóa Thiền tông được nhìn nhận đa chiều, toàn diện và khách quan hơn. Trong số đó, không ít tài liệu do các học giả, nhà nghiên cứu tôn giáo, văn hóa, lịch sử, triết học, tâm lý, giáo dục, y học viết về thiền, Thiền



tông; đặc biệt đã xuất hiện những nghiên cứu liên quan đến biểu hiện văn hóa Thiền tông. Điều này cho thấy thiền, Thiền tông trở thành mối quan tâm của nhiều ngành khoa học trong xã hội hiện nay. Đây cũng chính là giá trị của thiền, Thiền tông. Những giá trị đó nếu nhìn nhận dưới lăng kính văn hóa cũng chính là giá trị văn hóa của Thiền tông.

- *Thứ hai*, bên cạnh nguồn tài liệu do các học giả, thiền sư trong nước biên soạn, thì nguồn tài liệu do người nước ngoài, đặc biệt là người phương Tây biên soạn chiếm trọng số khá lớn. Điều này chứng tỏ thiền (tất nhiên bao gồm cả Thiền tông) không đơn thuần là sản phẩm văn hóa của phương Đông mà đã ảnh hưởng tới văn hóa phương Tây. Những nghiên cứu của các học giả, thiền sư nước ngoài thường hướng tới vận dụng giá trị của thiền trong cuộc sống. Những giá trị đó như liệu pháp tinh thần mà văn hóa truyền thống phương Tây thiếu vắng. Đây cũng chính là điểm mấu chốt về giá trị của thiền, Thiền tông trong xã hội hiện đại.

- *Thứ ba*, trong các công trình đã tổng thuật về thiền, Thiền tông chủ yếu tập trung về lịch sử hình thành, bản chất và nội dung tư tưởng, nghi lễ và phương pháp thực hành thiền, vai trò của thiền trong cuộc sống, các biểu hiện liên quan đến văn hóa Thiền tông thể hiện qua tư tưởng, văn học, kiến trúc, mỹ thuật... Tác giả Luận án chủ động sắp xếp các công trình theo nhóm vấn đề liên quan đến đối tượng nghiên cứu là văn hóa Thiền tông. Các công trình thường tiếp cận theo hướng nghiên cứu tôn giáo học, triết học, nghệ thuật học, y học, tâm lý học, lịch sử, văn học... Ở góc độ nhất định, một số công trình đề cập đến biểu hiện của văn hóa thiền nhưng dưới lăng kính của các ngành khoa học đó. Nhìn chung, những biểu hiện của văn hóa thiền mà cụ thể ở đây là văn hóa Thiền tông được đề cập một cách mờ nhạt, thiếu tính hệ thống. Chưa có công trình nghiên cứu dưới góc độ Văn hóa học nào đề cập đến nội hàm văn hóa thiền, văn hóa Thiền tông ở Việt Nam và biểu hiện của văn hóa Thiền tông. Những công trình nghiên cứu về văn hóa thiền và văn hóa Thiền tông Việt Nam thực sự là khoảng trống trong các nghiên cứu đã đề cập trên. Mặc dù vậy, văn hóa Thiền tông cùng một số biểu hiện của nó dường như đã thấp thoáng xuất hiện trong một vài nhận định, một số phân tích, dù chưa rõ nét.

- *Thứ tư*, trong các công trình tổng thuật, một số công trình được đề cập với mục đích tạo ra phổ hệ rộng về thiền, Thiền tông. Với các tác phẩm kiểu này, tác giả không đi sâu phân tích và trích dẫn nội dung, mà hướng tới sự so sánh tương quan, tìm ra nội hàm và ngoại diên văn hóa Thiền tông Việt Nam. Mặt khác với những công trình nghiên cứu có liên quan trực tiếp đến Luận án, tác giả luận bàn, phân tích và có phần trích dẫn kỹ hơn. Nội dung nào đồng thuận, kế thừa được tác giả đề cập cụ thể; nội dung nào cần làm sáng tỏ, luận bàn kỹ hơn cũng được tác giả phân tích. Mục đích cuối cùng của việc làm này không nhằm đong đếm giá trị của từng tác phẩm mà để lĩnh hội những phân tích trước đó phù hợp với hướng nghiên cứu của tác giả, đồng thời thấy được khoảng trống, vấn đề mà tác giả cần giải quyết trong Luận án của mình.

Vấn đề đặt ra ở đây là trong rất nhiều nghiên cứu liên quan đến thiền, Thiền tông và thành tố của văn hóa Thiền tông dù được tiếp cận dưới lăng kính khác nhau nhưng đều có điểm chung là thấy được sự ảnh hưởng nhất định của chúng trong đời sống xã hội. Trong một số nghiên cứu đã bước đầu xuất hiện những nhận định, quan điểm về biểu hiện/thành tố của văn hóa Thiền tông. Tuy vậy hiện chưa có nghiên cứu hệ thống tiếp cận dưới góc độ Văn hóa học về ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội nước ta, trong khi những đóng góp của Thiền tông với văn hóa dân tộc là không thể phủ nhận và những biểu hiện, thành tố của văn hóa Thiền tông ngày một rõ nét và phong phú. Đây cũng chính là tiền đề gợi mở cũng như những vấn đề đặt ra cho nghiên cứu tiếp theo trong Luận án.

## **1.2. Cơ sở lý thuyết và một số khái niệm, thuật ngữ**

### **1.2.1. Cơ sở lý thuyết và quan điểm tiếp cận**

Nghiên cứu Thiền tông dưới góc nhìn văn hóa là một trong những hướng nghiên cứu mới. Vì vậy để có thể làm sáng tỏ nội hàm và biểu hiện của văn hóa Thiền tông, tác giả Luận án tiếp cận một số quan điểm của các học giả, các nhà nghiên cứu sau đây:

- *Lý thuyết cấu trúc - chức năng*: Tác giả tiếp cận quan điểm nghiên cứu của 3 học giả là Bronislaw Malinowski, Claude Lévi-Strauss và Robert K. Merton.

Bronislaw Malinowski (1884-1942), nhà nhân học Anh gốc Ba Lan, mang quốc tịch Áo, tác giả của thuyết chức năng luận. Ông là người đưa ra thuyết chức năng tập trung ở hiện tại. Theo ông, chỉ có quãng thời gian ở giữa là có thể nghiên cứu xã hội loài người một cách khách quan; cần quan sát trực tiếp các nền văn hóa ở hiện tại, không cần truy ngược về nguồn gốc; mỗi nền văn hóa hình thành một hệ thống cân bằng theo chức năng, trong đó các yếu tố phụ thuộc lẫn nhau, nên cần loại trừ việc nghiên cứu riêng rẽ; văn hóa biến đổi chủ yếu đến từ bên ngoài, do sự giao tiếp văn hóa. Chức năng là phương thức hoạt động của mỗi thể chế mang tính văn hóa riêng nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người. Các yếu tố cấu thành một nền văn hóa có chức năng thỏa mãn nhu cầu chủ yếu của con người.

Claude Lévi-Strauss (1908-2009), nhà nhân học người Pháp, với học thuyết cấu trúc luận. Theo ông, mọi văn hóa đều có thể xem là toàn thể các hệ thống biểu trưng được đặt lên hàng đầu gồm ngôn ngữ, quy tắc hôn nhân, quan hệ kinh tế, nghệ thuật, khoa học, tôn giáo. Tất cả các hệ thống này đều nhằm diễn tả một số phương diện hiện thực của tự nhiên và xã hội. Cấu trúc của Lévi-Strauss hoàn toàn khác biệt với cấu trúc luận của Radicff-Brown. Radicff-Brown quan niệm cấu trúc trong phạm vi bối cảnh xã hội, tức là một tập hợp các thiết chế và các hình thức tổ chức bảo tồn và duy trì sự ổn định xã hội. Tổ chức đời sống xã hội phụ thuộc vào một nền văn hóa và đòi hỏi thực hiện các quy ước xã hội. Trong các điều kiện chung về chức năng của đời sống xã hội, có thể tìm gặp các quy ước phổ biến vốn là các nguyên tắc cần thiết của mọi đời sống xã hội.

Robert K.Merton (1910 - 2003) - nhà Xã hội học nổi tiếng người Mỹ với lý thuyết cấu trúc - chức năng. Theo lý thuyết này văn hóa được coi như hệ thống hợp nhất cao và tương đối ổn định qua thời gian. Trong đó, mỗi yếu tố hay đặc điểm văn hóa được hiểu theo nghĩa sự đóng góp chức năng đối với hoạt động và duy trì văn hóa nói chung. Lý thuyết này chủ trương tính ổn định của văn hóa và coi giá trị là nền tảng của hệ thống văn hóa. Do vậy, hệ thống văn hóa phải sắp xếp để có thể đáp ứng nhu cầu của con người, và vì thế phải có nhiều điểm chung dẫn đến tính phổ

biến văn hóa. Khái niệm cấu trúc chỉ sự vật hiện tượng mà các yếu tố có quan hệ chặt chẽ cấu thành một chỉnh thể. Cấu trúc của văn hóa không phải là tập hợp rời rạc của các hiện tượng văn hóa mà các yếu tố có mối quan hệ mật thiết để cấu thành một chỉnh thể. Mỗi cấu trúc có một chức năng nhất định. Khi cấu trúc thay đổi thì các thành tố cấu thành cũng vì thế mà thay đổi chức năng cho phù hợp với cấu trúc đó. Con người có hai loại nhu cầu cơ bản là nhu cầu vật chất và nhu cầu tinh thần, do vậy, con người cũng có hai loại hoạt động cơ bản là sản xuất vật chất và sản xuất tinh thần. Từ đó, văn hóa như một hệ thống thường được chia làm hai dạng: văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần.

Áp dụng lý thuyết này vào Luận án, cần đặt đối tượng nghiên cứu (văn hóa Thiền tông cũng như biểu hiện của nó) trong các mối liên hệ, bởi vì đối tượng nghiên cứu có chức năng nhất định. Văn hóa Thiền tông được nhìn nhận như một bộ phận trong một chỉnh thể thống nhất của văn hóa Phật giáo nói riêng, văn hóa dân tộc nói chung, đồng thời được cấu thành bởi hai dạng là văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Các biểu hiện/thành tố của văn hóa Thiền tông có vị trí, chức năng nhất định nhưng có mối liên hệ thống nhất và tồn tại trong một chỉnh thể của văn hóa Thiền tông. Theo thời gian, các thành tố của văn hóa Thiền tông đã có sự bổ sung, biến đổi nhất định. Trong khi các thành tố cấu thành văn hóa Thiền tông trước đây có chức năng phù hợp đời sống xã hội trước đây thì các thành tố cấu thành văn hóa Thiền tông hiện nay cũng có chức năng phù hợp đời sống xã hội hiện nay. Điều đó có nghĩa là khi có sự thay đổi trong cấu trúc tổng thể thì những ảnh hưởng của các thành tố văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội cũng có sự thay đổi. Tác giả Luận án đã tiếp cận lý thuyết này để xác định khái niệm văn hóa Thiền tông, chỉ ra được văn hóa Thiền tông được cấu thành bởi 2 dạng cơ bản là văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần; tìm ra những biểu hiện của văn hóa Thiền tông Việt Nam (phần 2.2.1. Những biểu hiện của văn hóa Thiền tông Việt Nam). Trên cơ sở đó, tác giả Luận án đã phân tích các biểu hiện của văn hóa Thiền tông mặc dù đa dạng nhưng vẫn tồn tại trong một chỉnh thể thống nhất (phần 2.2.2. Một số đặc điểm của văn

hóa Thiền tông). Đặc biệt, tác giả áp dụng lý thuyết này để chỉ ra các thành tố cấu thành văn hóa Thiền tông trước đây (tư tưởng, văn học, đạo đức, lối sống, di tích) có vai trò to lớn với lịch sử dân tộc thì nay đã có sự bổ sung về hình thức (tư tưởng, sinh hoạt thiền, văn học, đạo đức, lối sống, kiến trúc, mỹ thuật) và phát huy chức năng phù hợp đời sống xã hội hiện tại. Sự ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội cũng vì thế mà thay đổi (chương 2,3,4 của Luận án phân tích rõ nội dung này). Vì vậy, sự ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội được coi là hướng triển khai trọng tâm của Luận án. Lý thuyết cấu trúc - chức năng được coi là lý thuyết cơ bản trong Luận án này.

- Tác giả tiếp cận quan điểm về *Giao lưu, tiếp biến văn hóa*. Từ *giao lưu văn hóa* do nhà nhân học Mỹ J. W. Powell, sử dụng từ năm 1889 khi đề cập đến sự biến đổi của lối sống và lối suy nghĩ của người di dân khi tiếp xúc với xã hội Mỹ. Tuy nhiên, phải đợi đến những năm 1930 mới có tư tưởng hệ thống về hiện tượng gặp gỡ giữa các nền văn hóa và có định nghĩa về mặt khái niệm.

Năm 1936, Hội đồng nghiên cứu khoa học xã hội Mỹ lập ra một ủy ban để tổ chức nghiên cứu các sự kiện giao lưu văn hóa, trong đó có Robert Redfield, Ralph Linton và Medville Herskovits. Trong *Bản ghi nhớ nghiên cứu về giao lưu văn hóa* nêu ra định nghĩa: Giao lưu văn hóa là toàn thể các hiện tượng do việc tiếp xúc liên tục và trực tiếp giữa các nhóm cá thể có văn hóa khác nhau, dẫn đến những biến đổi trong các mô thức văn hóa ban đầu của một hoặc của hai nhóm này.

Để giải thích sự phức tạp của quá trình giao lưu văn hóa, H. G. Barnett phân biệt hình thức biểu hiện, chức năng và ý nghĩa của các đặc trưng văn hóa và nêu ra ba đặc điểm phụ bổ sung: *một*, dạng thức càng “lạ” (xa cách với văn hóa tiếp nhận) thì càng khó tiếp nhận; *hai*, các dạng thức biến chuyển dễ hơn các chức năng; *ba*, một đặc trưng văn hóa dù dạng thức và chức năng như thế nào vẫn dễ được chấp nhận và hội nhập tốt hơn nếu mang ý nghĩa phù hợp với nền văn hóa tiếp nhận.

Ở nước ta, năm 1981, GS Hà Văn Tấn là người đầu tiên vận dụng lý thuyết này khi nghiên cứu giao lưu văn hóa của người Việt cổ (theo Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội, số 4). Theo đó, giao lưu văn hóa được tiến hành theo nhiều phương

thức khác nhau; có thể là sự giao lưu tự phát của các dân tộc hay qua việc truyền giáo, thông thương, cũng có thể theo con đường của một dân tộc đi xâm chiếm dân tộc khác; có hình thức giao lưu tự nguyện, hình thức giao lưu cưỡng bức. Nhưng dù giao lưu văn hóa dưới hình thức nào cũng luôn tạo ra những biến đổi trong nền văn hóa tham gia giao lưu. Biến đổi là tích cực hay tiêu cực phụ thuộc vào khả năng tương tác của yếu tố nội sinh và ngoại sinh. Yếu tố ngoại sinh khi du nhập vào nền văn hóa bản địa kết hợp với yếu tố nội sinh để tạo ra các yếu tố mới, mang tính lai tạo độc đáo và lý thú. Mỗi tương tác kiểu này có thể coi là phổ biến nhất và tạo cho nền văn hóa bản địa sự đa dạng, phong phú và hấp dẫn hơn nhiều. Trường hợp văn hóa Thiên tông là ví dụ điển hình về sự giao lưu tiếp biến văn hóa. Sự giao lưu này làm giàu bản sắc văn hóa dân tộc, nếu ta hiểu bản sắc văn hóa dân tộc là một hệ thống mở, luôn phát triển và hoàn thiện cùng với lịch sử và thời gian. Mặt khác, văn hóa Thiên tông nói riêng, văn hóa Phật giáo nói chung sở dĩ dễ được chấp nhận và hội nhập ở nước ta bởi bản thân chúng mang ý nghĩa phù hợp với nền văn hóa dân tộc. Lý thuyết này cho phép tác giả Luận án có những kiến giải về Thiên tông với tư cách là kết quả của quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa với tôn giáo ngoại sinh và tín ngưỡng bản địa nội sinh (được phân tích cụ thể trong chương 2 của Luận án).

- Tác giả tiếp cận quan điểm về “*an ninh sinh tồn*” hay “*an ninh tâm linh*”. Quan điểm này vốn được đề cập lần đầu tiên trong cuốn sách *Cái thiêng và tính thế tục* của hai tác giả là Pippa Norris và R. Inglehart. Tại Việt Nam, người đầu tiên đề cập đến lý thuyết này là GS Đỗ Quang Hưng. Tuy vậy, GS Đỗ Quang Hưng đã có sự giải thích, lập luận và minh chứng cụ thể về xu hướng an ninh sinh tồn trong đời sống tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay. Theo đó “*an ninh sinh tồn*” hay “*an ninh tâm linh*” được hiểu là: trong xã hội hiện đại tín ngưỡng tôn giáo trước hết giúp con người đối phó với những căng thẳng và lo âu nhiều khi đã vượt tầm kiểm soát... Điều này tạo nên nhu cầu ngày càng tăng về an ninh sinh tồn. Theo các tác giả chỉ những tôn giáo có phương cách “cứu rỗi mềm dẻo” như Phật giáo (tất nhiên bao gồm cả Thiên tông) mới có khả năng đáp ứng nhu cầu trên. Các tác giả này cho rằng trong xã hội công nghiệp tiên tiến, an toàn sinh tồn của

cá nhân ngày càng khác với những răn dạy của tôn giáo truyền thống và khiến họ trở nên ít muốn tiếp xúc với giáo hội và thực hành tôn giáo thông thường. Trong điều kiện thế tục hóa, sự tác động của thị trường tôn giáo ngày hôm nay, cần nhận thức đầy đủ hơn về mối quan hệ giữa cái thiêng và tính thế tục. Điều đó có nghĩa là thay vì hướng tới cõi niết bàn, sự giải thoát, những Phật tử (trong đó có Phật tử của Thiên tông) có xu hướng tìm đến những giá trị hiện sinh ở thực tại, quan tâm đến cuộc sống hiện tại hơn. Những nội dung này được đề cập trong chương 3 và chương 4 của Luận án.

### ***1.2.2. Một số khái niệm và thuật ngữ sử dụng trong Luận án***

#### ***1.2.2.1. Thiền***

Thiền là khái niệm bao chứa nhiều nội dung. Tùy theo cách tiếp cận và từng ngữ cảnh cụ thể, thiền được hiểu theo nghĩa khác nhau. Trong đời sống hàng ngày, thiền được hiểu là phương pháp thư giãn, chống stress, cân bằng trí não, giữ gìn sức khỏe... Nhưng dưới góc độ chuyên sâu, thiền được phân biệt rõ ràng như thiền của Đức Phật Gautama (thiền nguyên thủy) với thiền của Phật giáo Đại thừa (Phật giáo phát triển), thiền của Thiên tông, thiền của Phật giáo Mật tông (Kim Cương thừa), thiền của Yoga, thiền của các phái Ba La Môn khác hay thiền của Lão giáo...

Thiền trong Phật giáo nguyên thủy gọi bằng tiếng Pali là Jhana. Thiền của Phật giáo nguyên thủy gồm: Thiền Chánh Niệm (satibhavana), Thiền Định (samathabhavana) và Thiền Tuệ Quán (vipassanabhavana). Thiền Chánh Niệm là phương pháp giữ Niệm (sati) trên bốn lĩnh vực: thân thể, cảm giác, tâm và đối tượng của tâm (tứ niệm xứ). Thiền định còn gọi là Định hay Tĩnh chỉ, là pháp an trú tâm trên một đối tượng. Hơi thở được dùng làm đối tượng để an trú tâm; Tuệ Quán là quan sát đối tượng, hiện tượng đang hiện hữu, diễn biến, xảy ra trong thân và tâm để thấy tính duyên hợp, vô thường, vô ngã của chúng.

Thiền của Phật giáo Đại thừa được gọi theo tiếng Sanskrit là dhyana. Thiền của Phật giáo Đại thừa có sự thay đổi hình thức và bản chất so với thiền nguyên thủy. Thiền của Phật giáo Đại thừa sử dụng các phương pháp thiền khác nhau, nhiều

khi không có mối liên hệ nào với pháp thiền mà Đức Phật đã từng thực hành và giảng dạy.

Thiền của Thiền tông Trung Quốc hay Zen của Nhật Bản: thiền của Thiền tông không phải là thiền định, thiền quán, cũng không hẳn là tọa thiền mà nhằm mục đích đốn ngộ, có thể thực hiện ở bất cứ tư thế nào, nơi nào. Đây có thể là thủ pháp đánh và hét, làm đệ tử bất ngờ hốt hoảng rơi vào trạng thái “mất hồn” đưa đến trạng thái vô ngã tạm thời; có thể là cách quan sát sự vật mà tránh để trí óc định danh sự vật. Mục đích nhằm phá bỏ các khái niệm và ngôn ngữ hình thức, vốn được cho là không thể chuyển tải được thực tại.

Thiền của Yoga và các giáo phái Bà La Môn khác: Yoga thực hành thiền để đạt được giải thoát. Thiền của Yoga rèn luyện khí lực, cơ thể vật chất và luyện tâm. Vì thiền của Yoga quan niệm vật chất không thể tách rời ý thức hay ngược lại. Tâm và vật là một thực tại thống nhất, không thể tách rời. Sự tiến hóa của tâm đi liền với sự thay đổi khí lực tức năng lượng cơ thể và ngược lại.

Thiền của Phật giáo Mật tông (Kim Cương thừa): Phật giáo Mật tông bắt đầu ở Ấn Độ, nhưng lại phát triển ở Tây Tạng, Trung Quốc nên gọi là Mật tông Tây Tạng. Thiền của Phật giáo Mật tông chú trọng thiền quán hơn thiền định. Nó được phát triển trên nền của Yoga, có nghĩa là nó khác với thiền của đạo Phật nguyên thủy.

Thiền của Lão giáo với bản chất của khí công, cũng là thiền quán trên một đối tượng cơ thể. Đó là luồng khí lực. Ở đây có sự tương đồng giữa thiền của Lão giáo với thiền của Yoga hay thiền của Mật tông, trên một nguyên lý: chuyển đổi của tâm bắt đầu bằng sự chuyển đổi khí lực cơ thể.

Ngoài ra, hiện nay xuất hiện nhiều trường phái và cách hiểu khác nhau về thiền. Trong khuôn khổ của Luận án, tác giả viện dẫn một số định nghĩa sau đây về thiền:

Theo Từ điển Phật học Hán Việt:

Thiền (dhyàna) còn gọi là Thiền-na, Đà-diễn-na, Trì-a-na dịch là Tĩnh lự (định chỉ các tư tưởng khác, chỉ chuyên chú suy nghĩ vào một cảnh), tư duy tu tập... Thiền là pháp tu tập của cả Đại thừa và Tiểu



thừa, ngoại đạo và phạm phu nhưng mục đích và đối tượng tư duy thì khác nhau [98, tr.1271].

Theo Từ điển Phật học:

Thiền hoặc Thiền-na, dhyàna, jhyàna, chánà, chán, zenna, zen. Tiếng Anh là meditation cũng được dịch nghĩa là Tĩnh lự. Đây là một từ được nhiều tôn giáo sử dụng để chỉ những phương pháp tu tập khác nhau, nhưng với mục đích duy nhất là đạt kinh nghiệm “tĩnh giác”, “giải thoát”, “giác ngộ” [179, tr.617].

Theo giáo trình Thiền học:

Thiền là từ chữ Hán, đọc đủ là Thiền na. Thiền xuất xứ từ tiếng Pàli là *Jhàna*, có nghĩa là gom tâm lại. Tuy nhiên, ngữ căn bản *Jhà* lại có liên quan đến ý nghĩa thiêu đốt (*Jhàpeti*: thiêu đốt, *Jhàpana*: sự đốt lửa, *Jhàpana*: sự thiêu đốt, sự tham thiền, *Jhàyì*: người tham thiền, *Jhàyaka*: người tham thiền). Một lập luận về nghĩa gốc thiền là người ngồi thiền thường đốt lửa gần đây hoặc thấy trong người ấm lên như có đốt lửa nên sử dụng hai từ này gần nhau như vậy. Sang Trung Quốc, thiền được gán thêm từ phía sau như Thiền quán, Thiền định, Thiền tọa, Thiền tông, Thiền khách, Thiền đường, Thiền sư... Thiền là phương pháp hướng tâm vào thanh tịnh yên lặng, nhưng thiền không thể tách rời khỏi một tổng thể của con người. Tổng thể đó gồm những điều như sức khỏe, đạo đức, giới hạnh, đạo lý, kỹ thuật... [108, tr.5,6,19,20]

Qua phân tích trên tác giả Luận án nhận thấy thiền là khái niệm bao chứa nhiều nội dung. Tùy từng ngữ cảnh và góc độ tiếp cận khác nhau mà thiền được hiểu theo cách khác nhau, tuy vậy điểm chung là thiền được coi là “phương tiện” của nhiều con đường khác biệt, nhiều mục đích khác nhau. Trong khuôn khổ Luận án, tác giả chỉ tập trung vào nội dung là Thiền tông mà cụ thể là Thiền tông Việt Nam và giá trị văn hóa cũng như đóng góp dưới góc độ văn hóa của thiền phái này trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay.

#### 1.2.2.2. *Thiền tông*

Theo Từ điển Phật học:

Thiền tông là một tông phái của Phật giáo Đại thừa tại Trung Quốc. Thiền tông sinh ra vào khoảng thế kỷ thứ VI, thứ VII khi Bồ Đề Đạt Ma đưa phép Thiền của đạo Phật vào Trung Quốc, hấp thụ một phần đạo Lão. Tại đây, Thiền tông trở thành một tông phái lớn, với mục đích là hành giả trực nhận được bản thể của sự vật và đạt đến giác ngộ [179, tr. 620].

Theo Từ điển Phật học Hán - Việt: “*Thiền tông còn gọi là Phật Tâm tông, Đạt-ma tông, Vô Môn tông, chỉ một tông phái Đại thừa lấy ngài Đạt-ma làm Sơ tổ, nghiên cứu bản nguyên của tâm tính, để mong “kiến tính thành Phật”* [96, tr. 1275].

Thiền Trúc Lâm Yên Tử là đại diện cho văn hóa tôn giáo của người Việt Nam, do người Việt Nam tạo dựng. Kể từ khi ra đời, thiền Trúc Lâm Yên Tử trở thành dòng chủ lưu của Thiền tông ở Việt Nam. Hơn nữa, tiếp cận dưới góc độ văn hóa học thì dùng thuật ngữ “*Thiền tông Việt Nam*” để nói về thiền Trúc Lâm Yên Tử là phù hợp hơn. Tên gọi “*Thiền Trúc Lâm Yên Tử*” chỉ thể hiện nguồn gốc và địa điểm thiền phái này ra đời. Sử dụng thuật ngữ “*Thiền tông Việt Nam*” sẽ có tính học thuật và tổng quát hơn. Bởi đó là dòng thiền của người Việt Nam, do người Việt Nam sáng lập. Điều này thể hiện sự bao quát, đánh giá đúng vị trí của thiền phái này trong nền văn hóa dân tộc. Tuy vậy, để đảm bảo tính lịch đại và kế thừa của Thiền tông Việt Nam thời Tam tổ Trúc Lâm, tác giả sử dụng là “*Thiền Trúc Lâm Yên Tử*” (nhưng cần hiểu là Thiền tông Việt Nam), với nội dung đề cập đến Thiền tông Việt Nam hiện nay tác giả dùng là “*Thiền tông Việt Nam*”.

#### 1.2.2.3. *Văn hóa Thiền tông*

Hiện chưa có nghiên cứu đề cập đến nội hàm văn hóa Thiền tông; tuy vậy, đã xuất hiện một số quan điểm ít nhiều liên quan đến biểu hiện/thành tố của văn hóa Phật giáo, văn hóa thiền:

Daisetz Teitaro Suzuki với *Thiền và văn hóa Nhật Bản* trong đó có đoạn viết: “*Thiền là điểm sâu nhất mà người Nhật Bản thấm thấu được trong sinh hoạt văn hóa, cũng có thể quy nó thành một thứ tâm lý dân tộc*” [120, tr. 19]... “*Thiền*

*không chỉ tác dụng trực tiếp đến cuộc sống tôn giáo ở Nhật mà còn ảnh hưởng rộng đến các lãnh vực văn hóa khác”*[120, tr. 32].

Bovay Michel với *Zen: Pratique et enseignement, histoire et tradition, civilisation et perspectives* (Thiền: thực hành và giảng dạy, lịch sử và quan điểm), đề cập đến biểu hiện văn hóa thiền theo nhãn quan nghệ thuật:

Thiền là âm nhạc mà không cần nhạc chơi trên một cây sáo không có lỗ. Nó không có hình thức, do đó không cung cấp cho nó dưới mọi hình thức. Sau đó, hương vị của nó, mùi hương của nó và màu sắc của nó là vẻ đẹp của mùa thu và những cây cỏ khô cằn. Âm nhạc của mình lan rộng ra toàn thể vũ trụ và thâm nhập ngay cả vào tai của một người điếc. Hình thức của nó bao gồm toàn bộ vũ trụ và sự khôn ngoan của nó tỏa vào cõi đời [182].

Trong bài viết *Vài ý kiến về bảo tồn và phát huy văn hóa Phật giáo Việt Nam*, tác giả Võ Đình Cường trên Tạp chí Phật học đề cập nội dung liên quan đến văn hóa Phật giáo:

Phật giáo đã hòa quyện vào lòng dân tộc,... từ đó hình thành cho mình một nền văn hóa phong phú, sinh động, đậm đà bản sắc dân tộc, có ảnh hưởng lớn lao đối với dân tộc đến nỗi có thể nói nền văn hóa Phật giáo là nền văn hóa dân tộc.

Trong cuốn *Thiền tông Việt Nam trên con đường phục hưng và hoằng hóa* có đoạn luận đàm liên quan đến văn hóa Thiền tông: “*Thiền thực sự là chất sống thanh khiết của người tu Phật, là mạng mạch Phật giáo, là tổ chất văn hóa, văn minh trong mọi hình thái xã hội, là mạch nguồn nhân bản, nhân văn để cộng tồn và phát triển của cộng đồng nhân loại*” [132].

Thích Chơn Thiện trong tác phẩm *Tìm vào thực tại* có phần luận bàn về ảnh hưởng của thiền với văn hóa dân tộc thời Lý - Trần. Mặc dù không trực tiếp đề cập đến các biểu hiện/thành tố của văn hóa thiền nhưng đây là hướng tiếp cận nhìn nhận thiền dưới giác quan cấu trúc trong nền văn hóa dân tộc; cấu trúc đó có chức năng nhất định trong xã hội thời Lý - Trần:

Thiền định giáo dục ta chấp nhận mình và xã hội mình đang sống, phấn đấu khắc phục mọi khó khăn,... Nó mở một hướng văn hóa khai phóng đầy tính người và tạo dựng được tốt đẹp, tình đoàn kết keo sơn của dân tộc, yếu tố quan yếu nhất quyết định sự tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam... Thời đại Lý - Trần chịu ảnh hưởng của giáo lý Thiền định của Phật giáo, dù chưa thể đúng mức những giá trị của một nền văn hóa thiền định, đã là những thời đại vàng son của lịch sử: anh dũng đánh thắng giặc ngoài đầy hung bạo, đoàn kết dân tộc keo sơn, và tổ chức tốt các mặt văn hóa, xã hội, học thuật, quốc phòng. Hai thời đại đó cho ta niềm tin về những đóng góp tích cực của một nền văn hóa Thiền định trong việc xây dựng con người và xã hội Việt Nam tốt đẹp [134].

Nhìn lại một số công trình có thể thấy, các học giả, nhà nghiên cứu đã bước đầu nhìn nhận và tiếp cận biểu hiện của văn hóa thiền, văn hóa Thiền tông với hình thức biểu đạt khác nhau; đã xuất hiện những chuyên khảo liên quan đến biểu hiện của văn hóa Thiền tông và được nghiên cứu rất công phu như những công trình về văn học (thơ thiền) của nhà nghiên cứu Nguyễn Phạm Hùng, giáo dục, du lịch, tư tưởng, nghệ thuật, võ đạo, thư pháp... Các nghiên cứu này bước đầu chỉ ra được những biểu hiện văn hóa có yếu tố/liên quan đến thiền, Thiền tông hoặc thiền, Thiền tông mang tính trội.

Với những phân tích, quan niệm liên quan đến biểu hiện của văn hóa thiền, văn hóa Thiền tông trên, cần thiết có một khái niệm để thống nhất trong nghiên cứu. Tiếp cận lý thuyết cấu trúc - chức năng, văn hóa Thiền tông cần được xem xét như một chỉnh thể, một bộ phận của văn hóa Phật giáo, của văn hóa dân tộc, đồng thời chỉ ra được văn hóa Thiền tông được cấu thành bởi hai dạng cơ bản là văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần.

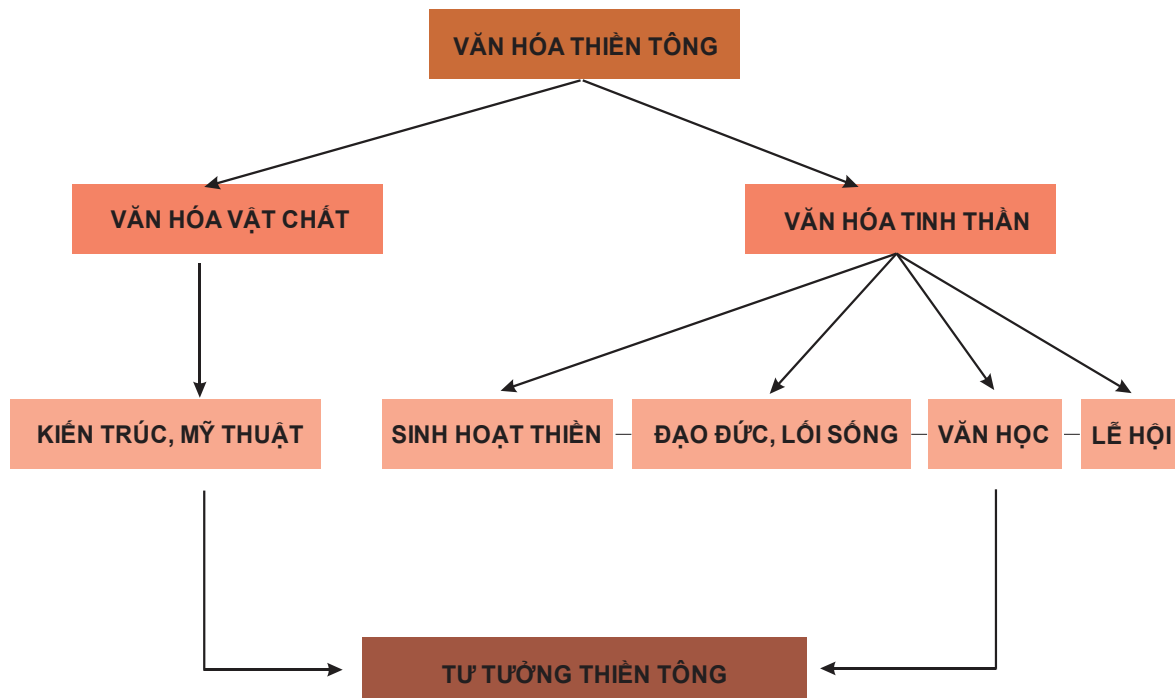
Theo cách hiểu của tác giả Luận án: “*Văn hóa Thiền tông là văn hóa của một tông phái Phật giáo, bao gồm hệ thống các thành tố văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần thể hiện tư tưởng của Thiền tông, được tích lũy và chuyển tải qua lịch sử hình thành và phát triển của thiền phái này*”.

Trong thực tế, văn hóa vật chất và tinh thần luôn gắn bó mật thiết với nhau và có thể chuyển hóa cho nhau. Việc phân biệt văn hóa vật chất và tinh thần chỉ có thể thực hiện một cách tương đối căn cứ vào “mức độ” vật chất/tinh thần của đối tượng văn hóa. Nếu lấy mục đích sử dụng làm tiêu chí thì những sản phẩm tạo ra trước hết để phục vụ cho nhu cầu vật chất dù có giá trị nghệ thuật cao đến mấy vẫn thuộc dạng văn hóa vật chất; còn những sản phẩm tạo ra trước hết để phục vụ nhu cầu tinh thần dù được vật chất hóa vẫn thuộc dạng văn hóa tinh thần. Riêng về các hoạt động thì, thông thường, người ta xếp hoạt động tạo ra vật chất vào dạng văn hóa vật chất (vì loại hoạt động này phải sử dụng nhiều năng lực cơ bắp, mồ hôi...), còn hoạt động tạo ra tinh thần được xếp vào văn hóa tinh thần (vì loại hoạt động này chủ yếu sử dụng năng lực trí tuệ). Theo đó, văn hóa vật chất bao gồm toàn bộ những sản phẩm do hoạt động sản xuất vật chất của con người tạo ra: đồ ăn, đồ mặc, nhà cửa, đồ dùng sinh hoạt hàng ngày, công cụ sản xuất, phương tiện đi lại... Văn hóa tinh thần bao gồm toàn bộ những sản phẩm do hoạt động sản xuất tinh thần của con người tạo ra: tư tưởng, tín ngưỡng - tôn giáo, nghệ thuật, lễ hội, phong tục, đạo đức, ngôn ngữ, văn chương...

Với cách hiểu trên có thể thấy, các giá trị văn hóa vật chất của Thiền tông bao gồm các công trình kiến trúc, mỹ thuật... liên quan đến/có yếu tố Thiền tông và văn hóa tinh thần bao gồm sinh hoạt thiền, đạo đức, lối sống, văn học, lễ hội... liên quan đến/có yếu tố Thiền tông. Các thành tố này có vai trò và chức năng khác nhau nhưng tồn tại trong một chỉnh thể thống nhất góp phần chuyển tải giá trị tư tưởng của Thiền tông Việt Nam. Các thành tố này gắn với lịch sử hình thành và phát triển của Thiền tông Việt Nam mà dòng chủ đạo là thiền phái Trúc Lâm Yên Tử gắn với Tam tổ Trúc Lâm (Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang), hiện nay là Thiền tông Việt Nam gắn với Hòa thượng Thích Thanh Từ và thiền sư Thích Nhất Hạnh.

Trong Luận án này, để thuận tiện cho quá trình phân tích và nhận diện các biểu hiện/thành tố của văn hóa Thiền tông, tác giả sơ đồ hóa như sau:

Sơ đồ 1.1. Biểu hiện/thành tố của văn hóa Thiên tông



#### 1.2.2.4. Khái niệm đời sống xã hội

Theo hai nhà Triết học là Nietzsche và Spengler: “Đời sống” là cái toàn thể, bao hàm cả văn hóa lẫn văn minh, bởi cả hai đều chỉ là những biểu hiện khác nhau trong quá trình dị biệt hoá của “đời sống”. “Đời sống” không đồng nghĩa với “văn hoá”, cho dù văn hóa được hiểu theo nghĩa rộng. Vì xét đến cùng, văn hóa, theo nghĩa rộng, vẫn chỉ là một hình thái biểu hiện đặc thù của đời sống nói chung: đặc thù trong những điều kiện và hoàn cảnh sống của con người. “Văn hóa” là hình thức khách quan của đời sống và lấy đời sống làm chuẩn mực đánh giá. [117]

Xã hội là khái niệm được nhìn nhận và xem xét theo những cấp độ khác nhau. Trong những tình huống và ngữ cảnh cụ thể, thuật ngữ này được sử dụng với ý nghĩa và mức độ bao quát vấn đề khác nhau. Xã hội theo nghĩa hẹp là hoạt động của cá nhân trong cộng đồng và hoạt động của cộng đồng với cộng đồng. Xã hội theo nghĩa rộng là một tập thể hay một nhóm những người được phân biệt với các nhóm người khác bằng các lợi ích, mối quan hệ đặc trưng, chia sẻ cùng một thể chế và có cùng văn hóa. Xã hội thường đề cập đến nhóm người sống cùng trong một cộng đồng có

lề lối. Một cách trừu tượng, xã hội được coi là mạng lưới những mối quan hệ của các thực thể, cộng đồng với các cá nhân trong cộng đồng đó phụ thuộc lẫn nhau.

Theo đó, đời sống xã hội phản ánh tác động qua lại giữa xã hội và con người. Đời sống xã hội là tổng thể các hiện tượng phát sinh do sự tác động lẫn nhau của các chủ thể xã hội và cộng đồng tồn tại trong những không gian và thời gian nhất định, là tổng thể hoạt động của xã hội nhằm đáp ứng các nhu cầu của con người. Nó bao hàm các hiện tượng tác động có ý thức và thích nghi không có ý thức. Đó là tổng thể các cơ thể ràng buộc nhau bởi sự tác động qua lại giữa các quá trình sống của chúng và tác động vào môi trường. Do vậy, đời sống xã hội trở thành mục tiêu phát triển của các xã hội (ở đây, xã hội cần được hiểu theo nghĩa rộng). Đời sống xã hội phản ánh sự phát triển của xã hội trong việc đảm bảo sự phồn vinh và hạnh phúc cho nhân dân. Đời sống xã hội là bằng chứng hiển nhiên để kiểm định tính chất đúng, cấp tiến của đường lối và các chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội (ở đây, xã hội cần được hiểu theo nghĩa hẹp, chỉ là một bình diện, một lát cắt của đời sống xã hội). Đời sống xã hội có vai trò to lớn đối với sự ổn định và phát triển xã hội. Đời sống xã hội còn đảm bảo sức khỏe, sự hình thành và phát triển nhân cách cá nhân, cho sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân trong xã hội [81].

Với cách hiểu đời sống xã hội là tổng thể hoạt động của xã hội nhằm đáp ứng các nhu cầu của con người, thì đời sống xã hội sẽ bao gồm nhiều lĩnh vực như chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội... Các lĩnh vực này được hình thành trong quá trình hoạt động và sáng tạo của con người. Hiện nay có nhiều cách hiểu và phân chia khác nhau về các lĩnh vực/bình diện của đời sống xã hội. Sở dĩ có nhiều cách phân chia là do các góc độ tiếp cận khác nhau về đời sống xã hội và sự phân chia đó chỉ mang tính tương đối. Trong hướng nghiên cứu và giới hạn của Luận án này, tác giả lựa chọn cách phân chia và khu trú đời sống xã hội trên 4 bình diện cơ bản là chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Đây cũng là cách phân chia tương đối phổ biến và được chấp nhận trong nhiều nghiên cứu hiện nay. Điều đó có nghĩa là xã hội với tư cách là một bình diện của đời sống xã hội không thể được hiểu là xã hội theo nghĩa rộng mà cần được hiểu theo nghĩa hẹp, chỉ là một trong nhiều mặt biểu hiện của đời sống xã hội. “Xã hội”

trong trường hợp cụ thể của Luận án này chính là hoạt động của cá nhân trong cộng đồng và hoạt động của cộng đồng với cộng đồng. Cũng tương tự như “xã hội” thì chính trị, kinh tế, văn hóa cũng cần được hiểu là những mặt biểu hiện/bình diện của đời sống xã hội.

Việc phân tích ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay là điểm then chốt của Luận án. Nói cách khác, đây chính là việc phân tích ảnh hưởng của những thành tố văn hóa Thiền tông tới các bình diện cụ thể của đời sống xã hội mà trong Luận án này tác giả lựa chọn 4 bình diện là chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đây cũng chính là nội dung của chương 3: ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trên một số bình diện cụ thể của đời sống xã hội; cụ thể: ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trên bình diện chính trị, ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trên bình diện kinh tế, ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trên bình diện văn hóa, ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trên bình diện xã hội.

#### *1.2.2.5. Phật giáo nhân gian*

Thuật ngữ “Phật giáo nhân gian” theo từ điển tiếng Việt của Viện Khoa học Xã hội, chữ “nhân” ở đây được hiểu là con người; chữ “gian” là thế gian, là nơi con người tồn tại. “Phật giáo nhân gian” là Phật giáo hướng tới phục vụ con người, vì con người, vì một xã hội đang tồn tại hiện thời. Con người ở đây là con người nói chung trong xã hội, không phân biệt tuổi tác, học thức, trình độ, giới tính. Từ “dân gian” cũng nói về con người, nhưng gắn với giá trị truyền thống, cổ truyền, gắn với tín ngưỡng, phong tục. Chữ “dân” được hiểu với nghĩa là người dân, tầng lớp bình dân. Trong khi chữ “nhân” được hiểu là con người, là mọi giai tầng trong xã hội. Cả “Phật giáo nhân gian” và “Phật giáo dân gian” đều hướng tới con người, lấy con người làm trung tâm. Nhưng quan niệm “Phật giáo nhân gian” rộng hơn, bao hàm hơn, thể hiện rõ tính nhập thế. “Phật giáo nhân gian” cũng chính là nội dung tư tưởng chủ đạo của Thiền tông Việt Nam hiện nay. Chủ trương “lấy con người làm trung tâm” của Thiền tông Việt Nam là tư tưởng nhập thế theo đúng nghĩa của từ này. Hơn nữa, bản thân Phật giáo nói chung và Thiền tông Việt Nam nói riêng sinh



ra để cứu độ con người. Người sáng lập ra Phật giáo là thái tử Tất Đạt Đa Cồ Đàm. Người sáng lập ra Thiền tông Việt Nam là vua Trần Nhân Tông. Họ là những con người bằng xương, bằng thịt. Vậy nên, từ “nhân gian” nhìn nhận trên quan điểm triết học, con người sẽ trở thành trung tâm của vũ trụ. “Phật giáo nhân gian” là Phật giáo lấy con người làm trung tâm. Điều này cho phép tác giả liên tưởng tới điểm tương đồng với thuyết tam tài “thiên - địa - nhân”, mà ở đây “nhân” chính là con người, là trung tâm của trời và đất. “Phật giáo nhân gian” cũng chính là trí tuệ và bản chất của Thiền tông Việt Nam hiện nay. Thiền tông Việt Nam chủ trương “Phật giáo nhân gian”, chính là cần đem Phật giáo thâm nhập vào cuộc sống, cùng với cuộc sống hòa nhập làm một. Điều này lý giải tại sao trong nhiều biểu hiện của văn hóa Thiền tông (giá trị tư tưởng, sinh hoạt thiền, văn học, đạo đức, lối sống, di tích, mỹ thuật...) có sự vận động theo xu hướng Phật giáo nhân gian. Đây cũng chính là đặc điểm của văn hóa Thiền tông Việt Nam.

### ***Tiểu kết***

Có thể nhận thấy các tài liệu liên quan đến thiền, Thiền tông, văn hóa Thiền tông Việt Nam được biên soạn, thực hiện từ các thiền sư và những nhà nghiên cứu, học giả không phải thiền sư rất đa dạng. Trong số đó không ít tài liệu do các học giả, nhà nghiên cứu trong lĩnh vực tôn giáo, văn hóa, lịch sử, triết học, tâm lý, giáo dục, y học viết về thiền, Thiền tông. Ở góc độ nhất định, một số công trình đã đề cập đến biểu hiện của văn hóa Thiền tông nhưng dưới lăng kính của các ngành khoa học đó. Cụ thể, các nghiên cứu liên quan đến thiền, Thiền tông được phân loại thành 4 vấn đề cơ bản sau: lịch sử hình thành, phát triển thiền, Thiền tông; bản chất và nội dung tương ứng thiền, Thiền tông; nghi thức và thực hành thiền; vai trò của thiền, Thiền tông trong đời sống. Các nghiên cứu liên quan đến biểu hiện của văn hóa Thiền tông được phân loại thành: nghiên cứu bàn về nội dung tư tưởng; đạo đức, lối sống thiền; thực hành thiền; văn học thiền, Thiền tông; nghệ thuật với thiền, kiến trúc mỹ thuật với thiền. Điều này hướng tới việc có được sự nhìn nhận về thiền, Thiền tông và các biểu hiện của văn hóa Thiền tông một cách đa chiều, khách quan, toàn diện; thấy được sự đánh giá, nhìn nhận về ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội. Nhìn chung,

những biểu hiện của văn hóa Thiền tông mà cụ thể ở đây là văn hóa Thiền tông được đề cập một cách mờ nhạt, thiếu tính hệ thống; chưa có công trình nghiên cứu dưới góc độ Văn hóa học nào đề cập đến nội hàm văn hóa Thiền tông và biểu hiện của văn hóa Thiền tông. Những công trình nghiên cứu về văn hóa thiền và văn hóa Thiền tông Việt Nam thực sự là khoảng trống trong các nghiên cứu đã đề cập trên. Mặc dù vậy, văn hóa Thiền tông cùng một số biểu hiện của nó dường như đã thấp thoáng xuất hiện trong một vài nhận định, một số phân tích, dù chưa rõ nét. Các nghiên cứu này bước đầu đã chỉ ra được những biểu hiện văn hóa có yếu tố/liên quan đến thiền, Thiền tông hoặc thiền, Thiền tông mang tính trội. Đây chính là văn hóa Thiền tông. Luận án đã tập hợp và phân tích một số quan niệm liên quan đến biểu hiện của văn hóa thiền, văn hóa Thiền tông, làm căn cứ để đưa ra khái niệm văn hóa Thiền tông. Theo cách hiểu của tác giả Luận án: *“Văn hóa Thiền tông là văn hóa của một tông phái Phật giáo, bao gồm hệ thống các giá trị văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần thể hiện tư tưởng của Thiền tông, được tích lũy và chuyển tải qua lịch sử hình thành và phát triển của thiền phái này”*.

Việc xác định khái niệm công cụ *“văn hóa Thiền tông”* là một trong những đóng góp quan trọng nhất của Luận án. Điều này giúp cho văn hóa Thiền tông được nhìn nhận như một chỉnh thể, một bộ phận của văn hóa Phật giáo, là tiêu hệ giá trị của văn hóa dân tộc. Đây cũng là cơ sở để triển khai các nội dung tiếp theo trong Luận án. Mặt khác, tác giả đã tập hợp, phân tích một số khái niệm, thuật ngữ liên quan khác trong Luận án. Trong đó, tác giả tập trung phân tích, giới hạn và khu trú khái niệm và phạm trù đời sống văn hóa trên 4 bình diện: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đây là cơ sở để giải quyết vấn đề cốt lõi của Luận án là ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông tới một số bình diện cụ thể của đời sống xã hội là chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; là cơ sở để triển khai những nội dung tiếp theo trong chương 2, 3, 4 của Luận án.

## Chương 2

### THIỀN TÔNG VIỆT NAM VÀ VĂN HÓA THIỀN TÔNG VIỆT NAM

#### 2.1. Thiền tông Việt Nam

##### 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Thiền tông Việt Nam

###### 2.1.1.1. Lịch sử hình thành

Lịch sử hình thành của Thiền tông Việt Nam bắt nguồn từ lịch sử Thiền tông. Tại hội Linh Sơn, Ma Ha Ca Diếp nhận được pháp ấn từ Thích Ca Mâu Ni, còn Bồ Đề Đạt Ma được coi là đệ nhất tổ thiền Trung Hoa, tổ đời thứ 28 của Ấn Độ:

Linh Sơn được coi là nguồn gốc của sự truyền thừa Phật giáo và Thiền tông. Các tông phái tu thiền được phát triển cho tới ngày nay qua sự nối tiếp... từ Ấn Độ qua Trung Hoa..., đã bắt đầu từ Tổ Ma Ha Ca Diếp truyền bá cho tới đời Tổ Bồ Đề Đạt Ma tại Ấn Độ là 28 đời. Tổ Bồ Đề Đạt Ma đã chuyển giòng truyền thừa sang phía Đông (*Đông độ*) là Trung Hoa...[180].

Theo *Thiền uyển tập anh* có ba dòng thiền chính xuất hiện trước thiền phái Trúc Lâm Yên Tử - tiền thân của Thiền tông Việt Nam; đó là dòng thiền Tì Ni Đa Lưu Chi du nhập vào nước ta cuối TK VI (580), dòng thiền Vô Ngôn Thông vào nước ta đầu TK IX (820), và dòng Thảo Đường vào nước ta TK XI (1069).

Dòng thiền Tì Ni Đa Lưu Chi lấy tên vị thiền sư người Nam Thiên Trúc (Ấn Độ) là Tì Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruci - ? - 594) sau khi đã đắc pháp với tổ Tăng Xán (người Trung Quốc). Khi sang Việt Nam, Tì Ni Đa Lưu Chi đã chọn chùa Pháp Vân (tức chùa Dâu) thuộc xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, truyền qua 19 thế hệ, đến thiền sư Y Sơn (? - 1213) là hơn 600 năm. Dòng thiền này có nhiều đóng góp vào sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc. Các thiền sư phần nhiều là trí thức uy tín, được kính trọng tin dùng như thiền sư Pháp Thuận (? - 990), thiền sư Sùng Phạm (1004 - 1087), thiền sư Vạn Hạnh, thiền sư Đạo Hạnh (? - 1117),...

Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi hầu như chịu ảnh hưởng của Phật giáo Ấn Độ. Đây là một thiền phái rất có tính cách dân tộc Việt Nam, vừa biểu lộ được sinh hoạt tâm linh siêu việt của Phật giáo vừa biểu lộ được đời sống thực tế và đơn giản của quần chúng nghèo khổ [73, tr. 145].

Điều này cho thấy ngay dòng thiền đầu tiên xuất hiện ở nước ta đã thể hiện khuynh hướng nhập thế để phù hợp với môi trường bản địa. Dòng thiền này nổi bật với tư tưởng vô trụ, con đường giác ngộ kết hợp tự giác với giác tha.

Dòng Thiền Vô Ngôn Thông lấy tên thiền sư Vô Ngôn Thông. Vô Ngôn Thông, người Quảng Châu, Trung Quốc, sang nước ta vào đầu thế kỷ thứ IX (820) ở chùa Kiến Sơ, làng Phù Đổng, huyện Tiên Du (nay là xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội), mở ra dòng thiền thứ hai. Ông vốn là học trò thế hệ thứ 5 của Lục Tổ Huệ Năng, tác giả của *Pháp bảo đàn kinh* với chủ trương: “*Bất lập văn tự; giáo ngoại biệt truyền; trực chỉ nhân tâm; kiến tính thành Phật*”. Dòng thiền này có nhiều đóng góp với dân tộc. Các thiền sư đều là trí thức thông hiểu tam giáo: Phật - Lão - Nho, được trọng triều, ngoài nội tôn kính như Đại sư Khuông Việt (933 - 1011), thiền sư Viên Chiếu (999 - 1090), thiền sư Cứu Chỉ, Quốc sư Thông Biện (? - 1134), thiền sư Thường Chiếu (? - 1203)... Dòng thiền này truyền đến thiền sư Thường Chiếu thuộc thế hệ 12 thì chia thành hai chi là Thăng Long và Yên Tử.

Thiền phái Vô Ngôn Thông chịu ảnh hưởng Phật giáo Trung Hoa sâu đậm...

Nhưng khác với Trung Hoa, thiền phái này... đã rất gần gũi với đời sống xã hội, tham dự vào đời sống nhập thế trong khi vẫn duy trì được sinh hoạt tâm linh độc lập của mình [73, tr. 176].

Cũng như thiền phái Tỳ Lưu Đa Lưu Chi, thiền phái này có khuynh hướng nhập thế để thích nghi với văn hóa bản địa.

Dòng thiền Thảo Đường lấy tên thiền sư Thảo Đường. Năm 1069 vua Lý Thánh Tông đánh Chiêm Thành thắng lợi, bắt được một số tù binh, trong đó có thiền sư người Trung Quốc tên là Thảo Đường. Sau lần tiếp kiến, Lý Thánh Tông sắc phong là Quốc

sư rồi mời Thảo Đường về chùa Khai Quốc kinh thành Thăng Long, mở ra dòng thiền thứ 3 ở nước ta. Dòng thiền này có ưu thế trong vương triều nhà Lý.

Vì khuynh hướng thiên trọng trí thức và văn chương của nó, thiền phái Thảo Đường không cắm rễ được trong quần chúng mà chỉ ảnh hưởng được tới một số trí thức có khuynh hướng văn học... Thiền phái Thảo Đường vì những lý do trên, đã không đủ sức tạo nên một truyền thống sinh hoạt tăng viện độc lập có thể lưu truyền về sau. Ảnh hưởng của thiền phái này chỉ đáng kể về mặt học tập [73, tr. 182, 183].

Ba dòng thiền Tì Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, tuy du nhập vào nước ta không cùng thời điểm nhưng cùng tồn tại trong thời gian dài và ảnh hưởng qua lại lẫn nhau. Chốn tổ của dòng thiền này là nơi tu hành của thiền phái kia. Thiền sư Vô Ngôn Thông đến tu ở chùa Lục Tổ vốn cũng là nơi tu hành của Tì Ni Đa Lưu Chi. Thiền sư các phái tôn trọng, học hỏi lẫn nhau. Do không có một hệ phái thống nhất, Phật giáo thời nhà Lý phát triển khá tự do về số lượng. Việc nhà Trần thay thế nhà Lý đã ảnh hưởng tới phái Thảo Đường. Vì phái này chủ yếu phát triển dựa vào vua quan nhà Lý. Sự hình thành thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là sự kết thúc dòng truyền thừa, kết hợp với một số yếu tố bản địa và trải qua quá trình Đại Việt hóa đã làm cho dòng thiền này mang những đặc trưng của thiền Việt Nam. Trần Nhân Tông là người sáng lập thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Tư tưởng thiền của ông chịu ảnh hưởng trực tiếp của hai nhà thiền học là Trần Thái Tông và Tuệ Trung Thượng Sĩ.

Trần Thái Tông (1218 - 1277), tên thật là Trần Bò, sau đổi thành Trần Cảnh là vị vua đầu triều Trần. Ông ở ngôi hơn 32 năm (1226 - 1258), làm Thái thượng hoàng 19 năm. Khi ông sinh ra, họ Trần đã thao túng triều chính nhà Lý. Cuối năm 1225, Trần Thủ Độ ép Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho ông. Năm 40 tuổi, ông nhường ngôi cho con, xưng làm Thái thượng hoàng, chuyên tâm nghiên cứu Phật giáo. Ông từng lãnh đạo cuộc kháng chiến Nguyên Mông lần thứ nhất thắng lợi (1258). Ông đã từng bỏ ngôi vua trốn đi tu, song không thành. Vì vậy sau này, tuy ở trên ngai vàng nhưng ông luôn hướng về Phật. Thái Tông là người am hiểu sâu sắc giáo lý Phật, có danh vọng lớn trong vườn thiền, và là một tác giả Phật giáo lớn.

Tuệ Trung Thượng Sĩ (1230 - 1291) tên thật là Trần Tung, tước hiệu Hưng Ninh Vương. Ông là người Tức Mặc, phủ Thiên Trường, nay thuộc tỉnh Nam Định. Ông là con trưởng của An Sinh vương Trần Liễu (nguyên tác chép An Ninh vương), anh ruột của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và Hoàng hậu Nguyên Thánh Thiên Cảm. Ông tham gia hai cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông, lần thứ hai (1285) và lần thứ ba (1288). Sau khi kháng chiến thành công, ông được phong chức Tiết độ sứ cai quản phủ Thái Bình. Nhưng không lâu sau, ông lại lui về ấp Tịnh Bang (nay ở huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng) lập Dưỡng Chân trang để theo đuổi nghiệp thiền. Năm 1291, Tuệ Trung thượng sĩ mất, thọ 61 tuổi. Thời trẻ ông không thích công danh, chỉ ham nghiên cứu về thiền, vừa thực hành giải thoát tâm trong đời sống gia đình theo hình thức cư sĩ, vừa đảm trách công việc xã hội mà triều đình giao phó. Ông là người hướng dẫn vua Trần Nhân Tông đến với Thiền tông và có nhiều ảnh hưởng đến tư tưởng của vị vua sáng lập thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

Trần Nhân Tông là người sáng lập thiền Trúc Lâm Yên Tử, tiền thân của Thiền tông Việt Nam. Ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình mộ Phật và có trình độ uyên bác về Phật học. Bản thân Nhân Tông là người mộ Phật từ nhỏ. Ông từng vượt hoàng cung xuất gia nhưng ý nguyện không thành. Sau khi hoàn thành sứ mạng lịch sử của mình, đất nước thanh bình, Nhân Tông nhường ngôi cho con, thực hiện hoài bão xuất gia tu Phật vào năm 1299, lúc đó ông đã 41 tuổi, với pháp hiệu Hương Vân Đại Đầu Đà. Đây là hiện tượng chưa từng có trong lịch sử Phật giáo nước ta. Một vị Thái thượng hoàng quyền uy, người có công lớn trong việc giữ nước an dân TK XIII, lại tự nguyện từ bỏ mọi thứ để lên núi, vào hang sâu, sống cuộc đời đạm bạc của tu sĩ.

Như vậy, trước khi dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử ra đời, đã xuất hiện ba dòng thiền Tì Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, nhưng thiếu sự thống nhất về tổ chức. Bản thân Trần Nhân Tông là người mộ Phật, đề cao ý thức dân tộc, tinh thần đoàn kết, có kết cộng đồng. Vào thời của ông, sức mạnh chính trị, quân sự đã

được tạo dựng và khẳng định qua 2 cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông. Vì vậy, cần có sức mạnh tinh thần để hợp sức toàn dân, phát huy ý thức tự cường dân tộc. Đó là điều kiện quan trọng cho sự ra đời của thiền Trúc Lâm Yên Tử.

Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử trước đây mà nay là Thiền tông Việt Nam đã chọn lọc tinh hoa của 3 thiền phái trước đó để phù hợp với người Việt Nam, kết hợp với giá trị văn hóa bản địa tạo thành thiền phái riêng của người Việt Nam. Thiền Trúc Lâm Yên Tử ra đời đánh dấu mốc đặc biệt quan trọng, tạo ra bước ngoặt lớn cho sự phát triển của Phật giáo Việt Nam nói chung và Thiền tông Việt Nam nói riêng. Đó là việc chuyển từ quỹ đạo Thiền tông ở Việt Nam, là những dòng thiền được du nhập vào Việt Nam sang quỹ đạo Thiền tông Việt Nam, là dòng thiền Việt Nam, do người Việt Nam sáng lập ở Việt Nam.

#### 2.1.1.2. Quá trình phát triển của Thiền tông Việt Nam

Trần Nhân Tông là người có công sáng lập thiền Trúc Lâm Yên Tử, cũng chính ông trở thành đệ nhất tổ Thiền tông Việt Nam, người có công trong việc đặt nền móng đầu tiên cho sự phát triển của Phật giáo dân tộc. Trần Nhân Tông sinh ngày 11 tháng 11 năm Mậu Ngọ (1258). Sau khi Nhân Tông sáng lập thiền Trúc Lâm, Phật giáo Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới, đó là thời kỳ thống nhất Phật giáo. Việc đầu tiên Trúc Lâm cho xây dựng nhiều cơ sở hạ tầng, mở trường giảng dạy, khai pháp, độ tăng để đào tạo lớp kế cận. Theo TTTL: *“Điều Ngự lập ra Chi đề Tịnh xá, giảng pháp độ tăng. Người học về đây quy tụ khá đông. Sau đó Điều Ngự mời các danh tăng về chùa Phổ Minh, phủ Thiên Trường lập ra trường giảng...”* [162, tr.19]. ĐVSKTT cho biết thêm, Trần Nhân Tông vào tận Bồ Chính (nay thuộc tỉnh Quảng Bình) sang Chiêm Thành hóa đạo. Ông chú trọng chăm lo đời sống văn hóa - xã hội. Ông thường đến những vùng dân quê, khuyên dân thực hành nếp sống đạo đức, từ bỏ mê tín dị đoan, xây dựng xã hội lành mạnh: *“Năm 1304 Điều Ngự đi khắp xóm làng, dạy dân chúng phá bỏ dâm từ thực hành Thập thiện”* [162, tr. 20]. Ông tổ chức chu đáo việc trao truyền cho người thay thế mình là thiền sư Pháp Loa. Ông mất ngày 1 tháng 11 năm 1308, hưởng thọ 51 tuổi.

Vị tổ thứ hai thiền Trúc Lâm Yên Tử là Pháp Loa. Ông sinh ngày 7 tháng 5 năm Giáp Thân (1284) tại Nam Sách, Hải Dương. Năm 21 tuổi, ông được Trúc Lâm chọn làm đệ tử. Ngày mùng 1 tết năm Mậu Thân (1308), ông được cử trụ trì chùa Báo Ân và làm tổ thứ hai dòng thiền này. Ngày 3 tháng 3 năm Canh Ngọ (1330), Pháp Loa mất, hưởng thọ 47 tuổi. Cuộc đời xuất gia của Pháp Loa là sự kiện hiếm có trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, vì trong thời gian ngắn đã trở thành vị tổ thiền Trúc Lâm. Lúc đó ông còn rất trẻ, mới 24 tuổi đời, 2 tuổi đạo. Pháp Loa tỏ ra tài cán, mẫn tiệp trong cương vị của người đứng đầu thiền phái Trúc Lâm. Ông thành công trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng cho thiền phái Trúc Lâm.

Tổng số công trình xây dựng thời Pháp Loa gồm có: đúc hơn 1300 pho tượng đồng lớn nhỏ, tạc và sơn thếp hai bộ Di Đà Tam Tôn (tất cả 6 pho), đắp hơn 1000 pho tượng, xây chùa Báo Ân và chùa Quỳnh Lâm, dựng 5 tòa tháp và hơn 200 chốn tăng cư. Pháp Loa cho biên khảo tác phẩm như: *Thạch thất mị ngữ*, *Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục*, *Văn pháp nguyên*,... Pháp Loa rất quan tâm đến tín ngưỡng dân gian. Bởi đây là cách để thiền Trúc Lâm “dẫn nhân nhập đạo”, gần gũi với quần chúng, hòa quyện trong nhân gian. Ông giảng kinh thuyết pháp khắp nơi, đồng thời cử các bậc cao tăng tham gia giảng dạy như Quốc sư Minh Liễu, Quốc sư Tông Kính, Quốc sư Bảo Phác,... Trong 22 năm lãnh đạo Trúc Lâm, ông đã độ hơn 5000 tăng, ni, đệ tử có hơn 30 người như Tuệ Nhiên, Tuệ Chúc, Hải Ấn, Huyền Quang... Thiền phái Trúc Lâm hưng thịnh phải kể đến vai trò lớn của Pháp Loa.

Vị tổ thứ ba của thiền phái Trúc Lâm là Huyền Quang. Huyền Quang thế danh là Lý Tái Đạo, sinh năm Giáp Dần 1254 tại Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh. Ông đã qua trường thi Hương, thi Đình, làm quan tới chức Hàn Lâm. Trải qua 20 năm làm quan, năm 1305 ông từ quan xuất gia, lúc đó ông 51 tuổi. Năm 1330 ông nói pháp làm tổ thứ ba dòng thiền này. Khi mới xuất gia, ông trụ trì tại Vân Yên - Yên Tử, mở trường dạy học, tăng, ni sinh theo học rất đông, đến hàng nghìn người. Sau ông về trụ trì chùa Côn Sơn rồi mất ở đó, thọ 81 tuổi. 29 năm xuất gia (1305 -



1334), Huyền Quang chỉ có 4 năm cuối đời chính thức là người lãnh đạo Trúc Lâm, lúc đó ông đã 77 tuổi. Ông đã cho dựng chùa Đại Tư Quốc, tòa Cửu phẩm liên hoa ở Chí Linh, khắc in nhiều kinh sách tại chùa Ninh Phúc (Bút Tháp) Bắc Ninh, giảng kinh,... Huyền Quang không trao cho ai làm đệ tử tổ kế mình. Đây là vấn đề khó khăn cho các nhà nghiên cứu sau này và là nguyên nhân của việc đánh giá sai lệch về hệ thống truyền thừa thiền Trúc Lâm.

Sau thời Trúc Lâm Tam tổ, chúng ta không còn nhiều tài liệu nói về hệ thống truyền thừa của thiền phái Trúc Lâm, chỉ có tài liệu duy nhất làm căn cứ chứng tỏ thiền Trúc Lâm vẫn phát triển nối tiếp sau khi Huyền Quang mất. Đó là bảng danh sách của Hòa thượng Phúc Điền trong *Kế Đăng Lục*. Hiện nay chúng ta chưa tìm thấy bất cứ tài liệu nào khác bổ sung thêm dữ kiện về quá trình truyền thừa của thiền Trúc Lâm sau thời Huyền Quang. Theo *Kế Đăng Lục* thì Trúc Lâm thuộc hệ thứ 6, người đứng đầu là thiền sư Hiện Quang: 1. Hiện Quang, 2. Viên Chứng, 3. Đại Đăng, 4. Tiêu Dao, 5. Huệ Tuệ, 6. Điều Ngự (Trần Nhân Tông), 7. Pháp Loa, 8. Huyền Quang, 9. An Tâm, 10. Tĩnh Lự Phù Vân, 11. Vô Trước, 12. Quốc Nhất, 13. Viên Minh, 14. Đạo Huệ, 15. Viên Ngộ, 16. Tổng Trì, 17. Tam Tạng Khuê Thám, 18. Sơn Đăng, 19. Hương Sơn, 20. Trí Dung, 21. Tuệ Quang, 22. Chân Trú, 23. Vô Phiền.

Vậy tại sao sau thời Huyền Quang lại còn rất ít tài liệu ghi chép về thiền phái này? Có nhiều ý kiến khác nhau, tựu chung có hai lý do: Một là sau thời nhà Trần kinh sách nước ta bị giặc Minh thiêu đốt hết, hai là do các thế lực tranh chấp địa vị thôn tính lẫn nhau dẫn đến triệt tiêu những dấu tích cũ... Tác giả *LSPGVN* có ý kiến sau: “*Tình trạng sách vở từ thời nhà Trần không còn, dòng họ nhà Trần tuyệt diệt, phái Trúc Lâm Yên Tử mới truyền được 3 đời đã tắt ngấm và không còn tông tích*” [184, tr. 265, 257, 270]. Mặc dù không có người truyền thừa nhưng thiền Trúc Lâm vẫn có ảnh hưởng trong đời sống xã hội. Tư tưởng và nội dung của thiền Trúc Lâm không những không mất đi mà còn hòa mình vào văn hóa dân tộc.

Vào TK XVII, Thiền sư Hương Hải là người đã có ảnh hưởng nhất định đến Thiền tông nước ta thời kỳ này. Thiền sư Hương Hải tục gọi là Tổ Cầu, người Nghi Lộc, Nghệ An. Năm 18 tuổi, ông thi đỗ Hương tiến, được bổ làm Tri phủ Triệu

Phong (nay thuộc tỉnh Quảng Trị). Năm 1652, ông từ quan, thụ giáo Viên cảnh Thiền sư ở Lục Hồ, được ban pháp danh Huyền Cơ Thiện Giác, pháp tự là Minh Châu Hương Hải. Năm 1682, thiền sư Hương Hải cùng hơn 50 đệ tử vượt biển ra Bắc và trụ trì ở chùa Nguyệt Đường (Phổ Hiến, Hưng Yên). Ông mất ở chùa này năm 1715, thọ 88 tuổi.

TK XVIII, Ngô Thì Nhậm (1746 - 1803) là người có ảnh hưởng nhất định đến Thiền tông nước ta. Ông là con của Ngô Thì Sĩ, cháu của Ngô Thì Ước, thuộc dòng văn Ngô Thì nổi tiếng. Ông hai lần đi sứ Trung Quốc, là một trọng thần của Tây Sơn. Sau khi Tây Sơn mất, ông bị Gia Long hạch tội, và mất năm 1803. Ông là người am hiểu và say mê Phật giáo. Pháp hiệu là Hải Lượng Đại Thiền sư. Tác phẩm tiêu biểu của ông phải kể đến *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*. Ngô Thì Nhậm đã trình bày những nguyên lý quan trọng của Thiền Trúc Lâm bằng luận giải vô cùng sâu sắc. Ông được các đệ tử tôn là Trúc Lâm đệ tứ tổ.

Sau thiền sư Hương Hải, Ngô Thì Nhậm, Thiền tông Việt Nam dường như hòa mình vào Phật giáo dân tộc. Tuy vậy, trong những năm gần đây, Thiền tông Việt Nam có xu hướng phục hưng và phát triển, biểu hiện rõ trong các hoạt động và quy mô của thiền phái này ở nước ta hiện nay.

Vào đầu TK XX, cùng với nhiều diễn biến chính trị, xã hội và văn hóa ở nước ta, xuất hiện phong trào chấn hưng Phật giáo; xuất phát ở miền Nam nhưng nó đã nhanh chóng lan tỏa, trở thành phong trào sôi nổi, sâu rộng và toàn diện trong cả nước. Phong trào chấn hưng Phật giáo đã trở thành động lực, đòn bẩy cho sự phát triển của Phật giáo Việt Nam đầu TK XX. Công cuộc này đã làm thay đổi rất nhiều về nội dung và hình thức hoạt động của Phật giáo Việt Nam từ đó về sau. Mục đích là chấn chỉnh tăng già, nâng cao trình độ Phật học cho tăng ni, phổ cập giáo lý đến Phật tử các giới.

Hiện nay, Thiền tông Việt Nam đã kế thừa và phát huy triết lý tốt đẹp từ Tam tổ Trúc Lâm. Trong số nhiều Thiền sư tiếp nối tinh thần Thiền tông Việt Nam, tiêu biểu là hòa thượng Thích Thanh Từ, thiền sư Thích Nhất Hạnh. Các thiền sư đều là người Việt

Nam, sớm có duyên với thiền, mong muốn mang tư tưởng thiền Việt hòa vào sự phát triển mới của thiền.

Người có công đầu trong việc phục hưng Thiền tông Việt Nam trong nước hiện nay là hòa thượng Thích Thanh Từ. Thích Thanh Từ tên thật là Trần Hữu Phước, còn tên khác là Trần Thanh Từ. Ông sinh ngày 24 tháng 7 năm 1924, tại Vĩnh Long. Ông xuất gia ở tuổi 26 với Pháp danh Thích Thanh Từ. Thích Thanh Từ đã học tại các Phật học đường 10 năm, từ Sơ đẳng đến Cao đẳng. Bản thân Thích Thanh Từ cũng từng có vợ và một người con trai nhưng do hoàn cảnh chiến tranh, loạn lạc, hai người thân của ông đều đã mất. Thêm nữa sự kiện Mậu thân năm 1968, giữa nỗi đau riêng của cá nhân và nỗi đau chung của dân tộc ít nhiều ảnh hưởng đến ý thức và quyết tâm tu thiền và khôi phục dòng thiền dân tộc của Thích Thanh Từ.

Nhưng ý thức về thiền của Thanh Từ thực sự bắt đầu từ sự kiện mà sách *TTVNTCĐPH&HH* còn ghi lại: *“Cho đến một ngày... có một Phật tử đến đánh lễ và thưa rằng: “Bạch thầy, như thầy giảng về lý thuyết từ Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền thì chúng con nghe vậy. Nhưng riêng phần quý thầy, thì quý thầy đã chứng tới đâu?”* [131, tr.75].

Câu hỏi này như lời chất vấn thiền sư giảng về thiền không chỉ hiểu thiền mà cần phải chứng ngộ thiền. Đây được coi là một trong những cơ duyên đầu tiên để thiền sư Thích Thanh Từ đến với thiền, và sau này thiền sư đã lựa chọn một dòng thiền cụ thể là dòng Trúc Lâm Yên Tử - Thiền tông Việt Nam để thực hiện chí nguyện của mình.

Từ năm 1968, Thích Thanh Từ thực hiện hoài bão khôi phục Thiền tông Việt Nam. Trước tiên ông hướng dẫn tu thiền, tạo dựng nếp sống thiền. Ông đã thực hiện hai công việc quan trọng trong quá trình phục hưng: Một là áp dụng nghi thức “Lục thời sám hối” của vua Trần Thái Tông vào cuối buổi chiều tại thiền viện; thứ hai là tiếp tục dịch thuật, giảng dạy những công trình văn hóa tiêu biểu của thiền phái Trúc Lâm như *Ngũ Lục*, *Khóa Hư Lục*, *Tam Tổ Trúc Lâm*, *Thiền Tông Bản Hạnh*, *Kiến Tánh Thành Phật*... Khi chọn Phật giáo đời Trần làm mốc cho công cuộc khôi phục Thiền tông Việt Nam, ông đánh giá:

Đặc điểm đời Trần là “học cái hay của người biến thành cái hay của mình. Tinh thần này rất cao cả, đáng cho chúng ta ngày nay kính trọng và học hỏi theo... Chúng ta nên học theo gương đời Trần để làm sáng tỏ tinh thần độc lập của dân tộc mình... Vì thế đời hỏi chúng ta phải phiên dịch kinh tạng chữ Hán ra chữ Quốc ngữ [131, tr. 566].

Từ đó ông đã Việt hóa các nghi thức tu tập hằng ngày, từ câu niệm Phật đến mọi kinh văn tụng đọc. Tất cả đều được dịch ra tiếng Việt, để người đọc và người nghe dễ hiểu, dễ thâm nhập. Thích Thanh Từ đã chọn hai chữ “Trúc Lâm” để đặt tên cho các thiền viện của thiền phái Trúc Lâm hay Thiền tông Việt Nam hiện nay: *“Thiền Trúc Lâm Yên Tử là lối tu thích ứng với hoàn cảnh hiện tại của xã hội. Đó là một lối tu rất Việt Nam. Vì tổ Trúc Lâm là người Việt Nam, không phải từ Trung Hoa tới, không phải từ Ấn Độ sang. Đó là người Việt Nam đứng ra tinh lọc cái hay, những cái quý để giáo dục, để chỉ dạy cho người sau...”* [131, tr. 589 - 593].

Thích Thanh Từ từng về chùa Vĩnh Nghiêm xin toàn bộ bản rập kinh Phật để nghiên cứu, từ đó biên tập thành bộ *Thích Thanh Từ toàn tập*, gồm 30 tập thể hiện giáo lý của Thiền tông Việt Nam. Đồng thời lấy đó làm tài liệu giảng giải kinh Phật cho tăng ni, Phật tử. Một số tác phẩm của Thích Thanh Từ đã được dịch ra tiếng Anh như: *Buddhism and the Youths*, *The key to Buddhism*, *The Practicing Method of Vietnamese Zen*, *If you know Zen Poetry collection*, *My Whole life...*[8]. Ông liên tục tổ chức các khóa thiền, giảng giải giáo lý Thiền tông Việt Nam, gắn tư tưởng Thiền tông Việt Nam với thực tiễn xã hội nước ta, đưa thiền hòa nhập với cuộc sống đương đại. Ông cho xây dựng nhiều thiền viện, tiếp độ tăng, ni Phật tử tu học, đến nay đã có hàng vạn tăng, ni tu ở các thiền viện trong và ngoài nước. Ngoài khoảng 60 thiền viện ở trong nước, còn có 18 thiền viện, thiền tự ở nước ngoài do Thích Thanh Từ tạo dựng (ở Mỹ có 10, Úc: 5, Canada: 2, Pháp: 1) và hàng vạn Phật tử tu tập theo Thiền tông Việt Nam, với tinh thần “Phật tại tâm”. Các thiền viện này không chỉ là nơi tu tập của tăng ni, Phật tử mà còn hoạt động như những thiết chế tôn giáo, thiết chế văn hóa. Mỗi khóa tu thiền thu hút hàng trăm người (trung bình

khoảng 200 người/khóa) từ mọi thành phần trong xã hội tham dự. Các thiền viện phát huy vai trò và trở thành những vệ tinh tích cực góp phần vào sự phục hưng Thiền tông Việt Nam.

Bên cạnh sự đóng góp của hòa thượng Thích Thanh Từ, người có công lớn trong việc truyền bá và giới thiệu Thiền tông Việt Nam ra nước ngoài là thiền sư Thích Nhất Hạnh. Ông chẳng những là một thiền sư, nhà văn, nhà thơ, mà còn là nhà khảo cứu, nhà hoạt động xã hội và người vận động cho hòa bình. Ông cũng là nhà lãnh đạo Phật giáo có ảnh hưởng lớn ở phương Tây chỉ sau Đạt-lai Lạt-ma. Ông đưa ra khái niệm "Phật giáo dân thân" (engaged Buddhism) trong cuốn sách *Vietnam: Lotus in a Sea of Fire*. Thiền sư đã kế thừa tinh thần dân thân nhập thế tích cực của Trần Nhân Tông và thiền Trúc Lâm. Tác phẩm của ông được dịch ra nhiều thứ tiếng khác nhau, được tăng ni, nhiều bạn đọc phổ thông trên thế giới mến mộ. Ông có hơn 70 tác phẩm tiếng Anh, trong đó gần 30 tác phẩm được nhiều người biết đến. Ông cũng xuất bản nhiều bài giảng trong các tạp chí như *Mindfulness Bell*. Một số nhà nghiên cứu Phật học người Ấn Độ đánh giá rất cao tư tưởng của thiền sư (như Ranjana Mukhopadhyaya với cuốn *Engaged Buddhism in Japan: Social Activities and Social Ethics of Hoonji and Rissho Kosei-kai*, 2005). Một số thiền phái Nhật Bản sử dụng sách của ông trong quá trình tu tập của môn đồ. Tư tưởng của Thiền tông Việt Nam đã được ông truyền bá rộng rãi ra nước ngoài như: tinh thần bình đẳng, cư trần lạc đạo. Ông đến nhiều nước trên thế giới thuyết giảng và tổ chức các khóa tu thiền theo nền tảng tư tưởng Thiền tông Việt Nam; tích cực tổ chức các cuộc vận động vì hòa bình, khóa tu thiền cho người Israel và người Palestine; tổ chức diễu hành hòa bình tại Los Angeles năm 2005 có tới hàng ngàn người tham dự. Thiền sư đã tạo dựng nhiều tu viện và đạo tràng trên thế giới: Anh có 57, Ái Nhĩ Lan có 12, Áo có 4, Ba lan có 3, Bỉ có 5, Bồ Đào Nha có 1, Brazil có 11, Ca na đa có 30; châu Á (Thái Lan, Indonexia, Hồng Kông, Ấn Độ, Sinh gapo, Trung Quốc) có 13... [8]

Như vậy, thiền Trúc Lâm do Trần Nhân Tông sáng lập trên cơ sở hợp nhất ba thiền phái: Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường. Sau Trần Nhân Tông có hai vị tổ kế nghiệp là đệ nhị tổ Pháp Loa và đệ tam tổ Huyền Quang. Sau

thời Huyền Quang, thiền Trúc Lâm tuy không có tổ kế nghiệp nhưng vẫn tiếp tục tồn tại và hòa mình vào Phật giáo dân tộc nói riêng, văn hóa dân tộc nói chung. Sự phát triển của thiền phái này về mặt truyền thừa có thể trải qua thăng trầm do điều kiện lịch sử của mỗi thời đại nhưng giá trị văn hóa mà thiền Trúc Lâm trước đây mà nay là Thiền tông Việt Nam kết tinh và chuyển tải kể từ khi ra đời cho đến nay vẫn là một dòng chảy liền mạch. Trong những năm đầu của TK XX, Thiền tông Việt Nam đang có xu hướng hồi sinh và phát triển. Người có công đầu trong việc phục hưng dòng thiền này ở nước ta là hòa thượng Thích Thanh Từ. Các hoạt động của dòng thiền này đóng góp nhất định vào đời sống văn hóa xã hội nước ta, trở thành một bộ phận trong cấu trúc tổng thể của văn hóa Phật giáo Việt Nam hiện nay nói riêng và văn hóa nước ta nói chung.

#### *2.1.1.3. Tư tưởng Thiền tông Việt Nam*

Tư tưởng của Thiền tông Việt Nam vừa phản ánh tinh thần của Thiền tông, vừa có những đặc điểm riêng của dòng thiền dân tộc.

*Tư tưởng Thiền tông* thể hiện ở hai điểm cơ bản sau:

Thứ nhất là “Phật pháp tại thế gian”: Tư tưởng này được hình thành và phát triển mạnh thời tổ Huệ Năng, bắt đầu trong hệ thống thiền Nam truyền của Trung Quốc. Điều này được biểu hiện rõ trong *Pháp Bảo Đàn kinh*, bài kệ tụng phần sau của phẩm Bát nhã: “*Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác, ly thế mịch Bồ đề, khắp như cầu thố giác, chánh kiến danh xuất thế, tà kiến danh thế gian, tà chánh tận đả khước, Bồ đề tính uyển nhiên*”. Nghĩa là: Phật pháp nơi thế gian/Không lìa thế gian giác/Lìa thế tìm Bồ đề/Giống như tìm sừng thỏ/Chánh kiến gọi xuất thế/ Tà kiến là thế gian/Tà chánh đều dẹp sạch/Tánh Bồ đề hiện rõ. Thiền tông nhấn mạnh tinh thần tìm cầu Phật pháp phải ngay trong thế gian này, rời khỏi thế gian để tìm cầu sự giác ngộ trong Phật giáo là việc không có kết quả.

Thứ hai, Thiền tông cho rằng phải thực sự “Minh tâm kiến tính”, “Kiến tính thành Phật” tức là tìm sự giác ngộ qua những cử chỉ, hành động trong cuộc sống. Vì thế, cần bắt đầu từ những công việc thường ngày để đạt được cõi niết bàn ngay trong thế giới này. Trong cuộc sống, ai hướng thiện vươn tới tâm bao la, người đó sẽ tiến gần

đến giải thoát, theo đó con người hướng thiện bằng việc phục vụ nhân sinh, phục vụ xã hội.

Tư tưởng Thiền tông được thể hiện trong tư tưởng của những người sáng lập thiền Trúc Lâm Yên Tử (Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang) tiền thân của Thiền tông Việt Nam hiện nay. Những tư liệu thể hiện tư tưởng thiền của Trần Nhân Tông hiện nay còn lại không nhiều. Trong đó phải kể đến đoạn thoại ghi lại tại chùa Sùng Nghiêm, Chí Linh, bài phú và bài ca trong *Cư Trần lạc đạo phú* và *Đắc thù Lâm tuyên thành đạo ca*. Đây là những tư liệu đặc biệt có giá trị cho phép chúng ta ngày hôm nay có thể hiểu về tư tưởng thiền của Trần Nhân Tông. Đoạn thoại tại chùa Sùng Nghiêm năm 1304 ghi lại câu trả lời của Trần Nhân Tông:

*Nếu lấy sắc thấy ta,  
Lấy âm thanh câu ta,  
Là người hành tà đạo,  
Không thể thấy Như Lai.*

Bài kệ *Cư trần lạc đạo phú* của Trần Nhân Tông được dịch nghĩa như sau:

*Ở đời vui đạo hãy tùy duyên,  
Đói đến thì ăn nhọc ngủ liền.  
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm,  
Đối cảnh không tâm chớ hỏi thiền.*

Đây là những nội dung phản ánh tinh thần “Phật pháp tại thế gian”, “Kiến tính thành Phật”, đặc trưng tư tưởng Thiền tông. Theo nội dung đoạn thoại và bài phú thì “Phật tại tâm”, đề cao cái tâm. Trúc Lâm chính là cõi Tịnh độ, tâm là Niết Bàn, là Phật. Chân như, trí tuệ, thật tướng nhiệm màu sẵn có trong mỗi con người. Vì thế, con người nên vui với đạo, đói ăn, khát uống, mệt ngủ, Phật tính ở chính trong mỗi con người không nên cầu tìm ở đâu khác. Đây là tư tưởng thiền đứng trên phương diện đốn tu, đốn ngộ,... không bám víu vào khái niệm.

Tư tưởng thiền của Pháp Loa thể hiện qua công việc hàng ngày và những tác phẩm của ông như *Thạch thất mị ngữ*, *Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục*,... Pháp Loa đi từ giới - định - tuệ đến giải thoát. Ngoài ra, Pháp Loa chịu ảnh hưởng tư tưởng Mật tông. Sách *Tam tổ thực lục* cho biết: “*Sư ngày đêm thường trì chú lễ Phật không lúc nào*

ngôi”. Pháp Loa còn chú giải kinh *Kim cương tràng đà la ni*, một tác phẩm đậm chất Mật giáo. Tư tưởng thiền của Pháp Loa bao gồm Thiền - Mật - Luật, Tiểu thừa và Đại thừa, xuất thế cũng như nhập thế. Pháp Loa còn áp dụng cả tín ngưỡng Phật giáo dân gian vào việc tiếp nhận độ chúng.

Tư tưởng thiền của Huyền Quang hiện nay chỉ được ghi lại trong số ít tác phẩm như *Chư phẩm kinh*, *Công văn tập* và hơn 20 bài thơ, một bài phú in trong *Thơ văn Lý - Trần*. Tư tưởng thiền của ông thể hiện qua cái nhìn bình đẳng, vô phân biệt, trí tuệ được phát sinh, Phật tại tâm, ở đâu cũng có giải thoát, giác ngộ. Trong bài *Phú vịnh chùa Vân Yên* thể hiện rõ điểm này.

Như vậy, tư tưởng thiền của 3 vị tổ thiền phái Trúc Lâm đều phản ánh nội dung cơ bản của Thiền tông là Phật tại tâm và kiến tính thành Phật.

*Tư tưởng Thiền tông Việt Nam*: Dòng chủ đạo của Thiền tông Việt Nam là Trúc Lâm Yên Tử. Việc phục hưng Thiền tông Việt Nam hiện nay của hòa thượng Thích Thanh Từ bắt nguồn từ tư tưởng thiền Trúc Lâm Yên Tử. Thiền tông Việt Nam vừa mang tư tưởng Thiền tông là “Phật tại tâm” và “kiến tính thành Phật”, vừa có đặc trưng riêng có là tính dân tộc và tinh thần nhập thế.

Thứ nhất, tính dân tộc là đặc trưng riêng có của Thiền tông Việt Nam. Chính điểm này làm cho Thiền tông Việt Nam tồn tại và hòa nhập vào cuộc sống, nếp suy nghĩ của người dân Việt, trở thành đạo Phật của dân tộc ta. Tính dân tộc thể hiện ngay từ nguồn gốc ra đời của Thiền tông Việt Nam. Trần Nhân Tông, người sáng lập thiền Trúc Lâm Yên Tử đã ý thức về một tôn giáo riêng, một hệ tư tưởng riêng độc lập, phù hợp với dân tộc ta. Mặt khác, người sáng lập ra Thiền tông Việt Nam là người Việt Nam, lại từng làm vua. Đây là điểm riêng có của Phật giáo Việt Nam. Người từng đứng đầu một quốc gia, sau này lại trở thành người đứng đầu một tôn giáo cho riêng quốc gia, dân tộc ấy. Vì vậy, quyền lợi của dân tộc, đất nước, của nhân dân được đề cao hơn cả. Tính dân tộc còn thể hiện ở việc những người kế nghiệp và có ý thức phục hưng Thiền tông Việt Nam đã chọn riêng dòng thiền của dân tộc là Trúc Lâm Yên Tử để phát triển. Hiện nay, các thiền viện của Thiền tông Việt Nam được thành lập ở nhiều địa phương trong cả nước (khoảng 60 thiền viện) và hầu hết đều mang tên thiền viện Trúc Lâm. Điều này chứng tỏ ý thức đề cao cội nguồn dân tộc. Một số tổ chức và



giải thưởng được thành lập mang tên Trần Nhân Tông, người sáng lập ra thiền Trúc Lâm Yên Tử như Đoàn Thanh Thiếu niên Phật tử Trần Nhân Tông; Giải thưởng Trần Nhân Tông về hòa bình và hòa giải. Như vậy, Thiền tông Việt Nam đã phát triển lên một tầm cao mới. Đó cũng là việc đưa giá trị dân tộc phát triển phù hợp với xu thế hiện nay.

Tính dân tộc trong tư tưởng Thiền tông còn thể hiện ở cách con người hành đạo, thực hành sinh hoạt thiền giản dị mà không giản đơn, “vui với đạo”, “đói ăn, mệt ngủ”, luôn giữ tâm thanh tịnh, tự tại nội tâm, cũng giống như người Việt Nam vốn giản dị nhưng sâu xa, ý tứ. Điều này khiến cho đạo như hòa với đời và đời hòa với đạo. Tư tưởng Thiền tông Việt Nam đã được biểu đạt thông qua một số hình thức văn hóa nghệ thuật riêng có, đậm chất dân tộc như thơ thiền, không gian thờ tự và tượng niệm Tam tổ Trúc Lâm, ngày giỗ Tam tổ Trúc Lâm, hoạt động tại các thiền viện cho thiền sinh và sinh hoạt thiền... Tất cả các hình thức biểu đạt này đều gần gũi với truyền thống và văn hóa dân tộc, khó tách biệt được đâu là đạo, đâu là đời. Thiền tông Việt Nam đã mang trong mình những đặc trưng riêng có của dân tộc, khiến cho Thiền tông Việt Nam trở thành dòng thiền riêng có của người Việt Nam, khác với thiền của Phật giáo Ấn Độ và thiền của Phật giáo Trung Quốc.

Thứ hai, tinh thần nhập thế là đặc trưng xuyên suốt tư tưởng và hành động của Thiền tông Việt Nam. Tinh thần nhập thế đã được Tam Tổ Trúc Lâm xác lập và nay được hòa thượng Thích Thanh Từ tiếp nhận và phát triển trong thời đại mới. Tựu trung tinh thần nhập thế của Thiền tông Việt Nam thống nhất ở những điểm sau:

- Cần sống “vui với đạo” nơi trần thế, giữ tâm thanh tịnh tự tại, hòa hợp với đời, không câu chấp, lệ thuộc vào điều gì.

- Hành động “tùy duyên” theo lẽ tự nhiên như “đói ăn, mệt ngủ”, không cưỡng cầu, việc nên làm thì làm, việc làm phải đúng lúc, đúng chỗ, không bị ảnh hưởng của thiên kiến cá nhân, hoặc ngoại cảnh...

- Con đường thành Phật là giữ tâm thanh tịnh, hư rộng (tâm không), không tìm cầu tha lực, tiến thoái bình thản.

Lịch sử phát triển của Thiền tông nước ta đã chứng minh điều này. Khi có ngoại xâm, các thiền sư đã *"cởi áo cà sa, khoác chiến bào"*. Hành động đó xuất phát

từ tấm lòng từ bi, cứu khổ cứu nạn của những người con Phật. Có thể kể đến như Trần Thái Tông luôn hướng tâm giải thoát và lãnh đạo nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông - lần thứ nhất và cũng là người đặt nền móng cho thiền phái Trúc Lâm. Nhiều thiền sư xuất gia hay tại gia như Tuệ Trung, Trần Thánh Tông... đều tích cực tham gia vào đời sống kinh tế, chính trị của đất nước. Họ có thể là nhà tư tưởng chiến lược, tướng cầm quân, trí thức lớn, nhà thơ, nhà văn, thầy thuốc... tùy theo khả năng của mình mà sẵn lòng tham gia, không có yêu cầu đòi hỏi nào, sống đúng đạo lý như Trần Nhân Tông nói trong *Cư trần lạc đạo*. Thiền phái Trúc Lâm đã nhập thế cùng dân tộc trong sự nghiệp phát triển đất nước. Việc định hướng bảo vệ chủ quyền dân tộc, mở rộng biên cương, chấn hưng văn hóa Đại Việt của nhà Trần đều mang dấu ấn quan điểm Phật giáo Trúc Lâm, nhất là tư tưởng tùy duyên mà vui với đạo của thiền phái. Hiện nay, tinh thần nhập thế đã được những thiền sư kế nghiệp như Thích Thanh Từ phát huy tích cực trên một số phương diện của đời sống xã hội (sinh hoạt thiền, lối sống, kiến trúc...). Như vậy, tinh thần nhập thế của thiền phái Trúc Lâm là sản phẩm của văn hóa Việt và cốt cách Việt. Tinh thần nhập thế đã góp phần giải quyết một loạt vấn đề lịch sử đặt ra vào thời đại đó kéo dài tới ngày nay và đồng hành cùng lịch sử văn hóa dân tộc tới mai sau.

Như vậy, Thiền tông Việt Nam một mặt vừa đảm bảo tinh thần Thiền tông (Phật tại tâm, Kiến tính thành Phật), một mặt trở thành Phật giáo riêng của dân tộc (đề cao ý thức dân tộc và tinh thần nhập thế). Điều này trở thành dấu ấn riêng trong các biểu hiện của văn hóa Thiền tông Việt Nam.

### **2.1.2. Thiền tông Việt Nam là kết quả của quan hệ giao lưu - tiếp biến văn hóa**

Tiếp cận Lý thuyết giao lưu, tiếp biến văn hóa có thể thấy Thiền tông Việt Nam là kết quả của quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa với tôn giáo ngoại sinh và tín ngưỡng bản địa nội sinh.

### 2.1.2.1. *Yếu tố ngoại sinh của Thiền tông Việt Nam*

Phật giáo là tôn giáo du nhập vào nước ta. Đây được coi là điểm khởi đầu cho quan hệ giao lưu - tiếp biến giữa văn hóa Ấn Độ (mà ở đây là Phật giáo) với văn hóa nước ta và là yếu tố ngoại sinh của văn hóa Việt Nam. TK VI, nước ta xuất hiện dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi. Từ đây Phật giáo nước ta có thêm mối giao lưu - tiếp biến. Thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi là Thiền tông từ Ấn Độ sang Trung Quốc rồi truyền đến nước ta. Tư tưởng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi được “uơm mầm” trên đất nước ta, góp phần tạo ra sự đa dạng về văn hóa, tôn giáo của dân tộc. Thiền phái này được chúng ta tiếp nhận như yếu tố văn hóa mới. Thiền tông Việt Nam đã kế thừa, những yếu tố tích cực của thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi. Thiền phái này đóng vai trò là yếu tố ngoại sinh của Thiền tông Việt Nam.

Sang TK IX, Phật giáo nước ta có thêm mối giao lưu - tiếp biến khác là Thiền tông Trung Quốc truyền sang với dòng thiền Vô Ngôn Thông. Thiền phái này mang tinh thần nhập thế, phù hợp với sinh hoạt tín ngưỡng dân gian. Chúng ta đã chọn lọc tinh thần nhập thế của thiền Vô Ngôn Thông để tích hợp trong nội dung tư tưởng của mình. Thiền Vô Ngôn Thông trở thành yếu tố ngoại sinh và là một trong những tiền đề cho sự ra đời của thiền Trúc Lâm Yên Tử trước đây và Thiền tông Việt Nam hiện nay.

TK XI, Phật giáo nước ta có thêm mối giao lưu - tiếp biến với thiền phái Thảo Đường. Đây là thiền phái có sự dung hợp giữa Phật giáo và Nho giáo với khuynh hướng bác học hướng vào giới trí thức, đưa Nho giáo đến gần đạo Phật. Thiền Tông Việt Nam đã kế thừa tư tưởng dung hợp giữa Phật và Nho của thiền Thảo Đường. Thiền Thảo Đường là yếu tố ngoại sinh thứ ba, làm tiền đề cho sự ra đời của thiền Trúc Lâm Yên Tử sau này hay Thiền tông Việt Nam hiện nay.

Như vậy, cả ba nguồn tư tưởng đều chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ và Trung Quốc. Do nó “bắt rễ” tại các nền văn hóa trên và bản thân người truyền bá cũng là các thiền sư của Ấn Độ hay Trung Quốc. Tuy vậy, các thiền phái này là chất liệu, tiền đề cho sự ra đời của Thiền tông Việt Nam sau này. Ba thiền phái này được

xem là yếu tố ngoại sinh của Thiền tông Việt Nam, làm cho Thiền tông Việt Nam vừa mang trong mình những đặc trưng cơ bản của Thiền tông, vừa có sự tương đồng và kế thừa nhất định của ba thiền phái trên.

#### *2.1.2.2. Yếu tố nội sinh của Thiền tông Việt Nam*

Thiền tông Việt Nam là kết quả của quá trình giao lưu - tiếp biến văn hóa, trong đó, tín ngưỡng và văn hóa bản địa là yếu tố nội sinh trong quá trình giao lưu tiếp biến. Yếu tố nội sinh chính là “nguyên liệu” cho sự hình thành của Thiền tông Việt Nam, làm cho Thiền tông Việt Nam mang đậm bản sắc dân tộc, giúp khu biệt Thiền tông Việt Nam với các hệ phái Thiền tông khác.

Trước khi đạo Phật vào nước ta, cha ông ta đã có tín ngưỡng thờ Mẫu. Ngay trong buổi đầu du nhập, Phật giáo đã tìm đến tín ngưỡng dân gian để “kết duyên”, bằng truyền thuyết Man Nương và sư Khâu Đà La. Đây là “cuộc hôn nhân thiêng liêng” giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian bản địa. Lóp trầm tích sau câu chuyện là sự giao lưu - tiếp biến văn hóa Việt - Ấn: Mẹ Việt Man Nương và cha Ấn là Khâu Đà La. Ngày kỷ niệm Mẹ Man Nương trùng với ngày sinh Đức Phật Thích Ca: mừng 8 tháng 4. Thời Lý từng đưa hệ thống Tứ Pháp vào chùa để thờ theo kiểu “tiền Thần, hậu Phật”. Các vua nhà Lý - Trần là những người mộ Phật, tiếp thu cội nguồn văn hóa dân tộc, chịu sự dạy dỗ và đào tạo của các thiền sư. Pháp Loa là người chủ trương “dẫn nhân nhập đạo” bằng việc đưa các tín ngưỡng dân gian vào nghi thức của thiền Trúc Lâm. Việc chọn biểu tượng quốc gia “An Nam tứ đại khí” (tháp Báo Thiên, chuông Quy Điền, vạc Phổ Minh, tượng Quỳnh Lâm), phát triển văn hóa, văn học nước nhà, có sự ảnh hưởng, tác động từ tín ngưỡng Tứ pháp. Sau thời Trúc Lâm tam tổ, Thiền tông phát triển theo hướng Phật giáo nhân gian, hay dân gian hóa Thiền tông. Tín ngưỡng dân gian bản địa đã hòa quyện trong Thiền tông. Sự giao lưu - tiếp biến đã tạo cho cả Thiền tông Việt Nam cũng như tín ngưỡng bản địa mang một sắc thái mới không hòa lẫn với Thiền phái khác cũng như tín ngưỡng của nền văn hóa khác.

Giữa Phật giáo với văn hóa dân gian có mối quan hệ giao lưu - tiếp biến. Mối quan hệ đó được thể hiện trong trường hợp cụ thể với Thiền tông Việt

Nam. Xứ sở Ấn Độ có Thái tử Tất Đạt Đa, xuất gia tu hành, chứng ngộ thành Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni thì ở nước ta có thái tử Trần Khâm đời Trần, sau xuất gia, tu hành chứng ngộ và được tôn vinh là Phật Biến Chiếu Tôn. Đạo Phật vào nước ta, quá trình bản địa hóa đòi hỏi tái tạo hình ảnh Phật xuất phát từ trong cội rễ văn hóa dân tộc. Cho nên, Phật của cộng đồng người Việt phải có yếu tố người Việt thật. Tác phẩm *TTTL* ghi rằng Trần Nhân Tông ra đời như vị Phật, vừa gắn liền yếu tố huyền sử, vừa gắn liền yếu tố lịch sử, được tôn kính như vị Giáo chủ của tôn giáo. Trần Nhân Tông từ khi mới sinh đến lúc xuất gia và khi đã ngộ đạo, hoằng hóa, thị tịch chẳng khác gì Đức Phật Thích Ca. Mẫu thân nằm mộng rồi có thai, sinh ra thái tử có nước da vàng ròng, đặt tên “Kim Phật”. Nhân Tông nằm ngủ trong chùa Tư Phúc mơ thấy từ rốn mình mọc lên hoa sen, trên hoa sen có vị Phật, có người chỉ thái tử bảo đó là Biến Chiếu Tôn Phật. Các dữ liệu này cho phép chúng ta kết nối với huyền thoại, huyền sử được ghi trong thần thoại Ấn Độ, hay kinh điển Phật giáo đã được dân gian hóa theo lăng kính văn hóa dân gian Việt Nam. Trần Nhân Tông thị hiện cứu độ người dân Việt gắn liền ba biểu trưng của truyền thống văn hóa dân tộc: thanh kiếm biểu đạt việc chặt đứt phiền não, là anh hùng giải thoát ách xâm lược của ngoại bang; Biến Chiếu Tôn biểu trưng cho Phật đản sinh cứu muôn loài; Kim Tiên đồng tử biểu đạt cho thần tiên xuống trần độ đời. Thực tế, Trần Nhân Tông là anh hùng dân tộc trong sự nghiệp giữ nước, dựng nước, mở nước; vị Phật khai sáng dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử hay Thiền tông Việt Nam.

### *2.1.2.3. Quan hệ giữa yếu tố nội sinh và ngoại sinh*

Sau khi du nhập vào nước ta Phật giáo đã tự điều chỉnh và biến đổi cho phù hợp với tín ngưỡng và tâm thức dân gian của người Việt bằng con đường phong tục hóa, dân gian hóa. Phật giáo đã nhanh chóng thu nạp các yếu tố có lợi cho mình trong hệ thống tín ngưỡng dân gian bản địa. Đó là quá trình giao lưu, thẩm thấu giữa hai dòng chảy văn hóa: văn hóa Ấn Độ và văn hóa Việt. Quá trình Phật giáo hòa nhập với văn hóa bản địa cũng chính là quá trình Phật giáo chủ động tìm chỗ đứng trong tâm linh, trong đời sống tín ngưỡng người Việt. Thực tế đã diễn ra song song hai quá trình: dân gian hóa Phật giáo và Phật giáo hóa văn hóa bản địa.

Thiền tông Việt Nam là sản phẩm của sự giao lưu - tiếp biến văn hóa Việt - Ấn - Trung. Ngay từ đầu, nó đã đặt ra mối quan hệ tương tác giữa văn hóa và tôn giáo. Yếu tố ngoại sinh du nhập vào nền văn hóa bản địa kết hợp với yếu tố nội sinh tạo ra yếu tố mới, mang tính lai tạo độc đáo. Điều này tạo cho nền văn hóa bản địa sự đa dạng, phong phú và hấp dẫn, với kết quả là sự ra đời của Thiền tông Việt Nam, thiền phái riêng của người Việt, vừa mang trong mình tư tưởng Thiền tông, vừa có đặc trưng bản địa (tính dân tộc và tinh thần nhập thế). Việc kết hợp này tạo ra thành tố văn hóa mới mang sắc thái cả hai yếu tố nội và ngoại sinh là phương thức phát triển của văn hóa bản địa theo xu thế đa dạng hóa, phong phú hóa. Phật giáo nói chung cũng như các thiền phái ngoại nhập nói riêng du nhập vào nền văn hóa Việt, thường được cải biến, bản địa hóa khiến chúng khác nhiều so với nguyên bản. Sự có mặt của các yếu tố này trong nền văn hóa bản địa làm thay đổi quan trọng về chất, tạo cho văn hóa bản địa sức bật trong quá trình phát triển của mình. Thiền tông Việt Nam đã khẳng định vị thế của mình trong nền văn hóa dân tộc. Văn hóa Việt Nam là nền văn hóa mở, một mặt bảo vệ bản sắc dân tộc để nhất quán với chính mình, mặt khác không chối từ những ảnh hưởng tích cực của các yếu tố văn hóa ngoại sinh.

Tóm lại, Thiền tông Việt Nam là sản phẩm của quá trình giao lưu - tiếp biến văn hóa ở Việt Nam, là cái riêng, cái bản sắc của Phật giáo Việt Nam. Thiền tông Việt Nam ra đời trên cơ sở của ba dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường kết hợp với tín ngưỡng, văn hóa bản địa. Trong đó, tín ngưỡng bản địa được coi như đất mẹ và 3 dòng thiền ngoại nhập trên được coi như “hạt mầm” của Thiền tông Việt Nam. Thiền tông Việt Nam ra đời, nảy nở từ những “hạt mầm” trong sự nuôi dưỡng của đất mẹ Việt Nam, trên cơ tầng văn hóa Việt Nam. Thiền tông Việt Nam vừa mang trong mình tư tưởng của Phật giáo Ấn Độ, Phật giáo Trung Quốc, vừa thừa hưởng những yếu tố văn hóa dân gian bản địa, để rồi tiếp biến, tạo ra cái riêng, định hình tông phái Phật giáo của người Việt, một mặt phù hợp với truyền thống dân tộc, một mặt “ăn nhập” với thời đại. Đây chính là sự tài tình của người Việt trong quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa.

## 2.2. Văn hóa Thiền tông Việt Nam

### 2.2.1. Những biểu hiện của văn hóa Thiền tông Việt Nam

#### 2.2.1.1. Sinh hoạt thiền

Hiện nay, hệ thống thiền viện Trúc Lâm do hòa thượng Thích Thanh Từ khởi dựng tổ chức và duy trì đều đặn các khóa tu thiền cho nhiều đối tượng thiền sinh khác nhau. Đây là cách làm cụ thể để những người phục hưng Thiền tông Việt Nam phát huy giá trị tư tưởng của nó. Trong Luận án của mình, tác giả tập trung tìm hiểu sinh hoạt thiền tại 5 thiền viện là: Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử, Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên, Thiền viện Trúc Lâm An Tâm, Thiền Viện Trúc Lâm Giác Tâm và Thiền viện Trúc Lâm Sùng Phúc và trường ảnh hưởng của các thiền viện này trong không gian văn hóa Bắc Bộ. Dưới góc độ văn hóa học, khóa thiền là hoạt động văn hóa, nơi lưu truyền giá trị tư tưởng Thiền tông Việt Nam. Hoạt động của các khóa thiền xoay quanh nội dung Phật pháp tại tâm, Kiến tánh thành Phật, đề cao ý thức dân tộc và tinh thần nhập thế.

Theo khảo sát và tìm hiểu thực tế tác giả được biết, trong thời gian 5 năm từ 2010 đến 2015, thiền viện Sùng Phúc thường tổ chức các khóa thiền dành cho thiền sinh nhiều lứa tuổi khác nhau. Đặc biệt, Chủ nhật hàng tuần, thiền viện tổ chức lớp tu học dành cho thanh, thiếu niên. Họ được hướng dẫn tọa thiền, tu học Phật pháp, tham gia sinh hoạt văn hóa - xã hội... Thiền viện duy trì chương trình sinh hoạt hè do Ban Thiếu nhi - Đoàn Thanh niên Phật tử Trần Thái Tông Thiền viện Trúc Lâm Sùng Phúc tổ chức [18] với các hoạt động như: Tết thiếu nhi, lễ mừng sinh nhật, Tết trung thu, lễ cài hoa hồng mùa Báo hiếu... Hoạt động này giúp thiếu niên hiểu đúng về Phật pháp; thực hành lối sống Lục hòa, tham gia các hoạt động cứu trợ xã hội, từ thiện nhân đạo...

Tại thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên, cũng trong 5 năm trở lại đây (2010 đến 2015) thường tổ chức khóa tu thiền cho nhiều đối tượng khác nhau trong đó đặc biệt nhất là *Khóa tu mùa hè* cho thanh, thiếu niên. Năm 2014 thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên mở 06 khóa tu cho thanh thiếu niên, mỗi khóa khoảng 200 thiền sinh kéo dài trong 6 ngày. Đến với khóa học, thiền sinh nhỏ tuổi được nghe giảng về đạo lý nhà

Phật, hiếu lễ với cha mẹ, ông bà, không trộm cắp, lừa đảo, không nói dối. Trẻ em quá hiếu động được dạy ngồi thiền để tâm trí tĩnh hơn... Bên cạnh đó, thiền sinh nhỏ tuổi được khám phá thiên nhiên, tự giặt quần áo, rửa bát của mình sau khi ăn, điều mà nhiều trẻ thành phố ít khi tự làm. Ngoài ra, các thiền sinh này còn được tham gia vui chơi giải trí, thể dục thể thao, giao lưu văn hóa văn nghệ, trao đổi kỹ năng sống...[73].

Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử cũng duy trì các khóa tu thường xuyên trong 5 năm trở lại đây, đặc biệt là khóa tu mùa hè cho thiếu niên [74]. Những thiền sinh này từ 10 tuổi đến 15 tuổi trở lên... Thời khóa tu tập: 5 giờ 30 phút thể dục, ăn sáng, lao động; sau giờ nghỉ trưa, buổi chiều các thiền sinh học đạo lý, 18 giờ tham gia tụng kinh sám hối; 22 giờ đi ngủ. Thiền sinh được thầy, cô trong Ban giáo thọ thiền viện giảng về chữ hiếu, luật nhân quả, tiểu sử đức Phật, 10 điều pháp giới. Thiền sinh phải tự dọn phòng ở, giặt quần áo, phụ giúp nấu ăn, rửa bát... Trung bình, mỗi khóa thiền ở đây thu hút khoảng 200 thiền sinh. Mỗi năm thiền viện tổ chức hàng chục khóa cho thiền sinh mọi lứa tuổi, trong đó có khoảng 10 khóa tu cho thiền sinh là thanh thiếu niên. Mỗi khóa tu thường kéo dài 1 tuần.

Theo ước tính, từ năm 2010 cho đến nay, thiền sinh tham gia khóa thiền do 5 thiền viện ( Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử, Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên, Thiền viện Trúc Lâm An Tâm, Thiền Viện Trúc Lâm Giác Tâm và Thiền viện Trúc Lâm Sùng Phúc) tổ chức đã lên đến hàng vạn lượt. Thông qua việc làm bình thường, hằng ngày, thiền sinh được tiếp cận Phật pháp, hướng tới tâm Phật và giác ngộ. Có thể nhận thấy, sinh hoạt thiền có rất nhiều điểm, nhiều hoạt động phù hợp với cuộc sống hiện đại, không còn mang nặng tính nghi thức của tôn giáo. Một số hoạt động có điểm tương đồng với các tôn giáo khác (thực hành sám hối, từ thiện, răn dạy đạo đức...). Vận dụng Lý thuyết giao lưu - tiếp biến văn hóa để lý giải điều này thì đây là kết quả của quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa. Ở góc độ nhất định, sinh hoạt thiền hướng con người, đặc biệt là thanh thiếu niên tới giá trị đạo đức phù hợp với truyền thống, đạo lý dân tộc, góp phần định hướng lối sống lành mạnh và nhân cách của họ. Việc các thiền viện thu hút lượng không nhỏ thiền sinh thời gian qua rõ ràng là điều rất đáng quan tâm, đặc biệt là trong xã hội hiện nay khi mà con người phải đối mặt với nhiều áp lực



thì giá trị tư tưởng Thiền tông Việt Nam ít nhiều tỏ ra phù hợp với một bộ phận người dân, trong đó có thanh thiếu niên, lứa tuổi được cho là phù hợp với hoạt động cộng đồng và dễ tiếp thu giá trị từ môi trường xã hội.

#### 2.2.1.2. Lối sống

Văn hóa Thiền tông Việt Nam còn được biểu hiện qua lối sống. Đây chính là giá trị văn hóa tinh thần mà cha ông để lại cho chúng ta. Nó được bắt nguồn ngay từ người sáng lập thiền Trúc Lâm là Trần Nhân Tông. Trần Nhân Tông là vị vua luôn lo cho dân, cho nước. Vì lo con người dễ bị mất gốc, dễ lạc vào đường ác nên ông đã kêu gọi “tu theo thập thiện”. Ông mở lớp thuyết pháp ở nhiều nơi, khuyên mọi người thực hành 10 điều thiện: 1. Không sát sinh; 2. Không trộm cắp; 3. Không tà dâm; 4. Không nói dối; 5. Không nói lời chia rẽ; 6. Không nói lời độc ác; 7. Không nói lời bần thiêu; 8. Không tham lam; 9. Không giận dữ; 10. Không tà kiến. Ông tìm cách dẫn dắt người dân tin vào Phật. Hành động cụ thể bằng mười điều thiện để xây dựng cho nhân dân nền tảng đạo đức Thiền tông. Sau khi xuất gia, Trần Nhân Tông luôn giữ nếp sống đạo hạnh, giản dị, trong sáng. Ông đã bỏ địa vị cao sang tốt cùng, chấp nhận cuộc sống tu hành khổ hạnh với ý chí quyết tâm lớn. Ông muốn xây dựng xã hội Đại Việt lấy đạo đức làm nền tảng.

Giá trị tư tưởng của Thiền tông Việt Nam góp phần hình thành mẫu thức sống cần thiết cho xã hội văn minh mà chúng ta hướng tới. Bởi thứ nhất, Thiền tông Việt Nam thể hiện nhân sinh quan thực tế. Đó chính là nhập thế, tích cực hoạt động để tạo an lành, hạnh phúc cho xã hội. “Cư trần lạc đạo” với nội dung nhập thế tích cực giúp đời hành đạo - hành đạo giúp đời là điểm nổi bật của Thiền tông Việt Nam. Thứ hai, Thiền tông Việt Nam thể hiện nhân sinh quan giản dị. Chuyện tu hành đơn giản như đói ăn, mệt ngủ: “*Ở đời vui đạo hãy tùy duyên /Đói đến thì ăn một ngủ liền/ Trong nhà có báu thôi tìm kiếm/ Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiền*”(Cư trần lạc đạo). Quan niệm về thiền tự nhiên, đơn giản nhưng không dễ thực hiện vì con người thường bị phân tán, vương vấn bởi nhiều điều, nhiều mối lo cuộc sống. Khi chú ý tập trung vào hiện tại, vào việc mình đang làm, chính đó là lúc thiền hiển

hiện, không cần tìm cầu. Chính sự đơn giản này mà thiền có thể thu hút nhiều người. Nó cũng phù hợp với triết lý sống giản dị, gần gũi với tự nhiên của người Việt. Thứ ba, Thiền tông Việt Nam thể hiện lối sống linh hoạt, lạc quan. Giữa những lo toan mệt mỏi của cuộc sống, Thiền tông Việt Nam dạy chúng ta thoát khỏi căng thẳng, hòa mình để thích nghi và lạc quan. Tinh thần thiền như vậy là liệu pháp cần thiết với một dân tộc thường xuyên phải gánh chịu hậu quả từ chiến tranh và thiên tai như dân tộc ta. Thứ tư, Thiền tông thể hiện tư tưởng bao dung, nhân hậu, hòa bình phù hợp với tính cách người Việt. Thiền tông Việt Nam với lối sống phóng khoáng khỏe khoắn, giàu chất nhân văn là nguồn gốc tạo nên sức mạnh tinh thần của thời đại.

Giá trị tư tưởng và những hoạt động cụ thể của Thiền tông Việt Nam hiện nay giúp con người tự giáo dục bản thân, trở về với chính mình, với thực tại, nhìn đúng sự vật như chính nó. Sinh hoạt thiền tại các thiền viện đã thu hút một lượng không nhỏ Phật tử gồm các thành phần, lứa tuổi trong xã hội đến tu tập. Thông qua khóa tu thiền, mỗi người nhận ra giá trị cuộc sống, sống hướng thiện và hành thiện trong tinh thần bao dung, nhân hậu, hòa bình, xóa đi khoảng cách giữa các thành phần trong xã hội. Điều đặc biệt là ngay cả khi đã trở về với công việc và cuộc sống hằng ngày, không còn tham gia các khóa thiền thì họ vẫn duy trì và thực hiện đạo đức, lối sống Thiền tông. Xét dưới góc độ văn hóa thì những giá trị nhân văn, nhân đạo trong hoạt động của Thiền tông Việt Nam hiện nay là những giá trị cần thiết, cơ bản, bền vững trong văn hóa cộng đồng, văn hóa ứng xử, văn hóa đạo đức người Việt Nam. Tư tưởng của Thiền tông Việt Nam đã thấm nhuần trong một bộ phận nhân dân. Ở góc độ nào đó, chính họ đã trở thành những tế bào tích cực của xã hội, tham gia giữ gìn một “cơ thể” khỏe mạnh cho xã hội, đồng thời tự hoàn thiện và xây dựng nhân cách cho chính mình - một nhân cách của văn hóa Thiền tông.

Có thể nói, Thiền tông Việt Nam đã góp phần trong việc xây dựng và hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam cả trong quá khứ và hiện tại. Đây cũng chính là nét đặc sắc của văn hóa Thiền tông Việt Nam, khiến cho nó chỉ có thể là thiền Việt Nam, phục vụ người Việt Nam, duy trì và bồi đắp cá tính Việt.

### 2.2.1.3. Văn học

Trong nhiều biểu hiện của văn hóa Thiền tông Việt Nam, văn học Thiền tông Việt Nam dường như là hình thức biểu đạt rõ nhất. Văn học Thiền tông trong quá khứ là di sản văn hóa tinh thần góp phần chuyển tải tư tưởng Thiền tông, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, là tài sản tinh thần cha ông để lại cho ngày hôm nay. Văn học Thiền tông ở hiện tại là những sáng tác mang đậm chất thiền hoặc những sáng tác, nghiên cứu có liên quan đến Thiền tông Việt Nam của các thi sĩ, thiền sư, người mộ Phật hoặc nhà nghiên cứu. Các sáng tác đậm chất thiền có đặc điểm là hướng con người đối diện với chính mình, với thực tại, chỉ còn ta với ta, ta với thực tại, vượt qua mọi hình thức giáo điều để nhận ra chân tướng cuộc sống. Dòng văn học ấy vẫn đang tuôn chảy từ trong quá khứ tiếp tục ở hiện tại với những hình thức và thể tài phong phú.

Tiêu biểu nhất trong văn học Thiền tông trong quá khứ có lẽ là thơ thiền. Thơ thiền là loại hình nghệ thuật mà ở đó thơ và thiền có sự thăng hoa, hòa quyện làm một. Từ việc “dẫn thi ngụ thiền” để rồi “dẫn thiền nhập thi” đã đem đến cho thơ thiền vẻ đẹp tráng lệ. Thơ thiền trở thành một phần của đời sống tinh thần, nghệ thuật thời Trần, thể hiện rõ tính dân tộc và tinh thần nhập thế. Tác giả của những vần thơ thiền cũng đồng thời là những danh nhân văn hóa. Tiêu biểu trong số họ phải kể đến Không Lộ, Trần Thái Tông, Tuệ Trung, Trần Nhân Tông, Huyền Quang... Trong đó, Không Lộ (? - 1119) là nhà thơ thiền tiêu biểu thời Lý. Ông đã để lại hai bài thơ thuộc loại hay nhất của thơ thiền nước ta. Đó là bài *Ngôn hoài* và *Ngư nhàn*. Từ năm 1990, thơ thiền của Không Lộ được đưa vào giảng dạy ở bậc phổ thông trung học, đã khiến ông trở thành nhà thơ quen thuộc với độc giả hiện đại.

Trần Thái Tông (1218 - 1277) là một trong những nhà thiền học lớn nhất thời Trần. Ông là vị vua có nhiều tâm sự, ẩn ức và duyên nợ với Phật giáo. Thơ Thái Tông chủ yếu là thơ sám hối. Chủ đề sám hối giúp chúng ta lý giải động cơ, mục đích sáng tác và khám phá thế giới tâm hồn Trần Thái Tông. Thơ ông tạo ra nét riêng đậm chất dân tộc và tinh thần nhập thế.

Tuệ Trung Thượng Sĩ Trần Tung (1230 - 1291): Tác phẩm của ông chỉ còn lại tập *Thượng sĩ ngữ lục*, nhưng đây là tập thơ thiền đặc sắc. Thơ Trần Tung mang tính phóng khoáng của người không bị ràng buộc vào bất kỳ tín điều nào. Đó là tiền thân của những bài thơ ngông, thơ cuồng đặc sắc trong lịch sử văn học của Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Tản Đà... sau này.

Trần Nhân Tông (1258 - 1308): Nét độc đáo trong thơ thiền Trần Nhân Tông là tư tưởng nhập cuộc trong tinh thần "cư trần lạc đạo" (ở cõi trần vui với đạo), đạo với đời là "vô phân biệt", đều có, đều không. Trong nhiều sáng tác của ông, chất thiền đậm nét nhất phải kể đến bài *Thiền trường vãn vọng*:

*Thôn hậu, thôn tiền đạm tự yên,  
Bán vô, bán hữu, tịch dương biên,  
Mục đồng địch lý quy ngư tạn,  
Bạch lộ song song phi hạ điền  
(Trước xóm sau thôn tựa khói lồng,  
Bóng chiều dường có lại dường không,  
Mục đồng sáo vắng trâu về hết  
Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng).*

Ông là nhà thơ của thực tiễn, của cuộc đời với tư tưởng "cư trần lạc đạo", "hòa quang đồng trần".

Huyền Quang là thi sĩ thiền nổi tiếng thời Trần, đại biểu ưu tú nhất của *dòng thơ thiền thiên về trữ tình* nước ta. Những sáng tác của Huyền Quang hiện chỉ còn 24 bài thơ chữ Hán và một bài phú Nôm. Thơ ông thiên về tâm sự cá nhân, những cảm xúc, tâm trạng sâu kín trước cuộc đời. Đây cũng là biểu hiện của tinh thần nhập thế trong thơ Huyền Quang.

Bên cạnh thơ thiền, văn học Thiền tông Việt Nam trong quá khứ còn bao gồm nhiều thể tài khác. Trong khuôn khổ Luận án, tác giả viện dẫn một số tác phẩm mang tính kinh điển được nhắc đến và sử dụng trong nhiều nghiên cứu. Đó là các tác phẩm thuộc thể loại ngữ lục như *Thánh đẳng ngữ lục*, *Thiền uyển tập anh ngữ lục* hay còn gọi là *Thiền uyển tập anh*, *Thượng sĩ ngữ lục*, *Thạch thất mị ngữ*, *Thiền*

*lâm thiết chủ ngữ lục* (đã thất truyền), *Đoạn sách lục*, *Phổ Tuệ ngữ lục* (đã thất truyền), *Hương Hải thiền sư ngữ lục*... Trong đó, *Thiền uyển tập anh* là tác phẩm tiêu biểu nhất, có giá trị về sử học, triết học, ngôn ngữ và văn học... tập hợp ghi chép về hành trạng, lời giảng đạo, vấn đáp của “các vị anh tú trong vườn thiền” nước ta. Bên cạnh ngữ lục, thơ viết bằng chữ Nôm đậm chất dân tộc (phú, kệ, thơ lục bát, song thất lục bát)... cũng là một thể tài của văn học Thiền tông. Tiêu biểu là tác phẩm *Thiền tông bản hạnh*; *Vịnh Vân Yên tự phú*; *An Tử sơn Trúc Lâm Trần triều*,... *Thiền tông bản hạnh* là cuốn sách Nôm được sưu tập và biên soạn vào thời Lê; trong đó, có bài viết theo thể thơ lục bát của Chân Nguyên kể về sự tích thiền phái Trúc Lâm và trước tác của các vị sư tổ Thiền tông thời Trần.

Văn học thiền hiện đại bắt đầu từ đầu TK XX. Đến nay, dòng văn học ấy có số lượng khá lớn tác giả, tác phẩm, thể tài, góp phần làm cho thiền lan tỏa trong cuộc sống. Các sáng tác này là sự tôn vinh, đề cao ý thức dân tộc. Ngoài thơ thiền, những công trình nghiên cứu về dòng thiền dân tộc, còn có những sáng tác sử dụng nhãn quan thiền để viết về cuộc sống, quê hương, đất nước. Đó là những bài văn, bài thơ, truyện, bài trao đổi, dịch thuật, nghiên cứu, biên khảo... Có thể kể đến như Thích Mãn Giác với *Phật học - Thiền học và thi ca*; Nguyễn Đăng Thục với *Đại quan tư tưởng thời đại nhà Trần*; *Thiền học tổ Trúc Lâm An Tử*; *Núi An Tử với Thiền học Trúc Lâm*; Thích Thanh Từ với nhiều tác phẩm: *Bích Nham Lục* (dịch 1995/2002), *Kinh Pháp Bảo Đàn giảng giải* (1993/1999), *Thiền Tông Việt Nam Cuối Thế Kỷ 20* (1992/1998),... Thích Nhất Hạnh với *Tương lai Thiền học Việt Nam*, *Việt Nam Phật giáo sử luận*; *Thả một bè lau*,... Thích Phước An với *Thiền sư Huyền Quang và con đường trầm lặng mùa thu*, Minh Chi với *Góp phần tổng kết Phật giáo đời Trần*; Nguyễn Huệ Chi với *Trần Tung, một gương mặt lạ trong làng thơ Thiền Lý - Trần*, *Động và tĩnh của đất nước qua thơ ca các vị vua thi sĩ thời Trần*,... Nguyễn Phương Chi với *Huyền Quang, nhà sư - thi sĩ*; Nguyễn Duy Hình với *Yên Tử - Vua Trần - Trúc Lâm*; Kiều Thu Hoạch với *Tìm hiểu thơ văn các nhà sư Lý - Trần*; Đỗ Văn Hỷ với *Câu chuyện Huyền Quang và cách đọc thơ thiền*; Phạm Ngọc Lan với *Trần Nhân Tông và cảm hứng thiền trong thơ*; Đoàn Thu Vân

với *Một vài nhận xét về ngôn ngữ thơ thiền Lý - Trần, Khảo sát một số đặc trưng nghệ thuật của thơ thiền Việt Nam thế kỷ XI - thế kỷ XIV*; Những nghiên cứu của Lê Mạnh Thát như *Toàn tập Trần Thái Tông; Toàn tập Trần Nhân Tông; Toàn tập Minh Châu Hương Hải; ...* [55]. Công trình của Ủy ban Khoa học Xã hội, Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, Nxb Khoa học Xã hội, năm 1978, gồm 3 tập, đã sưu tầm, dịch thuật và giới thiệu hầu như đầy đủ các tác phẩm văn học Phật giáo thời Lý - Trần... Mỗi bài thơ, câu thơ là triết lý, là tư tưởng thấm đẫm chất thiền, là khoảnh khắc thực của tâm trạng trước cuộc sống bằng mắt nhìn thiền quán.

Các sáng tác tại hải ngoại về thiền có đủ thể loại như thơ, truyện dài, truyện ngắn, kịch, ký, nghị luận, nghiên cứu. Về thơ có những nhà thơ như Nhật Hạnh, Huyền Không, Phạm Công Thiện, Thích Tâm Châu, Thích Giác Nhiên,... Về truyện và ký có Nhã Ca, Viên Linh, Trần Kiêm Đoàn, Trần Trung Đạo, Vĩnh Hảo,... Về biên khảo, nghị luận, nghiên cứu có Thích Mãn Giác, Nhật Hạnh, Thích Thắng Hoan, Thích Đức Niệm, Thích Phụng Sơn,... Có thể kể đến nhà thơ Hoa Lục Bình với các sáng tác thơ thiền *Tìm lại thời gian, Vui tu học, Xuân về khắp nẻo, Nhớ ơn thầy; ...* Thích nữ Chân Nguyên với *Cõi Thiền, Mười lăm năm hoài niệm, Xuân không, Mộng - Tỉnh, Tĩnh lặng, ...* Thích Quảng Lục với *An cư vui đạo, Niềm an lạc trong mùa Hạ; Thích Thông Thiền với Lời kẻ đang trình... Không hề quá khi nói có một phong trào sáng tác văn học Thiền tông tại hải ngoại. Họ mượn thiền để diễn tả tình cảm với quê hương, đất nước, với truyền thống - những điều thiêng liêng, trân trọng trong tâm hồn họ. Suy đến cùng, đây chính là tính dân tộc và tinh thần nhập thế mà các sáng tác văn học thiền này đã chuyển tải.*

Có thể thấy, tư tưởng Thiền tông thông qua ngòi bút của các tác giả đương đại được chuyển tải gần gũi hơn với cuộc sống. Các tác giả đã dùng triết lý thiền để lý giải những vấn đề của cuộc sống, đồng thời luận giải tư tưởng Thiền tông thông qua các sáng tác văn học. Dòng văn học ấy dường như đã bước ra ngoài trang sách để thâm nhập vào cuộc sống, khiến cho thiền không chỉ là những luận thuyết tôn giáo mà trở thành mẫu thức sống trong xã hội hiện nay, đồng thời luôn mang trong mình ý thức dân tộc từ trong quá khứ đến hiện tại.

#### 2.2.1.4. Lễ hội

Các nghi thức tưởng niệm Tam tổ Trúc Lâm đã được nâng lên thành lễ hội. Trong giới hạn Luận án, tác giả viện dẫn một số lễ hội tiêu biểu có nguồn gốc tưởng niệm Tam tổ Trúc Lâm. Cũng cần khẳng định rằng, tác giả không hướng tới việc chứng minh những lễ hội được đề cập là của văn hóa Thiền tông Việt Nam mà luôn ý thức lễ hội vốn là sản phẩm văn hóa của cộng đồng. Mục đích của tác giả là chỉ ra biểu hiện văn hóa có yếu tố/liên quan đến Thiền tông hoặc Thiền tông mang tính trội mà ở đây là các lễ hội có nguồn gốc tưởng niệm Tam tổ Trúc Lâm.

Lễ hội Yên Tử là một trong những lễ hội lớn nhất vào mùa xuân ở nước ta về cả quy mô và thời gian trải hội. Đây là lễ hội trọng điểm trong đời sống văn hóa tâm linh của người Việt Nam. Hiện nay chưa có tài liệu nào xác định thời gian chính xác sự ra đời của lễ hội Yên Tử nhưng các tài liệu đều chung một kết luận mục đích của lễ hội Yên Tử nhằm chiêm bái chốn tổ thiền Trúc Lâm, tưởng nhớ những người có công khai sáng và phát triển dòng thiền dân tộc. Hằng năm, vào ngày 10 tháng Giêng âm lịch, lễ khai mạc được tổ chức với nhiều hoạt động như: lễ dâng hương cúng Phật, bái tổ Trúc Lâm; văn nghệ diễn xướng tái hiện huyền thoại về Tam Tổ Trúc Lâm; Lễ khai ấn "Dấu thiêng chùa Đồng"... Lễ hội Yên Tử diễn ra từ tháng Giêng đến hết tháng Ba âm lịch. Ngoài lễ hội vào mùa xuân, hằng năm tại Yên Tử cũng diễn ra những hoạt động tưởng niệm:

- Ngày 01 tháng 11 (âm lịch): Ngày tưởng niệm Phật Hoàng Trần Nhân Tông nhập Niết bàn. Ngày giỗ Sơ Tổ Trúc Lâm đã được Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam chọn làm ngày Đại lễ của Phật giáo Việt Nam.

- Ngày mừng 03 tháng 03 (âm lịch): Ngày giỗ Đệ Nhị Tổ Pháp Loa.

- Ngày 23 tháng Giêng (âm lịch): Ngày giỗ Đệ Tam Tổ Huyền Quang.

- Ngày 18 tháng 02 (âm lịch): Ngày giỗ thiền sư Chân Nguyên.

- Ngày 15 tháng 04 (âm lịch): Ngày Đại lễ Phật Đản.

Những nghi lễ và hoạt động tưởng niệm trong lễ hội tại Yên Tử chứng tỏ ý thức hướng về cội nguồn, về dân tộc, là hình thức biểu hiện tinh thần dân tộc trong

tư tưởng Thiền tông. Mặt khác, lễ hội có sự giao thoa, dung hợp với tín ngưỡng văn hóa bản địa như tái hiện huyền thoại Tam Tổ, văn nghệ diễn xướng, khai ấn... Điều này thể hiện sự hòa nhập của Thiền tông Việt Nam với văn hóa bản địa, trở thành một phần trong văn hóa cộng đồng người Việt. Đây chính là tinh thần nhập thế, tùy duyên trong tư tưởng Thiền tông Việt Nam.

Lễ hội chùa Côn Sơn (Lễ hội Côn Sơn, Lễ hội chùa Hun), bắt nguồn từ ngày giỗ Trúc Lâm Đệ Tam Tổ - Huyền Quang (TK XIV), Lễ hội diễn ra từ ngày 15 đến ngày 22 tháng Giêng hằng năm. Từ thời Lê Sơ, lễ hội chùa Côn Sơn đã được tổ chức quy củ. Lễ hội là hoạt động tưởng nhớ các bậc tiền nhân đã khai sáng và phát triển dòng thiền dân tộc.

Lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm (Hội chùa La) được tổ chức từ ngày 12 đến ngày 14 tháng 2 âm lịch hằng năm, tại thôn Đức La, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Đây là lễ hội lớn trong vùng chứa đựng nhiều giá trị về văn hóa, lịch sử, khoa học và tâm linh. Nét độc đáo của lễ hội thể hiện ở phần lễ và phần hội. Phần lễ diễn ra trang trọng, đi đầu là đoàn rước của các làng với cờ, lọng, gươm trường, bát bửu, múa lân, rước kiệu. Tham gia rước kiệu là những nam thanh, nữ tú. Đi sau đoàn rước là các cụ ông, cụ bà. Kiệu được rước vào khu vực Tiền đường, Tam bảo và Nhà tổ Đệ Nhị Pháp Loa. Lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm thể hiện truyền thống đạo lý uống nước nhớ nguồn, tưởng nhớ đến công lao Tam tổ, gắn bó cộng đồng làng xã, giáo dục và hướng con người đến những điều chân - thiện - mỹ. Lễ hội là biểu hiện sinh động việc đề cao ý thức dân tộc. Mặt khác, những lớp văn hóa dân gian bản địa được thể hiện trong lễ hội cũng cho thấy tinh thần nhập thế linh hoạt của Thiền tông Việt Nam để tồn tại và bắt rễ sâu trong cộng đồng người Việt.

Các thiền viện, thiền tự của Thiền tông Việt Nam do hòa thượng Thích Thanh Từ khởi xướng vẫn tiếp tục duy trì truyền thống, tôn vinh Tam Tổ Trúc Lâm. Tại đây, vào ngày giỗ của từng vị Tam Tổ, đều tổ chức nghi lễ long trọng để ôn lại truyền thống, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn, tinh thần hiếu kính với các bậc tiền nhân có công khai sáng Thiền tông Việt Nam. Những hoạt động này chứng minh dòng chảy mạnh mẽ và sức sống mãnh liệt của văn hóa Thiền tông Việt Nam



xuyên suốt từ trong quá khứ tới hiện tại. Các nghi lễ này một lần nữa khẳng định tính dân tộc và tinh thần nhập thể trong tư tưởng Thiền tông Việt Nam.

#### 2.2.1.5. Kiến trúc, mỹ thuật

Kiến trúc, mỹ thuật Thiền tông gồm một số di tích có nguồn gốc thờ Tam Tổ Trúc Lâm và hệ thống thiền viện Trúc Lâm. Đây là các giá trị văn hóa vật chất của văn hóa Thiền tông Việt Nam. Tác giả hướng tới việc hệ thống những di tích, công trình kiến trúc có liên quan hoặc có dấu ấn Thiền tông Việt Nam mà không nhằm chứng minh những công trình này thuộc về Thiền tông Việt Nam. Bởi trong văn hóa Việt Nam nói chung và hệ thống di tích nước ta nói riêng, khó có thể bóc tách riêng biệt đâu là một di tích thuần Phật giáo. Trong các ngôi chùa, đặc biệt là ở miền Bắc ngoài thờ Phật còn xuất hiện một số tín ngưỡng bản địa như thờ Mẫu, thờ những người có công, thậm chí cả những tôn giáo khác. Thực tế, chúng ta khó phân biệt đâu là di tích, kiến trúc của Thiền tông, Mật tông hay Tịnh Độ tông, cũng như khó phân biệt đâu là di tích, kiến trúc mang đặc trưng của từng phái thiền. Lịch sử hình thành các thiền phái ở nước ta cũng cho thấy chốn tổ của thiền phái này từng là nơi sinh hoạt của thiền phái kia.

Theo cách phân chia của nhà nghiên cứu Tống Trung Tín [111, tr. 689 - 696] và Trịnh Hoàng Hiệp [72, tr.408 - 413], các di tích thuộc thiền phái Trúc Lâm trước đây gồm 2 loại là di tích liên quan đến Trần Nhân Tông và di tích liên quan đến sự phát triển của thiền Trúc Lâm. Các di tích này được phân loại và hệ thống theo bảng 2.1 và bảng 2.2:

**Bảng 2.1. Các di tích liên quan đến Trần Nhân Tông**

| STT | Tên di tích        | Địa phương | Ý nghĩa/mục đích của di tích                                      |
|-----|--------------------|------------|-------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Khu di tích Yên Tử | Quảng Ninh | - Nơi tu luyện, giảng pháp độ kinh.<br>- Nơi viên tịch, đặt xá lị |
| 2.  | Chùa Phổ Minh      | Nam Định   | - Nơi truyền đạo.<br>- Nơi đặt xá lị.                             |
| 3.  | Chùa Sùng Nghiêm   | Hải Dương  | - Nơi truyền đạo.                                                 |
| 4.  | Chùa Báo Ân        | Hà Nội     | - Nơi truyền đạo.                                                 |

|    |                  |            |                   |
|----|------------------|------------|-------------------|
| 5. | Chùa Vĩnh Nghiêm | Bắc Giang  | - Nơi truyền đạo. |
| 6. | Am Tri Kiến      | Quảng Bình | - Nơi truyền đạo. |

**Bảng 2.2. Các di tích liên quan đến thiền phái Trúc Lâm Yên Tử**

| STT | Tên di tích                         | Địa phương | Ý nghĩa/mục đích của di tích                                              |
|-----|-------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Chùa Côn Sơn                        | Hải Dương  | thờ tượng Tam tổ, nơi trụ trì, viên tịch của Huyền Quang.                 |
| 2.  | Chùa Thanh Mai                      | Hải Dương  | thờ tượng Tam tổ, nơi trụ trì và viên tịch của Pháp Loa.                  |
| 3.  | Chùa Đồng Cao                       | Hải Dương  | thờ tượng Tam tổ, tượng Điều Ngự Phật Hoàng, tháp xá lị Như Cầm thiền sư. |
| 4.  | Chùa Đồng Ngộ                       | Hải Dương  | thờ Chân Nguyên thiền sư.                                                 |
| 5.  | Chùa Hào Xá                         | Hải Dương  | thờ tượng Phật hoàng và 3 cư sĩ họ Trần.                                  |
| 6.  | Chùa Nứa (chùa Cả)                  | Hải Dương  | thờ tượng Phật hoàng.                                                     |
| 7.  | Chùa Vĩnh Khánh                     | Hải Dương  | thờ tượng Huyền Quang.                                                    |
| 8.  | Chùa Diên Khánh<br>(Chùa Toại An)   | Hải Dương  | thờ tượng Huyền Quang.                                                    |
| 9.  | Chùa Linh Ứng                       | Hải Dương  | thờ tượng Trần Nhân Tông.                                                 |
| 10. | Chùa Quang Khánh<br>(chùa Muống)    | Hải Dương  | thờ thiền sư Tuệ Nhãn.                                                    |
| 11. | Chùa Duyên Khánh<br>(chùa Dừa)      | Hải Dương  | thờ tượng Tam tổ.                                                         |
| 12. | Chùa Minh Khánh<br>(chùa Hương Đại) | Hải Dương  | thờ tượng Phật hoàng; còn lưu huyết thư tháp, 9 xá lị của Phật hoàng.     |

|     |                                   |           |                     |
|-----|-----------------------------------|-----------|---------------------|
| 13. | Chùa Sùng Nghiêm                  | Hải Dương | thờ tượng Tam tổ.   |
| 14. | Chùa Phúc Thắng<br>(Chùa Văn Xá)  | Hải Dương | thờ tượng Pháp Loa. |
| 15. | Chùa Vĩnh Nghiêm<br>(chùa Đức La) | Bắc Giang | thờ tượng Tam tổ.   |
| 16. | Chùa Hồ Bắc (Nghĩa Hưng)          | Bắc Giang | thờ tượng Tam tổ.   |
| 17. | Chùa Bình Long                    | Bắc Giang | thờ tượng Tam tổ.   |
| 18. | Chùa Cao                          | Bắc Giang | thờ tượng Tam tổ.   |
| 19. | Chùa Hang Non                     | Bắc Giang | thờ tượng Tam tổ.   |
| 20. | Chùa Yên Nhã                      | Bắc Giang | thờ tượng Tam tổ.   |
| 21. | Chùa Duồng Lái                    | Bắc Giang | thờ tượng Tam tổ.   |

Như vậy, có thể thấy những di tích liên quan/có dấu ấn của thiền Trúc Lâm trước đây còn lại đến ngày nay tương đối nhiều. Tác giả Luận án lựa chọn một số di tích kể trên có ảnh hưởng trực tiếp đến lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội hiện nay để phân tích.

Khu di tích Yên Tử là cái nôi khởi nguồn của Thiền tông Việt Nam. Khu di tích này đã được nhà nước xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt. Các di tích tại Yên Tử có mật độ khá dày. Chùa Hoa Yên là trung tâm của hệ thống chùa, tháp Yên Tử. Hơn 700 năm trước, chùa Hoa Yên là nơi Trần Nhân Tông tu hành và giảng đạo. Đến thời Pháp Loa, chùa được xây dựng với quy mô lớn. Năm 1317, Huyền Quang được Pháp Loa truyền y - bát, tâm kệ và về trụ trì tại đây. Nhà Tổ thờ Tam tổ Trúc Lâm và tượng Trần Nhân Tông nhập niết bàn, tượng Bảo Sái. Khu di tích còn có vườn Tháp Huệ Quang, trong đó có Tháp Tổ Huệ Quang. Tháp Tổ là nơi lưu giữ xá lị Trần Nhân Tông. Trong tháp thờ bảo tượng Trần Nhân Tông ngồi thiền, tạc bằng

đá cẩm thạch. Vườn tháp là nơi lưu giữ xá lị của các thiền sư tu hành ở Yên Tử trải qua thời Lý, Trần, Lê, Nguyễn.

Chùa Phổ Minh là một trong những di sản văn hóa vật chất đại diện cho văn hóa Thiền tông Việt Nam. Đây là nơi gắn với sự truyền đạo và hiện lưu giữ xá lị của Trần Nhân Tông. Di tích có giá trị nhất ở đây là tháp Phổ Minh cao 13 tầng. Hiện ở tầng 11 lưu giữ hộp xá lị Phật. *Niết Bàn kinh* cho biết có 4 hạng người được xây tháp trong đó có Phật Điều Ngự. Điều này ứng với Trần Nhân Tông vì ông có hiệu Điều Ngự Giác Hoàng. Tháp Phật Điều Ngự theo *Niết Bàn Kinh* là loại tháp cao 13 tầng ứng với tháp Phổ Minh cao 13 tầng [111, tr.693].

Chùa Vĩnh Nghiêm (chùa Đức La, chùa La), thuộc xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang là một trong những di tích tiêu biểu của Thiền tông Việt Nam. Chùa hiện lưu giữ hệ thống tượng Phật phong phú (70 pho tượng) bằng gỗ và đất, trong đó có bộ tượng tròn thờ Tam tổ Trúc Lâm. Đặc biệt chùa Vĩnh Nghiêm còn lưu giữ kho mộc bản, gồm 7 kệ, bảo quản khoảng 3000 tấm ván khắc chữ Nôm - Hán để in kinh sách, với 34 đầu sách. Kho mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm được công nhận là di sản tư liệu châu Á. Năm 1964, chùa được nhà nước xếp hạng là di tích lịch sử cấp quốc gia. Trải qua hơn 7 thế kỷ, chùa Vĩnh Nghiêm vẫn là trung tâm Phật giáo lớn, giữ vị trí quan trọng trong lịch sử phát triển Phật giáo nước ta. Hiện nay, tại thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Lạt (Lâm Đồng) cũng có chùa Vĩnh Nghiêm. Năm 1964, trong phong trào Phật giáo yêu nước, nhiều Phật tử quê miền Bắc thuộc dòng tổ thiền Trúc Lâm đã được Giáo hội Phật giáo Việt Nam đương thời dành cho miền đất gọi là Vĩnh Nghiêm. Chùa Vĩnh Nghiêm ở thành phố Hồ Chí Minh xây dựng năm 1973, với mục đích làm nơi kế tục chùa Vĩnh Nghiêm miền Bắc [72, tr. 492].

Những di tích kể trên không chỉ là di sản văn hóa vật chất minh chứng cho sự tồn tại của văn hóa Thiền tông Việt Nam đến ngày hôm nay mà còn có ý nghĩa quan trọng, là điểm nhấn trong phát triển kinh tế, xã hội của những địa phương nơi có di tích.

Như vậy, trong các di tích ở trên, dấu ấn của Thiền tông Việt Nam được thể hiện qua hệ thống tượng tròn thờ Tam tổ Trúc Lâm, hoặc là nơi tu luyện, giảng kinh, trụ trì, viên tịch, đặt xá lị của các vị Tam tổ Trúc Lâm. Đây có thể coi là dấu hiệu để nhận biết cơ sở tôn giáo gắn với/liên quan đến lịch sử hình thành và phát triển của thiền phái

Trúc Lâm Yên Tử - tiền thân của Thiền tông Việt Nam hiện nay. Các di tích này không chỉ chứng minh cho sự tồn tại lâu dài của dòng thiền dân tộc mà còn ảnh hưởng nhất định đến đời sống xã hội của một số địa phương.

Bên cạnh các di tích, các công trình kiến trúc hiện đại của Thiền tông Việt Nam xuất hiện khá nhiều, góp phần tạo ra không gian văn hóa Thiền tông Việt Nam. Đó chính là các thiền viện, tự viện do Hòa thượng Thích Thanh Từ chủ trương tạo dựng. Qua khảo sát và tìm hiểu của tác giả, tính đến thời điểm hiện tại trên cả nước đã có gần 60 thiền viện Trúc Lâm được xây dựng và đưa vào hoạt động như *Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt*, *Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử*, *Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên*, *Thiền viện Trúc Lâm An Tâm - Tây Thiên*, *Thiền viện Sùng Phúc*, *Thiền Viện Trúc Lâm Giác Tâm (Cái Bàu)*,... và 18 thiền viện, thiền tự tại Mỹ, châu Âu, Châu Úc như *Thiền viện Bảo Chơn*, *Thiền viện Bồ Đề*, *Thiền viện Đại Đăng*... Kiến trúc các thiền viện, đặc biệt là thiền viện trong nước tuân thủ theo nguyên tắc chung. Mô hình một thiền viện gồm 3 hạng mục chính. Đó là Chính điện, Tổ đường và Thiền đường. Từ cổng Tam quan vào, bên phải là lầu chuông, bên trái là lầu trống. Giữa hai lầu chuông, trống là khoảng sân rộng chạy thẳng đến Chính điện. Tổ đường được bố trí phía sau Chính điện theo nguyên tắc “tiền Phật hậu Tổ”. Chính điện còn gọi Phật đường, được thiết kế hai tầng mái. Mái lợp ngói âm dương hoặc ngói móc. Cuối Chính điện, thiết trí Phật điện. Tổ đường (nhà Tổ) tọa lạc sau Chính điện, quy cách kiến trúc như Chính điện. Tổ đường thờ Tổ Bồ Đề Đạt Ma và Tam Tổ Trúc Lâm. Đặc biệt, Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên (Tam Đảo, Vĩnh Phúc) thờ thêm Khương Tăng Hội. Việc thờ tự này có ý nghĩa lịch sử, thể hiện sự kế truyền tổ nghiệp, đạo lý “uống nước nhớ nguồn”. Thiền đường tọa lạc trong khu nội viện. Ngoài ra, các thiền viện còn có nhà tăng, nhà ni, nhà khách, nhà ăn, thư viện, vườn thiền,... Quy cách kiến trúc và các biểu tượng tại thiền viện đảm bảo tĩnh lặng cho việc hành thiền. Các công trình kiến trúc tại thiền viện Trúc Lâm phản ánh tính thời đại và hội nhập.

Bình đồ kiến trúc nơi Phật điện bố trí theo trục dọc, phần lớn không gian kiến trúc dành để chiêm bái và sinh hoạt thiền. Việc khai thác công năng sử dụng và bố trí kiến trúc tại các thiền viện Trúc Lâm hiện nay cho thấy tinh thần nhập thế rõ nét. Mặt khác, việc sử dụng chữ quốc ngữ trong trang trí tại các thiền viện, thống

nhất đặt tên chung là “Thiền viện Trúc Lâm”, thiết kế Tổ đường thờ Tam tổ Trúc Lâm và duy trì sinh hoạt thiền truyền thống từ thời Tam tổ như lối sống lục hòa... cho thấy tính dân tộc trong tư tưởng Thiền tông Việt Nam.

Chính điện và Tổ đường trang trí phù điêu thể hiện các tướng thị hiện của Đức Phật. Phật điện uy nghiêm, bên trên là tượng Đức Phật an tọa trên tòa sen, tay cầm đóa hoa sen đưa lên, phía sau là bức phù điêu hình cội bồ đề, sông Ni Liên và núi non hùng vĩ. Bức phù điêu biểu trưng thời kỳ đắc đạo của Đức Phật, nhắc lại câu chuyện “Niêm hoa vi tiếu” hay “Tứ mục Tương Cố” trên hội Linh Sơn, nói lên sự trao truyền cho đệ tử, thể hiện cội gốc Thiền tông. Hai bên Phật điện là hai vị Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Phổ Hiền. Ngoài bức phù điêu ở Phật điện còn có các bức phù điêu khác. Bức phù điêu “Cửu niên điện bích” diễn tả câu chuyện năm 520, Bồ Đề Đạt Ma vượt biển sang Trung Hoa hoằng hóa đạo thiền. Bức Phù điêu “Quây dép về Tây” diễn đạt mốc khởi đầu và kết thúc thời kỳ hoằng hóa đạo thiền của Tổ trên đất Trung Hoa. Bức “Lục Tổ Huệ Năng” là hình ảnh Huệ Năng đeo đá giã gạo. Phù điêu Trúc Lâm Đại Đầu Đà đang giảng kinh cho Nhị tổ Pháp Loa và Tam tổ Huyền Quang trong rừng trúc Yên Tử. Hình ảnh chứng minh dòng thiền Việt Nam đã một thời thịnh đạt và sống mãi cho đến ngày nay [131, tr. 665 - 703]. Qua một số tác phẩm điêu khắc, giá trị tư tưởng Thiền tông Việt Nam được chuyển tải uyển chuyển, đa diện và gần gũi với cuộc sống hơn.

Như vậy dấu ấn nhận biết các thiền viện của Thiền tông Việt Nam là sự thống nhất về quy cách kiến trúc, tên gọi Trúc Lâm, cách bài trí Phật điện. Trong đó, Phật điện chỉ gồm tượng Phật và hai vị bồ tát Văn Thù, bồ tát Phổ Hiền, hình tượng điêu khắc xoay quanh sự truyền thừa Thiền tông, phần lớn không gian thiền viện dành cho việc thực hành thiền và các sinh hoạt cộng đồng. Điều này phản ánh tư tưởng của Thiền tông Việt Nam là Phật tại tâm, kiến tính thành Phật, tính dân tộc và tinh thần nhập thế.

Các di tích và thiền viện này hiện đang phát huy giá trị trong đời sống xã hội. Ngoài giá trị nghệ thuật - kiến trúc, các công trình này còn mang ý nghĩa lưu niệm danh nhân, gắn với cuộc đời, sự nghiệp của các bậc cao tăng, danh nhân văn hóa

của đất nước là Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang... Thiền viện thường được xây dựng ở địa điểm có thiên nhiên đẹp, tạo ra những danh lam có ảnh hưởng trong tâm thức người dân Việt. Kiến trúc thiền viện kết hợp cả hai yếu tố hiện đại và truyền thống, đáp ứng công năng sử dụng cho sinh hoạt thiền, góp phần duy trì và xác lập giá trị tư tưởng Thiền tông Việt Nam.

Nếu văn hóa là những gì còn lại với thời gian thì các giá trị vật thể và phi vật thể có dấu ấn Thiền tông Việt Nam là minh chứng sâu sắc cho sự tồn tại và phát triển của văn hóa Thiền tông Việt Nam, bất chấp năm tháng và mọi thăng trầm thế sự.

### ***2.2.2. Một số đặc điểm của văn hóa Thiền tông***

Tiếp cận Lý thuyết cấu trúc - chức năng trong việc tìm ra đặc điểm của văn hóa Thiền tông, tác giả Luận án nhận thấy các biểu hiện của văn hóa Thiền tông dù phong phú và đa dạng, có sự biến đổi và bổ sung theo thời gian nhưng nó vẫn tồn tại trong một thể thống nhất, một chỉnh thể nhất định. Chỉnh thể đó được thể hiện thông qua một số đặc điểm của văn hóa Thiền tông. Rất có thể còn nhiều đặc điểm khác của văn hóa Thiền tông cần được làm sáng tỏ trong các nghiên cứu tiếp theo, tuy vậy trong giới hạn và mục đích của Luận án này, tác giả tập trung vào 3 đặc điểm cơ bản sau đây:

#### ***2.2.2.1. Tính dân tộc***

Tính dân tộc là ý thức về dân tộc gắn với tâm thể dân tộc, lấy văn hóa dân tộc làm cơ sở. Nó là kết quả của sự kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể độc đáo của dân tộc.

Tính dân tộc là đặc trưng riêng có của văn hóa Thiền tông Việt Nam. Tính dân tộc thể hiện ở nguồn gốc ra đời và trong các biểu hiện của văn hóa Thiền tông như tư tưởng, sinh hoạt thiền, đạo đức, lối sống, văn học, lễ hội, kiến trúc, mỹ thuật... Trần Nhân Tông, người sáng lập ra thiền Trúc Lâm Yên Tử đã ý thức về một tôn giáo riêng, hệ tư tưởng độc lập, phù hợp với dân tộc ta. Mặt khác, người sáng lập Thiền tông Việt Nam là người Việt Nam, lại từng làm vua. Tính dân tộc còn thể hiện ở chỗ những người kế nghiệp và phục hưng Thiền tông Việt Nam đã chọn dòng thiền dân tộc là Trúc Lâm Yên Tử, một số tổ chức, giải thưởng mang tên Trần Nhân Tông như

Đoàn Thanh, Thiếu niên Phật tử Trần Nhân Tông; Giải thưởng Trần Nhân Tông về hòa bình và hòa giải. Đó là việc đưa giá trị dân tộc phát triển phù hợp với xu thế hiện nay.

Tư tưởng Thiền tông Việt Nam là tư tưởng đề cao tính dân tộc, bắt nguồn từ truyền thống yêu nước, một đặc trưng mang tính bản sắc của văn hóa Việt Nam. Tư tưởng đó luôn đồng hành cùng dân tộc, được trải nghiệm và chứng minh qua những trang sử hào hùng dựng nước, giữ nước và mở nước. Tinh thần dân tộc thể hiện đậm nét trong sinh hoạt thiền qua việc duy trì truyền thống từ thời Tam tổ như lối sống lục hòa, sám hối, thực hành sinh hoạt thiền giản dị mà không giản đơn, giữ tâm thanh tịnh, tự tại nội tâm, cũng giống như người Việt Nam vốn giản dị nhưng sâu xa, ý tứ. Đạo đức, lối sống Thiền tông phù hợp với tính cách dân tộc như thực tế, giản dị, lạc quan và nhân hậu. Quan điểm “ở hiền gặp lành” “báo đáp tứ trọng ân”, “người Phật tử hiếu hạnh”, “hành thiện tránh ác”, “từ bi cứu khổ”, “tôn trọng con người”, “bình đẳng tâm, không phân biệt đẳng cấp, sang hèn”, “yêu chuộng hòa bình”... đã thấm đậm trong tâm tưởng một bộ phận người dân. Mà ở đó, người ta không còn phân biệt đâu là đạo đức xã hội, đâu là đạo đức tôn giáo. Văn học Thiền tông thể hiện tình cảm với quê hương, đất nước, với cội nguồn dân tộc. Lễ hội có nguồn gốc tưởng niệm Tam Tổ, thể hiện truyền thống đạo lý uống nước nhớ nguồn. Các nghi lễ có sự giao thoa với tín ngưỡng văn hóa bản địa, là một phần của lễ hội dân gian truyền thống. Kiến trúc, mỹ thuật Thiền tông mang đậm sắc thái dân tộc. Các di tích hòa hợp với thiên nhiên, phù hợp với lối sống coi trọng thiên nhiên của người Việt. Kiến trúc thiền viện thống nhất, đều mang tên “Trúc Lâm” và là nơi tưởng niệm danh nhân. Chữ được sử dụng trong trang trí tại thiền viện là chữ quốc ngữ...

Như vậy, tính dân tộc là đặc điểm xuyên suốt của văn hóa Thiền tông. Nó góp phần thể hiện tinh thần và giá trị tư tưởng Thiền tông Việt Nam. Chính điểm này làm cho văn hóa Thiền tông Việt Nam tồn tại và hòa nhập vào cuộc sống, nếp nghĩ của người Việt, trở thành một bộ phận của văn hóa dân tộc.

#### 2.2.2.2. Tính nhân sinh, thực tế

Tính nhân sinh, thực tế của văn hóa Thiền tông Việt Nam thể hiện qua tinh thần nhập thế, coi con người là trung tâm, hành đạo hướng tới con người, vì con



người. Các khóa thiền hướng con người tới lối sống lành mạnh, lục hòa, thực hành “thập thiện”, sám hối, từ thiện nhân đạo... Điều này giúp hình thành mẫu thức sống tích cực, nhập thế, nhân văn, thiết thực. Qua đó, Thiền tông Việt Nam không chỉ chú trọng giảng kinh sách mà đã đưa kinh sách “bước vào” cuộc sống, hiện thực hóa kinh sách bằng việc làm cụ thể. Nhờ vậy, đạo đức và lối sống Thiền tông phát huy được vai trò tích cực trong đời sống xã hội, góp phần hoàn thiện nhân cách con người. Văn học Thiền tông Việt Nam luôn có sự chuyển động về đề tài, hình thức, ngôn ngữ tiếp cận và thâm nhập những vấn đề của cuộc sống, phù hợp với thời đại. Đây cũng chính là biểu hiện của tính nhân sinh, thực tế. Lễ hội Thiền tông có nguồn gốc tưởng niệm Tam Tổ, là một bộ phận của lễ hội truyền thống, đáp ứng nhu cầu tinh thần của người dân. Kiến trúc, mỹ thuật Thiền tông gồm các di tích, thiền viện là nơi tiến hành các khóa lễ giản dị nhưng giàu ý nghĩa biểu trưng của tâm linh. Những nơi này trở thành trung tâm thiền học, cơ sở văn hóa, nơi giảng pháp, tọa đàm giáo lý, hội thảo, giao lưu văn hóa cộng đồng, văn hóa Thiền tông trong và ngoài nước. Những công trình này được xây dựng tại nơi có cảnh trí đẹp, trở thành danh lam hấp dẫn khách du lịch và người hành hương. Khác với kiến trúc truyền thống, Chính điện tại các thiền viện Trúc Lâm được xây dựng theo trục dọc, ban thờ Phật bố trí ở cuối Chính điện, phần lớn diện tích dành cho sinh hoạt thiền. Chất liệu và kiến trúc xây dựng đảm bảo sự khoáng đạt, thoáng mát, đảm bảo không gian sinh hoạt cho nhiều người. Nhờ vậy, các thiền sinh có thể thiền tại đây. Các hạng mục công trình khác như nhà khách Tăng, nhà khách ni, nhà ăn, thư viện, nơi bán đồ lưu niệm, khuôn viên... nhằm đáp ứng tốt nhất cuộc sống, sinh hoạt của thiền sinh, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội. Hầu hết chữ sử dụng trong trang trí tại thiền viện là chữ quốc ngữ để thiền sinh và khách tham quan thuận lợi khi chiêm bái và thực hành thiền. Chính những điểm này tạo cảm giác đạo đến gần với đời hơn, đời và đạo như hòa làm một. Các thiền viện Trúc Lâm dường như trở thành trường học Phật giáo với nơi thờ Phật, nơi lưu niệm Trúc Lâm Tam tổ, giảng đường, ký túc xá, thư viện... đáp ứng nhu cầu học tập và sinh hoạt của các thiền sinh. Những phân tích trên đây cho phép kết luận đây chính là tính nhân sinh, thực tế của văn hóa Thiền tông Việt Nam.

### 2.2.2.3. Tính thống nhất trong đa dạng

Tính thống nhất được thể hiện ở phương diện các biểu hiện của văn hóa Thiền tông đều kết tinh và chuyển tải tinh thần Thiền tông Việt Nam. Đó là tinh thần Phật tại tâm, kiến tính thành Phật, tính dân tộc và tinh thần nhập thế. Có thể thấy tinh thần này trong các biểu hiện của văn hóa Thiền tông như sinh hoạt thiền, đạo đức, lối sống, văn học, lễ hội, kiến trúc, mỹ thuật... đã được phân tích trong nội dung 2.2.1. Tinh thần Thiền tông tạo thành mạch chủ đạo xuyên suốt trong các biểu hiện văn hóa kể trên. Chính nhờ điểm này mà dù được thể hiện đa dạng qua nhiều hình thức nhưng không vì thế mà các biểu hiện văn hóa Thiền tông mất đi bản sắc riêng của mình. Tính thống nhất của các biểu hiện văn hóa giúp phân biệt văn hóa Thiền tông Việt Nam với các loại hình văn hóa Phật giáo khác nói riêng cũng như các loại hình văn hóa dân tộc nói chung.

Bên cạnh tính thống nhất, văn hóa Thiền tông Việt Nam còn thể hiện tính đa dạng trên phương diện không gian, chủ thể sáng tạo và thụ hưởng văn hóa, hình thức thể hiện văn hóa Thiền tông Việt Nam. Về không gian phân bố, ngoài các di tích có nguồn gốc liên quan đến Thiền tông Việt Nam chủ yếu nằm ở các tỉnh miền Bắc như Quảng Ninh, Hải Dương, Bắc Giang, Nam Định thì cả nước hiện có gần 60 thiền viện do hòa thượng Thích Thanh Từ khởi xướng ở khắp 3 miền và 18 thiền viện tại nước ngoài. Thiền sư Thích Nhất Hạnh tạo dựng các tu viện và đạo tràng ở nhiều nước trên thế giới. Như vậy, không gian phân bố các công trình kiến trúc của văn hóa Thiền tông Việt Nam rất rộng lớn, không chỉ trong nước mà cả nước ngoài. Về chủ thể sáng tạo và thụ hưởng văn hóa, thời nhà Trần, tác giả của những vần thơ, văn thiền là thiền sư (Trần Nhân Tông, Huyền Quang), cư sĩ (Trần Tung) hay người mộ Phật (Trần Thái Tông) và đều là người có địa vị trong xã hội (đứng đầu đất nước hoặc giáo hội). Hiện nay, tác giả của dòng văn học Thiền tông không chỉ bó trong giới tăng ni, Phật tử mà còn bao gồm những người sáng tác từ nhiều giai tầng, lứa tuổi, nghề nghiệp trong và ngoài nước. Về hình thức biểu đạt, văn hóa Thiền tông được biểu đạt qua sinh hoạt thiền, đạo đức, lối sống, văn học, lễ hội, kiến trúc, mỹ thuật... Văn học Thiền tông Việt Nam có sự đa dạng về thể tài. Kiến trúc thiền viện có sự đa dạng về chất liệu thể hiện, kết hợp giữa gỗ, gạch, ngói, đá, kim loại và

các vật liệu trang trí mới như nhựa, thạch cao, composit... Hiện nay, văn hóa Thiền tông còn được thể nghiệm qua điện ảnh, sân khấu, ngâm thơ, thư pháp, điêu khắc, hội họa, mỹ thuật ứng dụng, nhiếp ảnh, âm nhạc... Những người thụ hưởng văn hóa Thiền tông Việt Nam cũng vì thế mà đa dạng theo. Bởi họ không đơn thuần tiếp nhận văn hóa Thiền tông để tu tập, mà đôi khi là vì cảm thức tâm linh, kiếm tìm sự thanh thản, tĩnh lặng trong tâm hồn hay đồng điệu và trân quý những giá trị đích thực mà văn hóa Thiền tông Việt Nam đem lại. Điều này cho thấy sự đa dạng cả về thể tài và hình thức thể hiện của văn hóa Thiền tông Việt Nam.

Có thể thấy, văn hóa Thiền tông Việt Nam có sự đa dạng về không gian phân bố, chủ thể sáng tạo và hưởng thụ, thể tài và hình thức thể hiện. Tuy có sự đa dạng, nhưng văn hóa Thiền tông Việt Nam vẫn là một dòng chảy xuyên suốt, thể hiện bản sắc riêng của dân tộc. Đó là tinh thần Phật tại tâm, kiến tính thành Phật, đề cao ý thức dân tộc và tinh thần nhập thế. Điều này tạo cho văn hóa Thiền tông Việt Nam mang đặc điểm thống nhất trong đa dạng.

### ***2.2.3. Vai trò của văn hóa Thiền tông trong lịch sử dân tộc***

#### ***2.2.3.1. Xác lập hệ tư tưởng gắn với ý thức độc lập dân tộc***

Vai trò quan trọng nhất của văn hóa Thiền tông với lịch sử dân tộc là việc xác lập hệ tư tưởng gắn với ý thức độc lập dân tộc. Bản thân sự ra đời của Thiền Tông Việt Nam xuất phát từ tinh thần tự chủ, tự cường dân tộc. Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử tiền thân của Thiền tông Việt Nam ra đời trong bối cảnh nhà Trần đã khẳng định được tiềm lực và sức mạnh về chính trị, kinh tế và quân sự; tại thời điểm đó, cần thiết có một ý thức hệ riêng cho Đại Việt. Điều này cho thấy việc coi trọng yếu tố nội sinh, ý thức độc lập tự chủ của chính những người sáng lập ra Thiền tông Việt Nam. Nguyễn Lang, trong *Việt Nam Phật giáo Sử luận* đã nhận xét:

Phật giáo Trúc Lâm là một nền Phật giáo độc lập, uy tín tinh thần của nó là uy tín tinh thần quốc gia Đại Việt. Nó là xương sống của một nền văn hoá Việt Nam độc lập. Nền Phật giáo này tuy có tiếp nhận những ảnh hưởng của Phật giáo Trung Hoa, Ấn Độ và Tây Tạng nhưng vẫn giữ cá tính đặc biệt của mình [76, tr.482].

Nó thể hiện bản sắc, cũng như tính tự chủ, tinh thần không chịu lệ thuộc bởi ngoại lai. Thiền tông Việt Nam ra đời xuất phát từ tâm nguyện của những người yêu nước, mộ Phật, có lòng tự hào dân tộc, mong muốn đề cao văn hóa và truyền thống dân tộc. Bởi vậy, Thiền tông Việt Nam có sự kết hợp tư tưởng Thiền tông với văn hóa và tín ngưỡng bản địa để trở thành tôn giáo riêng của dân tộc, là một bộ phận khăng khít của văn hóa dân tộc. Trong cuốn *Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý - Trần* [185, tr. 649 - 650] có phần nhận xét về thiền Trúc Lâm trước đây mà nay là Thiền tông Việt Nam như sau:

Một là: Tự mình phân biệt với Thiền tông ở Trung Quốc biểu lộ tính độc lập dân tộc. Hai là: thay đổi một phần nội dung tiêu cực và thân ngoại quốc của các phái khác của Thiền tông. Ba là: Vượt lên trên sự khác biệt của tất cả các tông phái Phật giáo cũng như tín ngưỡng phi Phật giáo để ý đồ thống nhất ý thức hệ... Bốn là, tự khoác cho mình chiếc áo một tôn giáo mới... phái Trúc Lâm đã có những thành tựu rõ rệt [185, tr. 649 - 650].

Tính dân tộc cũng là một trong những đặc trưng cơ bản của Thiền tông Việt Nam. Thiền tông Việt Nam đã xây dựng ý thức độc lập, nhằm 4 mục đích sau:

Một là, thoát khỏi sự lệ thuộc chặt chẽ về ý thức hệ với nước ngoài để thanh toán hoàn toàn mọi cơ sở của nước xâm lược. Hai là: làm cơ sở tư tưởng để thống nhất ý thức dân tộc trên cơ sở thống nhất dân tộc về mặt chính trị để củng cố sự thống nhất dân tộc một bước nữa. Ba là: làm công cụ thống nhất quyền lực của chính quyền Trung ương... Bốn là: làm phương tiện giải quyết các mâu thuẫn nội bộ dân tộc chủ yếu là giữa giai cấp thống trị và đông đảo nhân dân quần chúng nhằm duy trì một trật tự xã hội [185, tr. 648].

Trong chiều dài phát triển của mình, Thiền tông Việt Nam đã chia sẻ và chung sức trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông. Các vua Trần cũng là các thiền sư, cư sĩ đã cố kết lòng dân, đoàn kết mọi người, vua tôi hòa hợp, quyết tâm bảo vệ đất nước.

### 2.2.3.2. *Góp phần duy trì nền chính trị ổn định, phát huy giá trị của đạo đức tôn giáo để trị quốc*

Bên cạnh đó, Văn hóa Thiền tông góp phần duy trì nền chính trị ổn định, phát huy giá trị tích cực của đạo đức tôn giáo để trị quốc. Chính sách này được các vị vua từ Lý Thái Tổ, Lý Nhân Tông, Lý Thánh Tông, Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông vận dụng thành công trong việc trị quốc [78, tr. 156], điều này thể hiện: *"giáo quyền hợp lực với quân quyền. Cả hai bên đều có lợi, một bên là chính quyền được vững chãi, một bên là giáo quyền và giáo lý được nâng đỡ... phát triển và ảnh hưởng thế lực trong quần chúng"* [41, tr. 228 - 229]. Trần Nhân Tông một mặt nhấn mạnh về trọng trách của người cầm quyền biết dùng sức mạnh quần chúng để cải tiến phúc lợi cho nhân dân, vừa là một tấm gương về nguyên tắc này. Trần Nhân Tông đã sống đúng theo giáo pháp và truyền bá chánh pháp để phục vụ nhân dân. Ông hướng tới chính sách hòa bình với quốc gia láng giềng (Chiêm Thành). Ông động viên sự phát huy đức hạnh xã hội như chân thật, trung thành, từ bi, nhân ái, bất bạo động, cư xử đúng đắn với mọi người, không phung phí, không háms lợi,... Quan điểm của Trần Nhân Tông là xây dựng một nhà nước do dân và vì dân, thể hiện qua lý luận chính trị *"Cư trần lạc đạo"*. Nghĩa là muốn tập hợp sức mạnh của nhân dân, xây dựng xã hội ổn định thì người lãnh đạo cần lo cơm ăn, áo mặc đầy đủ, đời sống tinh thần nhân dân hòa khí. Đây là quan điểm chính trị quan tâm đến đời sống tồn tại của nhân dân.

Vấn đề ý muốn, tấm lòng của thiên hạ là gì được giải quyết một cách dứt khoát và rõ ràng. Đó là đói ăn, mệt ngủ. Đói ăn, mệt ngủ là một sáo ngữ của thiên mà ta rất dễ gặp. Nhưng với tư cách là một nhà lãnh đạo chính trị thì đây là một nỗi trăn trở triền miên. Từ xưa tới nay, những nhà chính trị lớn của đất nước cũng như thế giới, ai cũng biết làm chính trị là lo cái ăn, cái mặc cho dân và đây là nỗi lo khôn nguôi của họ" [41, tr. 97 - 98].

Trần Nhân Tông là tấm gương mẫu mực về tinh thần tự lực, nếp sống giản dị, lo cho dân, cho nước, ý thức hòa hợp, hòa bình. Trần Nhân Tông trở thành biểu tượng của trí tuệ, lòng nhân ái và sự hòa giải. Bản thân Trần Nhân Tông hội đủ

trong mình những phẩm chất tốt đẹp, không chỉ là vị vua tài cán, người sáng lập Thiền Trúc Lâm, một chính trị gia, mà ông còn là một thi sĩ, một nhà văn hóa lỗi lạc của dân tộc. Nhân cách của ông không chỉ được dân tộc tôn vinh mà còn được quốc tế thừa nhận. Tấm gương và quan điểm lãnh đạo của Trần Nhân Tông đã tạo ra dấu ấn riêng và sự đóng góp của tông phái này vào văn hóa dân tộc - đó là sự đóng góp mang đặc trưng của văn hóa Thiền tông. Theo kết quả khảo sát [PL 7, tr. 206] có tới 77,6% thiền sinh được hỏi cho rằng tư tưởng thiền và tấm gương của Trần Nhân Tông góp phần xây dựng mẫu hình người lãnh đạo. Tấm gương và quan điểm lãnh đạo của Trần Nhân Tông có điểm tương đồng với quan điểm của chủ tịch Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, và “muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém” [83]. Vì thế, người lãnh đạo - phải hội đủ đức, đủ tài, có uy tín trước dân. Hiện nay, đội ngũ cán bộ lãnh đạo - quản lý là nhân tố tiên phong, nòng cốt trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, vai trò, phương pháp và uy tín của người lãnh đạo càng có ý nghĩa quan trọng trong việc điều hành và quản lý đất nước.

#### *2.2.3.3. Góp phần tạo ra bản sắc dân tộc*

Thêm nữa, văn hóa Thiền tông còn góp phần tạo ra bản sắc riêng của dân tộc mà trước đây chủ yếu là thông qua hệ tư tưởng, văn học, hệ thống chùa tháp gắn với thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Văn hóa Thiền tông trở thành “điểm tựa tinh thần”, góp phần củng cố và nâng cao ý thức liên kết cộng đồng, một đặc trưng nổi bật của bản sắc Việt Nam. Tinh thần từ bi, yêu chuộng hòa bình, tôn trọng lẫn nhau trong tư tưởng Thiền tông Việt Nam là biểu hiện của lòng nhân ái khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý trong bản sắc văn hóa dân tộc. Đạo lý này đã được đức Phật dạy trong Kinh Pháp Cú:

*Hận thù diệt hận thù*

*Đời này không có được*

*Từ bi diệt hận thù*

*Là định luật muôn đời.*

Trong đó, văn học Thiền tông có những sáng tác riêng bằng chữ Nôm và những sáng tác ca ngợi quê hương đất nước. Dòng văn học ấy đã đem thiền về gần hơn với đời sống hiện thực của dân tộc. Vẫn những vần thơ suy lý, những luận thuyết tôn giáo, những thuyết giảng về giới, định, tuệ, về sám hối,... nhưng bên cạnh đó, là hơi thở sống động của cuộc sống, là tình yêu với cảnh vật quê hương đất nước, là những suy cảm trước thế sự, thời cuộc được biểu đạt thông qua ngôn ngữ dân tộc (chữ Nôm), qua tư duy và tình cảm của những con người yêu nước, mộ Phật. Ở góc độ nhất định đây cũng là biểu hiện của ý thức độc lập, tự chủ, tự cường dân tộc. Nhiều tác phẩm hướng con người tới sự giải thoát, đề cao tinh thần đoàn kết, hòa hợp, hướng tới phục vụ quốc gia, phục vụ dân tộc. Hệ thống chùa tháp gắn với thiền phái Trúc Lâm Yên Tử trở thành di sản văn hóa vật chất phản ánh lịch sử hình thành và phát triển của dòng thiền dân tộc, minh chứng cho một thời kỳ phát triển của dòng thiền dân tộc nói riêng và văn hóa Phật giáo ở nước ta nói chung.

Như vậy, những đóng góp của văn hóa Thiền tông trong lịch sử là không thể phủ nhận. Sự đóng góp này đã tạo ra dấu ấn đặc biệt trong một thời kỳ lịch sử - thời nhà Trần. Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của xã hội, những giá trị tốt đẹp của tôn giáo, đạo đức tôn giáo có điều kiện phát huy. Chính vì vậy, sự đóng góp của văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội hiện nay trở thành vấn đề có ý nghĩa thiết thực. Quan tâm, nghiên cứu tạo cơ hội để văn hóa Thiền tông phát triển là cách để gìn giữ và phát huy nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

### ***Tiểu kết***

Lịch sử hình thành và phát triển của Thiền tông Việt Nam có hai dấu mốc quan trọng là phát triển nhất vào thời nhà Trần và hồi sinh trong giai đoạn hiện nay. Những người có công đầu với sự hình thành và phát triển Thiền tông Việt Nam là Tam tổ Trúc Lâm (Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang). Những người có công phục hưng Thiền tông Việt Nam và giới thiệu Thiền tông Việt Nam ra thế giới hiện nay phải kể đến hòa thượng Thích Thanh Từ, thiền sư Thích Nhất Hạnh. Trong đó, Hòa thượng Thích Thanh Từ là người có công đầu phục hưng Thiền tông Việt Nam trong nước. Tư tưởng thiền Trúc Lâm Yên Tử thời Tam Tổ tuy có những dấu ấn riêng của Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang nhưng đều xuất phát từ

tinh thần thiền của người sáng lập là Trần Nhân Tông. Và nay tinh thần thiền ấy được hòa thượng Thích Thanh Từ tiếp nhận và phát triển trong thời đại mới. Giá trị tư tưởng Thiền tông Việt Nam được thể hiện qua 4 đặc điểm là Phật tại tâm, kiến tính thành Phật, tính dân tộc và tinh thần nhập thế. Điều này đã trở thành kim chỉ nam, dấu ấn riêng trong các biểu hiện cụ thể của văn hóa Thiền tông Việt Nam.

Thiền tông Việt Nam là kết quả của quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa. Trong đó yếu tố ngoại sinh là 3 thiền phái Tì Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường. Yếu tố nội sinh là văn hóa dân gian Việt Nam. Những thành tố/biểu hiện của văn hóa Thiền tông Việt Nam bao gồm tư tưởng, sinh hoạt thiền; đạo đức, lối sống, văn học, lễ hội, kiến trúc, mỹ thuật... Các biểu hiện văn hóa này đều xuyên suốt và kết tinh giá trị tư tưởng của Thiền tông Việt Nam là Phật tại tâm, kiến tính thành Phật, tính dân tộc và tinh thần nhập thế. Trong đó, bản thân tư tưởng Thiền tông Việt Nam vừa là đặc trưng xuyên suốt trong các biểu hiện của văn hóa Thiền tông Việt Nam, vừa là biểu hiện cụ thể của văn hóa Thiền tông Việt Nam. Những biểu hiện văn hóa này là dòng chảy liên mạch từ quá khứ đến hiện tại. Văn hóa Thiền tông cùng các biểu hiện của nó đã đóng góp vào lịch sử dân tộc nói chung, văn hóa dân tộc nói riêng, cụ thể: xác lập hệ tư tưởng gắn với ý thức độc lập dân tộc; góp phần duy trì nền chính trị ổn định, phát huy giá trị của đạo đức tôn giáo để trị quốc; góp phần bồi đắp bản sắc văn hóa dân tộc.

Các biểu hiện/thành tố của văn hóa Thiền tông mang một số đặc điểm cơ bản là tính dân tộc, tính nhân sinh, thực tế, tính thống nhất trong đa dạng. Điều đặc biệt là các thành tố văn hóa này hầu như không mất đi mà ngày càng được bồi đắp, phong phú thêm qua thời gian, góp phần tạo ra diện mạo của văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay. Điều này nhằm hướng tới việc khẳng định sự tồn tại của văn hóa Thiền tông Việt Nam với tư cách là văn hóa của một tông phái Phật giáo, một bộ phận của văn hóa dân tộc. Mặt khác cũng cho thấy khi cấu trúc của văn hóa Thiền tông thay đổi sẽ dẫn tới sự thay đổi chức năng của các thành tố văn hóa cấu thành nên cấu trúc tổng thể đó. Sự thay đổi chức năng của các thành tố văn hóa này khiến cho những ảnh hưởng của nó trong đời sống xã hội cũng vì thế mà thay đổi. Điều này sẽ được phân tích, kiến giải cụ thể trong chương 3 của Luận án.



### **Chương 3**

## **ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HÓA THIỀN TÔNG TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY**

Nghiên cứu về văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay, tác giả đi từ những khảo cứu mang tính trường hợp, từ đó tổng kết, khái quát ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trên một số bình diện đời sống xã hội nước ta. Tác giả đã tiến hành khảo sát thực tế, phỏng vấn bằng bảng hỏi để trưng cầu ý kiến của người dân về ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay [PL 1, tr. 182], [PL 2, tr. 188] [PL3, tr.194] và phỏng vấn sâu [PL 4, tr. 201], [PL 5, tr. 203], [PL 6, tr. 204] trong thời gian từ năm 2010 đến 2015 tại 5 thiền viện Trúc Lâm: Thiền viện Trúc Lâm Giác Tâm (Cái Bàu); Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử (Quảng Ninh); Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên, Thiền viện Trúc Lâm An Tâm Tây Thiên (Vĩnh Phúc), Thiền viện Trúc Lâm Sùng Phúc (Hà Nội). Trong đó, việc điều tra bằng bảng hỏi thực hiện từ năm 2014 đến năm 2015, với số phiếu phát ra là 700 phiếu bao gồm 500 phiếu cho thiền sinh đến tu tập tại 5 thiền viện trên, 200 phiếu cho người dân và cán bộ chính quyền địa phương thuộc 3 tỉnh/thành là Hà Nội, Quảng Ninh và Vĩnh Phúc. Nhờ đó, văn hóa Thiền tông Việt Nam được nhìn nhận từ nhiều chiều kích khác nhau; những đánh giá và kiến giải đảm bảo tính khách quan và toàn diện.

Căn cứ kết quả trưng cầu ý kiến, khảo sát thực tế và những nghiên cứu có tính lý luận, đồng thời tiếp cận Lý thuyết cấu trúc - chức năng khi xác định ảnh hưởng của các thành tố/biểu hiện của văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội hiện nay, tác giả nhận thấy so với cấu trúc văn hóa Thiền tông trước đây thì cấu trúc văn hóa Thiền tông hiện nay đã có sự thay đổi. Khi cấu trúc thay đổi thì các thành tố/biểu hiện của văn hóa Thiền tông cũng vì thế mà thay đổi chức năng cho phù hợp với cấu trúc mới, sự ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội cũng vì thế mà thay đổi. Tác giả rút ra ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay trên một số bình diện sau đây:

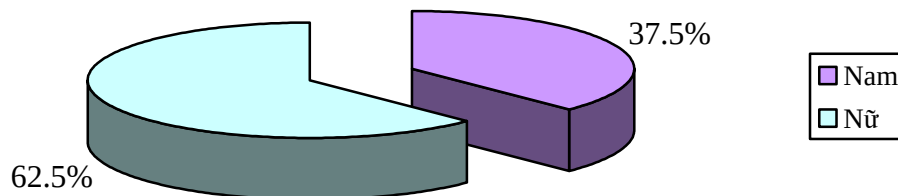
### 3.1. Văn hóa Thiền tông đối với chính trị

#### 3.1.1. Góp phần khẳng định ý thức tự chủ

Văn hóa Thiền tông góp phần khẳng định ý thức tự chủ không chỉ được phản ánh qua các nghiên cứu có tính lý luận mà trong nhận thức của một bộ phận người dân hiện nay. Trong số 200 phiếu trưng cầu của người dân và cán bộ chính quyền địa phương tại 3 tỉnh/thành có tới 52% cho rằng giá trị tư tưởng Thiền tông Việt Nam góp phần khẳng định ý thức tự chủ [PL.8, tr. 222]. Đáng lưu ý là trong số đó có cả nam và nữ, với nhiều trình độ học vấn, nghề nghiệp, nhận thức, mặt bằng xã hội khác nhau, cả những người không theo đạo Phật hoặc theo tôn giáo khác, cụ thể:

- Về giới tính của người được trưng cầu ý kiến:

**Biểu đồ 3.1: Giới tính của người được trưng cầu ý kiến (người dân)**



Tỷ lệ nữ giới là (62.5%); nam giới chiếm (37.5%).

- Về trình độ học vấn của người được trưng cầu ý kiến:

**Bảng 3.1: Trình độ học vấn của người được trưng cầu ý kiến**

| Trình độ            | Tần số (người) | Tần suất (%) |
|---------------------|----------------|--------------|
| Tiểu học            | 3              | 1.5          |
| Trung học cơ sở     | 12             | 6.0          |
| PTTH                | 30             | 15.0         |
| Trung cấp, dạy nghề | 12             | 6.0          |
| Cao đẳng, đại học   | 131            | 65.5         |
| Trên Đại học        | 12             | 6.0          |
| Tổng                | 200            | 100.0        |

- Về nghề nghiệp của người được trưng cầu ý kiến:

**Bảng 3.2: Nghề nghiệp của người được trưng cầu ý kiến (người dân)**

| <b>Nghề nghiệp</b>  | <b>Tần số (người)</b> | <b>Tần suất (%)</b> |
|---------------------|-----------------------|---------------------|
| Học sinh, sinh viên | 6                     | 3.0                 |
| Công nhân           | 12                    | 6.0                 |
| Kinh doanh buôn bán | 19                    | 9.5                 |
| CBCNVC              | 103                   | 51.5                |
| Nghề tự do          | 49                    | 24.5                |
| Nghỉ hưu            | 8                     | 4.0                 |
| Nghề khác           | 3                     | 1.5                 |
| Tổng                | 200                   | 100.0               |

Mặc dù trình độ văn hóa, giới tính và nghề nghiệp không giống nhau nhưng những người được trưng cầu ý kiến đều khẳng định văn hóa Thiền tông góp phần khẳng định ý thức tự chủ. Điều này cho thấy người dân có sự nhìn nhận nhất định về ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông đến đời sống xã hội nước ta hiện nay.

Bên cạnh đó, nhiều hoạt động của Thiền tông Việt Nam hiện nay nói riêng và Phật giáo nói chung cho thấy dường như có một cuộc chấn hưng Phật giáo, đề cao ý thức và sự độc lập về hệ tư tưởng. Bởi dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử tiền thân của Thiền tông Việt Nam là tư tưởng riêng của người Việt Nam. Điều này giống như người Trung Quốc đề cao Khổng giáo; người Nhật Bản coi trọng thiên Liễu Quán. Những người có ý thức và có công lớn trong việc phục hưng Thiền tông Việt Nam hiện nay như hòa thượng Thích Thanh Từ, thiền sư Thích Nhất Hạnh đã tìm về chôn tổ, nơi phát tích của thiền phái này để tìm cách vận dụng tư tưởng Thiền tông Việt Nam trong xã hội hiện nay. Các khóa tu thiền tại nhiều thiền viện Trúc Lâm hiện vẫn duy trì những sinh hoạt từ thời Trúc Lâm Tam Tổ như lục thời sám hối, lối sống lục hòa, học lịch sử thiền phái Trúc Lâm... Đây là điểm riêng có trong sinh hoạt thiền của Thiền tông Việt Nam, giúp phân biệt sinh hoạt của Thiền tông Việt Nam với sinh hoạt thiền khác; đồng thời thể hiện ý thức hướng nội, coi trọng nguồn cội. Đó là một mặt biểu hiện của ý thức độc lập, tự chủ, tự cường dân tộc. Theo kết

qua trưng cầu ý kiến có tới 39,5% người dân tại 3 tỉnh/thành cho rằng sinh hoạt thiền góp phần khẳng định ý thức tự chủ, tự cường dân tộc [PL 8, tr. 222]. Là những người không tham gia tu thiền, có sự nhìn nhận tương đối độc lập về ảnh hưởng của sinh hoạt thiền trong đời sống xã hội nước ta thì con số 39,5% cho thấy một bộ phận không nhỏ nhân dân có đánh giá tích cực về ảnh hưởng của sinh hoạt thiền với ý thức tự chủ, tự cường dân tộc.

Đạo đức, lối sống của thiền sư, thiền sinh tại các thiền viện Trúc Lâm cũng thể hiện ý thức độc lập. Đó là sự độc lập trong hành động, trong sinh hoạt hằng ngày của mỗi cá nhân. Bởi vậy, ngay những thiền sinh nhỏ tuổi là thiếu niên, nhi đồng khi tham gia tu thiền cũng đều phải tự rửa bát sau bữa ăn, tự vệ sinh nơi mình ngủ... Thiền sinh ngoài việc tham gia khóa lễ còn giúp chuẩn bị các bữa ăn, vệ sinh nơi ở và khuôn viên thiền viện... Ý thức độc lập, tự chủ còn thể hiện ở việc thiền sinh khi tham gia khóa thiền không được sử dụng phương tiện liên lạc như điện thoại di động, phương tiện phát thanh, truyền hình, không liên lạc với gia đình, bạn bè để tránh sự phân tâm, phụ thuộc vào yếu tố ngoại cảnh mà không đạt được tâm thiền. Sự độc lập trong suy nghĩ và hành động của mỗi cá nhân ở góc độ nhất định là tiền đề cho ý thức độc lập, tự chủ của một dân tộc. Bởi vậy 42,5% người dân khi được trưng cầu ý kiến cho rằng đạo đức, lối sống Thiền tông Việt Nam góp phần khẳng định ý thức tự chủ, tự cường dân tộc [PL 8, tr. 222].

Nhiều thiền viện Trúc Lâm do hòa thượng Thích Thanh Từ khởi dựng nằm ở chốn tổ của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử hay những trung tâm Phật giáo Việt Nam như thiền viện Trúc Lâm Yên Tử, thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên, thiền viện Trúc Lâm Phương Hoàng (Bắc Giang, gần chùa Vĩnh Nghiêm), Thiền viện Trúc Lâm Bạch Mã (Thừa Thiên Huế)... Một số thiền viện được xây dựng ở những nơi có cảnh trí khoáng đạt, thuận lợi cho việc tu tập và sinh hoạt thiền. Đây cũng là cách để chấn hưng và tạo điều kiện cho dòng thiền dân tộc phát huy giá trị trong xã hội hiện nay. 53% người dân tại 3 tỉnh/thành được trưng cầu ý kiến cho rằng hệ thống di tích, thiền viện mang dấu ấn Thiền tông Việt Nam góp phần khẳng định ý thức tự chủ, tự cường dân tộc [PL 8, tr. 202]. Mặt khác, sự phát triển đa dạng của các thiền

viện trong và ngoài nước, đối tượng đến tu tập gồm nhiều thành phần cho thấy Nhà nước ta tôn trọng và cho phép tự do tôn giáo, tín ngưỡng, đề cao những giá trị tốt đẹp của tôn giáo. 79% thiền sinh được hỏi [PL 7, tr. 206] khẳng định sự phát triển Thiền tông Việt Nam cho thấy sự quan tâm, tạo điều kiện của Đảng và Nhà nước với sự phát triển của tôn giáo và việc tôn trọng giá trị tốt đẹp của tôn giáo. Điều này góp phần phản ánh chính sách tốt đẹp của Đảng và Nhà nước về vấn đề tôn giáo, xu hướng đề cao giá trị truyền thống, trở về với cội nguồn.

Các biểu hiện của văn hóa Thiền tông dù bằng hình thức này hay hình thức khác đã góp phần thể hiện ý thức độc lập, tự chủ. Ý thức độc lập, tự chủ là điều kiện cần thiết để xây dựng một nền chính trị ổn định trong xã hội. Nó không chỉ đúng trong quá khứ mà còn đặc biệt cần thiết ở hiện tại. Bởi ý thức độc lập, tự chủ là động lực cơ bản đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc. Ý thức đó là cội nguồn sức mạnh của dân tộc ta trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước. Điều này cho thấy các thành tố văn hóa Thiền tông đã bước đầu có những ảnh hưởng tích cực tới đời sống xã hội nước ta trên bình diện chính trị.

### ***3.1.2. Góp phần phát huy tinh thần dân chủ, bình đẳng, bác ái***

Một trong những đóng góp và cũng là sức nặng của văn hóa Thiền tông có lẽ phải kể đến vai trò phát huy tinh thần dân chủ, bình đẳng, bác ái. Giá trị này được chuyển tải trong các biểu hiện của văn hóa Thiền tông.

Nội dung tư tưởng Thiền tông Việt Nam là Phật tại tâm, kiến tính thành Phật, tính dân tộc và tinh thần nhập thế. Theo nội dung tư tưởng này ai cũng có thể thành Phật, tạo ra sự bình đẳng cho mọi người, với tinh thần hợp tác, tham gia tích cực vào xã hội, hướng tới sự nhân ái hòa bình, biểu hiện của tinh thần bác ái. Tư tưởng Thiền tông hướng tới việc điều hành xã hội bằng sự tôn trọng và nhân ái. Cải cách xã hội bằng cách cải cách từng thành viên. Cải tạo bằng cách đi vào gốc rễ thâm sâu nhất, đó là tâm của mỗi người. Nhiều khía cạnh trong tư tưởng Thiền tông Việt Nam tương đồng gần gũi với chính trị hiện tại. Trước tiên, Thiền tông hướng tới sự bình đẳng của tất cả mọi người. Thứ hai, Thiền tông khuyến khích tinh thần hợp tác

xã hội và sự tham gia tích cực vào xã hội. Tinh thần này được tích cực đẩy mạnh trong tiến trình chính trị của xã hội tiên tiến. Thứ ba, giới luật Thiền tông chi phối và hướng dẫn tư cách đạo đức của thiền sinh và thiền sư. Thứ tư, trong các sinh hoạt của mình, Thiền tông khuyến khích tinh thần trao đổi ý kiến và tiến trình dân chủ. Một hệ thống chính trị hướng tới sự bảo đảm các quyền căn bản của con người, có những định chế giám sát và cân bằng việc sử dụng quyền lực là điều kiện quan trọng cho cuộc sống hạnh phúc trong xã hội. Xã hội hiện đại cần phải thiết lập trên nền tảng cơ bản nhân quyền, bình đẳng. Đây cũng chính là ảnh hưởng tích cực của văn hóa Thiền tông trên bình diện chính trị nước ta hiện nay.

Những người tham gia thuyết giảng hiện nay (như Thích Thanh Từ, Thích Nhất Hạnh) hướng tới việc bất bạo động, hòa bình như một thông điệp cho toàn thể vũ trụ. Đây cũng chính là tinh thần bình đẳng, bác ái cần thiết, là thông điệp trong việc duy trì sự tồn tại của thể chế chính trị.

Sinh hoạt thiền tại các thiền viện thu hút nhiều thiền sinh, không phân biệt giàu nghèo, địa vị, nghề nghiệp, lứa tuổi, tôn giáo đều bình đẳng như nhau được tham gia các khóa thiền, thực tập thiền. Kết quả khảo sát với 500 thiền sinh tại 5 thiền viện cho thấy sự đa dạng về lứa tuổi, tôn giáo, trình độ học vấn, nghề nghiệp [PL 7, tr. 206]. Điều này cũng cho thấy sự bình đẳng trong chủ trương tổ chức và chiêu mộ thiền sinh đến sinh hoạt thiền. Ngoài ra, những biểu hiện như trang phục giống nhau giữa các thiền sinh, bữa ăn không dùng đĩa mà chỉ dùng thìa để xẻ thức ăn (thìa cá nhân và thìa chung để chia phần ăn từ đĩa/bát đựng thức ăn ra bát cá nhân) thể hiện sự tôn trọng với người ăn sau. Điều này cho thấy sự bình đẳng với mọi thiền sinh khi tham gia khóa tu thiền. Suy rộng ra, sự bình đẳng giữa các cá nhân trong cộng đồng là yếu tố cần thiết cho một thể chế chính trị xã hội ổn định.

Đạo đức, lối sống Thiền tông thể hiện tinh thần dân chủ, bình đẳng, bác ái. Lối sống lục hòa, tự giác, kỷ luật dẫn tới thái độ tôn trọng mọi người, tương thân tương ái. Sự dân chủ thể hiện ở việc một số vấn đề của xã hội được đưa ra bàn luận, các thiền sinh có thể đóng góp ý kiến của mình. Lối sống lục hòa giúp thiền sinh được tôn trọng và đối xử bình đẳng như nhau trên tinh thần hòa hợp, yêu thương.

Kết quả khảo sát tại 5 thiền viện cho thấy thiền sinh lứa tuổi trung niên được tham gia rất nhiều hoạt động thể hiện tinh thần bác ái. Cụ thể:

**Bảng 3. 3: Hoạt động do các thiền viện tổ chức cho người trung niên**

| Stt | Hoạt động                                                          | Tần suất (%) |
|-----|--------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1   | Tham gia cứu trợ nhân đạo                                          | 60.1         |
| 2   | Tổ chức các lớp học tình thương                                    | 53.4         |
| 3   | Xây dựng nhà dưỡng lão, cô nhi viện                                | 52.8         |
| 4   | Phụng dưỡng, giúp đỡ các bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình liệt sĩ | 54.0         |
| 5   | Hoạt động khám, chữa bệnh, cấp thuốc miễn phí                      | 49.7         |
| 6   | Giúp đỡ những người cô đơn, khuyết tật                             | 58.9         |
| 7   | Tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể                            | 74.8         |

Những hoạt động này là biểu hiện rõ nét tinh thần bác ái trong đạo đức, lối sống Thiền tông. Sự dân chủ, bình đẳng, bác ái là điều kiện cần thiết cho một nền chính trị ổn định.

Văn học Thiền tông thể hiện tính dân chủ, bình đẳng, bác ái bằng việc mọi đối tượng có thể tham gia sáng tác văn học Thiền tông, không chỉ các thiền sư mà cả Phật tử, các nhà nghiên cứu trong nước và nước ngoài, thể hiện sự đa dạng về đối tượng sáng tác và thể tài. Nó không còn là một bộ phận văn học tách biệt với đời sống, hay chỉ giới hạn trong giới trí thức, tăng lữ mà trở thành một phần của đời sống tinh thần, đời sống nghệ thuật của dân tộc, hay chí ít là của nhiều người hơn với những vấn đề thường nhật hơn. Lễ hội có nguồn gốc tưởng niệm Tam Tổ Trúc Lâm tạo ra cơ hội gặp gỡ, bình đẳng cho mọi thành viên, mọi giai tầng trong xã hội. Kiến trúc, mỹ thuật Thiền tông, đặc biệt là các thiền viện dành phần lớn không gian cho sinh hoạt cộng đồng, tạo cơ hội bình đẳng, bác ái cho các thành viên tham gia khóa thiền.

Tóm lại, các thành tố/biểu hiện của văn hóa Thiền tông Việt Nam với chức năng của mình có ảnh hưởng nhất định tới văn hóa chính trị, văn hóa dân tộc. Nó được thể hiện ở các khía cạnh cụ thể: văn hóa Thiền tông góp phần khẳng định ý

thức tự chủ, phát huy tinh thần dân chủ, bình đẳng, bác ái. Sự đóng góp của văn hóa Thiền tông không chỉ đem lại những thành tựu về chính trị ở quá khứ mà vẫn còn nguyên giá trị ở hiện tại. Đó cũng chính là giá trị và vai trò của văn hóa Thiền tông Việt Nam với dân tộc.

### **3.2. Văn hóa Thiền tông đối với kinh tế**

#### **3.2.1. Văn hóa Thiền tông với vấn đề an ninh sinh tồn**

Khả năng đáp ứng nhu cầu an ninh sinh tồn của các thành tố văn hóa Thiền tông Việt Nam thể hiện ở việc cung ứng dịch vụ xã hội, dịch vụ tâm linh và đáp ứng nhu cầu sinh tồn cho từng cá nhân. Xét ở góc độ kinh tế học, dường như đã hình thành một “thị trường dịch vụ” Phật giáo Thiền tông Việt Nam. Trong đó mối quan hệ *cung - cầu* phản ánh xu hướng phát triển của các thành tố văn hóa Thiền tông Việt Nam theo hướng Phật giáo nhân gian. Thay vì trước đây *cầu* được thể hiện ở xu hướng giải thoát thì nay *cầu* đã chuyển dịch sang xu hướng an ninh sinh tồn. Vì vậy, mà *cung* cũng chuyển dịch theo hướng đáp ứng nhu cầu an ninh sinh tồn.

Tư tưởng Thiền tông với tinh thần nhập thế là biểu hiện rõ nét nhu cầu an ninh sinh tồn. Sinh hoạt thiền tại các thiền viện không chỉ nhằm mục đích giải thoát mà còn hướng con người tới các mục đích, thiết thực trong đời sống hiện nay. Đạo đức lối sống Thiền tông ngoài nghi lễ trong khóa thiền, thiền sinh còn được tham gia sản xuất, cải tạo môi trường sống, hoạt động từ thiện nhân đạo và các hoạt động xã hội khác. Theo kết quả trưng cầu ý kiến 500 thiền sinh tại 5 thiền viện Trúc Lâm được khảo sát [PL 7, tr. 202] thì có 69,4% cho rằng sinh hoạt thiền tạo ra sự bình ổn của tâm, 57,6% cho rằng sinh hoạt thiền giúp rèn luyện, nâng cao sức khỏe, thể lực, 57,6% cho rằng sinh hoạt thiền giúp cân bằng cuộc sống. Điều này cho thấy, ngoài nhu cầu giải thoát, sinh hoạt thiền còn đáp ứng nhu cầu an ninh sinh tồn thông qua việc đem lại những lợi ích về mặt tinh thần và thể chất cho họ. Tuy vậy, hiện nay không loại trừ một số người đến thiền viện, tham gia khóa thiền vì mục đích trục lợi cá nhân hay vì làm ăn thua lỗ, gặp bất trắc trong cuộc sống,... Họ đến chốn thiền



môn và coi đây là nơi nương náu, tá túc khi thất thế mà không vì mục đích cao cả của thiền.

Các lễ hội có nguồn gốc tưởng niệm Tam Tổ Trúc Lâm ngoài nhu cầu giải thoát, tưởng niệm Tam Tổ, còn nhằm đáp ứng nhu cầu an toàn, nhu cầu vật chất, nhu cầu tâm linh cho người hành hương. Mặt trái của việc đáp ứng nhu cầu an ninh sinh tồn tại các lễ hội này là tình trạng thương mại hóa, gia tăng nhiều dịch vụ tâm linh và việc lạm dụng dịch vụ tâm linh để trục lợi, kiếm lời.

Các thiền viện có khả năng cung ứng dịch vụ cá nhân và xã hội, không chỉ nhằm "giải thoát" mà còn đáp ứng nhu cầu mới phong phú, phức tạp hơn. Kiến trúc thiền viện, đặc biệt là thiền viện trong nước tuân thủ theo nguyên tắc chung. Tại những nơi này, người người được tiếp cận với thiền từ cảnh quan văn hóa, nếp sống tu tập qua các công trình như Chính điện, Tổ đường, Nhà khách Nam, Nhà khách Nữ, Thiền đường ngoại viện, Giảng đường, Thư viện, Nhà ăn, Nhà trưng bày và phát hành văn hóa phẩm... Các công trình này ngoài việc giúp tăng, ni, Phật tử thực hiện nếp sống thiền còn đem đến những dịch vụ khá đầy đủ, không có sự khác biệt quá lớn với cuộc sống thường nhật. Các hạng mục công trình trong thiền viện toát lên ý nghĩa hiện sinh, công năng sử dụng theo hướng dịch vụ xã hội, dịch vụ tâm linh [183, tr.292 - 293]. Việc đáp ứng nhu cầu an ninh sinh tồn đôi khi làm các công trình kiến trúc, mỹ thuật, đặc biệt là các thiền viện không còn mang dáng vẻ truyền thống vốn có như nhiều danh lam thắng cảnh khác mà mang vẻ đồ sộ, hiện đại dường như đối lập với những di tích vốn nhỏ bé, hài hòa với thiên nhiên trong tư duy người Việt.

Văn hóa Thiền tông Việt Nam với những biểu hiện của nó ít nhiều có sự vận động theo hướng an ninh sinh tồn. Tác động tích cực hay tiêu cực của xu hướng an ninh sinh tồn của văn hóa Thiền tông Việt Nam tới xã hội nước ta có lẽ còn cần những nghiên cứu, trải nghiệm thực tế nhiều hơn. Tuy vậy, đây cũng là một xu hướng đã, đang tồn tại và tác động vào đời sống xã hội Việt Nam hiện nay. Điều này cho thấy khi cấu trúc tổng thể của văn hóa Thiền tông có sự thay đổi thì các thành tố cấu thành cũng vì thế mà thay đổi chức năng.

### **3.2.2. Đóng góp của văn hóa Thiền tông cho một số hoạt động kinh tế**

Văn hóa Thiền tông Việt Nam góp phần nhất định trong việc phát triển kinh tế của một số vùng, một số địa phương, đặc biệt là thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng như hiện nay. Các thành tố cấu thành văn hóa Thiền tông Việt Nam đóng góp nhất định vào đời sống kinh tế xã hội của một bộ phận người dân.

Tư tưởng Thiền tông Việt Nam với tinh thần nhập thế tích cực, dân thân để phục vụ xã hội là tư duy cần thiết để phát triển kinh tế, đặc biệt là thời kỳ hội nhập, toàn cầu hóa. Tư tưởng ấy tuy không tác động trực tiếp vào việc hoạch định đường hướng phát triển kinh tế của mỗi địa phương song sẽ ảnh hưởng tới đời sống kinh tế xã hội, làm thay đổi nhận thức về tư duy xây dựng kinh tế. Vì mục đích tư tưởng Thiền tông Việt Nam là xây dựng đời sống an lạc và giải thoát, nhưng muốn an lạc thì đời sống kinh tế phải vững mạnh, phát triển kinh tế bền vững và hài hòa... Điều này tác động đến việc tiết kiệm chi phí, giảm bớt kinh phí cho tục lệ, hủ tục rườm rà, tốn kém; qua đó gây dựng nguồn vốn để đầu tư cho sản xuất, góp phần xóa đói, giảm nghèo, tập trung phát triển kinh tế. Một trong những thay đổi dễ nhận biết nhất, đó là một số hủ tục như ma chay dài ngày, cưới hỏi nhiều thủ tục đã dần được thay thế bởi các nghi lễ Thiền tông Việt Nam trang trọng, đơn giản. Đã có 55,5% người dân tại 3 tỉnh/thành là Hà Nội, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc khi được trưng cầu ý kiến khẳng định trong nhiều hoạt động liên quan tới văn hóa Thiền tông tại nơi họ sinh sống có sự tham gia của người dân [PL 8, tr. 222]. Ngoài ra, khi hiểu cốt lõi tư tưởng Thiền tông Việt Nam, người dân hiểu được truyền thống của Thiền tông Việt Nam và lịch sử dân tộc đó là “đồng hành cùng dân tộc” nên người dân có tinh thần xây dựng, cùng với chính quyền các cấp thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Nhà nước trong phát triển kinh tế xã hội địa phương.

Sinh hoạt thiền với các hoạt động thiện nguyện như tham gia cứu trợ nhân đạo, xây dựng nhà dưỡng lão, cô nhi viện,... là sự đóng góp tích cực về mặt kinh tế với xã hội. Qua trưng cầu ý kiến của 200 người dân có 28,5% cho rằng sinh hoạt thiền có đóng góp nhất định vào một số hoạt động kinh tế [PL 8, tr. 222]. Ngoài ra, thông qua việc phát tâm công đức, cúng dường của Phật tử; việc kinh doanh dịch vụ phục vụ khách hành hương, chiêm bái, tham dự các khóa thiền như bán kinh sách,

bằng đĩa hình, trang phục dành cho Phật tử, đồ lưu niệm... cũng góp phần tạo ra nguồn lực vật chất, nguồn lực kinh tế nhất định trong việc duy trì khóa thiền, chỉnh trang và trùng tu các công trình kiến trúc phục vụ sinh hoạt thiền.

Đạo đức, lối sống Thiền tông với đặc trưng là thực tế, giản dị, linh hoạt, lạc quan, phát huy lối sống lục hòa, thực hành thập thiện. Trong đó, nhân sinh quan thực tế, linh hoạt, nhập thế tích cực để tạo ra sự an lành, hạnh phúc cho xã hội là tư duy nhạy bén cần thiết trong hoạt động kinh tế. Tinh thần lạc quan là yếu tố cần thiết đối với một người làm kinh tế trước áp lực của cạnh tranh, “thương trường như chiến trường”, để từ đó có quyết sách phù hợp, giảm thiểu stress. Lối sống lục hòa, thực hành thập thiện giúp người làm kinh doanh hướng tới sự tôn trọng khách hàng, tôn trọng những người cùng kinh doanh “buôn có bạn, bán có phường”. Ở chừng mực nhất định, đạo đức, lối sống Thiền tông có thể phát huy vai trò tích cực trong văn hóa kinh doanh. Trong thực tế, một số thiền viện Trúc Lâm đã tổ chức hoạt động nhằm giới thiệu vai trò của thiền với kinh doanh. Trong số đó phải kể đến Tọa đàm nhân Ngày Doanh nhân Việt Nam 13/10/2011, do ESC Vietnam phối hợp cùng Lotus Global tổ chức với nhan đề: “Doanh nhân và thiền”. Buổi tọa đàm do Đại Đức Thích Tĩnh Thuần, đến từ thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên, Vĩnh Phúc chủ trì. Tuy vậy, kết quả thu được trong những lần tác giả khảo sát tại 5 thiền viện Trúc Lâm lại cho thấy tác dụng của thiền với hoạt động kinh doanh chưa được đánh giá cao ở nước ta hiện nay. 57,2 % số thiền sinh trung niên phủ nhận tác dụng của thiền trong kinh doanh; tỷ lệ đánh giá đúng chỉ chiếm 28,2% [PL 6, tr. 203]. Trung cầu ý kiến của 200 người dân chỉ có 26,5% trong số họ cho rằng sinh hoạt thiền có đóng góp nhất định vào một số hoạt động kinh tế [PL 8, tr. 222]. Điều này cho thấy, quan điểm của các thiền sinh và người dân phần lớn cho rằng họ đến với thiền nhằm mục đích giải tỏa áp lực và căng thẳng của cuộc sống chứ không nhìn nhận thiền mang lại lợi ích to lớn trong kinh doanh như nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đã được công bố trước đó.

Văn học Thiền tông hiện nay được chuyển tải thành các ấn phẩm dưới dạng sách, báo, tạp chí, truyện, đĩa CD, VCD. Một số tác phẩm văn học được chuyển tải thành tác phẩm nghệ thuật như âm nhạc thiền, vở diễn sân khấu... Những tác phẩm văn học chuyển tải tư tưởng Thiền tông được thể hiện dưới dạng sản phẩm văn hóa

nghệ thuật đáp ứng nhu cầu tìm hiểu và thưởng thức của giới tăng ni, Phật tử trong và ngoài nước. Trung cầu ý kiến của 200 người dân thì có 35% cho rằng văn học Thiền tông có đóng góp nhất định vào một số hoạt động kinh tế [PL 8, tr. 222].

Lễ hội có nguồn gốc tưởng niệm Tam Tổ Trúc Lâm thu hút lượng khách hành hương nhất định đến với các địa phương, góp phần cải thiện cuộc sống, tạo công ăn việc làm. Các lễ hội này cũng góp phần tạo ra nguồn thu để tái trùng tu, mở rộng quy mô của danh thắng. Lễ hội Yên Tử được coi là một trong những lễ hội lớn nhất cả nước. Theo thống kê của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, trong những năm trở lại đây, hằng năm lễ hội thu hút trung bình 1,5 triệu lượt khách thập phương. Bên cạnh đó các lễ hội có nguồn gốc tưởng niệm Tam Tổ Trúc Lâm như lễ hội Côn Sơn, lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm, lễ hội chùa Phổ Minh thực sự đã tạo ra điểm nhấn, thu hút du khách. 49,5% người dân được trưng cầu ý kiến cho biết họ thường tổ chức tham quan di tích và lễ hội của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử [PL 8, tr. 222]. Hệ thống thiền viện Trúc Lâm do hòa thượng Thích Thanh Từ chủ trương tạo dựng thường được xây dựng tại nơi có cảnh trí hữu tình, núi non, sông biển. Nơi đó đã trở thành những danh lam, điểm du lịch tâm linh hấp dẫn du khách trong và ngoài nước. Đây cũng là động lực phát triển kinh tế của những địa phương nơi đặt các thiền viện.

Hệ thống các chùa, thiền viện có nguồn gốc tưởng niệm Tam Tổ Trúc Lâm ngoài việc bổ sung cảnh trí, quảng bá hình ảnh cho các địa phương còn góp phần phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng (đường giao thông, điện, nước...) tại những địa danh này. Mặt khác, với gần 60 thiền viện Trúc Lâm trên cả nước tính đến thời điểm hiện tại, trong đó nhiều thiền viện được một số tổ chức, cá nhân, Phật tử góp công, góp của, phát tâm cung tiến... cho thấy Thiền tông có khả năng thu hút sức người, sức của to lớn. Đồng thời, nó cũng phản ánh phần nào tiềm lực kinh tế của Thiền tông Việt Nam. Trưng cầu ý kiến của 200 người dân có 59% cho rằng sinh hoạt thiền có đóng góp nhất định vào một số hoạt động kinh tế [PL7, tr.206]. Mỹ thuật Thiền tông được chuyển tải qua nhiều hình thức, đáp ứng nhu cầu thưởng thức đa dạng của người dân như điêu khắc, hội họa, nhiếp ảnh, nghệ thuật sắp đặt... góp phần phát triển các nghề và kỹ thuật chế tác. Điều này cho thấy, văn hóa Thiền tông có ảnh hưởng nhất định trong đời sống xã hội trên bình diện kinh

tế. Nó không chỉ thể hiện tiềm lực vật chất, tiềm lực kinh tế của Thiền tông trong tổng thể nền kinh tế xã hội mà còn cho thấy tầm ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông tới suy nghĩ, hành động của một bộ phận nhân dân và có ảnh hưởng trực tiếp trên bình diện kinh tế.

Như vậy, ảnh hưởng văn hóa Thiền tông Việt Nam trên bình diện kinh tế được xác định qua vấn đề an ninh sinh tồn và một số đóng góp cho hoạt động kinh tế. Sự ảnh hưởng này ắt hẳn còn nhiều vấn đề cần tìm hiểu, luận giải mà một Luận án chuyên ngành Văn hóa học chưa thể khái quát và giải quyết thấu đáo. Tuy vậy, những ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trên bình diện kinh tế là điều không thể phủ nhận. Vì vậy, cần có những định hướng, giải pháp tổ chức và quản lý để các thành tố của văn hóa Thiền tông Việt Nam thực sự phát huy hơn nữa vai trò trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay, đặc biệt là trên bình diện kinh tế.

### **3.3. Văn hóa Thiền tông trong văn hóa**

#### **3.3.1. Góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc**

Văn hóa Thiền tông Việt Nam là một chỉnh thể được cấu thành bởi các thành tố, góp phần tạo ra diện mạo và bản sắc văn hóa dân tộc. Những giá trị vật thể và phi vật thể của văn hóa Thiền tông Việt Nam đã trở thành tài sản quý báu của dân tộc, làm phong phú và tạo ra sự đặc sắc riêng có của văn hóa Việt Nam. Bàn về bản sắc văn hóa dân tộc, Hội nghị lần thứ 5 BCHTW (khóa VIII) của Đảng khẳng định: *“Bản sắc văn hóa Việt Nam gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng dân tộc Việt Nam..., thể hiện trong 5 giá trị cơ bản: lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc; tinh thần đoàn kết; lòng nhân ái khoan dung trọng nghĩa tình đạo lý...”*. Văn hóa Thiền tông Việt Nam đã hòa quyện vào mạch nguồn tâm tính dân tộc, mang trong mình những giá trị thiêng liêng đó của cốt cách Việt Nam, góp phần tạo ra bản sắc văn hóa của người Việt Nam và cũng tạo ra bản sắc cho chính mình. Bởi vậy đã có 76,6% số thiền sinh được hỏi khẳng định việc phát triển và phục hưng thiền Trúc Lâm Yên Tử tiền thân của Thiền tông Việt Nam là góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.

Tư tưởng Thiền tông Việt Nam trở thành tài sản tinh thần độc đáo của văn hóa dân tộc. Đặc biệt, tính dân tộc, tinh thần trọng nội góp phần gìn giữ văn hóa dân

tộc. Trong số 200 người dân được trưng cầu ý kiến có 69,5% trong số họ cho rằng giá trị tư tưởng Thiền tông góp phần gìn giữ bản sắc dân tộc [PL 8, tr. 222]. Điều này cho thấy sự nhìn nhận khá tích cực của xã hội về giá trị tư tưởng Thiền tông.

Sinh hoạt thiền tại các thiền viện Trúc Lâm làm cho dòng thiền dân tộc và các giá trị tư tưởng của nó được duy trì và phát huy trong đời sống hiện tại. Lối sống lục hòa, thực hành thập thiện là điểm riêng có trong sinh hoạt thiền của Thiền tông Việt Nam, góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc. 57,8% trong tổng số 500 thiền sinh được trưng cầu ý kiến đã khẳng định văn hóa Thiền tông góp phần gìn giữ, bảo tồn văn hóa, lịch sử dân tộc [PL 7, tr. 206]. Bên cạnh đó, trong số 200 người dân tại 3 tỉnh/thành có 58,0% trong số họ cho rằng sinh hoạt thiền góp phần gìn giữ bản sắc dân tộc [PL 8, tr. 222]. Như vậy cả những người tu thiền và những người không tu thiền đều đồng quan điểm cho rằng văn hóa Thiền tông góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.

Đạo đức, lối sống Thiền tông với đặc trưng là tính thực tế, giản dị, linh hoạt, lạc quan, nhân hậu, hòa bình phù hợp với truyền thống, đạo lý, với nếp nghĩ và nếp ứng xử của người Việt, góp phần bổ sung và gìn giữ nét độc đáo trong ứng xử nói riêng và văn hóa dân tộc nói chung. Trong số 200 người dân có 59% trong số họ cho rằng đạo đức, lối sống Thiền tông góp phần gìn giữ bản sắc dân tộc [PL 8, tr. 222].

Văn học Thiền tông là dòng văn học độc đáo, đặc sắc của dân tộc. Dòng văn học ấy góp phần tạo ra những dấu ấn riêng cho văn học dân tộc. Thích Thanh Từ từng khẳng định: *“Một thiền phái mang tên Việt Nam, với ông tổ người Việt Nam... Không phải tổ nước ngoài mới hay, tổ người Việt Nam không hay. Không phải dòng thiền truyền vào từ nước ngoài mới hay, dòng thiền trong nước không hay”*. Đây chính là biểu hiện của lòng yêu nước, ý chí tự cường dân tộc. Trong tác phẩm khác là *TTVNTCĐPH&HH* [131] có đoạn khẳng định về chí nguyện của Thích Thanh Từ khi phục hưng Thiền tông Việt Nam:

Chúng ta nên học theo gương đời Trần để làm sáng tỏ tinh thần độc lập của dân tộc mình... Tại sao chúng ta không mạnh dạn thay đổi nghi lễ cúng tụng ra thành tiếng Việt cho mọi người nghe dễ hiểu và dễ cảm

thông... Người Việt Nam có một thứ chữ riêng, đủ sức diễn đạt tư tưởng của dân tộc ta. Chữ quốc ngữ có khả năng phiên dịch ra các loại sách văn hóa, khoa học, triết học, tôn giáo... của nước ngoài. Đây là một vinh hạnh lớn lao cho xứ sở mình [131, tr. 566].

Thích Thanh Từ chọn hai chữ “Trúc Lâm” để đặt tên cho các thiền viện của Thiền tông Việt Nam hiện nay, vì:

Khi chọn đặt là thiền viện Trúc Lâm... là một tâm hồn hướng về Phật pháp. Mà Phật pháp này đã được dân tộc Việt Nam chọn lọc... làm sao cho Phật giáo Việt Nam cũng có những nét độc lập của Phật giáo Việt Nam... chứ không lệ thuộc hình thức người Ấn Độ, cũng không lệ thuộc hình thức người Trung Hoa, người Nhật Bản... Chỉ Phật giáo Việt Nam là của Việt Nam [131, tr. 589 - 593].

Những tác phẩm văn học này cho thấy ý thức gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Bài thơ thiền “*Cư trần lạc đạo*” là minh chứng rõ nét nhất của sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống của cha ông ta. Kho mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm thể hiện khả năng sáng tạo qua nghệ thuật ngôn từ và nghệ thuật tạo hình. Trong số 200 người dân được trưng cầu ý kiến có 65% trong số họ cho rằng văn học Thiền tông góp phần gìn giữ bản sắc dân tộc [PL 8, tr. 222].

Lễ hội có nguồn gốc tưởng niệm Tam Tổ Trúc Lâm là bảo tàng văn hóa sống động, nơi gìn giữ các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể không chỉ của Thiền tông Việt Nam mà còn của cả nền văn hóa dân tộc. Các lễ hội này thể hiện truyền thống đạo lý uống nước nhớ nguồn, tưởng nhớ những người có công tạo dựng và phát triển dòng thiền dân tộc, nơi gìn giữ các giá trị văn hóa độc đáo của dân tộc. Trong số 200 người dân được trưng cầu ý kiến có 59% cho rằng lễ hội có nguồn gốc tưởng niệm Tam Tổ Trúc Lâm góp phần gìn giữ bản sắc dân tộc [PL 8, tr. 222]. Lễ hội có nguồn gốc tưởng niệm Tam Tổ Trúc Lâm đã hòa quyện vào tâm tính dân tộc, góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.

Kiến trúc, mỹ thuật Thiền tông là nơi bảo lưu những giá trị văn hóa độc đáo, đặc sắc, riêng có của dân tộc. Chùa Phổ Minh, Chùa Vĩnh Nghiêm, Khu di tích Yên Tử, hệ thống thiền viện Trúc Lâm... đã góp phần tạo ra diện mạo đặc

sắc cho văn hóa Phật giáo nói riêng và văn hóa dân tộc nói chung. Trong số 200 người dân được trưng cầu ý kiến có 62% cho rằng kiến trúc, mỹ thuật Thiền tông góp phần gìn giữ bản sắc dân tộc [PL 8, tr. 222]. Điều này cho thấy người dân có sự nhìn nhận, đánh giá cao vai trò của hệ thống di tích, thiền viện Trúc Lâm trong việc gìn giữ văn hóa dân tộc.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, văn hóa Thiền tông Việt Nam trở thành yếu tố cần thiết trong việc gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Chúng ta đều biết, toàn cầu hóa là quá trình mở rộng phổ và các mối liên hệ của sản xuất, giao tiếp và công nghệ ra khắp thế giới. Quá trình mở rộng đã làm các hoạt động kinh tế và văn hóa đan bện vào nhau. Các nền văn hóa ngày càng có sự giao lưu, giao thoa, tiếp biến mạnh mẽ. Điều này làm nảy sinh nguy cơ đồng hóa, đánh mất bản sắc văn hóa. Trong quá trình toàn cầu hóa ấy, các đặc trưng văn hóa ngày càng giữ vai trò quan trọng, tác động mạnh mẽ đến tiến trình và định hướng phát triển của từng dân tộc, trong đó Việt Nam không phải là ngoại lệ [80, tr.3]. Những thành tố cấu thành văn hóa Thiền tông Việt Nam đã phát huy chức năng góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Đó cũng là những giá trị bền vững, tinh hoa của dân tộc, tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Đây chính là “thẻ căn cước” trong quá trình hội nhập, toàn cầu hóa, tránh nguy cơ đồng hóa văn hóa, đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.

### ***3.3.2. Góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay***

Trong nhiều thành tố của văn hóa Việt Nam hiện nay có dấu ấn văn hóa Thiền tông. Sự phục hưng của Thiền tông Việt Nam đã tạo nên trường lực mạnh mẽ, tạo đà cho sự ra đời nhiều thiền viện, sáng tác về chủ đề Thiền tông. Nếu như trong quá khứ các thành tố văn hóa Thiền tông Việt Nam được chuyển tải qua tư tưởng, văn học, chùa tháp thì nay đã xuất hiện bổ sung những thành tố văn hóa nghệ thuật mới như điêu khắc, nhiếp ảnh, nghệ thuật sắp đặt không gian thiền, âm nhạc, sân khấu, ngâm thơ,... Chính điều này góp phần tạo ra bức tranh đa sắc của nền văn hóa nghệ thuật nước ta hiện nay. Trong 500 thiền sinh được trưng cầu ý kiến đã có 72,6% khi cho rằng tư tưởng Thiền tông, sinh hoạt thiền, đạo đức, lối sống, văn học,... góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa nghệ thuật dân tộc [PL 7, tr. 206].

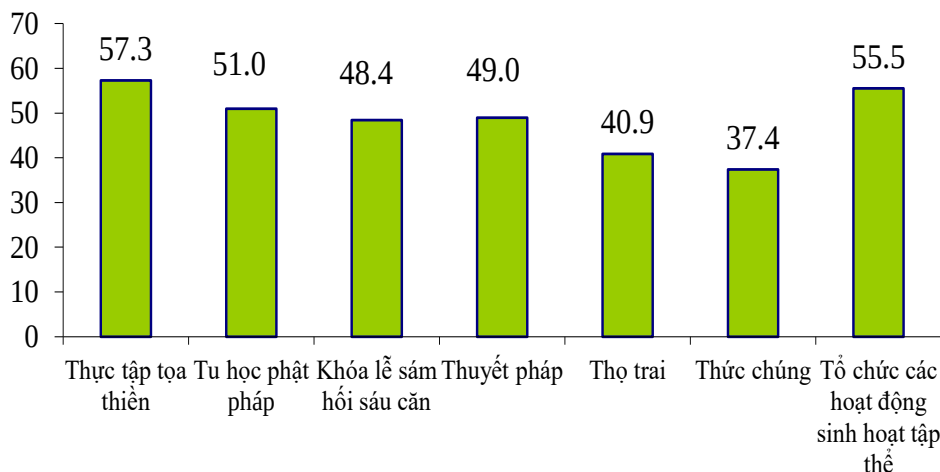
Trong đó, tư tưởng Thiền tông Việt Nam là di sản tinh thần độc đáo của cha



ông ta, góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa nghệ thuật dân tộc. Kết quả trưng cầu ý kiến 200 người dân cho thấy 61,5% cho rằng giá trị tư tưởng Thiền tông góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa nghệ thuật dân tộc [PL 8, tr. 222].

Sinh hoạt thiền duy trì lối sống lục hòa, thực hành thập thiện, sám hối, tổ chức sinh hoạt tập thể [biểu đồ 3.1]... góp phần bảo lưu và gìn giữ sự độc đáo của văn hóa Phật giáo và văn hóa dân tộc. Bên cạnh các nghi lễ, thiền sinh còn được tham gia hoạt động cứu trợ nhân đạo, tổ chức lớp học tình thương, xây dựng nhà dưỡng lão, phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, khám chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí, tổ chức hoạt động tập thể... Chính nhờ những hoạt động này mà con người được giác ngộ, hướng tới tâm Phật.

**Biểu đồ 3.1: Hoạt động trong các khóa thiền đối với thanh, thiếu niên (%)**



Qua sinh hoạt hằng ngày, thiền sinh rèn luyện được tính chủ động, tự lập. Đây cũng là điểm góp phần làm phong phú thêm nếp sống của người Việt, đã có 60,8% trên tổng số 500 thiền sinh tại 5 thiền viện khảo sát khi được trưng cầu ý kiến cho rằng sinh hoạt thiền là hình thức làm phong phú thêm nền văn hóa nghệ thuật dân tộc. Kết quả trưng cầu ý kiến từ 200 người dân cho thấy 44% trong số họ cũng cho rằng sinh hoạt thiền góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa nghệ thuật dân tộc [PL 8, tr. 222]. Điều này cho thấy xã hội đã có sự nhìn nhận vai trò của sinh hoạt thiền với văn hóa nghệ thuật dân tộc.

Đạo đức, lối sống Thiền tông giúp cho Thiền tông thấm nhuần vào cuộc sống. Thiền sinh và người dân đều tích cực tham gia các hoạt động liên quan đến văn hóa Thiền tông [PL 7, tr. 206], [PL 8, tr. 222], như đọc, tìm hiểu các loại sách,

báo tạp chí về thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, tham dự lễ hội, tham quan các di tích, di sản có liên quan đến thiền phái Trúc Lâm Yên Tử... Từ kết quả trưng cầu cho thấy người dân và thiền sinh khá tích cực tham gia các hoạt động liên quan đến văn hóa Thiền tông. 49% người dân được hỏi cho rằng đạo đức, lối sống Thiền tông góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa nghệ thuật dân tộc [PL 8, tr. 222]. Đời sống văn hóa của người dân phong phú cũng là cách phản ánh sự phong phú của nền văn hóa dân tộc.

Văn học Thiền tông Việt Nam là di sản văn hóa đặc sắc của dân tộc. Dòng văn học ấy vẫn được duy trì từ trong quá khứ đến hiện tại với những hình thức và thể tài phong phú, góp phần làm phong phú cho nền văn hóa dân tộc cả về tác giả, tác phẩm. Kết quả trưng cầu ý kiến của 200 người dân có 70,5% trong số họ cho rằng văn học Thiền tông góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa nghệ thuật dân tộc [PL 8, tr. 222].

Lễ hội có nguồn gốc tưởng niệm Tam Tổ là một bộ phận của lễ hội truyền thống, góp phần tạo ra sự phong phú và đa dạng cho lễ hội truyền thống nói riêng và văn hóa dân tộc nói chung. Kết quả trưng cầu ý kiến của 200 người dân thì 63,5% trong số họ cho rằng lễ hội có nguồn gốc tưởng niệm Tam Tổ Trúc Lâm góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa nghệ thuật dân tộc [PL 8, tr. 222].

Các di tích, công trình kiến trúc hiện tồn của Thiền tông Việt Nam khá lớn. Những công trình này ở góc độ nhất định được nhìn nhận như những biểu tượng gắn với văn hóa Thiền tông Việt Nam gồm di tích liên quan đến Trần Nhân Tông và sự phát triển của Thiền tông Việt Nam, các công trình kiến trúc hiện đại của Thiền tông Việt Nam. Những công trình này góp phần tạo ra điểm nhấn đặc sắc cho không gian văn hóa của Thiền tông Việt Nam. 74,5% người dân cho rằng hệ thống di tích, thiền viện mang dấu ấn Thiền tông góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa nghệ thuật dân tộc [PL 8, tr. 222]. Các di tích, công trình kiến trúc (thiền viện, thiền tự) của Thiền tông Việt Nam hiện đang phát huy giá trị trong đời sống xã hội. Ngoài giá trị nghệ thuật - kiến trúc, các công trình này còn mang ý nghĩa lưu niệm danh nhân, gắn với cuộc đời, sự nghiệp của các bậc cao tăng, danh nhân văn hóa của đất nước là Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang... Các thiền viện thường được xây dựng ở những địa điểm có cảnh trí thiên nhiên đẹp hùng vĩ, với quy mô kiến trúc đồ sộ, tạo ra những danh lam có ảnh hưởng trong tâm thức người dân Việt, đáp ứng nhu cầu tham quan du lịch của du khách trong nước và quốc tế.

Có thể thấy, văn hóa Thiền tông Việt Nam góp phần trong việc phát triển giá trị văn hóa bản địa, văn hóa nội sinh. Xu hướng vận động và bổ sung các hình thức biểu đạt văn hóa Thiền tông hiện nay là sự đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn hóa, nhu cầu an ninh sinh tồn, an ninh tâm linh của tăng ni và Phật tử. Sự vận động đó đã chứng tỏ văn hóa Thiền tông góp phần làm phong phú nền văn hóa nghệ thuật nước ta hiện nay. Các thành tố văn hóa Thiền tông cũng vì thế mà thay đổi về chức năng và sự ảnh hưởng trong đời sống xã hội khi cấu trúc của nó thay đổi.

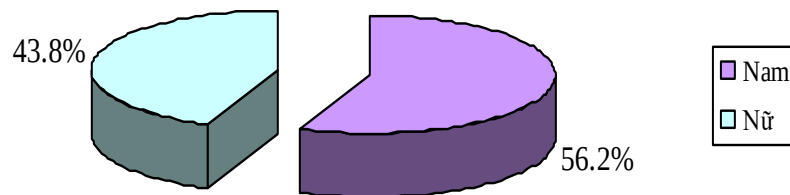
### ***3.3.3. Văn hóa Thiền tông với việc tổ chức đời sống cá nhân và cộng đồng***

Văn hóa Thiền tông có những tác động nhất định tới việc tổ chức đời sống của cá nhân, đặc biệt là các thiền sinh, thiền sư, người quản lý tại các thiền viện. Bởi bản thân họ với sự nhập thân văn hóa vừa là chủ thể sáng tạo và duy trì văn hóa Thiền tông vừa là khách thể hưởng thụ trực tiếp những giá trị văn hóa đó.

Trong đó, sinh hoạt thiền tại các thiền viện không chỉ dừng lại là sinh hoạt tôn giáo mà đã trở thành sinh hoạt cộng đồng hấp dẫn, thu hút nhiều thành phần khác nhau trong xã hội. Trong số 500 thiền sinh được trưng cầu ý kiến, tác giả Luận án thu được kết quả cụ thể sau:

- Về giới tính thiền sinh

**Biểu đồ 3.3: Giới tính người được phỏng vấn (thiền sinh)**



Kết quả điều tra giới tính của thiền sinh tại các thiền viện không có sự chênh lệch nhiều giữa nam giới và nữ giới, tỷ lệ nữ giới là 43.8%; nam giới chiếm 56.2%. Như vậy, các khóa thiền đã thu hút được cả nam và nữ tham gia, không phân biệt giới tính.

- Về độ tuổi thiên sinh

**Bảng 3.4: Độ tuổi người được phỏng vấn**

| <b>Độ tuổi</b>  | <b>Tần số (người)</b> | <b>Tần suất (%)</b> |
|-----------------|-----------------------|---------------------|
| Dưới 15 tuổi    | 140                   | 28.0                |
| Từ 16-24 tuổi   | 137                   | 27.4                |
| Từ 25-35 tuổi   | 63                    | 12.6                |
| 36 tuổi trở lên | 160                   | 32.0                |
| <b>Tổng</b>     | <b>500</b>            | <b>100.0</b>        |

Trong cuộc khảo sát này, nhóm từ 36 tuổi trở lên chiếm tỉ lệ cao nhất là 32.0%. Do các khóa tu thiên tổ chức đều đặn quanh năm cho đối tượng này nên họ có thể tham gia nhiều nhất. Thứ hai là nhóm dưới 15 tuổi chiếm 28.0%; nhóm từ 16-24 tuổi là 27.4%. Nếu gộp chung nhóm tuổi thanh, thiếu niên (từ dưới 15 tuổi đến 24 tuổi) thành một thì tỷ lệ này là 55.4%. Đây là tỷ lệ rất cao bởi các khóa thiên cho đối tượng này chủ yếu tổ chức vào 3 tháng hè. Số liệu này cũng cho thấy một bộ phận thanh, thiếu niên có nhu cầu tham gia sinh hoạt thiên trong thời gian không phải đến trường. Nhóm từ 25-35 tuổi thấp nhất là 12.6%, do đây là nhóm thuộc độ tuổi lao động, họ đang hướng tới mục tiêu ổn định cuộc sống.

- Về tôn giáo người được phỏng vấn

**Bảng 3.5: Tôn giáo người được phỏng vấn**

| <b>Tôn giáo</b> | <b>Tần số (người)</b> | <b>Tần suất (%)</b> |
|-----------------|-----------------------|---------------------|
| Không tôn giáo  | 213                   | 42.6                |
| Phật giáo       | 281                   | 56.2                |
| Thiên chúa giáo | 5                     | 1.0                 |
| Hòa hảo         | 1                     | 0.2                 |
| Cao đài         | 0                     | 0.0                 |

Phần lớn người dân theo học khóa thiên tại 5 thiên viện đều cho biết mình đi theo Phật giáo (56.2%), một bộ phận trả lời không theo tôn giáo nào (42.6%), một số theo các tôn giáo khác. Số liệu này phản ánh ảnh hưởng của sinh hoạt thiên trong một bộ phận nhân dân hiện nay, cả những người theo Phật giáo cũng như những

người không theo Phật giáo cũng tham gia các khóa thiền. Theo đó, số người theo Thiên chúa giáo là 5 thiền sinh chiếm tỷ lệ 1%, số người theo đạo Hòa Hảo là 1 người chiếm 0,2%, không có thiền sinh theo đạo Cao Đài. Kết quả số liệu này có thể thấy số lượng thiền sinh theo đạo Hòa Hảo và Cao Đài hầu như không có. Điều này có thể lý giải là do các thiền viện được tác giả Luận án tiến hành khảo sát đều nằm ở Bắc Bộ (đã được giới hạn trong phạm vi nghiên cứu: đề tài tập trung khảo sát ở khu vực Bắc Bộ) trong khi số người theo hai tôn giáo là Hòa Hảo và Cao Đài chủ yếu ở Nam Bộ.

- Về trình độ học vấn của thiền sinh

**Bảng 3.6: Trình độ học vấn của thiền sinh**

| Trình độ học vấn    | Tần số (người) | Tần suất (%) |
|---------------------|----------------|--------------|
| Không biết chữ      | 1              | 0.2          |
| Tiểu học            | 7              | 1.4          |
| Trung học cơ sở     | 189            | 37.8         |
| Phổ thông trung học | 174            | 34.8         |
| Trung cấp, dạy nghề | 17             | 3.4          |
| Cao đẳng, đại học   | 107            | 21.4         |
| Trên Đại học        | 5              | 1.0          |
| Tổng                | 500            | 100.0        |

Trình độ học vấn của thiền sinh chủ yếu là Trung học cơ sở chiếm 37.8%; Nhóm trình độ học vấn Phổ thông trung học là 34.8% và nhóm Cao đẳng, Đại học là 21.4%. Các nhóm trình độ học vấn khác chiếm tỷ lệ thấp hơn. Trình độ học vấn của thiền sinh gián tiếp cho thấy việc tổ chức các sinh hoạt thiền, giảng giải, truyền thụ tư tưởng Thiên tông cần giản dị, gần gũi với đời sống để phù hợp với trình độ nhận thức của thiền sinh.

- Về nghề nghiệp của thiền sinh

**Bảng 3.7: Nghề nghiệp của người tham gia phỏng vấn (thiền sinh)**

| Nghề nghiệp | Tần số (người) | Tần suất (%) |
|-------------|----------------|--------------|
| Học sinh    | 220            | 65.3         |

|                     |     |       |
|---------------------|-----|-------|
| Sinh viên           | 32  | 9.5   |
| Nông nghiệp         | 10  | 2.0   |
| Công nhân           | 36  | 7.2   |
| CBCNVC              | 38  | 7.6   |
| Nghề tự do          | 119 | 23.8  |
| Nhân viên văn phòng | 14  | 2.8   |
| Nghỉ hưu            | 31  | 6.2   |
| Tổng                | 500 | 100.0 |

Tham gia vào đợt khảo sát này có nhiều nhóm nghề nghiệp khác nhau, nhóm học sinh chiếm tỷ lệ chủ yếu (65.3%); nghề tự do (23.8%); một bộ phận là sinh viên, công nhân, cán bộ viên chức nhà nước, một số người nghỉ hưu... Như vậy, các thiền sinh tham gia sinh hoạt thiền có nhiều nghề nghiệp khác nhau.

Nhằm làm rõ hơn đối tượng tham gia các khóa tu thiền, tác giả Luận án đã tiến hành phỏng vấn sâu thiền sư [PL 4, tr. 198] tại thiền viện Trúc Lâm Yên Tử thu được kết quả cụ thể như sau:

Câu hỏi với thiền sư: Đối tượng tham gia các khóa tu thiền ở thiền viện thường là những ai (giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn)?

Thiền sư: *“Đối tượng đủ các lứa tuổi từ 12 trở lên, biết tự lập và vệ sinh cá nhân; thành phần bao gồm học sinh, sinh viên, thanh thiếu niên, cán bộ hưu trí, thương nhân”*.

Câu trả lời là một kênh thông tin có tính chất tham khảo nhất định. thông tin thiền sư cung cấp phù hợp với thông số đã được phân tích trong phần bảng hỏi. Điều này càng củng cố thêm luận điểm các khóa tu thiền thu hút nhiều đối tượng thiền sinh từ các nghề nghiệp khác nhau..

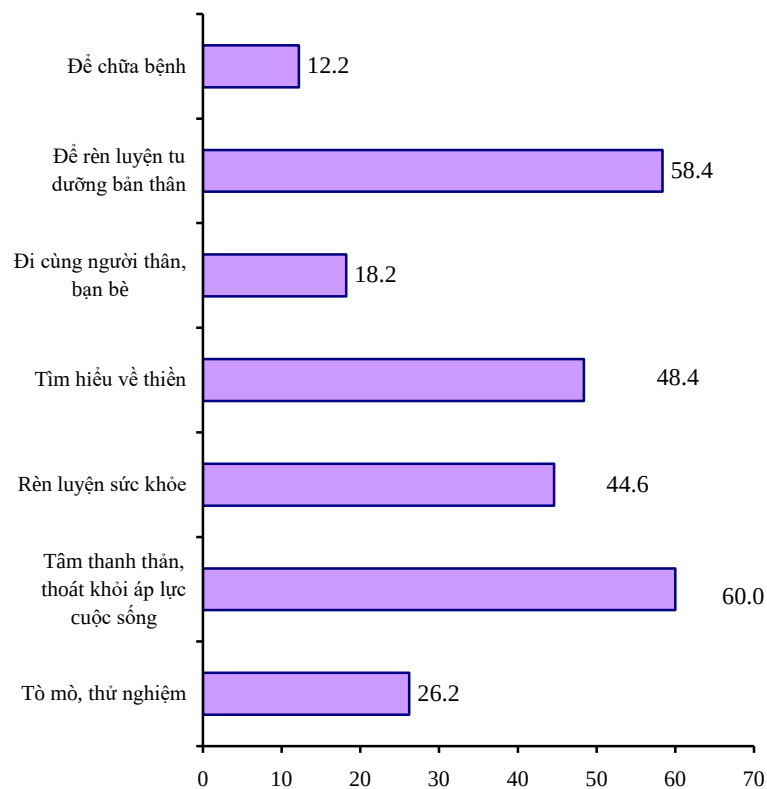
Như vậy, thiền sinh tham gia sinh hoạt thiền tại 5 thiền viện bao gồm cả nam và nữ với tỷ lệ tương đối bằng nhau. Lứa tuổi chủ yếu của các thiền sinh là thanh, thiếu niên. Đây là lứa tuổi mà việc giáo dục nhận thức về văn hóa Thiền tông, phát huy tầm ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông đến xã hội thông qua các khóa tu thiền sẽ hiệu quả và bền lâu hơn so với các lứa tuổi khác. Tôn giáo chủ yếu của các thiền

sinh là đạo Phật. Tuy vậy, trong số thiền sinh có một bộ phận theo tôn giáo khác. Điều này cho thấy ảnh hưởng của sinh hoạt thiền không chỉ bó hẹp đối với Phật tử mà cả những người dân không theo đạo Phật. Trình độ học vấn và nghề nghiệp của thiền sinh cho thấy việc tổ chức sinh hoạt thiền, giảng giải tư tưởng Thiền tông là giản dị, gần gũi với đời sống để phù hợp với trình độ nhận thức khác nhau của thiền sinh.

*- Mục đích tham gia khóa thiền tại thiền viện*

Tác giả Luận án đã tiến hành khảo sát để làm rõ mục đích, động cơ tham gia tu thiền của các thiền sinh. Kết quả thu được ở bảng hỏi được thể hiện ở biểu đồ 3.3:

**Biểu đồ 3.4: Mục đích tham gia khóa thiền tại thiền viện (%)**



Thiền sinh tham gia khóa thiền với nhiều mục đích khác nhau, trong đó ba mục đích được nhiều người lựa chọn là: tâm thanh thân (60.0%); thoát khỏi áp lực cuộc sống; thứ hai, để rèn luyện tu dưỡng bản thân (58.4%); tìm hiểu về thiền (48.4%). Ngoài ra, thiền sinh còn tham gia để rèn luyện sức khỏe, chữa bệnh, cũng có người vì tò mò thử nghiệm hoặc đi cùng người thân, bạn bè.

**Bảng 3.8: Tương quan giữa tuổi của thiền sinh với mục đích tham gia các khóa thiền (%)**

| <b>Tương quan giữa tuổi của người trả lời với mục đích</b> | <b>Dưới 15 tuổi</b> | <b>16-24 tuổi</b> | <b>25-35 tuổi</b> | <b>36 tuổi trở lên</b> |
|------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------|-------------------|------------------------|
| Tò mò, thử nghiệm                                          | 40.0                | 30.7              | 28.6              | 9.4                    |
| Tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống                | 46.4                | 56.9              | 61.9              | 73.8                   |
| Rèn luyện sức khỏe                                         | 31.4                | 35.0              | 54.0              | 60.6                   |
| Tìm hiểu về văn hóa thiền                                  | 32.9                | 35.0              | 58.7              | 69.4                   |
| Tham gia vì đi cùng người thân, bạn bè                     | 22.9                | 16.8              | 9.5               | 18.8                   |
| Để rèn luyện tu dưỡng bản thân                             | 58.6                | 56.2              | 47.6              | 64.4                   |
| Để chữa bệnh                                               | 13.6                | 12.4              | 3.2               | 14.4                   |

Bảng số liệu trên cho thấy giữa các nhóm tuổi mục đích tham gia khóa thiền có một số điểm khác nhau nổi bật như: đối với nhóm tuổi càng trẻ tỷ lệ đi vì tò mò thử nghiệm nhiều hơn như dưới 15 tuổi chiếm 40.0%, nhóm từ 36 tuổi trở lên đi vì mục đích này chỉ có 9.4%. Ngược lại, nhóm tuổi càng cao mục đích đi để tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống càng lớn hơn nhóm 36 tuổi trở lên chiếm 73.8%, đến nhóm từ 16-24 tuổi thấp hơn là 56.9%, thấp nhất là nhóm dưới 15 tuổi chiếm 46.4%. Điều này cũng dễ hiểu bởi ở độ tuổi này họ phải lo cho công việc, cuộc sống, gia đình... nhiều áp lực nên chọn các khóa thiền để tâm thanh thản.

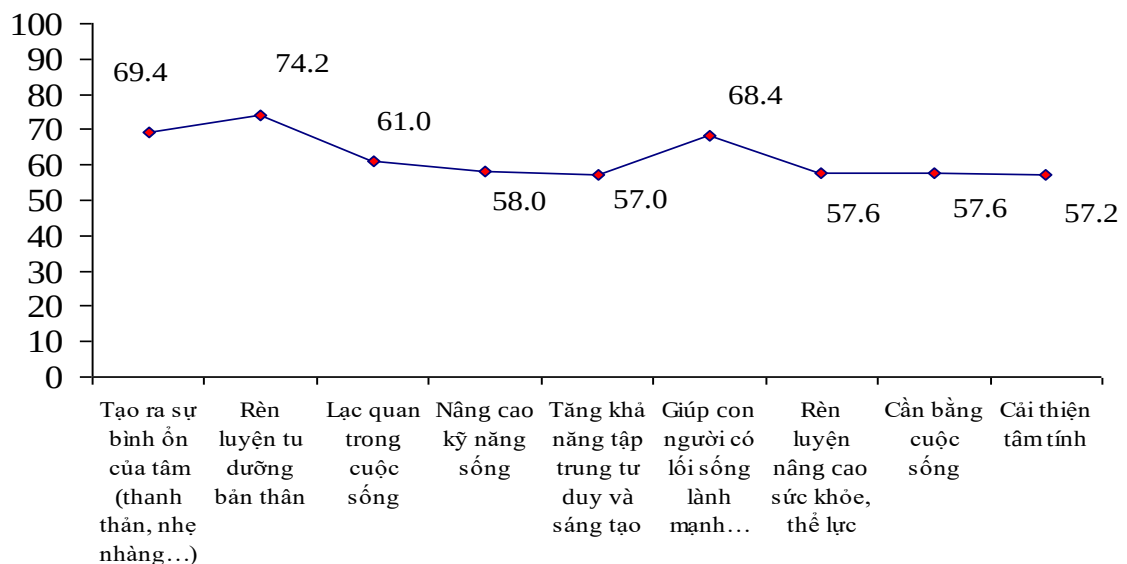
Tương tự, tham gia các khóa học tu thiền vì mục đích rèn luyện sức khỏe chiếm tỷ lệ cao nhất là nhóm 36 tuổi trở lên, thấp nhất nhóm dưới 15 tuổi (31.4%). Độ tuổi càng cao mục đích tham gia để tìm hiểu về văn hóa Thiền tông càng lớn: dưới 15 tuổi là 32.9%, từ 16-24 tuổi là 35.0%, nhóm tuổi 25-35 tuổi là 58.7%, cao nhất nhóm từ 36 tuổi trở lên chiếm 69.4%. Trong khi đó nhóm dưới 15 tuổi tham gia khóa thiền vì đi cùng người thân, bạn bè cao hơn so với các nhóm tuổi khác với 22.9%. Do đặc trưng của lứa tuổi nên quyết định của nhóm tuổi này thường theo gia đình hoặc bạn bè rủ tham gia. Đặc biệt, mục đích rèn luyện tu dưỡng bản thân các



nhóm tuổi đều chọn tỷ lệ cao, nhóm 36 tuổi trở lên cao nhất (64.4%), thứ hai nhóm dưới 15 tuổi (58.6%), thấp nhất nhóm từ 25-35 tuổi (47.6%).

Từ khảo sát, điền dã thực tế về thiền sinh được phân tích trên có thể thấy sinh hoạt thiền tại các thiền viện Trúc Lâm với tư cách là hình thức tổ chức đời sống đặc trưng của văn hóa Thiền tông đã có tác động nhất định tới việc tổ chức đời sống cá nhân mỗi thiền sinh như tạo ra sự thanh thản, cân bằng cuộc sống, rèn luyện tu dưỡng bản thân [Biểu đồ 3.2]...

**Biểu đồ 3.5: Tác động của văn hóa Thiền tông đến việc tổ chức đời sống cá nhân (%)**

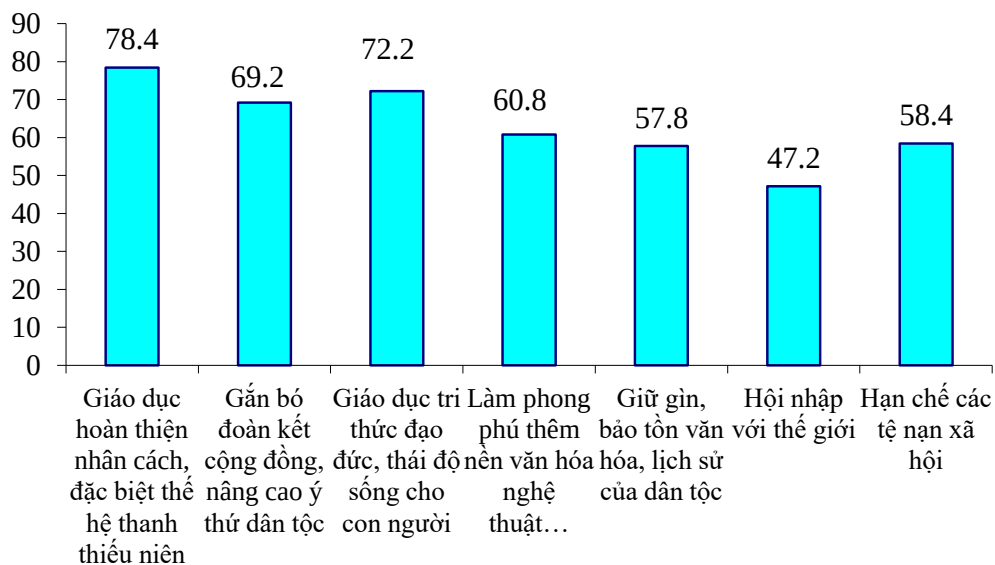


Văn hóa Thiền tông tác động đến việc tổ chức đời sống của cá nhân, theo kết quả thống kê có 4 tác động lớn nhất của văn hóa Thiền tông đến đời sống cá nhân: một là, rèn luyện tu dưỡng bản thân (74.2%); hai là, tạo ra sự bình ổn của tâm (thanh thản, nhẹ nhàng, giảm stress...) (69.4%); ba là, giúp con người có lối sống lành mạnh, tránh xa các tệ nạn xã hội (68.4%); bốn là, lạc quan trong cuộc sống (61.0%). Ngoài ra, văn hóa Thiền tông giúp con người nâng cao kỹ năng sống, cân bằng cuộc sống, cải thiện tâm tính...

Tiến hành phỏng vấn sâu với thiền sinh và thiền sư [PL 4,5,6] để có thêm luận cứ về tác động của sinh hoạt thiền tới việc tổ chức đời sống cá nhân thiền sinh, kết quả thiền sinh đánh giá vai trò tích cực của các khóa thiền trong việc hoàn thiện nhân cách thanh thiếu niên và sức khỏe đối với người trung niên. Bên cạnh những tác động to lớn mà sinh hoạt thiền mang lại thì nó cũng làm tốn thời gian và đôi khi dẫn tới việc sao nhãng các công việc khác trong cuộc sống.

Không chỉ tác động đến việc tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa Thiền tông còn tác động đến việc tổ chức đời sống văn hóa cộng đồng. Giá trị tư tưởng, sinh hoạt thiền, đạo đức, lối sống, văn học, lễ hội, kiến trúc, mỹ thuật Thiền tông... đã và đang có những tác động nhất định trong việc tổ chức đời sống cộng đồng, bao gồm cả những người tu tập thiền và người dân không tu tập thiền [PL 8, tr. 222], [Biểu đồ 3.5], [Biểu đồ 3.6]:

**Biểu đồ 3.6: Tác động của văn hóa Thiền tông đến xã hội (%)**

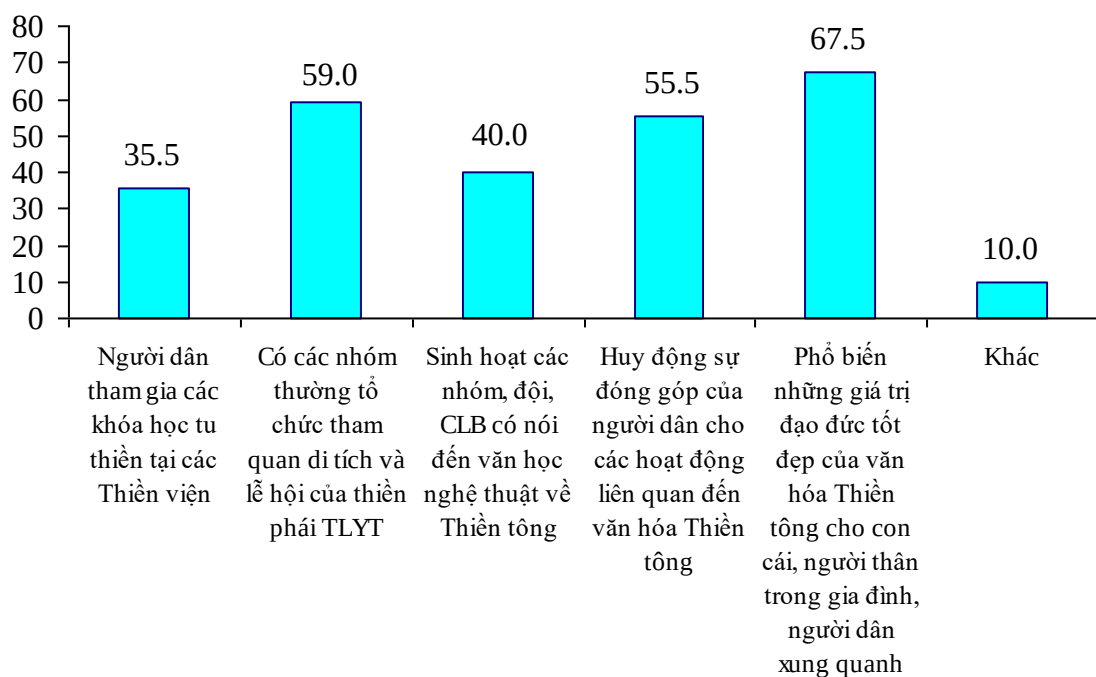


Theo đánh giá của thiền sinh, sinh hoạt thiền có tác động đến xã hội ở nhiều phương diện khác nhau, biểu đồ trên cho thấy tác động lớn nhất của văn hóa Thiền tông đến xã hội, đến cộng đồng là giáo dục hoàn thiện nhân cách, đặc biệt thế hệ

thanh, thiếu niên chiếm tới 78.4%; thứ hai, giáo dục tri thức đạo đức, thái độ sống cho con người là 72.2%; thứ ba, gắn bó đoàn kết cộng đồng nâng cao ý thức dân tộc là 69.2%; đồng thời, làm phong phú thêm nền văn hóa nghệ thuật (tư tưởng thiền Trúc Lâm, đạo đức, lối sống, các tác phẩm văn học nghệ thuật...); hạn chế các tệ nạn xã hội hay góp phần giữ gìn bảo tồn lịch sử, văn hóa của dân tộc...

Ngoài ra, nơi sinh sống của người dân không tu tập cũng có một số hoạt động liên quan đến văn hóa Thiền tông tiêu biểu như: phổ biến những giá trị đạo đức tốt đẹp của văn hóa Thiền tông cho con cái, người thân trong gia đình, người dân xung quanh (67.5%); tổ chức tham quan di tích và lễ hội của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (59.0%), huy động được sự đóng góp của người dân cho các hoạt động liên quan đến văn hóa Thiền Tông (55.0%),...

**Biểu đồ 3.7: Các hoạt động thường tổ chức nơi dân cư sinh sống (%)**



Từ kết quả khảo sát và phân tích trên, tác giả rút ra một số nhận xét sau đây:

- Các khóa tu thiền có tác dụng điều chỉnh hành vi con người, để tâm được tĩnh tại. Người tu thiền nhận thức được thực tại như nó chính là nó. Từ đó có những suy nghĩ và hành động đúng đắn. Đây chính là ý nghĩa to lớn của thiền nói chung và

các khóa tu thiền tại thiền viện tổ chức nói riêng trong cuộc sống hiện tại. Bởi khi có suy nghĩ, nhận thức đúng đắn thì con người sẽ hành động đúng đắn và như vậy sẽ làm lợi cho cá nhân, cho xã hội, nhất là trong xã hội với không ít điều bất an như hiện nay. Giá trị tư tưởng Thiền tông với tư cách là một thành tố văn hóa Thiền tông đã và đang phát huy ảnh hưởng của mình trong đời sống xã hội không chỉ với từng cá nhân tu tập, thiền sinh mà còn với một bộ phận nhân dân

- Muốn thực hành thiền có 3 điều kiện: có phương pháp thiền đúng đắn, có môi trường phù hợp để thực hành thiền và có ý thức chủ động tiếp nhận thiền của thiền sinh. Phương pháp thiền tại các khóa tu đã góp phần duy trì giá trị tư tưởng của Thiền tông Việt Nam. Môi trường thực hành thiền là những điều kiện cần thiết để thực hành thiền (không gian thiền viện, các hoạt động được tổ chức trong khóa tu thiền). Ý thức chủ động tiếp nhận thiền với tâm thế thiền, thực hiện hoạt động trong khóa thiền.

- Sinh hoạt thiền với các hoạt động cụ thể đã tác động nhất định đến đạo đức, lối sống, việc làm từ thiện, răn dạy đạo đức, giảm áp lực cuộc sống... Đây là những giá trị tốt đẹp mà thiền nói chung và sinh hoạt thiền nói riêng mang lại trong xã hội hiện đại, khi mà con người đang phải đối mặt với áp lực của cuộc sống, sự suy thoái đạo đức trở thành vấn nạn của toàn xã hội.

- Những tác động của văn hóa Thiền tông đến việc tổ chức đời sống cá nhân và cộng đồng không chỉ dừng lại ở cá nhân những người tu thiền hay với cộng đồng những người tu thiền, mà đôi khi những giá trị ấy còn phát huy vai trò trong xã hội với cộng đồng dân cư bình thường. Bởi văn hóa Thiền tông là một phần của văn hóa dân tộc, nó thấm vào trong văn hóa dân tộc một cách tự nhiên như nước thấm vào đất. Những giá trị văn hóa Thiền tông có nhiều nét tương đồng với văn hóa truyền thống. Văn hóa Thiền tông phát huy vai trò đồng hành cùng dân tộc nên khó có thể bóc tách thuần túy đâu là văn hóa Thiền tông đâu là văn hóa dân gian truyền thống. Đây là lý do tại sao người dân dù không thực hành tu tập cũng tiếp nhận ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông một cách dễ dàng hay nói cách khác văn hóa Thiền tông đã tác động, lan tỏa đến việc tổ chức đời sống của cá nhân và cộng đồng xã hội.

### **3.3.4. Văn hóa Thiền tông là một biểu hiện của văn hóa tâm linh**

Những năm đầu của TK XXI, A.Malraux đã đưa ra 2 nhận xét nổi tiếng về tôn giáo: *“Thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ của tâm linh hoặc không là gì cả” và thế kỷ XXI là thế kỷ mà “tôn giáo sẽ ra khỏi đầu óc con người nhưng “tâm thức tôn giáo” thì quy trở lại”* [175, tr. 285]. Đúng như dự báo ấy, trong những thập niên vừa qua, thế giới đang chứng kiến sự khởi sắc của đời sống tâm linh dưới mọi hình thức. Đời sống tâm linh, văn hóa tâm linh ở Việt Nam cũng không nằm ngoài quy luật đó. Chúng ta dễ dàng nhận thấy sự khởi sắc đó trong các biểu hiện hồi sinh của văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay. Văn hóa tâm linh có những mặt tích cực không thể phủ nhận trong đời sống cộng đồng. Đó là sợi dây cổ kết cộng đồng, lưu giữ truyền thống, giáo dục lòng nhân ái, vị tha, ý thức hướng thượng, hướng thiện. Văn hóa tâm linh là chỗ dựa về tinh thần, đem lại niềm tin vào những điều tốt đẹp, cao cả, thiêng liêng, giúp con người chiến thắng nỗi sợ hãi, đem lại sự thanh thản, cân bằng cho tâm hồn.

Sinh hoạt thiền, các lễ hội, di tích, thiền viện,... gắn với Thiền tông Việt Nam là “không gian thiêng”, nơi mà con người có những cảm thức tâm linh, sống trong bầu không khí văn hóa tâm linh. Nghĩa là bên cạnh không gian xã hội bình thường, thực tại có thêm một không gian tâm linh “lòng ghép” vào không gian xã hội. Không gian thiêng có đời sống riêng, có sức mạnh gắn kết, kích thích sự tương tác giữa con người với thế giới siêu phàm.

Văn hóa tâm linh đã tạo ra không gian tâm linh tích cực, có ý nghĩa nhân văn, khích lệ con người vươn tới sự giải thoát, những cảm thức tốt đẹp, để sống tốt hơn, hoàn thiện mình, vượt lên những ham muốn thế tục tầm thường. Xã hội tốt đẹp lên nhờ những người có niềm tin như thế, hướng con người vươn tới chân - thiện - mỹ. Tư tưởng thiền của Trần Nhân Tông hướng con người tới cái nhìn lý tưởng, niềm tin hơn là nhận thức thực tế. Tuy là cái nhìn lý tưởng nhưng có tác dụng lôi cuốn nhiều người.

Sinh hoạt thiền giúp cho tâm con người thanh thản, cân bằng, hướng tới cái nhìn tích cực về cuộc sống. Kết quả trưng cầu ý kiến từ 500 thiền sinh cho thấy

69,4% trong số họ khẳng định sinh hoạt thiền tạo ra sự bình ổn của tâm, 61% khẳng định sinh hoạt thiền giúp con người có thái độ lạc quan trong cuộc sống. 80,0% số thiền sinh được trưng cầu ý kiến khẳng định sinh hoạt của Thiền tông Việt Nam là hình thức biểu hiện của văn hóa tâm linh [PL 8, tr. 222].

Đạo đức, lối sống Thiền tông hướng con người tới những giá trị tốt đẹp, lý tưởng, tới sự giải thoát bằng chính những suy nghĩ, hành động cụ thể, đời thường, thanh lọc những điều phàm tục, cải thiện tâm tính. Đặc biệt là trong xã hội hiện đại, khi mà con người phải đối mặt với nhiều áp lực và bất trắc, thì một điểm tựa tinh thần, một cảm thức tâm linh để tâm hồn lắng đọng, hướng tới niềm tin thành kính là cần thiết hơn bao giờ hết. Cảm thức tâm linh, “không gian thiêng” khi đã tác động vào tâm thức sẽ làm con người thấy hổ thẹn, “vấn tâm”, “day dứt” khi họ vi phạm những giá trị đạo đức. Những giá trị về mặt tinh thần trên dù trong xã hội phong kiến hay trong xã hội hiện đại đều rất cần thiết. Nó càng cần thiết hơn khi đất nước đang chuyển mình, nhiều yếu tố đạo đức truyền thống đang bị phá vỡ do tác động mặt trái của kinh tế thị trường. Trong khi những yếu tố đạo đức mới phù hợp, chuẩn mực chưa được xác lập vững chắc như hiện nay.

Lễ hội Yên Tử, lễ hội Côn Sơn, lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm, khu di tích Yên Tử, chùa Vĩnh Nghiêm, chùa tháp Phổ Minh, hệ thống thiền viện Trúc Lâm... chính là biểu tượng của văn hóa Thiền tông Việt Nam, đã tạo ra trường ảnh hưởng nhất định trong xã hội Việt Nam hiện nay. Sinh hoạt văn hóa tâm linh tại những nơi này là sợi dây cổ kết cộng đồng, lưu giữ truyền thống, kết tinh và chuyển tải văn hóa Thiền tông. Yếu tố tâm linh có trong văn hóa Thiền tông Việt Nam đã tạo ra trường ảnh hưởng nhất định trong xã hội Việt Nam hiện nay, đáp ứng nhu cầu thỏa mãn cảm thức tâm linh thông qua du lịch tâm linh, du lịch hành hương, du lịch thiền, các khóa tu tập,... Đối tượng và tâm thế của người hành hương chiêm bái tại di tích, thiền viện gắn với Thiền tông Việt Nam không phải “đến xem” mà là nhập thân với niềm tin thành kính thiêng liêng. Dù đó là những giây phút của cảm thức tâm linh, là sự thăng hoa của nội tâm không thể nắm bắt hay đo đếm được. Đó là xúc cảm có

thực, là năng lực trải nghiệm tâm linh, đem lại nhận thức siêu việt, tiến tới giác ngộ - giải thoát của người Phật tử. Khoảnh khắc đó là động lực nuôi dưỡng, chuyển hóa nội tâm hướng thiện, điều chỉnh hành vi đạo đức, nối quá khứ với hiện tại, đáp ứng nhu cầu sâu thẳm của nội tâm, tạo niềm tin cho con người.

Rõ ràng việc nhìn nhận văn hóa Thiền tông - một biểu hiện của văn hóa tâm linh là hoàn toàn có căn cứ. Bởi nó xuất hiện trong nhiều biểu hiện cụ thể của văn hóa Thiền tông Việt Nam, đã tạo ra trường ảnh hưởng nhất định trong xã hội Việt Nam hiện nay. Đó là những ảnh hưởng mang tính tích cực cổ kết cộng đồng, lưu giữ truyền thống, giáo dục lòng nhân ái, đem lại niềm tin vào những điều tốt đẹp, cao cả, tạo ra sự thanh thản, cân bằng cho tâm hồn.

### ***3.3.5. Văn hóa Thiền tông trở thành cầu nối giữa Việt Nam và Quốc tế***

Trong xu thế phát triển, toàn cầu hóa hiện nay, văn hóa Thiền tông Việt Nam đã có bước chuyển mình cùng sự phát triển của dân tộc, thời đại. Bên cạnh những giá trị truyền thống, văn hóa Thiền tông Việt Nam không ngừng được bổ sung cả về hình thức và nội dung, trở thành một bộ phận của văn hóa dân tộc, văn hóa nhân loại. Văn hóa Thiền tông cùng các biểu hiện của nó đã và đang góp phần tạo dựng thương hiệu cho văn hóa Việt Nam trên thế giới.

Thiền tông Việt Nam là một bộ phận của thiền trên thế giới. Giá trị tư tưởng Thiền tông Việt Nam không chỉ thu hút nhiều người trong nước mà cả người nước ngoài. Hiện nay, trên thế giới có giải thưởng quốc tế mang tên “Giải thưởng Trần Nhân Tông về hòa bình và hòa giải” (Trần Nhân Tông là người sáng lập ra Thiền tông Việt Nam). Giải thưởng này do nghiên cứu sinh và giáo sư đại học Havard Hoa Kỳ đề xuất cùng với sáng kiến thành lập Học viện Trần Nhân Tông (Tran Nhan Tong Academy), nhằm cổ súy cho tư tưởng “hòa giải yêu thương” của Trần Nhân Tông. Tư tưởng “hòa giải yêu thương” là một phần tư tưởng thiền của Trần Nhân Tông, phù hợp với thực tiễn đời sống Việt Nam hiện nay. Tháng 4-2012, Học viện Trần Nhân Tông (Tran Nhan Tong Academy) được thành lập với mục tiêu nghiên cứu về Trần Nhân Tông, đồng thời quảng bá giá trị tư tưởng và sự nghiệp của Trần

Nhân Tông ra thế giới. Bắt đầu với Hội nghị Giải thưởng Quốc tế Trần Nhân Tông về *Hòa giải và yêu thương* ngày 16-2-2012 diễn ra tại Hà Nội. Hội nghị nhận được sự ủng hộ, đồng hành của nhiều bè bạn quốc tế như cựu Tổng thống Latvia Vaira Vike-Freiberga, cựu Ứng cử viên Tổng thống Mỹ Michael Dukakis, Giáo sư Thomas Patterson, Trường Đại học Harvard... Ban đại diện này của Học viện Trần Nhân Tông đã tổ chức Giải thưởng quốc tế Trần Nhân Tông về *Hoà giải và yêu thương* cùng với lễ trao giải là Hội nghị quốc tế Trần Nhân Tông tại Boston và dự kiến phối hợp xây dựng Bảo tàng Trần Nhân Tông ở thủ đô Hà Nội. Hiện nay ông Thomas E. Patterson được cử làm chủ tịch giải thưởng Trần Nhân Tông. Hội đồng cổ vấn giải thưởng bao gồm những học giả, nhà nghiên cứu, chính trị gia có uy tín như nguyên Chủ tịch Quốc hội Việt Nam Nguyễn Văn An; bà Vaira Vike - Freiberga - cựu Tổng thống Latvia; Ông Michael Dukakis - cựu Thống đốc bang Massachusetts; bà Ann Mc Daniel - Phó Chủ tịch thường trực tạp chí Washington Post... Giải thưởng dành cho những người bằng hành động, tầm ảnh hưởng của bản thân có đóng góp nổi bật cho sự nghiệp hòa giải và yêu thương nhân loại, xây dựng tình hữu nghị giữa các quốc gia, dân tộc, tôn giáo giải quyết các mối xung đột, chấm dứt chiến tranh, những người đóng góp to lớn trong việc gìn giữ và bảo vệ môi trường sinh thái trên thế giới. Ngoài ra, Trần Nhân Tông Academy cũng tổ chức Hội nghị Trần Nhân Tông hàng năm về hòa giải và yêu thương). Kết quả điều tra [PL 7, tr. 206] cho thấy có tới 78,8% số người được hỏi biết tới giải thưởng Quốc tế mang tên Trần Nhân Tông về hòa bình và hòa giải. Như vậy, số lượng người biết về giải thưởng này là không nhỏ. Điều này có nghĩa là giá trị tư tưởng Thiền tông Việt Nam đã được bạn bè quốc tế trân trọng. Trong số 200 người dân được trưng cầu ý kiến có 48,5% trong số họ cho rằng giá trị tư tưởng Thiền tông trở thành cầu nối giữa Việt Nam và quốc tế [PL 8, tr. 222].

Không những thế, sinh hoạt thiền do các thiền viện Trúc Lâm tổ chức hiện nay thu hút khá nhiều thiền sinh là người nước ngoài. Các khóa tu thiền do hòa thượng Thích Thanh Từ và thiền sư Thích Nhất Hạnh khởi xướng thu hút không ít



thiền sinh là người nước ngoài, đặc biệt là các khóa tu tổ chức tại hải ngoại. Trong số thiền sinh này, không ít người đến từ các quốc gia phát triển Âu - Mỹ, hoặc đến từ các tôn giáo khác. Bản thân thiền sư Thích Nhất Hạnh là nhà lãnh đạo Phật giáo có tầm ảnh hưởng thứ hai ở phương Tây chỉ sau Đại - Lai - Lạt - Ma. Các khóa thiền do Thiền tông Việt Nam tổ chức trở thành một bộ phận của sinh hoạt thiền thế giới và là cầu nối Việt Nam với quốc tế. 47,2% trong tổng số 500 thiền sinh được trưng cầu ý kiến cho rằng sinh hoạt thiền sinh hoạt thiền phát huy vai trò hội nhập của Việt Nam với thế giới [PL 7, tr. 206]. Trong số 200 người dân được trưng cầu ý kiến tại 3 tỉnh/thành có 35,5% trong số họ cho rằng sinh hoạt thiền trở thành cầu nối giữa Việt Nam và quốc tế [PL 8, tr. 222].

Đạo đức, lối sống Thiền tông với đặc trưng là tinh thần nhập thế tích cực, tính giản dị, thực tế, linh hoạt và lạc quan trở thành di sản tinh thần không chỉ của Việt Nam mà đặc biệt có ý nghĩa với xã hội hiện đại. Vì thế, sự hồi sinh và phát triển của Thiền tông Việt Nam phù hợp với xu hướng coi trọng sinh hoạt thiền của thế giới hiện đại. Khi con người phải đối mặt với nhiều nguy cơ của cuộc sống thì người ta chọn thiền như phương thức giúp cân bằng cuộc sống, lấy lại những giá trị nhân bản tích cực. Thiền thu hút nhiều người trong xã hội tham gia, không phân biệt dân tộc, quốc gia, giới tính, độ tuổi, học thức... Họ tham gia và đến với thiền thông qua các sinh hoạt văn hóa mang đậm chất thiền (thiền định, cắm hoa, trà thiền, tranh thiền, công viên thiền, du lịch thiền, ẩm thực thiền, vườn thiền, điêu khắc thiền, âm nhạc thiền, thơ văn thiền, zenspa...). Trong số 200 người dân được trưng cầu ý kiến tại 3 tỉnh/thành có 35,5% cho rằng đạo đức, lối sống Thiền tông trở thành cầu nối giữa Việt Nam và quốc tế [PL 8, tr. 222].

Văn học Thiền tông là một trong những phương tiện góp phần giới thiệu tinh hoa văn hóa Việt Nam ra thế giới và tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới vào Việt Nam. Nhiều tác phẩm văn học của thiền sư Thích Nhất Hạnh và hòa thượng Thích Thanh Từ được dịch ra nước ngoài. Nhiều tác phẩm văn học Thiền tông Việt Nam trở thành cẩm nang, tài liệu tham khảo cần thiết cho các ngành khoa học giáo dục, lịch sử, y học, tâm lý,... Trong số đó, không ít tác phẩm được nhiều người biết đến

và trở thành tài liệu tham khảo quan trọng cho một số thiền phái (trường hợp các phái thiền Nhật Bản). Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm trở thành di sản tư liệu của Châu Á. Trong số 200 người dân được trưng cầu ý kiến tại 3 tỉnh/thành có 36,5% cho rằng văn học Thiền tông trở thành cầu nối giữa Việt Nam và quốc tế [PL 8, tr. 222]. Văn học Thiền tông đã góp phần nhất định tạo dựng thương hiệu cho văn hóa Việt Nam.

Các lễ hội có nguồn gốc tưởng niệm Tam Tổ Trúc Lâm thu hút đông đảo khách thập phương trong và ngoài nước, kiều bào ta ở nước ngoài. Chính khách hành hương, chiêm bái các lễ hội này với sự nhập thân văn hóa đã làm cho giá trị của các lễ hội được lan tỏa trong cộng đồng dân tộc và quốc tế. Trong số 200 người dân được trưng cầu ý kiến tại 3 tỉnh/thành là Hà Nội, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc có 50% trong số họ cho rằng các lễ hội có nguồn gốc tưởng niệm Tam Tổ Trúc Lâm trở thành cầu nối giữa Việt Nam và quốc tế [PL 8, tr. 222].

Kiến trúc, mỹ thuật Thiền tông góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa Phật giáo của nhân loại. Trong số 200 người dân được trưng cầu ý kiến tại 3 tỉnh/thành có 50% cho rằng kiến trúc, mỹ thuật Thiền tông trở thành cầu nối giữa Việt Nam và quốc tế [PL 8, tr. 222]. Những di tích có nguồn gốc gắn với Thiền tông Việt Nam trở thành những chứng tích lịch sử minh chứng cho sự tồn tại và phát triển dòng thiền độc đáo của Việt Nam và cũng là dòng thiền độc đáo trên thế giới. Đây không chỉ là nơi tham quan, nghiên cứu của bạn bè quốc tế khi tìm hiểu về truyền thống, đất nước và con người Việt Nam mà còn là biểu tượng của văn hóa Thiền tông để chúng ta giới thiệu với bạn bè quốc tế. Hệ thống thiền viện Trúc Lâm không chỉ phát triển trong nước mà còn được tạo dựng ở nhiều quốc gia, nhiều châu lục khác nhau như Mỹ, Úc, Pháp... Những thiền viện này thu hút không ít người dân nước sở tại tham gia và trở thành những vệ tinh giới thiệu và truyền bá tư tưởng Thiền tông Việt Nam ra thế giới. Đây cũng chính là cách chúng ta giới thiệu và quảng bá văn hóa Thiền tông Việt Nam nói riêng và văn hóa dân tộc nói chung.

Như vậy, ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông Việt Nam không dừng lại ở trong nước mà đã lan rộng ra quốc tế. Văn hóa Thiền tông Việt Nam trở thành gạch nối Việt Nam với thế giới. Quan tâm, nghiên cứu và tạo cơ hội để văn hóa Thiền

tông Việt Nam phát triển là cách để giới thiệu, quảng bá văn hóa Việt Nam với thế giới và để thế giới hiểu Việt Nam hơn. Điều này góp phần tạo dựng thương hiệu cho văn hóa Việt Nam ra thế giới.

### **3.4. Văn hóa Thiền tông đối với xã hội**

#### **3.4.1. Những ảnh hưởng đến an ninh, an toàn xã hội**

Văn hóa Thiền tông Việt Nam tác động nhất định trong việc giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội, ảnh hưởng đến sự bình yên của xã hội. Trong số 500 thiền sinh được trưng cầu ý kiến [PL 7, tr. 206] có 72,2% cho rằng văn hóa Thiền tông góp phần giáo dục tri thức, thái độ sống; 58,4% cho rằng văn hóa Thiền tông góp phần hạn chế tệ nạn xã hội; 68,4% cho rằng văn hóa Thiền tông giúp con người có lối sống lành mạnh. Những ý kiến trên của thiền sinh cho thấy văn hóa Thiền tông nếu được khai thác, vận dụng đúng đắn sẽ góp phần tích cực củng cố an ninh, an toàn xã hội. Bên cạnh những ảnh hưởng tích cực, hiện nay, không ít thế lực chống phá Việt Nam thường lợi dụng vấn đề tôn giáo và dân tộc kích động sự chống phá, hoạt động tôn giáo trái pháp luật; tranh chấp, khiếu kiện, mâu thuẫn, gây mất ổn định xã hội. Phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa Thiền tông sẽ góp phần tích cực trong việc ổn định xã hội. Ngược lại, văn hóa Thiền tông rất có thể bị lợi dụng, gây ra những ảnh hưởng tiêu cực tới an ninh, an toàn xã hội. Điều này được thể hiện cụ thể ở khía cạnh:

Thứ nhất, tư tưởng Thiền tông Việt Nam góp phần tích cực gìn giữ an ninh, an toàn xã hội. Thiền tông Việt Nam là tôn giáo của hòa bình, nên khi người dân, Phật tử thấm nhuần giáo lý, thấm nhuần tính hòa hiếu của triết lý Thiền tông Việt Nam thì ở đó có sự đoàn kết trong cộng đồng, tạo ra bức tường thành vững chắc trong việc giữ gìn an ninh, an toàn xã hội. Truyền thống Thiền tông Việt Nam đề cao sự dân thân, nhập thế và đồng hành cùng dân tộc, khi Tổ quốc cần, từ thiền sư đến Phật tử đều có những cách đóng góp cụ thể vào việc bảo vệ Tổ quốc, không để bất kỳ thế lực bên ngoài xâm lấn bờ cõi.

Thứ hai, sinh hoạt thiền giúp thiền sinh tránh xa tệ nạn xã hội, có nếp sống kỷ luật, nề nếp, tôn trọng lẫn nhau, duy trì lối sống lục hòa, lành mạnh cho từng cá

nhân, tạo sự bình ổn cho xã hội. Nhiều khóa tu tại các thiền viện trong nước tổ chức đã thu hút không ít học sinh, sinh viên tới tham dự. Tuy vậy, học sinh, sinh viên là tương lai của đất nước. Mỗi hình thức giáo dục đều có ảnh nhất định tới nhận thức và hành động của họ. Điều kiện để được tham dự khóa tu thiền tại thiền viện chỉ yêu cầu đơn và nộp theo chứng minh thư hoặc giấy khai sinh. Như vậy, không thể loại trừ trường hợp sẽ có những người trà trộn vào khóa thiền để thực hiện mục đích, động cơ không lành mạnh. Chưa kể, do tâm lý đám đông, do nhận thức của một số gia đình khi không giáo dục được con cái, họ gửi con lên các khóa thiền như nơi giải quyết việc giáo dục con cái thay gia đình. Vì vậy, không phải tất cả các thiền sinh đến với thiền viện đều vì mục đích giác ngộ, hay để lĩnh hội minh triết của Thiền tông... Rõ ràng, mục đích sinh hoạt thiền là nhân văn, nếu được tổ chức và quản lý tốt sẽ có tác động tích cực đến việc đảm bảo an ninh, an toàn xã hội, nhưng nếu thiếu sự quản lý chặt chẽ về cách thức tổ chức rất có thể sinh hoạt này sẽ biến tướng với mục đích trục lợi cá nhân hoặc để các phần tử xấu lợi dụng gây mất trật tự an ninh, an toàn xã hội.

Thứ ba, đạo đức, lối sống Thiền tông góp phần duy trì an ninh, an toàn cho xã hội. Công tác giữ gìn an ninh, trật tự xã hội là trách nhiệm của các cơ quan hữu quan Nhà nước, mở rộng ra là trách nhiệm của mọi công dân không phân biệt sắc tộc, tôn giáo. Thiền tông Việt Nam là tôn giáo có truyền thống đồng hành cùng dân tộc, nên như một lẽ tự nhiên, Thiền tông Việt Nam có mặt ở đâu thì vùng đó được yên bình, người dân thêm thắm nhuần, phát huy tinh thần yêu nước, phụng sự quốc gia dân tộc. Tư tưởng Thiền tông Việt Nam hướng tới việc không gây ra các xung đột tôn giáo, không cổ súy hành động cực đoan, chia rẽ hoặc mang màu sắc sắc tộc. Vì vậy, đạo đức Thiền tông vừa đóng vai trò là một bộ phận của văn hóa dân tộc vừa đóng vai trò xây dựng thế giới quan gắn bó với lợi ích quốc gia - dân tộc phù hợp với các chủ trương chính sách của Nhà nước nên được người dân tin yêu, gắn bó.

Thứ tư, văn học Thiền tông Việt Nam có nhiều tác phẩm cổ súy cho tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc. Những tác phẩm văn học của họ không chỉ góp phần định hướng tư tưởng, lối sống của các thiền sư mà cả một bộ phận người dân. Tuy vậy, đôi lúc văn học Thiền tông cũng bị lợi dụng trở thành công cụ để tuyên truyền

những tư tưởng, biểu hiện trực lợi cá nhân. Trường hợp “thơ Thiền” của Hoàng Quang Thuận là một ví dụ. Đầu những năm 2000, Hoàng Quang Thuận - người đã viết liền một mạch 121 bài thơ 4 tiếng đồng hồ trong một đêm ở cố đô Hoa Lư, 63 bài thơ trong 3 đêm ở Yên Tử, và cho in 3 tập “thơ thiền” trong đó có tập thơ “Thi vân Yên Tử” và dịch cả ra tiếng nước ngoài, nhưng chỉ dùng để biếu khách hành hương. Sau đó có những tổ chức và cá nhân đứng ra tổ chức hội thảo về loại thơ này, lập hồ sơ đăng ký xét giải Nobel văn học với tập thơ “Thi vân Yên Tử”!? Bản thân Hoàng Quang Thuận lý giải về hiện tượng trong 4 giờ của một đêm, hình như có “tiền nhân” nhập vào hồn nên ông ta viết liền 121 bài thơ theo thể tứ tuyệt Đường luật và đã quyết định gửi tập thơ “Thi vân Yên Tử” đi dự giải Nobel thế giới. Theo ý kiến của nhà nghiên cứu văn học Nguyễn Phạm Hùng:

Hiện tượng ngay cả người không thông tỏ thiền học cũng làm thơ thiền, thậm chí làm hàng trăm bài “thơ thiền”, khiến cho loại thơ vốn cao siêu và sang trọng này trở thành một thứ văn học mang tính dễ dãi, dung tục và thậm chí hài hước [55].

Rõ ràng, nếu không có kiến thức và sự quản lý kịp thời thì văn hóa Thiền tông Việt Nam và những giá trị văn hóa dân tộc sẽ bị một số tổ chức, cá nhân lợi dụng biến thái đi chùng nào?

Thứ năm, các lễ hội có nguồn gốc tưởng niệm Tam Tổ Trúc Lâm là nơi tập trung đông người, kèm theo đó là nhiều hình thức kinh doanh dịch vụ. Điều này trở thành vấn đề nhạy cảm về an ninh, an toàn xã hội. Các lễ hội này thường thu hút lượng lớn khách du lịch và khách hành hương tâm linh đến địa phương, kéo theo sự phát triển của dịch vụ ăn uống, lưu trú, vận chuyển, thông tin... Mặt trái của nó là lối sống thực dụng, thương mại hóa, làm ô nhiễm môi trường văn hóa, môi trường tự nhiên, mất dần bản sắc địa phương, hủy hoại di tích, kéo theo tệ nạn mê tín, dī đoan, cò bạc, ăn xin, tăng giá, đeo bám khách... Nếu không có sự kiểm soát chặt chẽ, các lễ hội này thường là nguyên nhân của sự mất trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh, an toàn xã hội.

Thứ sáu, nơi ngôi chùa, thiền viện Trúc Lâm hiện diện, tâm linh và truyền thống văn hóa dân tộc cảm rỗi, giúp cho đời sống tâm linh, văn hóa của người dân

được yên bình, người dân yên tâm sản xuất, lao động xây dựng đời sống kinh tế. Đó cũng là vai trò quan trọng của Thiền tông Việt Nam trong việc giữ gìn an ninh, an toàn xã hội.

### **3.4.2. Góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân**

Tư tưởng Thiền tông Việt Nam hướng tới tinh thần từ bi, tôn trọng cá nhân và cộng đồng. Đây là yếu tố cấu thành của tinh thần đoàn kết toàn dân. Trong tư tưởng Thiền tông Việt Nam luôn lấy tinh thần đoàn kết, hòa hợp làm cơ sở, với tinh thần phụng sự bằng những hình thức hoằng pháp, từ thiện, xây dựng nhân tâm làm mục tiêu hoạt động. Thiền tông khuyến khích tinh thần tham gia hợp tác xã hội và hoạt động có tính cộng đồng. Đây chính là cách đóng góp riêng của một tông phái Phật giáo vào văn hóa dân tộc đồng thời tạo ra văn hóa riêng cho tông phái này - văn hóa Thiền tông Việt Nam. Kết quả trưng cầu ý kiến người dân và một số cán bộ chính quyền địa phương tại 3 tỉnh/thành Hà Nội, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc [PL 8, tr. 222] cho thấy trong số 200 người được hỏi có tới 70% cho rằng tư tưởng Thiền tông Việt Nam góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân. Đây là căn cứ thực tiễn cho thấy văn hóa Thiền tông góp phần nhất định trong việc xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân.

Tinh thần đoàn kết được thể hiện rõ nét trong sinh hoạt thiền tại các thiền viện. Tinh thần đoàn kết vừa là đạo lý, vừa là truyền thống của người Việt: *“Bầu ơi thương lấy bí cùng, Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”*, hay *“Nhiều điều phủ lấy giá gương, Người trong một nước phải thương nhau cùng”*... Đoàn kết còn được thể hiện ở tinh thần khoan dung, bao bọc, hòa hợp thành sức mạnh chung của cộng đồng. Hiện nay, sinh hoạt thiền tại các thiền viện góp phần tích cực giáo dục tinh thần đoàn kết cho thiền sinh thông qua sinh hoạt tập thể, văn nghệ, giao lưu, cắm trại, cứu trợ nhân đạo, tổ chức lớp học tình thương, hoạt động khám chữa bệnh, giúp đỡ người cô đơn, khuyết tật. Bởi vậy, đã có tới 80,6% thiền sinh được hỏi khẳng định văn hóa Thiền tông góp phần giáo dục ý thức đoàn kết [PL 7, tr. 206]; 69,2% khẳng định văn hóa Thiền tông góp phần gắn bó đoàn kết cộng đồng, nâng cao ý thức dân tộc. Ngoài ra, một số hoạt động có ý nghĩa nhân văn như từ thiện nhân đạo, tham gia xóa đói, giảm nghèo đang được tăng ni, Phật tử Thiền tông Việt

Nam tích cực hưởng ứng. Những hoạt động này đã gắn kết giáo lý Thiền tông Việt Nam với những vấn đề của cuộc sống. Thiền tông Việt Nam hiện nay không còn hạn chế hoạt động của mình trong chùa, thiền viện mà đang tích cực tham gia công tác xã hội. Theo số liệu tại [PL 7, tr. 206], thiền sinh được tham gia công tác xã hội sau: cứu trợ nhân đạo (60,1%), tổ chức lớp học tình thương (53,4%), xây dựng nhà dưỡng lão, cô nhi viện (52,8%), phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình liệt sĩ (54,0%), khám chữa bệnh, cấp thuốc miễn phí (49,7%), giúp đỡ người cô đơn, khuyết tật (58,9%)... là những đóng góp cụ thể góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân. Không chỉ thiền sinh, thiền sư nhìn nhận về vai trò của sinh hoạt thiền trong việc xây dựng tinh thần đoàn kết, cộng đồng cư dân địa phương cũng có đánh giá, đồng thuận về vấn đề này. Trong số 200 người dân tại 3 tỉnh/thành được trưng cầu ý kiến [PL 8, tr. 222] có 60% cho rằng sinh hoạt thiền góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân.

Những người có vai trò lớn trong việc phục hưng và phát triển Thiền tông Việt Nam hiện nay như hòa thượng Thích Thanh Từ và thiền sư Thích Nhất Hạnh cũng là những người chủ trương và đi đầu trong hoạt động kết nối cộng đồng Phật tử trong và ngoài nước, kêu gọi sự đoàn kết giữa các dân tộc, kêu gọi hòa bình. Lối sống lục hòa được coi là xương sống trong cách cư xử của thiền sinh. Đem tinh thần lục hòa áp dụng trong quản lý xã hội là thật sự cần thiết. Đây cũng là giá trị trong đạo đức, lối sống Thiền tông có thể đóng góp vào quản lý xã hội. Với nội dung này, khi trưng cầu ý kiến của 200 người dân tại 3 tỉnh/thành có 55% cho rằng đạo đức, lối sống Thiền tông Việt Nam góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân [PL 8, tr. 222]. Nhận định này của người dân là đánh giá tương đối độc lập khách quan, là kênh thông tin cho thấy đạo đức, lối sống Thiền tông có ảnh hưởng tích cực trên bình diện chính trị, góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân.

Lễ hội có nguồn gốc tưởng niệm Tam Tổ Trúc Lâm là những sinh hoạt văn hóa giúp cổ kết cộng đồng, tăng thêm sự hiểu biết và gắn kết giữa các thành viên trong cộng đồng. 76,5 % người dân được hỏi cho rằng lễ hội có nguồn gốc tưởng niệm Tam Tổ Trúc Lâm góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân. Các công

trình kiến trúc, mỹ thuật Thiền tông ở góc độ nhất định thể hiện tính cố kết cộng đồng. Các thiền viện Trúc Lâm dành phần không gian lớn cho sinh hoạt cộng đồng, hướng tới sự hòa hợp giữa truyền thống và hiện đại. 53% người dân được trưng cầu ý kiến [PL 8, tr. 222] khẳng định hệ thống di tích, thiền viện mang dấu ấn Thiền tông Việt Nam góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân.

Đoàn kết là cái gốc căn bản cho một xã hội ổn định. Giá trị này đã và đang được vận dụng có hiệu quả trong thời đại hiện nay. Đoàn kết luôn tạo nên sức mạnh lớn lao, là yếu tố quyết định giúp một tổ chức, một dân tộc vượt qua những hoàn cảnh nguy khó. Lịch sử dân tộc chúng ta đã để lại nhiều bài học giá trị về sự đoàn kết. Những bài học ấy không bao giờ là xưa cũ, mà vẫn luôn có ý nghĩa nhất định cho chúng ta hôm nay và mai sau. Văn hóa Thiền tông Việt Nam bằng nhiều biểu hiện khác nhau đã góp phần chuyển tải tinh thần đoàn kết, yếu tố cần thiết cho sự ổn định và phát triển chính trị của quốc gia, dân tộc. Các thành tố văn hóa Thiền tông với chức năng định hướng tinh thần đoàn kết toàn dân đã có ảnh hưởng nhất định trên bình diện xã hội.

#### ***3.4.3. Văn hóa Thiền tông với việc định hướng hành vi, giáo dục đạo đức, lối sống***

Với những biểu hiện đa dạng, văn hóa Thiền tông Việt Nam ảnh hưởng không nhỏ tới việc định hướng hành vi, giáo dục đạo đức, lối sống hiện nay. Ảnh hưởng đó được thể hiện cụ thể trên các mặt sau: góp phần giáo dục truyền thống lịch sử, đạo đức, xây dựng nhân cách; kiến thức văn hóa; khả năng cảm thụ nghệ thuật. Về giáo dục truyền thống lịch sử, các tài liệu nghiên cứu, văn học, lễ hội, di tích,... là “pho sử” sống động, kết tinh tinh hoa văn hóa Thiền tông trao truyền từ hơn 700 năm qua. Những pho sử này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc giáo dục truyền thống, lịch sử quốc gia dân tộc trong thời đại hiện nay. Bên cạnh đó, văn hóa Thiền tông Việt Nam góp phần giáo dục đạo đức, xây dựng nhân cách. Đó là nhân cách hội đủ nhiều phẩm chất tốt đẹp như thực tế, giản dị, linh hoạt, lạc quan, bao dung, nhân hậu, hòa bình. Trong khoảng 5 năm trở lại đây (2009 - 2014) đã có hàng vạn người không phân biệt tuổi tác, giới tính, nghề nghiệp, trình độ học thức tham gia các khóa



thiền. Những khóa thiền giúp con người tự giáo dục bản thân, trở về với chính mình, với thực tại, hướng con người nhìn đúng sự vật như chính nó. Thông qua các khóa thiền, mỗi người nhận ra giá trị cuộc sống, sống hướng thiện và hành thiện trong tinh thần bao dung, nhân hậu, hòa bình, tự giác, nề nếp... trong lao động, sản xuất, ứng xử trong gia đình và xã hội. Đây có thể coi là môi trường lành mạnh góp phần giáo dục và hoàn thiện nhân cách con người. Khảo sát tại 5 thiền viện Trúc Lâm cho thấy, thiền sinh được giáo dục định hướng nhân cách thông qua nội dung: tuổi trẻ trước ngưỡng cửa hội nhập; tìm hiểu về lịch sử, giáo lý đạo Phật; tình yêu thương và chữ hiếu trong đạo đức gia đình và xã hội thông qua lễ kính Phật giáo; tìm hiểu và ứng dụng một số pháp môn tu tập của Phật giáo; kế thừa văn hóa dân tộc và phát huy truyền thống gia đình; trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm sống. Các thiền sinh thực hiện nội quy của thiền viện: sống trong hòa hợp, chính niệm và tỉnh giác; sẵn sàng chia sẻ sự hiểu biết và niềm an lạc của mình với bạn đồng tu... Đây là những việc làm góp phần tích cực giáo dục nhân cách và lối sống cho thiền sinh. Đặc biệt, một số thiền viện Trúc Lâm đã tổ chức nhiều khóa tu thiền để giáo dục thiếu niên, nhi đồng. Những nội dung học tập và quy định rõ ràng này đã góp phần không nhỏ giáo dục tri thức, đạo đức và nhân cách cho thiền sinh. Trong số 500 thiền sinh được trưng cầu ý kiến có tới 72,2% khẳng định sinh hoạt thiền góp phần giáo dục tri thức đạo đức, thái độ sống cho con người. 73,5% trong tổng số 200 người dân được trưng cầu ý kiến khẳng định giá trị tư tưởng Thiền tông góp phần giáo dục, hoàn thiện nhân cách con người. Đây là những số liệu cho thấy xã hội đã có sự nhìn nhận về ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông với việc giáo dục và hoàn thiện nhân cách.

Những hoạt động từ thiện của Thiền tông Việt Nam giúp giáo dục và hướng con người gắn kết với cộng đồng, xây dựng và bồi đắp đạo đức con người. Tư tưởng của Thiền tông Việt Nam đã thấm nhuần sâu sắc trong nhiều cá nhân của xã hội. Chính họ trở thành tế bào tích cực của xã hội, tham gia giữ gìn một “cơ thể” khỏe mạnh cho xã hội đồng thời tự hoàn thiện và xây dựng nhân cách cho chính mình - một nhân cách của văn hóa Thiền tông.

Ngoài ra, văn hóa Thiền tông Việt Nam còn góp phần giáo dục kiến thức văn hóa. Các tác phẩm văn học trở thành tài liệu học tập và nghiên cứu, bổ sung tri thức cho nhiều ngành khoa học, nhiều bậc học như bậc học phổ thông, đại học và sau Đại học, các ngành khoa học như văn học, khảo cổ học, ngôn ngữ, tôn giáo học, lịch sử, Phật giáo, lịch sử tư tưởng... Mộc bản, di tích, lễ hội gắn với nguồn gốc hình thành và phát triển của Thiền tông Việt Nam vừa là đối tượng nghiên cứu của các nhà khoa học, vừa là nguồn tri thức chân xác phục vụ quá trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Hình thức giáo dục đặc sắc nữa của Thiền tông Việt Nam là khả năng cảm thụ nghệ thuật, mà ở đây là nghệ thuật Thiền tông Việt Nam. Những tác phẩm văn học, hội họa, thư pháp, điêu khắc, kiến trúc,... là hình thức nghệ thuật chuyển tải văn hóa Thiền tông Việt Nam phù hợp và phổ biến. Đây là các loại hình nghệ thuật dùng ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh, đường nét, màu sắc, hình khối... để diễn tả thiền lý, lễ giáo, suy cảm theo nhãn quan thiền. Nghệ thuật Thiền tông Việt Nam góp phần cảm hóa dẫn dụ con người, giáo dục nghệ thuật theo hướng chân - thiện - mỹ, nâng cao chỉ số thông minh cảm xúc (EQ). 56,5% trong tổng số 200 người dân được trưng cầu ý kiến khẳng định văn học Thiền tông góp phần giáo dục, hoàn thiện nhân cách con người.

Với những phân tích trên, có thể thấy văn hóa Thiền tông Việt Nam ít nhiều ảnh hưởng nhất định tới đạo đức và giáo dục của một bộ phận nhân dân. Điều này phản ánh ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trên bình diện xã hội.

#### ***3.4.4. Văn hóa Thiền tông với các vấn nạn xã hội***

Xã hội hiện nay xuất hiện không ít hiện tượng tiêu cực, ảnh hưởng tới niềm tin của nhân dân. Vấn nạn tham nhũng, chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng làm không ít người chạy theo lối sống vật chất, xem nhẹ giá trị tinh thần. Các tệ nạn xã hội khác đang có chiều hướng gia tăng với nhiều hình thức, biểu hiện khác nhau như mại dâm, ma túy, cờ bạc, rượu chè, hàng giả và đặc biệt là HIV/AIDS... Điều này tạo ra tâm lý hoang mang, lo sợ, thậm chí mất niềm tin vào thế giới hiện thực của một bộ phận nhân dân. Họ tìm nhiều điểm tựa tinh thần trong đó có thiền để vượt qua khó khăn, bất hạnh. Nhiều người đã chọn khóa thiền tại các thiền viện Trúc Lâm để tạo lập lối sống lành mạnh, tự tạo ra “kháng sinh” cho bản thân mình với rất nhiều mối lo bao quanh. 58,4% trong tổng số 500 thiền sinh được trưng cầu ý kiến khẳng định sinh hoạt thiền góp phần hạn chế tệ

nạn xã hội. 46,5% trong tổng số 200 người dân được trưng cầu ý kiến khẳng định sinh hoạt thiện góp phần hạn chế tệ nạn xã hội. Như vậy, xã hội đã có những nhìn nhận và đánh giá nhất định về ảnh hưởng của sinh hoạt thiện tới việc hạn chế các vấn nạn xã hội.

Sau những giờ học thiện sinh được học hát, tham gia trò chơi cộng đồng, chăm sóc và bảo vệ thiên nhiên, giao lưu, đốt lửa trại, cắm trại, đọc sách, sám hối... Đây là lúc mỗi thành viên nhìn lại những việc mình đã làm, thành thật với bản thân những điều chưa tốt để sửa chữa và cố gắng hơn. Kết thúc mỗi khóa học nhiều thiện viện tặng quà là những cuốn sách hướng đạo cho thiện sinh (như trường hợp thiện viện Trúc Lâm Tây Thiên). Nhiều thiện viện thành lập Đoàn thanh niên Phật tử Trần Thái Tông, là tổ chức nòng cốt triển khai trong các khóa tu thiện.

Các khóa tu thiện đã góp phần hạn chế vấn nạn xã hội, hướng tới con người tới hình thức giải trí lành mạnh. Ở góc độ nhất định, các khóa tu thiện là hình thức tổ chức giáo dục thanh, thiếu niên và nhi đồng theo tinh thần thương yêu (bi), hiểu biết (trí) và can đảm (dũng). Trong các khóa thiện ngoài việc học tập tu dưỡng, còn tổ chức sinh hoạt văn nghệ, giao lưu, du ngoạn, cắm trại,... Nếp sống xã hội cộng đồng chấm dứt thái độ chỉ biết lo cho bản thân, thờ ơ với những điều xảy ra quanh mình. Đạo lý duyên sinh (mọi người nương nhau) và đạo lý lục hòa (sáu nguyên tắc sống chung hòa hợp) cho thấy văn hóa Thiền tông Việt Nam hướng con người tới nếp sống cộng đồng tự nguyện, chia sẻ vui buồn, hạnh phúc và khó nhọc với mọi người xung quanh, bồi đắp tình thương yêu và ý hướng tiến bộ. Đây chính là minh triết trong văn hóa Thiền tông Việt Nam và là đóng góp tích cực của văn hóa Thiền tông Việt Nam với các vấn nạn xã hội hiện nay.

### ***Tiểu kết***

Văn hóa Thiền tông Việt Nam đã thấm vào văn hóa dân tộc một cách tự nhiên và dễ dàng như nước thấm vào đất. Các thành tố văn hóa Thiền tông Việt Nam đang phát huy chức năng của mình trong điều kiện cụ thể và tác động đến một số bình diện của đời sống xã hội. Nếu như trước đây các thành tố/biểu hiện của văn hóa Thiền tông phát huy chức năng là công cụ duy trì hệ tư tưởng riêng của dân tộc thì nay các thành tố văn hóa ấy đã được bổ sung về số lượng, thay đổi về chức năng. Sự thay đổi chức năng này cũng làm

cho sự ảnh hưởng của các thành tố văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội vì thế mà thay đổi theo. Văn hóa Thiền tông Việt Nam đã lan tỏa và có chỗ đứng nhất định trong đời sống xã hội hiện nay. Văn hóa Thiền tông đã chứng minh sự hiện hữu của mình trong hầu hết các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và có những đóng góp, ảnh hưởng tích cực vào các mặt nói trên.

Nếu như các thành tố văn hóa Thiền tông trước đây (tư tưởng, đạo đức, lối sống, văn học, di tích) có vai trò to lớn với lịch sử dân tộc nói chung, văn hóa dân tộc nói riêng thì các thành tố văn hóa Thiền tông hiện nay đã có sự biến đổi và bổ sung về hình thức (tư tưởng, sinh hoạt thiền, đạo đức, lối sống, văn học, kiến trúc, mỹ thuật) và phát huy chức năng phù hợp với đời sống xã hội hiện tại. Sự ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội cũng vì thế mà thay đổi.

Trên bình diện chính trị, văn hóa Thiền tông Việt Nam góp phần xây dựng tinh thần tự chủ, bình đẳng, bác ái. Đây là ảnh hưởng và cũng là giá trị văn hóa Thiền tông Việt Nam đã được chứng minh bằng lịch sử, bằng những sự kiện, con người thật, việc thật. Trên bình diện kinh tế, văn hóa Thiền tông Việt Nam cần được nhìn nhận trong việc góp phần giải quyết vấn đề an ninh sinh tồn và một số hoạt động kinh tế cụ thể. Trên bình diện văn hóa, văn hóa Thiền tông Việt Nam góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, làm phong phú thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay, tổ chức đời sống cá nhân và xã hội, là biểu hiện của văn hóa tâm linh. Văn hóa Thiền tông trở thành cầu nối giữa Việt Nam và Quốc tế. Bản thân sự ra đời của Thiền tông Việt Nam đã thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc. Những giá trị vật chất và tinh thần của văn hóa Thiền tông Việt Nam đã là những giá trị căn cốt của dân tộc. Qua thời gian, những giá trị ấy không ngừng được bồi đắp, đáp ứng nhu cầu tâm linh và cảm thức của người Việt. Trên bình diện xã hội, văn hóa Thiền tông Việt Nam tác động đến vấn đề an ninh, an toàn xã hội, xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân, góp phần rèn luyện đạo đức, giáo dục và giải quyết các vấn nạn xã hội. Những giá trị này đã và đang phát huy vai trò trong đời sống xã hội Việt Nam, góp phần tích cực trong việc xây dựng nhân cách, định hướng giáo

dục văn hóa nghệ thuật theo hướng chân - thiện - mỹ. Văn hóa Thiền tông đã và đang tham gia định hình lối sống lành mạnh,... góp phần giảm thiểu các vấn nạn cho xã hội.

Những ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội nước ta hiện nay cần được nhìn nhận, tiếp tục nghiên cứu, bổ sung. Điều này không chỉ góp phần bảo tồn giá trị văn hóa dân tộc mà còn góp phần định hướng xu hướng phát triển của văn hóa Thiền tông trong tương lai, tạo tiền đề để văn hóa Thiền tông phát huy vai trò và tầm ảnh hưởng trong thời đại hiện nay.

## Chương 4

### XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HÓA THIỀN TÔNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

#### 4.1. Những tiền đề để văn hóa Thiền tông Việt Nam phát triển

##### 4.1.1. Tiền đề khách quan

*4.1.1.1. Đường lối của Đảng và Nhà nước ta về văn hóa và tôn giáo từ sau đổi mới đến nay*

Đường lối về văn hóa của Đảng ta được bắt đầu từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (năm 1943). Bước vào thời kỳ đổi mới, quán triệt những tư tưởng định hướng, mở đường của *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 BCHTW (khóa VIII) “*Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” đã xác định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”. Văn hóa không chỉ là nhân tố nuôi dưỡng đạo đức, tinh thần xã hội mà còn là sức mạnh thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Nghị quyết Hội nghị đề ra chủ trương phát triển văn hóa theo quan điểm hội nhập quốc tế, xây dựng con người và văn hóa Việt Nam trong mối quan hệ biện chứng giữa dân tộc với quốc tế; nhấn mạnh nhiệm vụ hàng đầu là phải xây dựng con người Việt Nam vừa có đức tính yêu nước, thương nòi, vừa có tinh thần đoàn kết với nhân dân thế giới; đề cao giá trị dân chủ và tôn trọng tự do sáng tạo của các văn nghệ sĩ; tiếp thu mọi thành tựu văn hóa tiên tiến của thế giới. Nghị quyết nêu lên mười lĩnh vực cần thực hiện. Trong đó đề cập đến chính sách văn hóa đối với tín ngưỡng tôn giáo; mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa; củng cố và hoàn thiện thể chế văn hóa.

Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước ta đã có nhìn nhận tích cực về vai trò của các tôn giáo trong quá trình xây dựng đất nước từ sau đổi mới đến nay. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16-10-1990 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới, xác định: “*Tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo*

*có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới” [6]. Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12-3-2013 cũng khẳng định: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; Đảng và Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc” [149]. Báo cáo chính trị BCHTW khóa X, chỉ rõ:*

Tiếp tục hoàn thiện chính sách pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với quan điểm của Đảng. Phát huy những giá trị đạo đức, văn hóa tốt đẹp của các tôn giáo; động viên các tổ chức tôn giáo, chức sắc sống tốt đời, đẹp đạo, tham gia đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quan tâm và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được nhà nước công nhận đúng theo quy định của pháp luật [5].

Như vậy, văn hóa và tôn giáo là những lĩnh vực đang được Đảng và Nhà nước quan tâm, tạo điều kiện phát triển. Đây là tiền đề thuận lợi để Thiền tông Việt Nam hồi sinh, theo đó văn hóa Thiền tông Việt Nam cũng ngày càng phát triển.

#### *4.1.1.2. Tiền đề về kinh tế - xã hội*

Ảnh hưởng của việc chuyển đổi nền kinh tế và sự khủng hoảng kinh tế - xã hội, sự chuyển dịch mô hình kinh tế từ bao cấp sang cơ chế thị trường làm cho nền kinh tế đất nước có nhiều khởi sắc. Cuộc sống của người dân được nâng lên, đặc biệt là đời sống vật chất. Mục tiêu và thang giá trị chất lượng cuộc sống của người Việt Nam hiện nay không chỉ dừng lại ở việc ăn no, mặc ấm mà đã được nâng lên thành ăn ngon, mặc đẹp. Thậm chí, trong một bộ phận người dân nhu cầu đã nâng lên thành ăn theo nhu cầu, mặc theo sở thích. Sự phát triển đời sống vật chất xã hội cũng tác động tích cực đến văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay. Theo thống kê và khảo sát của tác giả, đến thời điểm hiện tại (năm 2015) trên cả nước đã xây dựng khoảng 60 thiền viện Trúc Lâm. Những nơi này vừa là nơi thờ tự, giảng dạy và sinh hoạt thiền, vừa là địa điểm tham quan, tĩnh dưỡng hấp dẫn nhiều người đặc biệt ở những khu đô thị lớn. Hầu hết các thiền viện đều có cơ sở vật chất rộng rãi, đảm

bảo những điều kiện cần thiết cho việc tu tập và các sinh hoạt khác (giảng đường, phòng nghỉ, thư viện, nơi tu tập, nhà ăn, khuôn viên tĩnh dưỡng...) của tu sĩ, cư sĩ, Phật tử. Các thiền viện đều nằm ở những nơi có cảnh trí khoáng đạt. Bản thân các thiền viện đã là những danh thắng hấp dẫn thu hút nhiều tầng lớp dân cư không những chỉ đến để tham gia tu tập mà còn tham quan, tĩnh dưỡng và hành hương tâm linh. Đây có thể coi là điều kiện vật chất thuận lợi để phát triển văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay.

Bên cạnh những mặt tích cực, điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam cũng tiềm ẩn nhiều hạn chế, trực tiếp hoặc gián tiếp tác động đến sự phát triển của Thiền tông Việt Nam, văn hóa Thiền tông Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, sự chậm chuyển đổi cơ chế trong thời gian dài khiến đời sống kinh tế - xã hội nước ta trước đổi mới gặp nhiều khó khăn. Vào thập niên cuối của TK XX, hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và đông Âu sụp đổ. Liên Xô và Đông Âu từng là biểu tượng, niềm tự hào của các nước xã hội chủ nghĩa trong đó có Việt Nam. Không ít người trong xã hội đã mất niềm tin ở hiện thực. Sự khủng hoảng kinh tế xã hội dẫn đến sự khủng hoảng niềm tin là một trong những nguyên nhân con người tìm đến với văn hóa tâm linh trong đó có không ít thành tố văn hóa Thiền tông Việt Nam (lễ hội, di tích, tu thiền...). Sau những năm đổi mới, đất nước có sự chuyển mình đáng kể. Nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa được xác lập ở nước ta. Quy luật cạnh tranh của kinh tế thị trường khiến không ít người phải đối diện với thử thách, khó khăn, phức tạp của thương trường. Điều này dễ dẫn con người tìm đến “sức mạnh siêu nhiên”, tìm đến sự “đền bù hư ảo”. Một bộ phận nhân dân trong xã hội đã tìm cho mình mẫu hình để lý giải về những biến đổi trên. Họ ký thác niềm tin, sự cân bằng cần được bù đắp vào tâm linh trong đó có các thành tố của văn hóa Thiền tông Việt Nam. Vấn nạn tham nhũng, chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, các tệ nạn xã hội... tạo ra tâm lý hoang mang, lo sợ, thậm chí mất cả niềm tin vào thế giới hiện thực của một bộ phận nhân dân. Họ tìm đến niềm tin tâm linh trong đó có những thành tố của văn hóa Thiền tông Việt Nam như một điểm tựa tinh thần giúp họ vượt qua khó khăn, bất hạnh.



Có thể nói, kinh tế - xã hội là những điều kiện vật chất và tinh thần cho sự phát triển văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay.

#### **4.1.2. Tiền đề chủ quan**

##### *4.1.2.1. Văn hóa Thiền tông là sản phẩm của người Việt*

Phật giáo được truyền vào nước ta với lịch sử lâu dài hơn 2000 năm. Nội dung tư tưởng Phật giáo (tất nhiên bao gồm cả tư tưởng của Thiền tông Việt Nam) có nhiều nét tương đồng với thức cảm, tính cách của người Việt. Nên nó dễ dàng thâm nhập vào văn hóa Việt Nam, hòa quện vào văn hóa Việt Nam. Đôi khi trong cuộc sống, ta khó phân biệt đâu là Phật giáo, đâu là văn hóa bản địa. Bản thân đạo Phật có đóng góp rất tích cực vào lịch sử văn hóa Việt Nam, trở thành một bộ phận của văn hóa Việt Nam. Bởi vậy có một thực tế là ở Việt Nam đạo Phật không những được người dân chủ động tiếp nhận mà có phần được “ưu ái” hơn so với một số tôn giáo khác.

Bản thân Thiền tông Việt Nam được sinh ra trong cội rễ văn hóa Việt Nam, góp phần phục vụ đất nước, làm giàu thêm vốn văn hóa dân tộc. Kể từ khi ra đời, Thiền tông Việt Nam đã hội đủ trong mình những yếu tố nội sinh của văn hóa Việt Nam (tín ngưỡng dân gian, văn hóa dân gian Việt Nam). Thiền tông Việt Nam xuất phát điểm là một tông phái Phật giáo ở Việt Nam đã trở thành phương châm sống, chân lý của cả một triều đại phong kiến nước ta - Triều đại nhà Trần. Để rồi từ đó, Thiền tông Việt Nam hòa vào cảm thức của người dân Việt Nam, trở thành sức mạnh nội sinh trong cuộc trường chinh chống giặc ngoại xâm. Hiện nay, Thiền tông Việt Nam đang từng bước hiện đại hóa, hoàn thiện để cống hiến cho đời sống văn hóa, xã hội, tâm linh của người dân Việt Nam. Đây chính là văn hóa riêng của thiền phái, là cách đóng góp của thiền phái này vào văn hóa dân tộc - cách đóng góp của văn hóa Thiền tông. Văn hóa Thiền tông đã thấm vào mạch nguồn văn hóa Việt Nam, làm giàu cho văn hóa Việt Nam đồng thời tự tạo ra bản sắc cho riêng mình. Người sáng lập ra Thiền tông Việt Nam là vua Trần Nhân Tông, bậc minh quân, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa Việt Nam. Điều này góp phần tạo ra thái độ

ngưỡng vọng, thiện cảm, đón nhận văn hóa Thiền tông Việt Nam một cách chủ động của một bộ phận người dân Việt Nam. Hơn 700 năm ra đời và gắn bó với dân tộc, thiền phái Trúc Lâm Yên Tử - dòng chủ lưu và là đại diện tiêu biểu nhất của Thiền tông Việt Nam đã để lại những cảm thức sâu sắc trong tâm lý dân tộc. Những thành tố văn hóa Thiền tông Việt Nam là sản phẩm đặc sắc trong quá trình sáng tạo của người Việt (tư tưởng, sinh hoạt thiền, đạo đức, lối sống, văn học, cơ sở tôn giáo...), góp phần tạo nên bản sắc, cốt cách văn hóa của dân tộc Việt Nam. Giá trị của văn hóa Thiền tông Việt Nam đã được chứng minh trong chiều dài lịch sử hơn 700 năm. Hiện nay, giá trị văn hóa ấy lại tiếp tục được sáng tạo, hoàn thiện để phong phú hơn, phù hợp hơn trong xã hội hiện đại. Chính điều này làm cho giá trị tư tưởng của Thiền tông Việt Nam kết tinh trong những biểu hiện/thành tố văn hóa hay văn hóa Thiền tông có tiền đề thuận lợi để hồi sinh như hiện nay.

#### *4.1.2.2. Văn hóa Thiền tông Việt Nam là di sản văn hóa của dân tộc*

Văn hóa Thiền tông Việt Nam là gia tài vật chất và tinh thần mà cha ông để lại cho thế hệ hôm nay và mai sau. Gia tài đó là kết tinh giá trị tư tưởng của Thiền tông Việt Nam được chuyển tải qua các biểu hiện văn hóa như tư tưởng, sinh hoạt thiền, đạo đức, lối sống, văn học, kiến trúc, mỹ thuật... Văn hóa Thiền tông Việt Nam thực sự đã góp phần làm phong phú văn hóa truyền thống Việt Nam. Người Việt Nam không tiếp nhận Thiền tông Việt Nam với tư cách là hệ tư tưởng, trào lưu triết học mà như sự đồng điệu, gần gũi. Bởi vậy, nhà nghiên cứu Trần Văn Giàu trong tác phẩm *Đạo Phật và một số vấn đề lịch sử tư tưởng Việt Nam* từng nhận xét về đạo Phật ở Việt Nam nói chung trong đó có Thiền tông Việt như sau: “*Theo sát cuộc đấu tranh của dân tộc từ trước đến nay không tư tưởng nào hơn Phật giáo, trừ chủ nghĩa cộng sản. Bình minh của lịch sử dân tộc đã gắn liền với Phật giáo*” [36, tr. 15]. Những thành tựu rực rỡ về chính trị, văn hóa, xã hội thời Trần có sự tham gia và đóng góp tích cực của một số thành tố văn hóa Thiền tông Việt Nam. Hiện nay, trong xu thế “Phật giáo nhân gian”, văn hóa Thiền tông Việt Nam

đang hướng tới những giá trị, những hình thức chuyển tải mang tính hiện sinh, thiết thực, đáp ứng nhu cầu an ninh tâm linh, an ninh sinh tồn của con người. Văn hóa Thiền tông Việt Nam đã chủ động tìm đến với cuộc sống, chủ động tìm ra những hình thức và phương pháp biểu đạt phù hợp với thời đại nhưng cũng chính cuộc sống tạo cho văn hóa Thiền tông Việt Nam sự đa dạng về hình thức thể nghiệm, tính thời đại bên cạnh tính truyền thống, tiếp tục phát huy giá trị và tinh thần hướng thượng. Văn hóa Thiền tông Việt Nam như một dòng chảy xuyên suốt từ quá khứ đến hiện tại, trở thành di sản văn hóa của dân tộc ta. Nhờ đó, văn hóa Thiền tông có điều kiện đề bảo tồn và phát huy giá trị trong điều kiện hiện nay.

## **4.2. Xu hướng phát triển cơ bản của văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay**

### ***4.2.1. Theo hướng đề cao ý thức dân tộc***

Tác giả Luận án căn cứ vào nguồn gốc ra đời, ý thức phục hưng Thiền tông Việt Nam hiện nay và các biểu hiện/thành tố cấu thành văn hóa Thiền tông Việt Nam để phân tích, làm sáng tỏ vấn đề, cụ thể:

Thứ nhất, bản thân sự ra đời của Thiền tông Việt Nam cũng chứng tỏ việc đề cao ý thức dân tộc. Thiền tông Việt Nam ra đời trên cơ sở hợp nhất ba dòng thiền Tì Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường và văn hóa bản địa. Ba dòng thiền Tì Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường tuy có nhiều ưu điểm nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu lịch sử lúc đó. Bản thân Trần Nhân Tông là người mộ Phật, đề cao ý thức dân tộc, tinh thần đoàn kết, cố kết cộng đồng. Vào thời của ông, sức mạnh chính trị, quân sự đã được tạo dựng và khẳng định qua 2 cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông. Vì vậy, cần có một sức mạnh tinh thần để hợp sức toàn dân, phát huy ý thức tự cường dân tộc và sự độc lập về tư tưởng. Đó là điều kiện quan trọng cho sự ra đời của thiền Trúc Lâm trước đây và Thiền tông Việt Nam hiện nay. Thiền tông Việt Nam ra đời đánh dấu mốc đặc biệt quan trọng, tạo ra bước ngoặt lớn cho sự phát triển

của Phật giáo Việt Nam nói chung và Thiền tông Việt Nam nói riêng. Phật giáo nước ta chuyển từ quỹ đạo Thiền tông ở Việt Nam, là những dòng thiền được du nhập vào Việt Nam sang quỹ đạo Thiền tông Việt Nam, là dòng thiền Việt Nam, do người Việt Nam sáng lập ở Việt Nam.

Thứ hai, bản thân ý thức và tâm nguyện của những người có tầm ảnh hưởng quyết định đến sự phục hưng Thiền tông Việt Nam và việc phát huy văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay cũng là ý thức đề cao dân tộc. Hòa thượng Thích Thanh Từ - người có công đầu trong việc phục hưng Thiền tông Việt Nam trong nước từng khẳng định chí nguyện của mình:

Chúng tôi chủ trương khôi phục Thiền tông đời Trần là cái nhìn trở lui về quá khứ. Đứng về mặt truyền thống không thể chỉ có ngày nay mà không có những ngày xưa.” [163]. Và “Nói Phật giáo cũng chính là nói Thiền phái Trúc Lâm. Một thiền phái mang tên Việt Nam, với ông tổ người Việt Nam... Không phải tổ nước ngoài mới hay, tổ người Việt Nam không hay. Không phải dòng thiền truyền vào từ nước ngoài mới hay, dòng thiền trong nước không hay [163].

Tinh thần đề cao ý thức dân tộc là động lực để Thích Thanh Từ đưa những yếu tố văn hóa Việt Nam vào việc phục hưng Thiền tông Việt Nam, tôn vinh và đề cao văn hóa dân tộc:

Đặc điểm đời Trần là “học cái hay của người biến thành cái hay của mình. Tinh thần này rất cao cả, đáng cho chúng ta ngày nay kính trọng và học hỏi theo... Chúng ta nên học theo gương đời Trần để làm sáng tỏ tinh thần độc lập của dân tộc mình... chúng ta phải phiên dịch kinh tạng chữ Hán ra chữ Quốc ngữ là vấn đề bức xúc vô cùng. Lại một vấn đề cấp thiết không kém là “Nghĩ lễ trong nhà chùa cúng tụng vẫn phát âm nguyên vẹn bằng Hán Việt”. Vô tình chúng ta bị lệ thuộc văn hóa nước ngoài một cách đáng tiếc. Tại sao chúng ta không mạnh dạn thay đổi nghĩ lễ cúng tụng ra thành tiếng Việt cho

mọi người nghe dễ hiểu và dễ cảm thông... Người Việt Nam có một thứ chữ riêng, đủ sức diễn đạt tư tưởng của dân tộc ta [125, tr.566].

Ngay cách lựa chọn và đặt tên cho hệ thống thiền viện của Thiền tông Việt Nam do hòa thượng Thích Thanh Từ khởi xướng cũng chứng tỏ tinh thần ý thức dân tộc, coi trọng truyền thống dân tộc:

Khi tôi chọn được tên để đặt là thiền viện Trúc Lâm, thì tự nhiên quý vị thấy đó là một tâm hồn hướng về Phật pháp. Mà Phật pháp này đã được dân tộc Việt Nam chọn lọc... Thiền Trúc Lâm Yên Tử là lối tu thích ứng với hoàn cảnh hiện tại của xã hội. Đó là một lối tu rất Việt Nam [125, tr.589 - 593].

Thứ ba, bản thân các thành tố văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay đều truyền tải ý thức dân tộc, tình yêu với quê hương đất nước. Tư tưởng, sinh hoạt thiền, đạo đức, lối sống, văn học, lễ hội, kiến trúc, mỹ thuật... là những thành tố thể hiện rõ đặc điểm này. Thêm nữa, việc xây dựng hệ thống thiền viện Trúc Lâm khắp cả nước (60 thiền viện) ngoài việc khẳng định ý thức phục hưng văn hóa dân tộc, truyền thống dân tộc thì các thiền viện này còn là nơi duy trì sinh hoạt của Thiền tông Việt Nam. Đây là điểm mấu chốt của việc đề cao ý thức dân tộc. Bởi sinh hoạt thiền tại thiền viện không dừng lại ở việc tu tập mà còn là nơi diễn ra các hoạt động văn hóa, xã hội khác. Thiền viện có chức năng như một trường học Phật giáo. Điều này khiến cho Thiền tông Việt Nam không đơn thuần dừng lại ở một học thuyết tôn giáo mà đã đời hóa thành tư tưởng, sinh hoạt, đạo đức, lối sống... có ảnh hưởng nhất định tới suy nghĩ, hành động của một bộ phận nhân dân. Sự phục hưng Thiền tông Việt Nam không bó hẹp ở việc truyền giảng lý thuyết mà đã vận dụng và chuyển tải lý thuyết thành những hành động cụ thể bằng và thông qua những biểu hiện của văn hóa Thiền tông. Đây là cách phát huy giá trị và tư tưởng của Thiền tông sống động nhất. Kết quả phỏng vấn [PL 7, tr. 202] đã cho thấy 78,2% số người được hỏi khẳng định văn hóa Thiền tông phát triển theo hướng đề cao ý thức dân tộc. Đây là một căn cứ có tính tham khảo để tác giả Luận án xác định về xu thế phát triển của văn hóa Thiền tông Việt Nam.

Văn hóa Thiền tông trong xu thế cạnh tranh về tôn giáo và bản sắc văn hóa trở thành thể "căn cước" trong quá trình hội nhập. Dừng văn hóa và đề cao ý thức dân tộc là phương thức phục hưng Thiền tông Việt Nam hiện nay. Vì vậy tinh thần dân tộc được chuyển tải trong các thành tố văn hóa Thiền tông cũng là điều dễ nhận thấy. Nhiều di tích liên quan đến Thiền tông Việt Nam đã được xếp hạng là di tích Quốc gia (chùa tháp Phổ Minh, chùa Vĩnh Nghiêm), di tích đặc biệt cấp Quốc gia (khu di tích Yên Tử, Khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc). Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm được tôn vinh là di sản tư liệu khu vực châu Á. Điều đó khẳng định giá trị đặc sắc, riêng có của dân tộc mà văn hóa Thiền tông chuyển tải được quốc tế công nhận. Các lễ hội gắn với nguồn gốc thờ Tam Tổ Trúc Lâm được phục dựng, phát triển về quy mô. Lễ hội Yên Tử trở thành một trong những lễ hội lớn nhất cả nước hiện nay. Lễ hội Côn Sơn là lễ hội vùng độc đáo ở khu vực miền Bắc. Lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Phổ Minh... là những lễ hội góp phần bảo lưu giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Các lễ hội này thu hút hàng triệu lượt khách mỗi năm. Sự phát triển về quy mô và tầm ảnh hưởng của các lễ hội này cũng chứng tỏ xu hướng trở về đánh thức cội nguồn, đề cao ý thức dân tộc... Đây là minh chứng cho xu hướng đề cao ý thức dân tộc của văn hóa Thiền tông Việt Nam.

Thứ tư, bên cạnh những luận chứng có tính thực tiễn nêu trên, xu hướng phát triển đề cao ý thức dân tộc của văn hóa Thiền tông Việt Nam đã được đề cập và khẳng định trong nhiều nghiên cứu mang tính lý luận. *Kỷ yếu Hội thảo Chùa Vĩnh Nghiêm Bắc Giang và Thiền phái Trúc Lâm trong quá trình phát triển Phật giáo Việt Nam* do UBND tỉnh Bắc Giang chủ trì (12/2010), tập hợp 63 bài viết trong 4 chủ đề: Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Thiền phái Trúc Lâm, Chùa Vĩnh Nghiêm - trung tâm Phật giáo nổi tiếng của Thiền phái Trúc Lâm, kho mộc bản kinh Phật Hán - Nôm chùa Vĩnh Nghiêm - Bắc Giang; Công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa về Thiền phái Trúc Lâm. Những công bố tại hội thảo này hướng tới đề cao giá trị văn hóa Thiền tông với tư cách là di sản của dân tộc. Đây là cách khẳng định văn hóa Thiền tông Việt Nam phát triển theo hướng đề cao ý thức dân tộc. *Kỷ yếu Hội thảo Phật Hoàng Trần Nhân Tông (1258-1308) con người và sự*

*nghiệp* do TS Thích Thanh Quyết và TS Nguyễn Quốc Tuấn đồng chủ biên, nxb Khoa học Xã hội năm 2013. Tập kỷ yếu gồm 3 phần: phần 1: Thời đại Trần Nhân Tông và vua Trần Nhân Tông; phần 2: Vua Trần Nhân Tông - Anh hùng dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc; phần 3: di sản tư tưởng và văn hóa của thời đại nhà Trần và vua Trần Nhân Tông. Kỷ yếu *Hội thảo Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử và công tác quy hoạch, bảo tồn, phát huy những giá trị của khu di tích Yên Tử hiện nay* (12/2013). Kỷ yếu tập hợp 47 bài viết của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, Tăng, Ni. Trong số đó, tác giả đặc biệt quan tâm đến các bài: “Thiền phái Trúc Lâm trong lịch sử thiền học Việt Nam” của Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, “Vai trò của tư tưởng Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử trong việc hình thành bản sắc nền văn hóa dân tộc trong dựng nước và giữ nước” của Thượng tọa Thích Huệ Thông, “Phật giáo Trúc Lâm với những nét son trong lòng dân tộc” của Hòa thượng Thích Thông Phương, “Phật hoàng Trần Nhân Tông từ truyền thống đến hiện đại” của PGS.TS Nguyễn Hữu Sơn... Kỷ yếu *Hội thảo Quốc tế Phật giáo Châu Á và Việt Nam trong tiến trình phát huy bản sắc văn hóa dân tộc* do Viện HLKHXH và GHPGVN đồng chủ trì (11/2013)... Những bài viết, tham luận được trình bày trong hội thảo này cho thấy nhiều chủ đề hướng tới việc khẳng định văn hóa Thiền tông Việt Nam là tài sản riêng có của dân tộc; là di sản văn hóa của dân tộc, di sản đó có điều kiện phát triển trong thời đại hiện nay. Việc bảo tồn và phát huy vốn di sản văn hóa Thiền tông là cách thức đề cao ý thức dân tộc. Đây là một kênh thông tin, căn cứ mang tính lý luận cho phép dự báo xu hướng phát triển của văn hóa Thiền tông Việt Nam theo hướng đề cao ý thức dân tộc.

Trên đây là những căn cứ khoa học về mặt lý luận và thực tiễn cho phép dự báo văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay phát triển theo hướng đề cao ý thức dân tộc.

#### **4.2.2. Theo hướng Phật giáo nhân gian**

Phật giáo nhân gian là xu hướng phát triển của Thiền tông hiện nay. Nếu nhìn nhận văn hóa Thiền tông bao gồm những biểu hiện văn hóa có yếu tố Thiền tông/liên quan đến Thiền tông hoặc Thiền tông mang tính trội thì có thể ví những

biểu hiện văn hóa ấy như “vật mang tin”, là hình thức truyền tải nội dung tư tưởng Thiền tông. Văn hóa Thiền tông phát triển theo hướng Phật giáo nhân gian là vấn đề cần thiết được xem xét và dự báo.

Phật giáo nhân gian là xu thế đã xuất hiện ở nhiều quốc gia châu Á. Xu thế này xuất hiện đầu tiên ở Trung Quốc từ thời nhà Thanh vào TK XIX. Hiện nay, Phật giáo nhân gian đã trở thành xu thế chủ đạo của Phật giáo Trung Quốc. Các thiền sư đã dùng ngôn ngữ, phương pháp của cộng đồng xã hội giảng dạy lý luận Phật giáo, hoằng dương Phật pháp, tổ chức giáo dục, nuôi dưỡng nhân tài, thúc đẩy văn hóa, làm từ thiện... Đài Loan cũng là một trong những nơi tiên phong trong xu thế Phật giáo nhân gian. Hiện nay, xu thế này rất phát triển ở Đài Loan với các hoạt động chủ đạo hướng đến giáo dục và an sinh xã hội. Trong khoảng 50 năm (1960 - 2013) phong trào Phật giáo nhân gian tại Đài Loan đã lập được 16 học viện Phật giáo. Từ năm 1991 đến nay, Phật giáo Đài Loan đã thành lập được 4 trường Đại học tại Mỹ, Úc và Đài Loan. Hệ thống giáo lý Phật giáo được biên soạn, dịch ra tiếng phổ thông. Tăng đoàn Phật giáo Đài Loan cho xuất bản sách Phật, thành lập nhà xuất bản, báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình, thư viện, phòng trưng bày nghệ thuật, tham gia chăm sóc người già, giáo dục trẻ nhỏ và các công việc từ thiện khác... Xu hướng Phật giáo nhân gian ở Đài Loan trở thành từ đồng nghĩa với “hiện đại”, “văn minh”, “tiến bộ”, “thực tế” [170, tr.106]. Nhật Bản - quốc gia mà thiền rất được coi trọng và phát triển. Các đoàn thể Phật giáo nước này được coi trọng như mọi đoàn thể xã hội và nghề nghiệp khác. Từ năm 1960 trở đi, nhiều đoàn thể Pháp nhân của Phật giáo đã thực sự “nhập thế” trong cả hoạt động kinh doanh ngoài xã hội... [175, tr.106]. Trong xu thế giao lưu văn hóa, hội nhập toàn cầu hóa, ắt hẳn Phật giáo nhân gian ít nhiều tác động đến văn hóa Phật giáo Việt Nam nói chung, văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay nói riêng.

Tại Việt Nam, xu hướng Phật giáo nhân gian đã manh nha xuất hiện từ những năm đầu TK XX. Hiện nay nhà nghiên cứu có nhiều công trình đã xuất bản đề cập đến xu hướng “Phật giáo nhân gian” là Đỗ Thuận. Xu hướng Phật giáo nhân gian ở Việt Nam biểu hiện qua 4 nội dung cụ thể sau:



Trước tiên là ngôn ngữ thuyết pháp của Thiền tông Việt Nam. Thiền tông Việt Nam sử dụng lối thuyết pháp tích cực, thực tế, hiện đại. Thông qua đó để giải thích nội dung, nghĩa lý sâu sắc của thiền một cách gần gũi, đời hơn. Nhờ sự uyển chuyển và linh hoạt trong sử dụng ngôn ngữ, văn hóa Thiền tông Việt Nam dễ dàng tiếp cận và thâm nhập với cuộc sống hơn, phù hợp với sự vận động và hơi hướng của thời đại.

Thứ hai là sự thay đổi trong phương pháp hoằng hóa. Sự thay đổi này thể hiện ở chỗ Thiền tông Việt Nam không chỉ chú trọng vào việc giảng giải kinh sách mà đã đưa kinh sách “bước vào” cuộc sống, hiện thực hóa kinh sách bằng và thông qua các thể loại văn hóa cụ thể. Các hoạt động của Thiền tông Việt Nam như giảng kinh, viết sách, từ thiện cứu tế, hành chính giáo hội, truyền thông đại chúng, xây dựng đạo tràng, phát triển hệ thống thiền viện, thực hiện đều đặn các khóa tu, chuyển tải tinh thần Thiền tông Việt Nam qua các loại hình văn học, kiến trúc, hội họa, âm nhạc, điện ảnh, sân khấu... cho thấy sự thay đổi tích cực trong phương pháp hoằng hóa. Kết quả điều tra [PL 7, tr. 202] cho thấy 73,2% số người được hỏi cho rằng các hoạt động của thiền viện ngày một đa dạng; 68,8% cho rằng các loại hình văn hóa nghệ thuật về Thiền tông (văn học, âm nhạc, xuất bản phẩm, băng đĩa, ...) ngày một đa dạng và phong phú. Đây là ý kiến của các thiền sinh, những người trực tiếp tham gia khóa thiền và thấy được sự chuyển biến tích cực trong phương pháp hoằng hóa. Có thể thấy, Thiền tông Việt Nam coi trọng việc dùng văn hóa và thông qua văn hóa để phục hưng. Các thiền viện Trúc Lâm có chức năng như một thiết chế văn hóa tôn giáo, nơi tổ chức hội thảo, tọa đàm trong nước và quốc tế về vai trò của Thiền tông Việt Nam trong lịch sử văn hóa dân tộc... Khối lượng tri thức về Thiền tông Việt Nam khá đồ sộ với các thể loại sách, báo, tạp chí,... Nhiều cuốn sách, bài viết mang tính phổ thông, dễ đọc, dễ tiếp nhận, gắn với đời sống xã hội. Thêm nữa, các báo điện tử như Đạo Phật ngày nay, Thư viện Hoa Sen, Phật tử Việt Nam, Trang nhà Quảng Đức, Báo Giác ngộ, Tạp chí Nghiên cứu Phật giáo, Tạp chí Khuông Việt... đã góp phần phổ biến, tuyên truyền tin tức liên quan tới Phật giáo trong nước và quốc

tế trong đó có những thông tin về văn hóa Thiền tông Việt Nam. Ngoài ra, các thiền viện Trúc Lâm đều đặn tổ chức các khóa tu thiền cho thanh, thiếu niên với mục đích giáo dục thái độ sống và ý thức dân tộc, tổ chức biểu diễn những tác phẩm ca múa, hợp xướng đề tài Phật giáo, tổ chức Hôn lễ theo nghi thức Phật giáo... Đây là những việc làm cụ thể cho thấy sự thay đổi tích cực trong phương pháp hoằng hóa.

Thứ ba là các hình thức chuyển tải giá trị tư tưởng của Thiền tông phù hợp với xu thế phát triển của xã hội. Giá trị tư tưởng của Thiền tông được đưa vào các sáng tác, sử dụng khoa học công nghệ hiện đại và phương tiện truyền thông để thuyết giảng như in tặng kinh sách, quay phim, phát thanh, internet... Kết quả điều tra [PL 7, tr. 202] cho thấy 76,4% số người được hỏi cho rằng Thiền tông Việt Nam ngày càng được nhiều người biết đến qua việc tuyên truyền, quảng bá đến người dân trong và ngoài nước bằng nhiều hình thức khác nhau (internet, xuất bản phẩm, văn học, nghệ thuật...). Để có thể thích hợp với điều kiện ngày nay, các biểu hiện văn hóa Thiền tông mang tính hiện đại hơn, hiện thực hơn, gắn kết và liên hệ với đời sống xã hội. Văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay không chỉ được phát triển trong nước mà còn phát triển ở nước ngoài. Các thiền viện của người Việt ở nước ngoài còn là nơi giao lưu, gắn bó giữa những người Việt. Điều này góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, thực hiện tốt chức năng liên kết của tôn giáo.

Thứ tư văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay đã được xã hội nhìn nhận, tạo dựng được chỗ đứng trong một bộ phận nhân dân. Bản thân văn hóa Thiền tông Việt Nam đã góp phần khẳng định và làm giàu bản sắc văn hóa dân tộc. Việc xây dựng hệ thống thiền viện Trúc Lâm khắp cả nước (khoảng 60 thiền viện) ngoài việc khẳng định ý thức phục hưng văn hóa dân tộc, truyền thống dân tộc thì các thiền viện này còn là nơi duy trì sinh hoạt Thiền tông Việt Nam. Sinh hoạt thiền tại các thiền viện không dừng lại ở việc là nơi tu tập dành cho tăng, ni mà còn là nơi tu tập của Phật tử (bao gồm nhiều thành phần khác nhau trong xã hội), nơi diễn ra các hoạt động văn hóa, xã hội khác. Sự phục hưng Thiền tông Việt Nam không bó hẹp ở việc truyền giảng lý thuyết mà đã vận dụng lý thuyết, chuyển tải lý thuyết thành những hành động cụ thể. Thông qua đó, hình thành mẫu thức sống tích cực, nhập thế. Các

khóa tu thiền tại thiền viện hoặc các hoạt động do Thiền tông Việt Nam khởi xướng luôn thu hút được sự quan tâm của một bộ phận không nhỏ tầng lớp nhân dân. Theo kết quả điều tra [PL 7, tr. 202] đã có 75,8% số người được hỏi nhận định về xu hướng phát triển của Thiền tông ở nước ta cho rằng sẽ có nhiều thiền sinh tham gia khóa học thiền, gồm đủ thành phần (nam, nữ, các độ tuổi, mọi nghề nghiệp khác nhau...); 64,8% số người được hỏi khẳng định đã có thiền sinh là người nước ngoài tham gia tu thiền do các thiền viện Trúc Lâm tổ chức. Như vậy, số lượng tín đồ Thiền tông Việt Nam, cùng với các thiền viện tăng lên nhanh chóng. Điều đáng lưu ý là số tín đồ đó không chỉ là người Việt, mà còn thu hút số lượng không nhỏ người nước ngoài, người dân ở nước sở tại nơi đặt thiền viện Trúc Lâm. Thêm nữa, những người thuyết pháp, giảng đạo của Thiền tông Việt Nam hôm nay thường có kiến thức uyên thâm, có thể sử dụng ngoại ngữ, thậm chí trong số họ còn bao gồm các nhà nghiên cứu văn hóa, nghiên cứu Phật giáo, nhà tư tưởng,... Chính điều này làm cho Thiền tông Việt Nam được tiếp cận một cách toàn diện hơn và được chuyển tải đến nhiều thành phần trong xã hội hơn. Tuy vậy, cũng theo kết quả điều tra [PL 7, tr. 205] có tới 24,4% số người được hỏi cho rằng đã xuất hiện một số biểu hiện thương mại hóa, lợi dụng các khóa tu thiền để kiếm lợi cho cá nhân... Đây là khía cạnh cần được chú ý để khắc phục và hạn chế sự phát triển trong tương lai của văn hóa Thiền tông ở nước ta.

Mặt khác, những nhìn nhận, đánh giá, dự báo của người dân cũng là một kênh thông tin cho thấy xu thế phát triển theo hướng Phật giáo nhân gian của văn hóa Thiền tông [bảng 4.1]:

**Bảng 4.1: Nhận định về xu hướng phát triển của văn hóa Thiền tông ở Việt Nam trong tương lai (%)**

| TT | Nội dung                                        | Đúng | Đúng 1 phần | Không đúng |
|----|-------------------------------------------------|------|-------------|------------|
| 1  | Gia tăng các đạo tràng, hệ thống thiền viện,... | 51.0 | 47.5        | 1.5        |
| 2  | Các loại hình văn hóa nghệ thuật về             | 45.5 | 54.5        | 0.0        |

|   |                                                                                                                                                                                                           |      |      |     |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|-----|
|   | Thiền tông (văn học, âm nhạc, xuất bản phẩm, băng đĩa, ...) ngày một đa dạng và phong phú                                                                                                                 |      |      |     |
| 5 | Thiền tông Việt Nam ngày càng được nhiều người biết đến qua việc tuyên truyền, quảng bá đến người dân trong và ngoài nước qua nhiều hình thức khác nhau (internet, xuất bản phẩm, văn học, nghệ thuật...) | 53.5 | 46.5 | 0.0 |

Những căn cứ trên cho phép tác giả Luận án dự báo về xu hướng Phật giáo nhân gian trong sự phát triển của văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay.

#### ***4.2.3. Theo hướng hội nhập, toàn cầu hóa***

Xu thế toàn cầu hóa của văn hóa Phật giáo trong đó có văn hóa Thiền tông Việt Nam đã được ghi nhận trong nhiều nghiên cứu. Theo nghiên cứu của GS Đỗ Quang Hưng, xu thế này đầu tiên xuất hiện qua các cuộc thám hiểm của Jean Plan Carpin và Marco Polo (TK XIII). Thế kỷ XVI, Công giáo được truyền vào Á Đông. Năm 1549, với ngòi bút của thánh Francois Xavier, Phật giáo Nhật Bản được ghi nhận, trong đó trước hết là các phái thuộc Thiền tông và xuất hiện một số nghiên cứu về Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản. Tuy vậy, thời văn hóa Phục Hưng (cuối TK XVI), châu Âu vẫn chỉ biết đến một Trung Hoa theo “mô hình Khổng giáo chuyên chế” chủ yếu qua sự phê bình của các cha Dòng Tên. Phải đến cuối TK XIX đầu TK XX, châu Âu mới có nhận thức đúng đắn về Phật giáo. Giai đoạn này đã xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu về Phật giáo một cách hệ thống. Trong số đó phải kể đến những tác phẩm của Paul Claudel viết về Phật giáo Nhật Bản 1898, của tác giả Barthélemy Saint Hilaire... Đặc biệt, trường ca của Edwin Arnold viết về đạo Phật, xuất bản vài chục lần ở Mỹ những năm từ 1879 đến 1930. Những tác phẩm của D.T.Suzuki trong bộ sách *Những tiểu luận về Thiền Phật giáo* (1927) được dịch ra tiếng Pháp trong vòng 30 năm. Hàng loạt tác phẩm dịch viết về thiền của Richard, H.Blyth trong văn học Anh (1942), của Jack Kerouac với tác phẩm

*The way of Zen* (phương pháp thiền)... tạo ra sự hiểu biết phổ biến về thiền ở Âu - Mỹ. Điều này khiến cho thiền được nhiều người Âu - Mỹ biết tới và cho rằng “đây là món quá quý giá nhất của châu Á tặng cho thế giới”.

Trong xu thế hội nhập của đất nước, văn hóa Thiền tông Việt Nam cũng đang hội nhập và chịu ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hóa về văn hóa. Văn hóa Thiền tông dần được bổ sung về hình thức thể hiện để phù hợp với thời đại, góp phần làm phong phú nền văn hóa truyền thống của dân tộc. Tư tưởng Thiền tông Việt Nam khuyến khích con người trở về với chính mình, trở về với đời sống hài hòa, giữa xã hội với thiên nhiên, giữa thân và tâm, giữa từ bi và trí tuệ. Nhờ đó, con người đề cao ý thức trách nhiệm về hành vi đạo đức bản thân, gia đình, xã hội, cộng đồng, quốc gia và toàn thế giới; đề cao tinh thần nhân bản, tương thân tương ái. Giá trị tư tưởng này cũng phù hợp với sự phát triển của xã hội hiện đại. Với những phương pháp đơn giản, sinh hoạt thiền của Thiền tông Việt Nam hướng dẫn con người đạt được hạnh phúc thật sự, bắt đầu từ sự thay đổi chính mình. Chính nhờ điểm này mà Thiền tông Việt Nam nói chung, các sinh hoạt thiền nói riêng đã chinh phục cả những người Âu - Mỹ vốn có tư duy duy lý. Nhiều khóa tu tập tại thiền viện Trúc Lâm thu hút cả thiền sinh là người nước ngoài tới tu tập. Hòa thượng Thích Thanh Từ đã thành lập 18 thiền viện, tự viện tại nước ngoài (Mỹ 10 thiền viện, Úc 5 thiền viện, Canada 2 thiền viện, Pháp 1 thiền viện). Tư tưởng Thiền tông Việt Nam đã được thiền sư Thích Nhất Hạnh truyền bá ra nước ngoài như: tinh thần bình đẳng, cư trần lạc đạo vốn có trong kho mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm Bắc Giang đã được tiếp biến trong tâm thức của thiền sư. Thích Nhất Hạnh đã đem tâm thức thiền Việt Nam thời Tam tổ Trúc Lâm quảng bá và giao lưu với nhiều tôn giáo khác trong tinh thần dung hợp và bác ái. Những lời dạy và phương pháp thực hành của thiền sư Thích Nhất Hạnh thu hút nhiều người đến từ các quan điểm về tôn giáo, tâm linh và cả thiên kiến chính trị khác nhau. Ông đưa ra cách thực hành “chánh niệm”, vốn là thăng hoa của triết lý “tuỳ duyên” của thiền phái Trúc Lâm được điều chỉnh cho phù hợp với văn minh phương Tây. Ông đã đến nhiều nước trên thế giới thuyết giảng và tổ chức các khóa tu thiền theo nền tảng tư tưởng của Thiền tông Việt Nam.

Nhiều tác phẩm văn học Thiền tông Việt Nam được dịch ra tiếng nước ngoài và ngược lại, nhiều hội thảo với nghiên cứu, tham luận về Thiền tông Việt Nam thu hút các thiền sư nước ngoài cũng như nhiều thiền sư của Thiền tông Việt Nam được mời tham gia hội thảo, học tập tại các trung tâm Phật giáo của Thế giới. Nước ta 2 lần được vinh dự tổ chức Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc là cơ hội để Phật giáo Việt Nam nói chung trong đó có Thiền tông Việt Nam cũng như văn hóa Thiền tông Việt Nam nói riêng hội nhập trong xu thế toàn cầu hóa.

Kiến trúc của các thiền viện hiện nay là biểu hiện của sự hội nhập. Các thiền viện Trúc Lâm trong nước được xây dựng bề thế, hiện đại, sử dụng chất liệu gạch ngói, bê tông cốt thép, ốp đá thay cho chất liệu gỗ trước đây. Không gian thiền viện khoáng đạt, cao rộng mà không u tịch, thấp nhỏ như những ngôi chùa Việt truyền thống thường thấy. Bởi ngoài chức năng là nơi thờ tự, đây còn là trường dạy tu thiền và thực hành thiền. Kiến trúc này phần nào thỏa mãn nhu cầu của xã hội và lối sống hiện đại.

Kết quả điều tra [PL 7, tr. 205] cho thấy có 67% số thiền sinh được hỏi nhận định rằng văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay phát triển theo hướng hiện đại và hội nhập. Phỏng vấn sâu thiền sư quản lý tại thiền viện Trúc Lâm Yên Tử, tác giả Luận án thu được thông tin sau:

Câu hỏi: Thiền viện có hoạt động nào hợp tác với Thiền viện hoặc thiền sinh ở các nước trên thế giới không? (Nếu có) cho ví dụ cụ thể?

Trả lời: *“Các thiền viện cùng dòng với Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử ở trong và ngoài nước, hải ngoại, kiều bào nước ngoài đã, đang có mối quan hệ hợp tác về các hoạt động tuyên truyền, giới thiệu các giá trị của Thiền tông Việt Nam, phối hợp nhiều hoạt động từ thiện tại một số quốc gia trên Thế giới, đặc biệt là các thiền viện ở Mỹ, Canada”*.

Câu trả lời là một trong những căn cứ có tính chất tham khảo để tác giả Luận án dự báo về xu thế hội nhập, toàn cầu hóa của văn hóa Thiền tông hiện nay.

Ngoài ra, nhận định của người dân tại 3 tỉnh/thành cũng cho rằng văn hóa Thiền tông hiện nay phát triển theo xu thế hội nhập (trích bảng):

| Nội dung                                                                | Đúng | Đúng 1 phần | Không đúng |
|-------------------------------------------------------------------------|------|-------------|------------|
| Thiền tông Việt Nam hiện nay phát triển theo hướng hiện đại và hội nhập | 47.0 | 50.5        | 2.5        |

Bằng những phân tích có tính lý luận và thực tiễn, có thể thấy, hội nhập và toàn cầu hóa là một trong những xu hướng cần được xem xét và dự báo cho sự phát triển của văn hóa Thiền tông hiện nay.

### **4.3. Những vấn đề chủ yếu đặt ra với văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay**

#### **4.3.1. Những vấn đề đặt ra**

Một là, vấn đề về nhận diện, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Thiền tông Việt Nam. Rõ ràng đã tồn tại những thành tố văn hóa (vật chất và tinh thần) kết tinh và chuyển tải tinh thần Thiền tông Việt Nam, góp phần tạo ra một chỉnh thể văn hóa Thiền tông Việt Nam. Mặc dù trong Luận án đã xác định được một số thành tố căn bản cấu thành văn hóa Thiền tông Việt Nam, nhưng do giới hạn về thời gian nghiên cứu, việc xác định các thành tố văn hóa Thiền tông còn cần đến kiến thức liên ngành khác như văn học, sử học, khảo cổ học, tôn giáo học, Hán - Nôm, mỹ thuật, âm nhạc, sân khấu... Văn hóa Thiền tông Việt Nam đã và đang phát huy vai trò nhiều mặt trong đời sống xã hội Việt Nam. Vì vậy, Luận án này là nghiên cứu có tính chất bước đầu, làm tiền đề cho các nghiên cứu tiếp theo về văn hóa Thiền tông Việt Nam. Cần thiết có những nghiên cứu tiếp theo để có thể nhận diện nhiều hơn và cụ thể hơn về các thành tố cấu thành văn hóa Thiền tông Việt Nam. Trên cơ sở đó thống kê về số lượng, phân loại, định mức giá trị các thành tố, đề xuất bảo tồn và phát huy vị thế của văn hóa Thiền tông Việt Nam trong nền văn hóa dân tộc.

Hai là, vấn đề không gian phân bố và trường ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông Việt Nam. Yên Tử vốn là cái nôi của Thiền tông Việt Nam thời nhà Trần. Sau nhà Trần, Thiền tông Việt Nam đi vào giai đoạn thoái trào, hòa nhập vào dòng chảy

Phật giáo dân tộc. Nhưng trong những năm gần đây, Thiền tông Việt Nam có xu hướng hồi sinh và phát triển. Quá trình hồi sinh được đánh dấu bằng sự xuất hiện của nhiều thiền viện trên cả nước và ở nước ngoài. Điều đáng nói là các Thiền viện Trúc Lâm đánh dấu sự hồi sinh của Thiền tông Việt Nam lại bắt đầu ở Nam Bộ (Vũng Tàu), sau đó lan ra cả nước hoặc có xu hướng lan tỏa ra nước ngoài. Ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông Việt Nam không dừng lại ở cộng đồng người Việt ở nước ngoài mà còn ảnh hưởng tới công dân của nhiều quốc gia, tôn giáo khác. Vấn đề đặt ra là tại sao Thiền tông Việt Nam không bắt đầu hồi sinh từ chính cái nôi nó khởi phát là Quảng Ninh hay ở Bắc Bộ? Tại sao lại có sự chuyển dịch trường ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông Việt Nam theo xu hướng lan tỏa hướng ngoại ra nước ngoài như vậy? Làm sao để có thể phát huy và quản lý trường ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông Việt Nam trong sự đa dạng về không gian phân bố như vậy?

*Ba là, vấn đề về chủ thể sáng tạo và phát triển văn hóa Thiền tông Việt Nam.* Bên cạnh những giá trị không thể phủ nhận mà văn hóa Thiền tông mang lại, còn không ít vấn đề bất cập đặt ra hiện nay. Giáo lý Thiền tông Việt Nam được phân lớn tăng, ni chuyển tải qua hình thức thuyết giảng trong khi văn hóa, nghệ thuật là phương tiện chuyển tải dễ lôi cuốn người thưởng thức, tạo ấn tượng mạnh lại chưa được đưa vào khai thác nhiều khi thuyết giảng. Một số người có khả năng sáng tạo văn hóa, nghệ thuật thì lại hạn chế về tri thức thiền. Điều này làm cho hình thức biểu hiện của văn hóa Thiền tông Việt Nam chưa thực sự phong phú hoặc bị biến tướng làm mất đi giá trị đích thực của nó. Trường hợp hiện tượng “thơ Thiền” của Hoàng Quang Thuận là một ví dụ. Rõ ràng, nếu không có kiến thức và sự quản lý kịp thời thì văn hóa Thiền tông Việt Nam và những giá trị văn hóa dân tộc sẽ bị một số tổ chức, cá nhân lợi dụng biến thái. Các khóa tu tập tại thiền viện trong nước tổ chức vào thời gian mùa hè, là khoảng thời gian không ảnh hưởng tới lịch học của học sinh, sinh viên nên thu hút được phần lớn học sinh, sinh viên tới tham dự. Mỗi hình thức giáo dục đều có ảnh nhất định tới nhận thức và hành động của họ. Những giảng sư và người phụ trách khóa tu nếu không có phương pháp sư phạm hợp lý, không nắm được tâm lý lứa tuổi thì khó có thể chuyển tải và giúp các thiền sinh lĩnh



hội hết giá trị và ý nghĩa của thiền. Đơn cử như các khóa thiền dành cho lứa tuổi nhi đồng, nếu áp dụng phương pháp thuyết giảng thiền lý và ngồi thiền 60 phút chắc hẳn sẽ không phù hợp với tâm lý và khả năng tư duy của các cháu lứa tuổi nhi đồng. Điều kiện để được tham dự các khóa tu thiền tại thiền viện chỉ yêu cầu đơn và nộp theo chứng minh thư hoặc giấy khai sinh. Như vậy, không thể loại trừ sẽ có những người, những đối tượng trà trộn vào các khóa tu thiền để thực hiện mục đích, động cơ không lành mạnh. Chưa kể, do tâm lý đám đông, do nhận thức của một số gia đình khi không giáo dục được con cái. Họ gửi con lên các khóa thiền như nơi giải quyết việc giáo dục con cái thay gia đình. Vì vậy, không phải tất cả các thiền sinh đến với thiền viện đều vì mục tiêu giác ngộ, hay để lĩnh hội minh triết của Thiền tông Việt Nam... Thêm nữa, nhu cầu an ninh sinh tồn đã góp phần tạo nguồn thu, tạo việc làm, tạo cảnh quan danh thắng, là động lực phát triển kinh tế xã hội, thu hút khách du lịch và khách hành hương tâm linh đến địa phương, kéo theo sự phát triển của dịch vụ ăn uống, lưu trú, vận chuyển, thông tin... Mặt trái của nó là lối sống thực dụng, thương mại hóa, làm ô nhiễm môi trường văn hóa, môi trường tự nhiên, mất dần bản sắc địa phương, hủy hoại di tích, kéo theo tệ nạn mê tín, di đoan, cờ bạc, ăn xin, tăng giá, đeo bám khách (hiện tượng này thường xuất hiện tại các điểm du lịch, danh thắng, lễ hội)... Đây cũng là vấn đề cấp bách, cần quan tâm giải quyết của văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay.

#### ***4.3.2. Một số kiến nghị***

*Một là*, cần thiết có những nghiên cứu tiếp theo Luận án này để có thể nhận diện nhiều hơn và cụ thể hơn về các thành tố cấu thành văn hóa Thiền tông Việt Nam, tiếp tục giải mã để tìm ra chính thể toàn diện của văn hóa Thiền tông Việt Nam. Trên cơ sở đó thống kê, phân loại, định mức giá trị các thành tố, đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy vị thế của văn hóa Thiền tông Việt Nam trong nền văn hóa dân tộc. Phát huy những ảnh hưởng tích cực của văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay như: Văn hóa Thiền tông với chính trị (tinh thần tự chủ, bình đẳng bác ái); Văn hóa Thiền tông với kinh tế (với vấn đề an sinh sinh tồn,

góp phần nhất định trong một số hoạt động kinh tế); Vai trò của văn hóa Thiền tông với văn hóa (góp phần làm giàu bản sắc văn hóa dân tộc, làm phong phú thêm loại hình văn hóa dân tộc,...); Văn hóa Thiền tông với xã hội. Văn hóa Thiền tông Việt Nam cần được nhìn nhận như một nguồn lực của đất nước hiện nay. Điều này cần đến sự quan tâm hơn nữa của Đảng và nhà nước ta, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nhiều nhà nghiên cứu, tổ chức, cá nhân... cùng chung lưng đấu cật vì một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc theo tinh thần nghị quyết trung ương V khóa VIII.

*Hai là*, Thiền tông Việt Nam vốn là dòng thiền bác học, trí tuệ bởi người chủ trương sáng lập và duy trì Thiền tông Việt Nam đều là trí thức hay người lãnh đạo giáo hội. Khi nó phát triển thịnh đạt nhất vào thời nhà Trần cũng là lúc nó nhận được sự bảo trợ của chính quyền, giáo hội (mà ở đây chính là giáo hội Trúc Lâm). Ngay khi nhà Trần mất dần vai trò của mình trên chính trường, Phật giáo Trúc Lâm mất đi sự bảo trợ về quyền lực cần thiết của nhà nước. Mặt khác, tư tưởng hàn lâm, bác học tỏ ra không phát huy ưu thế bằng phái Mật tông và Tịnh độ tông vốn phù hợp với tâm lý và trình độ nhận thức của người dân bình thường hơn. Do vậy sau thời nhà Trần, Thiền tông Việt Nam đi vào giai đoạn thoái trào và hòa vào Phật giáo dân tộc. Cũng cần nói thêm rằng, sau thời nhà Trần, một số thiền sư đã có ý thức phục hưng Thiền tông Việt Nam nhưng do không chiếm ưu thế bằng phái Mật tông và Tịnh độ tông trong xã hội lúc bấy giờ nên không thành công.

Hiện nay, văn hóa Thiền tông Việt Nam đang được phục hưng và bắt đầu từ Nam Bộ. Vậy tại sao sự phục hưng của văn hóa Thiền tông Việt Nam lại ở Nam Bộ mà không ở Bắc Bộ (Yên Tử) vốn được coi là cái nôi của Thiền tông Việt Nam. Bản thân văn hóa Nam Bộ cho phép và chấp nhận sự đa dạng về văn hóa. Lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ cũng thể hiện sự đa dạng về thành phần dân cư, xuất thân, cộng với sự ưu đãi của mảnh đất này đã dẫn tới tính cách cởi mở, dễ tiếp hợp cái mới, dễ chấp nhận sự đa dạng về văn hóa. Nam Bộ lại là vùng đất mới hoang sơ đối với lưu dân người Việt. Những người đến đây lập nghiệp là người

tha hương. Họ cần điểm tựa tinh thần để vượt quan khó khăn mà họ phải đối mặt trong cuộc sống. Vì vậy, Nam Bộ là mảnh đất của nhiều tôn giáo trong đó có trường hợp của đạo Cao Đài, Hòa Hảo hay đạo ông Dừa... Đây là một cơ duyên để Thiền tông Việt Nam cũng như văn hóa Thiền tông Việt Nam hồi sinh trên mảnh đất Nam Bộ. Bản thân Thích Thanh Từ - người có ảnh hưởng lớn đến việc phục hưng Thiền tông trong nước lại là người Nam Bộ, trong điều kiện đất nước còn chia cắt Thích Thanh Từ đã có hoài bão phục hưng Thiền tông Việt Nam (từ năm 1968) thì việc chọn Nam Bộ là điểm bắt đầu công cuộc phục hưng cũng là điều dễ hiểu. Thiền tông Việt Nam sau khi hồi sinh vận động theo xu thế Phật giáo nhân gian, phù hợp với xu thế thời đại, xu thế của khu vực và thế giới. Văn hóa Nam Bộ cũng như văn hóa phương Tây có những đặc trưng cho phép chấp nhận xu thế Phật giáo nhân gian. Do vậy, văn hóa Thiền tông Việt Nam đồng thời tìm thấy môi trường thuận lợi cho sự vận động theo xu hướng Phật giáo nhân gian nên đã có sự thăng hoa và hồi sinh nhanh chóng, tạo ra khởi sắc đáng kể cho văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay. Trong khi đó, văn hóa Bắc Bộ vốn được coi là cái nôi của Thiền tông Việt Nam với đặc trưng tĩnh, khép kín, ít chấp nhận sự thay đổi. Vì thế khi nó lan tỏa và trở lại Bắc Bộ thì dường như nó chưa thực sự nhận được sự chấp nhận hoàn toàn với cảm thức của người Bắc Bộ. Biểu hiện cụ thể bằng việc nhiều thiền viện Trúc Lâm tại Bắc Bộ khi xây dựng xong đã có ý kiến cho rằng không phù hợp với kiến trúc ngôi chùa truyền thống và không phù hợp với cảnh quan tổng thể. Số lượng các Thiền viện và đạo tràng của Thiền tông Việt Nam phát triển mạnh ở Nam Bộ và phương Tây.

Cũng cần nói thêm rằng, trong quá trình hình thành và phát triển, Thiền tông Việt Nam đã biết cách tìm cho mình môi trường để tồn tại và phát triển. Khi mới ra đời, trong Thiền tông bao gồm cả yếu tố của Tịnh độ tông và Mật tông. Thời kỳ phát triển thịnh đạt nhất của Thiền tông Việt Nam là thời Trần, Thiền tông Việt Nam tồn tại đồng hành cùng các tôn giáo và các hệ phái Phật giáo khác tạo nên hiện tượng Thiền - Mật song tu và Tam giáo đồng nguyên. Trong giai đoạn thoái trào của nhà Trần, Thiền tông Việt Nam

hòa mình cùng Phật giáo dân tộc. Trong giai đoạn hiện nay, Thiền tông Việt Nam phát triển theo xu thế của thời đại là Phật giáo nhân gian. Những xu hướng vận động này cho thấy Thiền tông Việt Nam luôn tìm kiếm mảnh đất để thăng hoa phát triển, tránh đối đầu, nhờ vậy mà các thành tố văn hóa của Thiền tông Việt Nam hầu như không bị mất đi mà lại được bồi đắp thêm qua thời gian.

Tác giả Luận án kiến nghị với Đảng và Nhà nước, Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần có nghiên cứu, đánh giá tác động tích cực hay tiêu cực nếu có của các thành tố văn hóa Thiền tông Việt Nam trong xu thế Phật giáo nhân gian; Từ đó đưa ra lựa chọn hợp lý trên cơ sở cân đối hài hòa nhiều mục đích, đảm bảo mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Cụ thể như việc thiết kế, xây dựng các thiền viện phải theo hướng dẫn xây dựng của Nhà nước, để vừa đẹp, vừa trang nghiêm, phù hợp với kiến trúc tôn giáo, bảo tồn di sản văn hóa, phù hợp với truyền thống và tâm thức dân tộc. Đồng thời cũng cần có cái nhìn khách quan hơn, tránh định kiến với sự vận động theo xu hướng Phật giáo nhân gian của văn hóa Thiền tông Việt Nam. Chính sự đa dạng về không gian văn hóa Thiền tông Việt Nam (không chỉ ở trong nước mà còn cả ở nước ngoài) và trường ảnh hưởng của nó trong xã hội hiện nay mà việc quản lý văn hóa Thiền tông Việt Nam cần được thực hiện bằng sự kết nối tâm thức tôn giáo, bằng không gian thiêng, bằng ý thức dân tộc chứ không thể quản lý bằng phương pháp hành chính thông thường.

Ba là, với chủ thể sáng tạo văn hóa Thiền tông Việt Nam cần được trang bị nhiều hơn nữa kiến thức về văn hóa nghệ thuật và thiền lý, thông qua các khóa đào tạo nâng cao trình độ. Những giảng sư của các khóa tu tập cũng cần có phương pháp sư phạm phù hợp với lứa tuổi của thiền sinh; Kết hợp giảng thiền lý qua những câu chuyện, qua bài tập tình huống, bài thực hành, bài tập nhập vai rồi rút ra bài học từ triết lý thiền; Kết hợp công nghệ thông tin, như máy chiếu, âm thanh (âm nhạc), hình ảnh để chuyển tải tư tưởng thiền sinh động và hiệu quả hơn. Khai thác đa dạng hơn các thiết chế văn hóa, thành tố văn hóa hợp lý để chuyển tải, bảo lưu và phát triển tinh hoa văn hóa Thiền tông Việt Nam như thành lập bảo tàng Trần Nhân Tông, Bảo tàng văn hóa Thiền tông Việt Nam, Khu lưu niệm các danh nhân, thiền

sur - những người có đóng góp cho sự phát triển văn hóa Thiền tông Việt Nam, thành lập Đại học Trần Nhân Tông... Nghiên cứu khái thác một số loại hình văn hóa nghệ thuật như ẩm thực, nhiếp ảnh, sân khấu, du lịch, mỹ thuật ứng dụng, thiết kế trang phục,... làm phong phú thêm hình thức thể hiện của văn hóa Thiền tông Việt Nam.

### ***Tiểu kết***

Chương này đã phân tích những tiền đề để văn hóa Thiền tông Việt Nam phát triển như hiện nay, bao gồm cả tiền đề khách quan (đường lối của Đảng và Nhà nước ta về văn hóa và tôn giáo từ sau đổi mới đến nay, tiền đề kinh tế - xã hội) và tiền đề chủ quan (với giá trị nội tại của mình, văn hóa Thiền tông là sản phẩm của quá trình sáng tạo người Việt, là di sản văn hóa của dân tộc). Căn cứ vào cơ sở lý luận và thực tiễn, Luận án phân tích xu hướng phát triển của văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay. Đó là 3 xu hướng cơ bản sau đây: Văn hóa Thiền tông Việt Nam phát triển theo hướng đề cao ý thức dân tộc; Văn hóa Thiền tông Việt Nam phát triển theo hướng Phật giáo nhân gian; Văn hóa Thiền tông Việt Nam phát triển theo hướng hội nhập, toàn cầu hóa. Trên cơ sở đó, Luận án trình bày những vấn đề đặt ra như vấn đề về nhận diện, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Thiền tông Việt Nam; vấn đề không gian phân bố và trường ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông Việt Nam; vấn đề về chủ thể sáng tạo và phát triển văn hóa Thiền tông Việt Nam. Từ đó đề xuất một số kiến nghị như cần thiết có những nghiên cứu tiếp theo của luận án này để nhận diện nhiều hơn và cụ thể hơn về các thành tố cấu thành văn hóa Thiền tông Việt Nam; Nghiên cứu, đánh giá những tác động tích cực hay tiêu cực nếu có của các thành tố văn hóa Thiền tông Việt Nam trong xu thế Phật giáo nhân gian; Quản lý văn hóa Thiền tông Việt Nam cần được thực hiện bằng sự kết nối tâm thức tôn giáo, bằng không gian thiêng, bằng ý thức dân tộc chứ không thể quản lý bằng phương pháp hành chính thông thường; Chủ thể sáng tạo văn hóa Thiền tông Việt Nam cần được trang bị kiến thức về văn hóa nghệ thuật và sư phạm. Khai thác đa dạng hơn các thiết chế văn hóa, thành tố văn hóa hợp lý để chuyển tải, bảo lưu và phát triển tinh hoa văn hóa Thiền tông Việt Nam.

## KẾT LUẬN

1. Văn hóa Thiền tông Việt Nam là một bộ phận của văn hóa dân tộc nói chung và văn hóa Phật giáo nói riêng. Việc nghiên cứu theo hướng chuyên sâu về thiền, Thiền tông và văn hóa nói chung đã được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, nhiều học giả - Thiền sư. Tuy vậy, hiện nay chưa xuất hiện công trình nghiên cứu dưới góc độ văn hóa học nào đề cập đến nội hàm văn hóa Thiền tông và biểu hiện của văn hóa Thiền tông Việt Nam. Những công trình nghiên cứu về văn hóa thiền và văn hóa Thiền tông Việt Nam thực sự là khoảng trống trong các nghiên cứu đã công bố. Mặc dù vậy, văn hóa Thiền tông cùng một số biểu hiện của nó dường như đã thấp thoáng xuất hiện trong một vài nhận định, một số phân tích, dù chưa rõ nét. Đây chính là căn cứ, cơ sở về mặt lý luận, làm tiền đề cho phép xác định khái niệm văn hóa Thiền tông.

2. Luận án đã trình bày một cách tổng quan về lịch sử hình thành và phát triển của Thiền tông Việt Nam. Trong đó, Thiền tông Việt Nam có hai dấu mốc quan trọng là phát triển nhất vào thời nhà Trần và hồi sinh trong giai đoạn hiện nay. Những người có công đầu với sự hình thành và phát triển Thiền tông Việt Nam là Tam tổ Trúc Lâm (Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang). Những người có công phục hưng thiền tông Việt Nam và giới thiệu Thiền tông Việt Nam ra thế giới hiện nay phải kể đến hòa thượng Thích Thanh Từ, thiền sư Thích Nhất Hạnh. Trong đó, hòa thượng Thích Thanh Từ là người có công đầu phục hưng Thiền tông Việt Nam trong nước. Thiền tông Việt Nam là kết quả của quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa. Trong đó yếu tố ngoại sinh là 3 thiền phái Tì Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường. Yếu tố nội sinh là văn hóa dân gian Việt Nam. Luận án đã phân tích và chỉ ra những biểu hiện của văn hóa Thiền tông Việt Nam như tư tưởng, sinh hoạt thiền, đạo đức, lối sống, văn học, lễ hội, kiến trúc, mỹ thuật... Đây là những giá trị văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần góp phần chuyển tải tư tưởng Thiền tông Việt Nam. Những thành tố này tồn tại trong một chỉnh thể và mang đầy đủ những đặc điểm của văn hóa Thiền tông Việt Nam. Những thành tố văn hóa này là dòng chảy liên mạch từ quá khứ đến hiện tại. Điều đặc biệt là các thành tố văn

hóa này hầu như không mất đi ngày càng được bồi đắp và phong phú thêm qua thời gian, góp phần tạo ra diện mạo của văn hóa Thiền tông Việt Nam.

3. Nội dung Luận án đã phân tích ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông Việt Nam trên một số bình diện của đời sống xã hội như chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Trong đó, trên bình diện chính trị, văn hóa Thiền tông Việt Nam góp phần xây dựng tinh thần tự chủ, bình đẳng, bác ái. Trên bình diện kinh tế, văn hóa Thiền tông góp phần giải quyết vấn đề an ninh sinh tồn, đóng góp trong một số hoạt động kinh tế cụ thể. Trên bình diện văn hóa, văn hóa Thiền tông Việt Nam góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, làm phong phú thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay, góp phần tổ chức đời sống cá nhân và cộng đồng, góp phần giải quyết vấn đề văn hóa tâm linh và cảm thức người Việt. Văn hóa Thiền tông trở thành cầu nối giữa Việt Nam và Quốc tế. Trên bình diện xã hội, văn hóa Thiền tông Việt Nam có ảnh hưởng tới an ninh, an toàn xã hội, góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết, rèn luyện đạo đức, giáo dục và giải quyết các vấn nạn xã hội.

4. Luận án chỉ ra những tiền đề để văn hóa Thiền tông Việt Nam phát triển như hiện nay, bao gồm cả tiền đề khách quan (đường lối của Đảng và Nhà nước ta về văn hóa và tôn giáo từ sau đổi mới đến nay, tiền đề kinh tế - xã hội) và tiền đề chủ quan (với giá trị nội tại của mình văn hóa Thiền tông là sản phẩm của quá trình sáng tạo của người Việt, là di sản văn hóa của dân tộc). Căn cứ vào cơ sở lý luận và thực tiễn, Luận án dự báo xu hướng phát triển của văn hóa Thiền tông Việt Nam hiện nay. 3 xu hướng được dự báo là: Văn hóa Thiền tông Việt Nam phát triển theo hướng đề cao ý thức dân tộc; Văn hóa Thiền tông Việt Nam phát triển theo hướng Phật giáo nhân gian; Văn hóa Thiền tông Việt Nam phát triển theo hướng hội nhập, toàn cầu hóa. Trên cơ sở đó, Luận án đề cập đến những vấn đề đặt ra với văn hóa Thiền tông hiện nay như nhận diện, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Thiền tông Việt Nam; không gian phân bố và trường ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông Việt Nam; chủ thể sáng tạo và phát triển văn hóa Thiền tông Việt Nam. Từ đó có một số kiến nghị như cần thiết có những nghiên cứu tiếp theo của Luận án này để có thể

nhận diện nhiều hơn và cụ thể hơn về các thành tố cấu thành văn hóa Thiền tông Việt Nam; Nghiên cứu, đánh giá những tác động tích cực hay tiêu cực nếu có của các biểu hiện văn hóa Thiền tông Việt Nam trong xu thế Phật giáo nhân gian; Quản lý văn hóa Thiền tông Việt Nam cần thực hiện bằng sự kết nối tâm thức tôn giáo, không gian thiêng, ý thức dân tộc chứ không thể bằng phương pháp hành chính thông thường; Chủ thể sáng tạo văn hóa Thiền tông Việt Nam cần được trang bị kiến thức về văn hóa nghệ thuật và sư phạm; Khai thác đa dạng hơn các thiết chế văn hóa, thành tố văn hóa hợp lý để chuyển tải, bảo lưu và phát triển tinh hoa văn hóa Thiền tông Việt Nam.

Như vậy, Luận án đã xây dựng được khái niệm văn hóa Thiền tông, đi tìm và chỉ ra được những biểu hiện của văn hóa Thiền tông Việt Nam, nghiên cứu những ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay, xác định xu hướng phát triển của văn hóa Thiền tông để đề xuất những giải pháp bảo tồn và phát triển văn hóa Thiền tông Việt Nam, đánh giá đúng vị thế của văn hóa Thiền tông Việt Nam trong nền văn hóa dân tộc.



**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ KẾT QUẢ  
NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Dương Thị Thu Hà (2009), “Tiềm năng phát triển du lịch thiền ở Việt Nam”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, 1 (304), tr. 78 - 80.
2. Dương Thị Thu Hà (2014), “Vai trò của Thiền tông với văn hóa dân tộc”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, 8 (362), tr. 17 - 21.
3. Dương Thị Thu Hà (2015), *Văn hóa Thiền tông trong hệ giá trị Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại, Nxb Đại học Quốc gia tp. Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh, tr. 464 - 479.
4. Dương Thị Thu Hà (2015), “Văn hóa Thiền tông và vai trò của văn hóa Thiền tông trong xã hội Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khuông Việt*, (29), tr.15 - 42.
5. Dương Thị Thu Hà (2015), “Văn hóa Thiền tông Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu văn hóa*, 6 (12), tr.10 - 17.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Addiss Stephen (2001), *Nghệ thuật zen: Hoạ phẩm và Thư pháp của các tu sĩ Nhật Bản 1600-1925*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Toan Ánh (1992), *Nếp cũ, tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb tp. Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
3. Thích Thiện Ân (2004), *Triết học zen: Tư tưởng Phật giáo Nhật Bản và các nước Á Châu*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
4. Ban Quản lí di tích và rừng quốc gia Yên Tử (2012), *Danh sơn Yên Tử thiền phái Trúc Lâm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Ban tôn giáo chính phủ, Nội dung Nghị quyết số 25/NQ-TW, [http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/159/0/1065/Noi\\_dung\\_Nghi\\_q\\_uyet\\_so\\_25\\_NQ\\_TW](http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/159/0/1065/Noi_dung_Nghi_q_uyet_so_25_NQ_TW).
6. Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam (2011), Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng, [http://123.30.190.43/tiengviet/tulieuvankien/tulieuvedang/details.asp?topic=168&subtopic=293&leader\\_topic=&id=BT1721131510](http://123.30.190.43/tiengviet/tulieuvankien/tulieuvedang/details.asp?topic=168&subtopic=293&leader_topic=&id=BT1721131510), Ngày 16/2/2011. Cập nhật lúc 9<sup>h</sup> 3'.
7. Báo Giác ngộ (2012), “Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc lần thứ IX - 2012 tại Thái Lan”, *Báo Giác ngộ*, 96 (645), tr. 22.
8. Trần Lê Bảo (2013), *Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và sự truyền thừa Phật giáo Việt Nam*, [http://www.hvpgvn.edu.vn/index.php?option=com\\_content&view=article&id=460&Itemid=1](http://www.hvpgvn.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=460&Itemid=1), Thứ năm, 26 Tháng 9 2013 14:34.
9. Lê Khánh Bằng (2009), *Phương pháp tự học và hướng dẫn tự học ngoại ngữ có chất lượng và hiệu quả cao bằng thiền*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

10. Nguyễn Chí Bền (chủ biên) (2010), *Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Trần Lâm Biền - Chu Quang Trứ (1975), *Nghệ thuật chạm khắc cổ Việt Nam qua các bản rập*, Viện Nghệ thuật, Bộ Văn hóa, Hà Nội.
12. Trần Lâm Biền (1983), *Mỹ thuật cổ Việt Nam vài vấn đề*, Kỷ yếu Hội nghị 20 năm công tác nghiên cứu Mỹ thuật của Viện nghiên cứu Mỹ thuật và Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam.
13. Trần Lâm Biền (1996), *Chùa Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
14. Trần Lâm Biền (2002), *Một số giá trị văn hóa nghệ thuật của ngôi chùa truyền thống vùng đồng bằng sông Hồng*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành lịch sử văn hóa và nghệ thuật, Viện Văn hóa Nghệ thuật.
15. Hoàng Văn Cảnh (2003), *Pháp bảo đàn kinh và ảnh hưởng của nó đối với các nhà thiền học thời Trần*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Viện Triết học, Học viện Khoa học Xã hội.
16. Nguyễn Tuệ Chân (2008), *Mỗi ngày một công án thiền*, Nxb tp Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
17. Anh Chi (2007), “Thiền phái Trúc Lâm - một nguồn lực của dân tộc”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, (2), tr. 16-19.
18. Minh Chi, Phật giáo và tâm linh, <http://www.hoalinhthoai.com/news/detail/news-1680/Phat-giao-va-tam-linh.html>, truy cập ngày 10/10/2014.
19. Phạm Thị Chinh (2007), *Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
20. Trương Văn Chung (1999), *Tư tưởng triết học của Thiền Phái Trúc Lâm đời Trần*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
21. Chương trình sinh hoạt hè đoàn Lam Non, [http://tvsungphuc.net/index.php?option=com\\_content&task=view&id=1266](http://tvsungphuc.net/index.php?option=com_content&task=view&id=1266), truy cập ngày 17/7/2015.
22. Trương Trùng Cơ (2005), *Thiền đạo tu tập*, nxb Thuận Hoá, Huế.
23. Cục Di sản văn hóa (2010), *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa* (tập 5), Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

24. Huyền Cương (2006), “Về bối cảnh ra đời của dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, (4), tr. 31-39.
25. Trương Hải Cường (2012), *Một số vấn đề về tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
26. Nguyễn Tiến Cường (2007), “Học thiền theo chương trình du lịch lên núi Yên Tử”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, (2), tr. 33-35.
27. Nhiệm Quảng Di (2012), *Trí Tuệ Phật giáo*, Nxb Thời đại, thành phố Hồ Chí Minh.
28. Ngô Văn Doanh (1986), “Tháp Phổ Minh: Một tác phẩm tiêu biểu của nghệ thuật Phật giáo Việt Nam đời Trần”, *Tạp chí Khảo cổ học*, (2).
29. Nguyễn Đăng Duy (2011), *Văn hóa tâm linh*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
30. Nguyễn Hồng Dương (2012), *Quan điểm đường lối của Đảng về tôn giáo và những vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Daisetz Teitaro Suzuki (2007), *Thiền và bát nhã*, Nxb Phương Đông, Hà Nội.
32. Daisetz Teitaro Suzuki (2011), *Thiền và phân tâm học*, Nxb Phương Đông, Hà Nội.
33. Daisetz Teitaro Suzuki (2013), *Thiền học nhập môn*, Nxb Hồng Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
34. Daisetz Teitaro Suzuki (2013), *Thiền và văn hoá Nhật Bản*, Nxb Hồng Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
35. Thích Nhận Đạt (2010), *Đạo Phật và môi trường*, Nxb Tổng hợp tp. Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
36. Thích Thanh Đạt (2007), *Thiền phái Trúc Lâm thời Trần*, Luận án Tiến sĩ Sử học, Viện Sử học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.
37. Hoàng Minh Đô (2009), “Những đóng góp của Tam Tổ Trúc Lâm cho sự phát triển của Phật giáo thời Trần và tư tưởng Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (6), tr 15-19.

38. Ferguson Gaylon (2011), *Đánh thức chân tính*, Công ty Văn hoá Văn Lang, thành phố Hồ Chí Minh.
39. Thích Mãn Giác (1967), *Phật giáo và nền văn hóa Việt Nam*, Nxb Vạn Hạnh, Sài Gòn.
40. Dương Thị Thu Hà (2009), “Tiềm năng phát triển du lịch thiền ở Việt Nam”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, 1 (304), tr. 78 - 80.
41. Dương Thị Thu Hà (2014), “Vai trò của Thiền tông với văn hóa dân tộc”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, 8 (362), tr. 17 - 21.
42. Dương Thị Thu Hà (2015), *Văn hóa Thiền tông trong hệ giá trị Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại, Nxb Đại học Quốc gia tp. Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh, tr. 464 - 479.
43. Dương Thị Thu Hà (2015), “Văn hóa Thiền tông và vai trò của văn hóa Thiền tông trong xã hội Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khuông Việt*, (29), tr.15 - 42.
44. Võ Hà (2012), *Thiền - thở - stress*, Nxb Phương Đông, Hà Nội.
45. Dương Hồng Hạnh (2009), “Phát triển du lịch thiền tại Tây Thiên”, *Tạp chí Du lịch Việt Nam*, (9), tr. 54-55.
46. Nhất Hạnh (2008), *Trái tim của bọt*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
47. Thích Nhất Hạnh (1991), *Để có một tương lai*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh.
48. Thích Nhất Hạnh (2006), *An lạc từng bước chân*, Nxb Văn hoá Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh.
49. Thích Nhất Hạnh (2006), *Trái tim mặt trời: Từ chánh niệm đến thiền quán*, Nxb Văn hoá Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh.
50. Thích Nhất Hạnh (2007), *Thả một bè lau*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh.

51. Tế Hân - Ngọc Huy (2008), *Thiền trà và ăn chay*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
52. Nguyễn Hùng Hậu (1997), *Lược khảo tư tưởng Thiền Trúc Lâm Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
53. Dương Phú Hiệp (2012), *Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu văn hóa và con người Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
54. Hilbrecht Heinz (2012), *Thiền và não bộ: Thông thái cổ xưa và khoa học hiện đại*, Nxb Thời đại, Hà Nội.
55. Nguyễn Duy Hình (1992), *Tháp cổ Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
56. Nguyễn Duy Hình (1998), *Tuệ Trung nhân sĩ - thượng sĩ - thi sĩ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
57. Nguyễn Duy Hình (1999), *Tư tưởng Phật giáo Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
58. Nguyễn Duy Hình (2011), *Phật giáo trong văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
59. Nguyễn Phi Hoanh (1970), *Lược sử mỹ thuật Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
60. Phạm Phi Hoàng (2012), *Thiền định chữa lành mọi vết thương: Các bài tập thiền trị trầm cảm*, Nxb Phương Đông, Hà Nội.
61. *Hồ Chí Minh toàn tập* (2002), tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
62. Thích Thông Huệ (2004), *Thiền trong đời thường*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
63. Nguyễn Phạm Hùng (1998), *Thơ thiền Việt Nam - Những vấn đề lịch sử và tư tưởng nghệ thuật: Chuyên luận và thơ tuyển*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
64. Nguyễn Phạm Hùng (2014), *Văn học Phật giáo Việt Nam những vấn đề lịch sử và tư tưởng nghệ thuật*, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia Nafosted, Mã số VII.2-2010.04.
65. Thái Hư (2012), *Thiền tại Phật học Trung Quốc*, Nxb Phương Đông, Hà Nội.
66. Đỗ Quang Hưng (2010), *Đời sống tôn giáo tín ngưỡng Thăng Long Hà Nội*, nxb Hà Nội, Hà Nội.

67. Đỗ Quang Hưng (2013), *Tính hiện đại và sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam thời cận đại*, Nxb Chính trị Quốc gia, H.
68. Đỗ Quang Hưng (2013), *Phật giáo Việt Nam và vấn đề an ninh sinh tồn (tiếp cận triết học văn hóa)*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Phật giáo Châu Á và Việt Nam trong tiến trình phát huy Bản sắc văn hóa dân tộc, Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội và Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Quảng Ninh.
69. Hồ Hường (2013), “Doanh nhân với lợi ích của thiên”, <http://cafebiz.vn/thien/doanh-nhan-va-loi-ich-cua-thien-20111011064034771ca106.chn>, Truy cập ngày 11/10/2011.
70. Nguyễn Ngọc Kha (1999), *Tìm hiểu và thực hành thiền góc độ sinh học với sức khỏe*, Nxb Phương Đông, Hà Nội.
71. Trí Khải (2005), *Thiền căn bản*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
72. Vũ Ngọc Khánh (2004), *Văn hóa Việt Nam những điều học hỏi*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
73. Khóa tu mùa hè 2014, <http://www.truclamtaythien.com/index.php/tin-tuc-sukien/thong-bao-khoa-tu-mua-he-2014.html>, truy cập ngày 17/7/2015.
74. Khóa tu tại Thiền viện Trúc lâm Yên Tử, <http://phatgiao.org.vn/doi-song/201406/Khoa-tu-tai-thien-vien-Truc-Lam-yen-Tu-14802/>, truy cập ngày 17/7/2015.
75. Hoàng Văn Khoán (2000), *Văn hóa Lý - Trần kiến trúc và nghệ thuật điêu khắc chùa tháp*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
76. Giai Không (2007), *Đối thoại thiền*, Nxb Phương Đông, Hà Nội.
77. Kraft Kenneth (2004), *Lịch sử tư tưởng Nhật Bản Quốc sư Đại Đăng & sơ kỳ thiền tông Nhật Bản*, Nxb tp Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
78. Krishnamurti (2008), *Lửa thiền*, Nxb Phương Đông, Hà Nội.
79. Kobutsu Malone, Henry Mathews và William Graham, *Sen nở chốn tử tù*, Nxb tp Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.

80. Nguyễn Lang (2010), *Việt Nam Phật giáo sử luận* (3 tập), Nxb Văn hóa, Hà Nội.
81. Thanh Lê (2004), *Những khái niệm cơ bản của xã hội học*, Nxb Khoa học Xã hội, tr. 48.
82. Nguyễn Đức Lữ (2012), Những điểm mới trong Đại hội XI về tôn giáo, [http://123.30.190.43/tiengviet/tulieuvankien/tulieuvedang/details.asp?topic=168&subtopic=306&leader\\_topic=867&id=BT851240776](http://123.30.190.43/tiengviet/tulieuvankien/tulieuvedang/details.asp?topic=168&subtopic=306&leader_topic=867&id=BT851240776), Ngày 7/5/2012. Cập nhật lúc 11<sup>h</sup> 39'.
83. Hồ Chí Minh (2012), Toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, tr. 269.
84. Nguyễn Minh (2010), *Sống thiện*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
85. Lâm Bá Nam (2011), “Nhân học và bản sắc dân tộc: Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam trong thời kỳ toàn cầu hóa”, *Tạp chí Dân tộc học*, (2), tr.3.
86. Phạm Xuân Nam (2008), *Triết lý phát triển ở Việt Nam mấy vấn đề cốt yếu*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
87. Phạm Xuân Nam (2013), *Sự đa dạng văn hóa và đối thoại giữa các nền văn hóa một góc nhìn từ Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
88. Đỗ Ngây (2012), *Triết lý nhập thế Phật giáo Việt Nam thời Lý - Trần*, Luận án Tiến sĩ Tôn giáo học, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam.
89. Chân Nguyên, Nguyễn Tường Bách, Thích Nhuận Châu (2010), *Từ điển Phật học*, Nxb Thời đại, Hà Nội.
90. Thích Thánh Nghiêm (2010), *Giao tiếp bằng trái tim*, Nxb Phương Đông, Hà Nội.
91. Thánh Nghiêm (2013), *Tôn giáo và nhân sinh*, Nxb Hồng Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
92. Thích Thánh Nghiêm (2012), *Dùng thiện tâm thay thế phiền tâm*, Nxb Thời đại và Công ty Sách Thái Hà, Hà Nội.
93. Nguyễn Nhân (2013), *Cuộc đời và ngộ đạo của 36 vị tổ sư thiền tông Ấn Độ - Trung Hoa - Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.



94. Nguyễn Nhân (2013), *Những câu hỏi về Thiền tông: Sách viết theo dòng chảy của mạch nguồn Thiền tông*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
95. Phạm Đình Nhân (2006), “Thiền sư Thường Chiếu - người thúc đẩy sự hoà nhập ba dòng thiền của Phật giáo Việt Nam thế kỷ XIII”, *Tạp chí Xưa và Nay*, (271), tr. 16-18.
96. Thích Giác Nhiệm (2012), *Nguyên lý Thiền yên lặng*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
97. Nhiều tác giả (1994), *Thơ văn Lý - Trần*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
98. Nikkyo Niwano (2007), *Đạo Phật ngày nay*, Nxb Phương Đông, Hà Nội.
99. O'Hara Nancy (2011), *Tĩnh lặng một góc thiền*, Nxb Lao động, Hà Nội.
100. Osho (2006), *Không nước không trăng: 10 câu truyện thiền*, Nxb Phương Đông, Hà Nội.
101. Osho (2011), *Thiền nghệ thuật của nhập định*, Nxb Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh.
102. Ômori Katsujô (2004), *Nghệ thuật thư pháp thiền Nhật Bản*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
103. Phân viện nghiên cứu Phật học (2011), *Từ điển Phật học Hán Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
104. Xuân Phổ (2004), “Lạt ma giáo và Thiền tông Việt Nam - tương đồng và khác biệt”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (5), tr. 52-57.
105. Lê Đình Phụng (2009), “Vài nét về Thiền phái Trúc Lâm - Phật giáo Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (6), tr. 20-25.
106. Thích Thông Phương (2003), *Cửa thiền hé mở*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
107. Thích Thông Phương (2003), *Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
108. Thích Thông Phương (2006), *Trần Nhân Tông với thiền phái Trúc Lâm*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

109. Hồng Quang (2012), *Thiền và những lợi ích thiết thực*, Nxb Dân Trí, Hà Nội.
110. Lê Quang (2009), *Yên Tử - di tích lịch sử và danh thắng: Sách hướng dẫn tham quan du lịch*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
111. Thích Chân Quang (2012), *Khi người giàu tu thiền*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
112. Thích Chân Quang (2012), *Tâm lý đạo đức*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
113. Thích Chân Quang (2014), *Giáo trình Thiền học*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
114. Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng (1989), *Mỹ thuật của người Việt*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
115. Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng (1992), *Điêu khắc cổ Việt Nam*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
116. Nguyễn Hữu Sơn (2007), *Khảo sát loại hình tiểu truyện thiền sư trong Thiền uyển tập anh*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện Văn học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.
117. Bùi Văn Nam Sơn, Văn hóa và đời sống, <http://amvc.free.fr/Damvc/GioiThieu/BuiVanNamSon/SaiGonTiepThi/73-VanHoaVaDoiSong-BVNS.htm>
118. Thích Phụng Sơn (2007), *Những nét văn hoá đạo Phật*, Nxb Văn hoá Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh.
119. Thích Phụng Sơn (2012), *Cuộc hành trình tâm linh của Steve Jobs - Nhà công nghiệp vĩ đại*, Nxb Hồng Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
120. Suzuki, *Thiền luận*, Nxb Tổng hợp tp. Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
121. Suzuki (2011), *Thiền và Phân tâm học*, Nxb Phương Đông, Hà Nội.
122. Trần Thị Minh Tâm (2007), *Thiền Nhật Bản và đời sống người Nhật*, Nxb Văn hoá Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh.

123. Hà Văn Tấn (1984), *Nghĩ về Thiền và Thiền Trúc Lâm*, Trong “Yên Tử non thiêng”, Sở Văn hóa Quảng Ninh.
124. Hà Văn Tấn (1992), *Chùa Quỳnh Lâm trong lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Trong “Trung tâm Phật giáo Quỳnh Lâm”, UBND huyện Đông Triều.
125. Hà Văn Tấn (1993), *Chùa Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
126. Giả Đề Thao (2012), *Đàn Kinh - tinh hoa và trí tuệ: Kiệt tác về Thiền tông của Lục Tổ Huệ Năng*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
127. Lê Mạnh Thát (2001), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb tp Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
128. Trần Ngọc Thêm (1998), *Tìm về Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
129. Trần Ngọc Thêm (2000), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
130. Trần Ngọc Thêm (2013), *Những vấn đề Văn hóa học lý luận và ứng dụng*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ tp. Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
131. Thiền viện Trúc Lâm Phụng Hoàng (2013), *Thiền tông Việt Nam trên con đường phục hưng và hoằng hóa (tập 1)*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
132. Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử (2008), *Hướng về sơ Tổ trúc Lâm Trần Nhân Tông*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
133. Thích Chơn Thiện (1997), *Tìm vào thực tại*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam tại tp Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
134. Hoàng Thị Thơ (1988), *Sự hình thành tư tưởng thiền Phật giáo*, Tiến sĩ Triết học, Viện Triết học, Viện Khoa học Xã Hội Việt Nam.
135. Nguyễn Khắc Thuần (2006), *Tiền trình văn hóa Việt Nam từ khởi thủy đến thế kỷ XIX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
136. Nguyễn Khắc Thuần (2012), *Đại cương Lịch sử văn hóa Việt Nam (tập 2)*, nxb Thời đại, Hà Nội.

137. Nguyễn Đăng Thục (1971), *Thiền học Trần Thái Tông*, Nxb Thuận Hoá, Huế.
138. Nguyễn Đăng Thục (1997), *Thiền học Việt Nam*, Nxb Thuận Hoá, Huế.
139. Đỗ Lai Thúy (2005), “Lên Yên Tử nghĩ về thiền”, *Tạp chí Tia sáng*, (5), tr. 46-49.
140. Nguyễn Tài Thư (1988), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
141. Nguyễn Vũ Thư (2008), *Vài nét về Thiền Phật giáo ở Việt Nam và vai trò của nó trong xã hội hiện đại*, Luận văn thạc sĩ ngành chuyên ngành Châu Á học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
142. Phan Cẩm Thượng (2011), *Văn minh vật chất của người Việt*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
143. Trần Lý Trai (2006), “Vài suy nghĩ về lịch sử truyền thừa Thiền phái Trúc Lâm”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, (5), tr. 30-35.
144. Đinh Vũ Thùy Trang (2010), *Tư tưởng thiền trong thơ Đường*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện văn hóa, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.
145. Thông Triệt (2013), *Thiền dưới ánh sáng khoa học*, Nxb Văn hoá Văn nghệ tp Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
146. Trần Trương (2006), *Danh nhân Yên Tử*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
147. Nguyễn Quốc Tuấn (2012), *Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam*, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
148. Nguyễn Thanh Tuấn (2009), *Phật giáo với văn hóa Việt Nam và Nhật Bản qua một cách tham chiếu*, Viện Văn hóa và Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
149. Nguyễn Trọng Tuấn (2012), Vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội theo tinh thần của Đại hội XI, Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam,  
<http://123.30.190.43/tiengviet/tulieuvankien/tulieuvedang/details.asp?topic>

=168&subtopic=306&leader\_topic=867&id=BT851240944, Ngày  
7/5/2012. Cập nhật lúc 11<sup>h</sup> 42'.

150. Duy Tuệ (2011), *Những điều dạy về Phật của Trần Nhân Tông*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
151. Vũ Minh Tuyên (2010), *Cơ duyên tồn tại và phát triển của Phật giáo Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
152. Ngô Ánh Tuyết (1997), *Thiền và võ đạo*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
153. Thích Thanh Từ (1997), *Ba vấn đề trọng đại trong đời tu của tôi*, Thiền viện trúc lâm Đà Lạt, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
154. Thích Thanh Từ (1999), *Thánh đẳng lục giảng giải*, Nxb tp Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
155. Thích Thanh Từ (1999), *Thiền chốn ngộ*, Nxb tp Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
156. Thích Thanh Từ (2002), *Hai quặng đời của Sơ tổ Trúc Lâm*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
157. Thích Thanh Từ (2004), *Sử 33 vị tổ Thiền tông Ấn Hoa*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
158. Thích Thanh Từ (2004), *Thiền sư Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
159. Thích Thanh Từ (2005), *Tam Tổ Trúc Lâm giảng giải*, Nxb tp Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
160. Thích Thanh Từ (2006), *Hoa vô ưu*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
161. Thích Thanh Từ (2007), *Nguồn An lạc*, Nxb Tổng hợp tp. Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
162. Thích Thanh Từ - Bạch Tuyết (2007), *Phật giáo trong lòng dân tộc*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
163. Thích Thanh Từ (2008), *Phật pháp xây dựng thế gian*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

164. Thích Thanh Từ (2008), *Phương pháp tọa thiền*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
165. Thích Thanh Từ (2008), *Xuân Phụng Hoàng*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
166. Thích Thanh Từ (2009), *Thiền tông Việt Nam cuối thế kỷ 20*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
167. Thích Thanh Từ (2010), *Bích Nham Lục*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
168. Thích Thanh Từ (2011), *Đâu là chân Hạnh phúc*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
169. Thích Thanh Từ (2011), *Trên con đường Thiền tông*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
170. Thích Thanh Từ (2012), *Đạo Phật với tuổi trẻ*, Nxb Tổng hợp tp. Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
171. Thích Thanh Từ (2012), *Tài sản không bao giờ mất*, Nxb Văn hóa văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh.
172. Thích Thanh Từ (2012), *Thiền học đời Trần*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
173. Thích Thanh Từ (2013), *Bỏ tất cả, được tất cả*, Nxb Văn hóa Văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh.
174. Thích Thanh Từ (2013), *Chìa khóa học Phật giảng giải*, Nxb Văn hóa văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh.
175. Thích Thanh Từ (2013), *Tội phước nghiệp báo*, Nxb Văn hóa văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh.
176. Thích Thanh Từ (2013), *Tu là chuyển nghiệp*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
177. Đạo Uyên (2011), *Từ điển Phật học*, Công ty sách Thời đại và nhà xuất bản Thời đại, Hà Nội.
178. Nguyễn Ước (2007), *Cẩm nang sống thiền*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
179. Đoàn Thị Thu Vân (1995), *Khảo sát một số đặc trưng nghệ thuật của thơ thiền Việt Nam thế kỷ XI - thế kỷ XIV*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

180. Thích Huyền Vi (2005), 01. Linh-Sơn Hội Thượng, <http://www.tuvienquangduc.com.au/coban/183nhungdongsuame2-1.html>, 01-03-2005.
181. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư (4 tập)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
182. Viện Khoa học Xã hội (2011), *Nghiên cứu Tôn giáo tín ngưỡng chặng đường 20 năm (1991 - 2011)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
183. Viện Sử học (1980), *Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý - Trần*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
184. Hồ Sỹ Vĩnh (2012), Văn hóa tâm linh - Lý luận và thực tiễn, [http://mactrieu.vn/index.php?option=com\\_content&view=article&id=810:vn-hoa-tam-linh-ly-lun-va-thc-tin-&catid=68:s-tay-vn-hoa-tam-linh&Itemid=130](http://mactrieu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=810:vn-hoa-tam-linh-ly-lun-va-thc-tin-&catid=68:s-tay-vn-hoa-tam-linh&Itemid=130), truy cập ngày 10/12/2012.
185. Trần Quốc Vượng (2003), *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn học, Hà Nội.
186. Trần Quốc Vượng (chủ biên) (2006), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
187. Y Xuy Đôn (2007), *Lịch sử Thiền học*, Nxb Phương Đông, thành phố Hồ Chí Minh.
188. Watts Alan (2012), *Thiền đạo*, Nxb Hồng Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
189. Wilson Paul (2012), *Hãy để tâm hồn thanh thản*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

### **Tiếng Anh**

190. Ayya Khema (2000), *When the Iron Eagle Flies*, Nxb Thế giới, thành phố Hồ Chí Minh.
191. Daisetz Teitaro Suzuki, *Essays in Zen-Buddhism*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.

192. Shunryu Suzuki (2011), *Not always so*, Nxb tp Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.

### **Tiếng Pháp**

193. Bovay Michel (1993), *Zen: Pratique et enseignement, histoire et tradition, civilisation et perspectives*, Evelyn de Smedt, Paris



## MỤC LỤC PHỤ LỤC

| Stt | Tên phụ lục                                                                                                                                                                                        | Nguồn                                           | Trang |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------|
| 1   | <b>Phụ lục 1:</b> Mẫu bảng hỏi văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay với thiền sinh là thanh, thiếu niên                                                                      | Tác giả thực hiện                               | 182   |
| 2   | <b>Phụ lục 2:</b> Mẫu bảng hỏi văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay với thiền sinh là trung niên                                                                             | Tác giả thực hiện                               | 188   |
|     | <b>Phụ lục 3:</b> Mẫu bảng hỏi văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay với người dân/cán bộ chính quyền địa phương                                                              | Tác giả thực hiện                               | 194   |
| 3   | <b>Phụ lục 4:</b> Mẫu bảng hỏi phỏng vấn sâu văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay (dành cho các thiền sinh thanh, thiếu niên)                                                | Tác giả thực hiện                               | 201   |
| 4   | <b>Phụ lục 5:</b> Mẫu bảng hỏi phỏng vấn sâu văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay (dành cho các thiền sinh trung niên)                                                       | Tác giả thực hiện                               | 203   |
| 5   | <b>Phụ lục 6:</b> Mẫu bảng hỏi phỏng vấn sâu văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay (dành cho các thiền sư tham gia giảng dạy các khóa tu thiền, người quản lý các thiền viện) | Tác giả thực hiện                               | 204   |
| 6   | <b>Phụ lục 7:</b> Kết quả khảo sát sinh hoạt thiền tại một số thiền viện                                                                                                                           | Tác giả thực hiện                               | 206   |
|     | <b>Phụ lục 8:</b> Kết quả điều tra đối với người dân/cán bộ chính quyền địa phương                                                                                                                 | Tác giả thực hiện                               | 222   |
| 8   | <b>Phụ lục 9:</b> Một số thông tin và bài viết liên quan đến văn hóa Thiền tông                                                                                                                    | Tác giả sưu tầm,<br>Khu di tích Yên Tử cung cấp | 235   |
| 9   | <b>Phụ lục 10:</b> Một số hình ảnh về văn hóa Thiền tông trong xã hội Việt Nam hiện nay                                                                                                            | Tác giả sưu tầm,<br>Tác giả thực hiện           | 289   |

**PHỤ LỤC 1**  
**MẪU BẢNG HỎI**  
**VĂN HÓA THIỀN TÔNG TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY**

Nhằm tìm hiểu những biểu hiện của văn hóa Thiền tông và ảnh hưởng của nó trong đời sống xã hội Việt Nam, xu hướng phát triển của văn hóa Thiền tông Việt Nam. Chúng tôi mong muốn bạn trả lời một số câu hỏi liên quan dưới đây bằng cách ***khoanh tròn*** hoặc **đánh dấu (X)** vào phương án mà bạn cho là phù hợp. Mọi thông tin do bạn cung cấp sẽ hoàn toàn được giữ bí mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu. Tên bạn sẽ không được nêu ở bất cứ một tài liệu nào.

*Xin chân thành cảm ơn!*

**I. PHẦN THÔNG TIN CHUNG**

- Họ và tên người trả lời: .....

| Tuổi           | Giới tính       | Tôn giáo                                                                       | Trình độ học vấn                                                                                                    | Nghề nghiệp                                                                                         |
|----------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (ghi năm sinh) | 1= Nam<br>2= Nữ | 0= không tôn giáo<br>1. Phật giáo<br>2. Thiên chúa giáo<br>3. Hòa hảo<br>..... | 0= Không biết chữ<br>1= Tiểu học<br>2= Trung học cơ sở<br>3= PTTH<br>4= Trung cấp, dạy nghề<br>5= Cao đẳng, đại học | 1. Học sinh<br>2. Sinh viên<br>3. Nông nghiệp<br>4. Công nhân<br>5. Nghề tự do<br>6. Việc khác..... |

**Địa bàn điều tra:**

+ Tên Thiền viện: .....

+ Tỉnh: .....

**II. PHẦN NỘI DUNG**

**Câu 1: Mức độ bạn tham gia các khóa học tu thiền ở các Thiền viện?**

|       |                            |            |                            |
|-------|----------------------------|------------|----------------------------|
| 1 lần | <input type="checkbox"/> 1 | 3 lần      | <input type="checkbox"/> 3 |
| 2 lần | <input type="checkbox"/> 2 | Trên 3 lần | <input type="checkbox"/> 4 |

**Câu 2: Thời gian mỗi lần bạn tham gia khóa học tu thiền là bao nhiêu ngày?**

|        |                            |            |                            |
|--------|----------------------------|------------|----------------------------|
| 3 ngày | <input type="checkbox"/> 1 | 7 ngày     | <input type="checkbox"/> 3 |
| 5 ngày | <input type="checkbox"/> 2 | Khác:..... | <input type="checkbox"/> 4 |

**Câu 3: Nơi bạn đã từng tham gia các khóa học tu thiền ở đâu?**

.....

.....

**Câu 4: Mục đích bạn tham gia các khóa học tu thiền ở các Thiền viện là gì?**

|                                             |                            |                                        |                            |
|---------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------|----------------------------|
| Tò mò, thử nghiệm                           | <input type="checkbox"/> 1 | Tham gia vì đi cùng người thân, bạn bè | <input type="checkbox"/> 5 |
| Tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống | <input type="checkbox"/> 2 | Để rèn luyện tu dưỡng bản thân         | <input type="checkbox"/> 6 |
| Rèn luyện sức khỏe                          | <input type="checkbox"/> 3 | Để chữa bệnh                           | <input type="checkbox"/> 7 |
| Tìm hiểu về thiền                           | <input type="checkbox"/> 4 | Khác (ghi rõ).....                     |                            |

**Câu 5: Trong các khóa tu thiền do thiền viện tổ chức, bạn được trực tiếp tham gia các hoạt động nào sau đây?**

|                         |                            |                                                                           |                            |
|-------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| Thực tập tọa thiền      | <input type="checkbox"/> 1 | Thọ trai                                                                  | <input type="checkbox"/> 5 |
| Tu học Phật pháp        | <input type="checkbox"/> 2 | Thức chúng                                                                | <input type="checkbox"/> 6 |
| Khóa lễ Sám hối sáu căn | <input type="checkbox"/> 3 | Tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể (văn nghệ, giao lưu, cắm trại...) | <input type="checkbox"/> 7 |
| Thuyết pháp             | <input type="checkbox"/> 4 | Khác (ghi rõ).....<br>.....<br>.....                                      |                            |

**Câu 6: Khi có thời gian rảnh bạn có thường tham gia các hoạt động sau không**

| TT | Các loại hình giải trí                                                                                                      | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Không bao giờ |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|---------------|
| 1  | Đọc, tìm hiểu các loại sách, báo, tạp chí, xuất bản phẩm... về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử                                   |              |              |               |
| 2  | Nghe đài, xem các chương trình tivi, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử                       |              |              |               |
| 3  | Tham gia các hoạt động của các Thiền viện, nhóm, đội tu thiền                                                               |              |              |               |
| 4  | Tham gia các buổi nói chuyện liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử                                                       |              |              |               |
| 5  | Tham dự lễ hội, tham quan các di tích, di sản có liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử                                   |              |              |               |
| 6  | Sưu tầm những đồ vật (tranh ảnh, đĩa hình, đĩa nhạc, đồ mỹ thuật, sách báo...) có liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. |              |              |               |

**Câu 7: Bạn có ý định giới thiệu người khác tham gia các khóa tu thiền ở các Thiền viện không?**

Có

☐ 1

Không

☐ 2

**Câu 08: Nhận xét của bạn về ảnh hưởng Thiền tông trong xã hội và đời sống cá nhân**

• **Tác động đến xã hội**

|                                                                  |                            |                                               |                            |
|------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------|
| Giáo dục hoàn thiện nhân cách, đặc biệt thế hệ thanh, thiếu niên | <input type="checkbox"/> 1 | Giữ gìn, bảo tồn văn hóa, lịch sử của dân tộc | <input type="checkbox"/> 5 |
| Gắn bó đoàn kết cộng đồng, nâng cao ý thức dân tộc               | <input type="checkbox"/> 2 | Hội nhập với thế giới                         | <input type="checkbox"/> 6 |
| Giáo dục tri thức, đạo đức, thái độ sống cho con người           | <input type="checkbox"/> 3 | Hạn chế các tệ nạn xã hội                     | <input type="checkbox"/> 7 |

|                                                                                                                                    |                            |                                      |                            |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------|----------------------------|
| Làm phong phú thêm nền văn hóa nghệ thuật (Tư tưởng thiền Trúc Lâm, đạo đức, lối sống, các tác phẩm văn học, nghệ thuật thiền,...) | <input type="checkbox"/> 4 | Khác (ghi rõ).....<br>.....<br>..... | <input type="checkbox"/> 8 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------|----------------------------|

• **Tác động đời sống cá nhân**

|                                                                   |                            |                                                                        |                             |
|-------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| Tạo ra sự bình ổn của tâm (thanh thản, nhẹ nhàng, giảm stress...) | <input type="checkbox"/> 1 | Giúp con người có lối sống lành mạnh, tránh xa được các tệ nạn xã hội, | <input type="checkbox"/> 6  |
| Rèn luyện tu dưỡng bản thân                                       | <input type="checkbox"/> 2 | Rèn luyện nâng cao sức khỏe, thể lực                                   | <input type="checkbox"/> 7  |
| Lạc quan trong cuộc sống                                          | <input type="checkbox"/> 3 | Cân bằng cuộc sống                                                     | <input type="checkbox"/> 8  |
| Nâng cao kỹ năng sống                                             | <input type="checkbox"/> 4 | Cải thiện tâm tính                                                     | <input type="checkbox"/> 9  |
| Tăng khả năng tập trung tư duy và sáng tạo                        | <input type="checkbox"/> 5 | Khác (ghi rõ):.....<br>.....                                           | <input type="checkbox"/> 10 |

**Câu 09: Nhận định của bạn về xu hướng phát triển của văn hóa Thiền tông ở nước ta trong tương lai từ các khía cạnh sau:**

| Nội dung                                                                                                                               | Đúng | Đúng 1 phần | Không đúng |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------------|------------|
| 1. Gia tăng các đạo tràng, hệ thống thiền viện,...                                                                                     |      |             |            |
| 2. Thu hút nhiều thiền sinh đến tham gia các khóa học thiền gồm đủ các thành phần (nam, nữ, các độ tuổi, mọi nghề nghiệp khác nhau...) |      |             |            |
| 3. Các hoạt động của các thiền viện ngày một đa dạng                                                                                   |      |             |            |
| 4. Các loại hình văn hóa nghệ thuật về Thiền tông (văn học, âm nhạc, xuất bản phẩm, băng đĩa, ...) ngày một đa dạng và phong phú       |      |             |            |
| 5. Đã có những thiền sinh là người nước ngoài tham gia tham gia các khóa tu thiền tại các thiền viện Trúc Lâm                          |      |             |            |

|                                                                                                                                                                                                              |  |  |  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
| 6. Thiền Tông Việt Nam hiện nay phát triển theo hướng hiện đại và hội nhập                                                                                                                                   |  |  |  |
| 7. Thiền Tông Việt Nam ngày càng được nhiều người biết đến qua việc tuyên truyền, quảng bá đến người dân trong và ngoài nước qua nhiều hình thức khác nhau (internet, xuất bản phẩm, văn học, nghệ thuật...) |  |  |  |
| 8. Thiền Tông hiện nay đang phát triển cùng với các thiền phái khác                                                                                                                                          |  |  |  |
| 9. Đã xuất hiện một số biểu hiện thương mại hóa, lợi dụng các khóa tu thiền để kiếm lợi cho cá nhân...                                                                                                       |  |  |  |

**Câu 10: Bạn cho biết một số hiểu biết và nhận định của mình về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (tiền thân của Thiền tông Việt Nam hiện nay):**

| Nội dung                                                                                                                                                                                          | Đúng | Đúng 1 phần | Không đúng |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------------|------------|
| 1. Nguồn gốc và sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là sự thể hiện ý thức dân tộc, ý thức tự chủ                                                                                             |      |             |            |
| 2. Sinh hoạt thiền tổ chức tại các thiền viện Trúc Lâm hiện nay góp phần giáo dục ý thức đoàn kết                                                                                                 |      |             |            |
| 3. Hiện nay, tư tưởng thiền và tấm gương của Trần Nhân Tông góp phần xây dựng mẫu hình người lãnh đạo                                                                                             |      |             |            |
| 4. Một số di tích, lễ hội, Thiền viện của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử...hiện nay đang phát huy giá trị, góp phần tạo ra nguồn thu nhập nhất định cho địa phương và cộng đồng dân cư của địa phương |      |             |            |
| 5. Phát triển và phục hưng Thiền Trúc Lâm Yên Tử (tiền thân của Thiền tông Việt Nam) là góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc                                                                  |      |             |            |
| 6. Tư tưởng Thiền tông, sinh hoạt thiền, đạo                                                                                                                                                      |      |             |            |

|                                                                                                                          |  |  |  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
| đức, lối sống, văn học, các cơ sở tôn giáo của Thiên tông... góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay |  |  |  |
| 7. Thiên tông Việt Nam là một hình thức biểu hiện của văn hóa tâm linh                                                   |  |  |  |
| 8. Đã có giải thưởng Quốc tế mang tên “Giải thưởng Trần Nhân Tông về hòa bình và hòa giải”.                              |  |  |  |

**PHỤ LỤC 2**  
**MẪU BẢNG HỎI**  
**VĂN HÓA THIỀN TÔNG TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VIỆT NAM**  
**HIỆN NAY**

Nhằm tìm hiểu những biểu hiện của văn hóa Thiền tông và ảnh hưởng của nó trong đời sống xã hội Việt Nam, xu hướng phát triển của văn hóa Thiền tông Việt Nam. Chúng tôi mong muốn ông/bà trả lời một số câu hỏi liên quan dưới đây bằng cách ***khoanh tròn*** hoặc **đánh dấu (X)** vào phương án mà ông, bà cho là phù hợp. Mọi thông tin do ông/bà cung cấp sẽ hoàn toàn được giữ bí mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu. Tên ông/bà sẽ không được nêu ở bất cứ một tài liệu nào.

*Xin chân thành cảm ơn!*

**II. PHẦN THÔNG TIN CHUNG**

- Họ và tên người trả lời: .....

| Tuổi           | Giới tính       | Tôn giáo                                                                                     | Trình độ học vấn                                                                                                                       | Tình trạng hôn nhân                                       | Nghề nghiệp                                                                                                                               |
|----------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (ghi năm sinh) | 1= Nam<br>2= Nữ | 0= không tôn giáo<br>1. Phật giáo<br>2. Thiên chúa giáo<br>3. Hòa hảo<br>4. Cao đài<br>..... | 0= Không biết chữ<br>1= Tiểu học<br>2= Trung học cơ sở<br>3= PTTH<br>4= Trung cấp, dạy nghề<br>5= Cao đẳng, đại học<br>6. Trên Đại học | 1= Đã kết hôn<br>2= Chưa kết hôn<br>3= Ly hôn/Ly thân/Goá | 7. Nông nghiệp<br>8. Công nhân<br>9. Kinh doanh, buôn bán<br>10. Cán bộ viên chức<br>11. Nghề tự do<br>12. Nghỉ hưu<br>13. Việc khác..... |

**Địa bàn điều tra:**

+ Tên Thiền viện: .....

+ Tỉnh: .....



## II. PHẦN NỘI DUNG

**Câu 1: Mức độ Ông (bà) tham gia các khóa học tu thiền ở các Thiền viện?**

|       |                            |            |                            |
|-------|----------------------------|------------|----------------------------|
| 1 lần | <input type="checkbox"/> 1 | 3 lần      | <input type="checkbox"/> 3 |
| 2 lần | <input type="checkbox"/> 2 | Trên 3 lần | <input type="checkbox"/> 4 |

**Câu 2: Thời gian mỗi lần ông (bà) tham gia khóa học tu thiền là bao nhiêu ngày?**

|        |                            |            |                            |
|--------|----------------------------|------------|----------------------------|
| 3 ngày | <input type="checkbox"/> 1 | 7 ngày     | <input type="checkbox"/> 3 |
| 5 ngày | <input type="checkbox"/> 2 | Khác:..... | <input type="checkbox"/> 4 |

**Câu 3: Nơi ông (bà) đã từng tham gia các khóa học tu thiền ở đâu?**

.....

.....

**Câu 4: Mục đích Ông (bà) tham gia các khóa học tu thiền ở các Thiền viện là gì?**

|                                             |                            |                                        |                            |
|---------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------|----------------------------|
| Tò mò, thử nghiệm                           | <input type="checkbox"/> 1 | Tham gia vì đi cùng người thân, bạn bè | <input type="checkbox"/> 5 |
| Tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống | <input type="checkbox"/> 2 | Để rèn luyện tu dưỡng bản thân         | <input type="checkbox"/> 6 |
| Rèn luyện sức khỏe                          | <input type="checkbox"/> 3 | Để chữa bệnh                           | <input type="checkbox"/> 7 |
| Tìm hiểu về văn hóa thiền                   | <input type="checkbox"/> 4 | Khác (ghi rõ).....                     |                            |

**Câu 5: Trong các khóa tu thiền do thiền viện tổ chức, ngoài các sinh hoạt thiền, Ông (bà) có tham gia hoạt động nào do thiền viện tổ chức sau đây?**

|                                                                    |                            |                                               |                            |
|--------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------|
| Tham gia cứu trợ nhân đạo                                          | <input type="checkbox"/> 1 | Hoạt động khám, chữa bệnh, cấp thuốc miễn phí | <input type="checkbox"/> 5 |
| Tổ chức các lớp học tình thương                                    | <input type="checkbox"/> 2 | Giúp đỡ những người cô đơn, khuyết tật        | <input type="checkbox"/> 6 |
| Xây dựng nhà dưỡng lão, cô nhi viện                                | <input type="checkbox"/> 3 | Tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể       | <input type="checkbox"/> 7 |
| Phụng dưỡng, giúp đỡ các bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình liệt sĩ | <input type="checkbox"/> 4 | Khác (ghi rõ).....<br>.....                   |                            |

**Câu 6: Khi có thời gian rảnh Ông (bà) có thường tham gia các hoạt động sau không**

| TT | Các loại hình giải trí                                                                                                      | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Không bao giờ |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|---------------|
| 1  | Đọc, tìm hiểu các loại sách, báo, tạp chí, xuất bản phẩm... về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử                                   |              |              |               |
| 2  | Nghe đài, xem các chương trình tivi, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử                       |              |              |               |
| 3  | Tham gia các hoạt động của các Thiền viện, nhóm, đội tu thiền                                                               |              |              |               |
| 4  | Tham gia các chương trình hội thảo, hội nghị, chuyên đề, buổi nói chuyện liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử           |              |              |               |
| 5  | Tham dự lễ hội, tham quan các di tích, di sản có liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử                                   |              |              |               |
| 6  | Sưu tầm những đồ vật (tranh ảnh, đĩa hình, đĩa nhạc, đồ mỹ thuật, sách báo...) có liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. |              |              |               |

**Câu 7: Ông (bà) có ý định giới thiệu người khác tham gia các khóa tu thiền ở các Thiền viện không?**

Có

☐ 1

Không

☐ 2**Câu 8: Nhận xét của Ông (bà) về ảnh hưởng Thiền tông trong xã hội và đời sống cá nhân**• **Tác động đến xã hội**

|                                                                  |                            |                                               |                            |
|------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------|
| Giáo dục hoàn thiện nhân cách, đặc biệt thế hệ thanh, thiếu niên | <input type="checkbox"/> 1 | Giữ gìn, bảo tồn văn hóa, lịch sử của dân tộc | <input type="checkbox"/> 5 |
| Gắn bó đoàn kết cộng đồng, nâng cao ý thức dân tộc               | <input type="checkbox"/> 2 | Hội nhập với thế giới                         | <input type="checkbox"/> 6 |
| Giáo dục tri thức, đạo đức, thái độ sống cho con người           | <input type="checkbox"/> 3 | Hạn chế các tệ nạn xã hội                     | <input type="checkbox"/> 7 |
| Làm phong phú thêm nền văn hóa nghệ thuật (Tư tưởng thiền Trúc   | <input type="checkbox"/> 4 | Khác (ghi                                     | <input type="checkbox"/> 8 |

|                                                                     |  |                                        |  |
|---------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------|--|
| Lâm, đạo đức, lối sống, các tác phẩm văn học, nghệ thuật thiền,...) |  | rõ).....<br>.....<br>..<br>.....<br>.. |  |
|---------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------|--|

• **Tác động đời sống cá nhân**

|                                                                   |                            |                                                                        |                             |
|-------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| Tạo ra sự bình ổn của tâm (thanh thản, nhẹ nhàng, giảm stress...) | <input type="checkbox"/> 1 | Giúp con người có lối sống lành mạnh, tránh xa được các tệ nạn xã hội, | <input type="checkbox"/> 6  |
| Rèn luyện tu dưỡng bản thân                                       | <input type="checkbox"/> 2 | Rèn luyện nâng cao sức khỏe, thể lực                                   | <input type="checkbox"/> 7  |
| Lạc quan trong cuộc sống                                          | <input type="checkbox"/> 3 | Cân bằng cuộc sống                                                     | <input type="checkbox"/> 8  |
| Nâng cao kỹ năng sống                                             | <input type="checkbox"/> 4 | Cải thiện tâm tính                                                     | <input type="checkbox"/> 9  |
| Tăng khả năng tập trung tư duy và sáng tạo                        | <input type="checkbox"/> 5 | Khác (ghi rõ):.....<br>.....<br>...                                    | <input type="checkbox"/> 10 |

**Câu 09: Nhận định của Ông (bà) về xu hướng phát triển của văn hóa Thiền tông ở nước ta trong tương lai từ các khía cạnh sau:**

| Nội dung                                                                                                                                | Đúng | Đúng 1 phần | Không đúng |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------------|------------|
| 10. Gia tăng các đạo tràng, hệ thống thiền viện,...                                                                                     |      |             |            |
| 11. Thu hút nhiều thiền sinh đến tham gia các khóa học thiền gồm đủ các thành phần (nam, nữ, các độ tuổi, mọi nghề nghiệp khác nhau...) |      |             |            |
| 12. Các hoạt động của các thiền viện ngày một đa dạng                                                                                   |      |             |            |
| 13. Các loại hình văn hóa nghệ thuật về Thiền tông (văn học, âm nhạc, xuất bản phẩm, băng đĩa, ...) ngày một đa dạng và phong phú       |      |             |            |

|                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
| 14. Đã có những thiền sinh là người nước ngoài tham gia tham gia các khóa tu thiền tại các thiền viện Trúc Lâm                                                                                                |  |  |  |
| 15. Thiền tông Việt Nam hiện nay phát triển theo hướng hiện đại và hội nhập                                                                                                                                   |  |  |  |
| 16. Thiền tông Việt Nam ngày càng được nhiều người biết đến qua việc tuyên truyền, quảng bá đến người dân trong và ngoài nước qua nhiều hình thức khác nhau (internet, xuất bản phẩm, văn học, nghệ thuật...) |  |  |  |
| 17. Thiền tông hiện nay đang phát triển cùng với các thiền phái khác                                                                                                                                          |  |  |  |
| 18. Đã xuất hiện một số biểu hiện thương mại hóa, lợi dụng các khóa tu thiền để kiếm lợi cho cá nhân...                                                                                                       |  |  |  |

**Câu 10: Ông (bà) cho biết một số hiểu biết và nhận định của mình về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (tiền thân của Thiền tông Việt Nam hiện nay):**

| Nội dung                                                                                                                                                                                       | Đúng | Đúng 1 phần | Không đúng |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------------|------------|
| 9. Nguồn gốc và sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là sự thể hiện ý thức dân tộc, ý thức tự chủ                                                                                          |      |             |            |
| 10. Sự phát triển của Thiền tông Việt Nam hiện nay cho thấy sự quan tâm, tạo điều kiện của Đảng và Nhà nước ta với sự phát triển tôn giáo và việc coi trọng những giá trị tốt đẹp của tôn giáo |      |             |            |
| 11. Sinh hoạt thiền tổ chức tại các thiền viện Trúc Lâm hiện nay góp phần giáo dục ý thức đoàn kết                                                                                             |      |             |            |
| 12. Hiện nay, tư tưởng thiền và tấm gương của Trần Nhân Tông góp phần xây dựng mẫu hình người lãnh đạo                                                                                         |      |             |            |
| 13. Một số di tích, lễ hội, Thiền viện của                                                                                                                                                     |      |             |            |

|                                                                                                                                                                        |  |  |  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
| Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử...hiện nay đang phát huy giá trị, góp phần tạo ra nguồn thu nhập nhất định cho địa phương và công đồng dân cư của địa phương                |  |  |  |
| 14. Đã từng có những chương trình, hoạt động của doanh nhân với thiền do các thiền viện tổ chức nhằm mục đích giới thiệu tác dụng của thiền trong kinh doanh           |  |  |  |
| 15. Phát triển và phục hưng Thiền Trúc Lâm Yên Tử (tiền thân của Thiền tông Việt Nam) là góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc                                      |  |  |  |
| 16. Tư tưởng Thiền tông, sinh hoạt thiền, đạo đức, lối sống, văn học, các cơ sở tôn giáo của Thiền tông... góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay |  |  |  |
| 17. Thiền tông Việt Nam là một hình thức biểu hiện của văn hóa tâm linh                                                                                                |  |  |  |
| 18. Đã có giải thưởng Quốc tế mang tên “Giải thưởng Trần Nhân Tông về hòa bình và hòa giải”                                                                            |  |  |  |

**PHỤ LỤC 3**  
**MẪU BẢNG HỎI**  
**NGHIÊN CỨU VĂN HÓA THIỀN TÔNG TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VIỆT NAM**  
**HIỆN NAY**

Nhằm tìm hiểu những biểu hiện của văn hóa Thiền tông và ảnh hưởng của nó trong đời sống xã hội Việt Nam, xu hướng phát triển của văn hóa Thiền tông Việt Nam. Chúng tôi mong muốn ông/bà trả lời một số câu hỏi liên quan dưới đây bằng cách ***khoanh tròn*** hoặc **đánh dấu (X)** vào phương án mà ông, bà cho là phù hợp. Mọi thông tin do ông/bà cung cấp sẽ hoàn toàn được giữ bí mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu. Tên ông/bà sẽ không được nêu ở bất cứ một tài liệu nào.

*Xin chân thành cảm ơn!*

**III. PHẦN THÔNG TIN CHUNG**

- Họ và tên người trả lời: .....

| Tuổi | Giới tính       | Tôn giáo                                                                                     | Trình độ học vấn                                                                                                                       | Tình trạng hôn nhân                                       | Nghề nghiệp                                                                                                                                   |
|------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      | 1= Nam<br>2= Nữ | 0= không tôn giáo<br>1. Phật giáo<br>2. Thiên chúa giáo<br>3. Hòa hảo<br>4. Cao đài<br>..... | 0= Không biết chữ<br>1= Tiểu học<br>2= Trung học cơ sở<br>3= PTTH<br>4= Trung cấp, dạy nghề<br>5= Cao đẳng, đại học<br>6. Trên Đại học | 1= Đã kết hôn<br>2= Chưa kết hôn<br>3= Ly hôn/Ly thân/Goá | 14. Nông nghiệp<br>15. Công nhân<br>16. Kinh doanh, buôn bán<br>17. Cán bộ viên chức<br>18. Nghề tự do<br>19. Nghỉ hưu<br>20. Việc khác. .... |

**Địa bàn điều tra:**

+ Tỉnh: .....

**IV. PHẦN NỘI DUNG**

**Câu 1: Khi có thời gian rảnh Ông (bà) có thường tham gia các hoạt động sau không?**

| TT | Các loại hình giải trí                                                                    | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Không bao giờ |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|---------------|
| 1  | Đọc, tìm hiểu các loại sách, báo, tạp chí, xuất bản phẩm... về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử |              |              |               |

|   |                                                                                                                             |  |  |  |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
| 2 | Nghe đài, xem các chương trình tivi, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử                       |  |  |  |
| 4 | Tham gia các chương trình hội thảo, hội nghị, chuyên đề, buổi nói chuyện liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử           |  |  |  |
| 5 | Tham dự lễ hội, tham quan các di tích, di sản có liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử                                   |  |  |  |
| 6 | Sưu tầm những đồ vật (tranh ảnh, đĩa hình, đĩa nhạc, đồ mỹ thuật, sách báo...) có liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. |  |  |  |

**Câu 2: Nơi ông/bà sinh sống có các hoạt động sau không?**

|                                                                                       |                            |                                                                                                                            |                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| Người dân tham gia các khóa học tu thiền tại các thiền Viện                           | <input type="checkbox"/> 1 | Huy động sự đóng góp của người dân cho các hoạt động liên quan đến văn hóa thiền tông                                      | <input type="checkbox"/> 4 |
| Có các nhóm thường tổ chức tham quan di tích và lễ hội của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử | <input type="checkbox"/> 2 | Phổ biến những giá trị đạo đức tốt đẹp của văn hóa thiền tông cho con cái, người thân trong gia đình, người dân xung quanh | <input type="checkbox"/> 5 |
| Sinh hoạt các nhóm, đội, CLB có nói đến văn học nghệ thuật về Thiền tông              | <input type="checkbox"/> 3 | Hoạt động khác (ghi rõ)<br>.....<br>.....                                                                                  | <input type="checkbox"/> 6 |

**Câu 3: Đánh giá của ông/bà về sự tham gia của người dân ở địa phương vào các hoạt động trên?**

|          |                            |                    |                            |
|----------|----------------------------|--------------------|----------------------------|
| Tích cực | <input type="checkbox"/> 1 | Không tích cực lắm | <input type="checkbox"/> 2 |
|----------|----------------------------|--------------------|----------------------------|

**Câu 4: Đánh giá của Ông/bà những ảnh hưởng của giá trị tư tưởng Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay?**

|                                                     |                            |                                |                             |
|-----------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------|-----------------------------|
| Góp phần khẳng định ý thức tự chủ, tự cường dân tộc | <input type="checkbox"/> 1 | Đề rèn luyện tu dưỡng bản thân | <input type="checkbox"/> 10 |
|-----------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------|-----------------------------|

|                                                         |                            |                                             |                             |
|---------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------|
| Góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân           | <input type="checkbox"/> 2 | Để chữa bệnh                                | <input type="checkbox"/> 11 |
| Đóng góp cho một số hoạt động kinh tế                   | <input type="checkbox"/> 3 | Tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống | <input type="checkbox"/> 12 |
| Góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc                | <input type="checkbox"/> 4 | Giáo dục, hoàn thiện nhân cách con người    | <input type="checkbox"/> 13 |
| Góp phần làm phong thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay | <input type="checkbox"/> 5 | Giảm thiểu các vấn nạn xã hội               | <input type="checkbox"/> 14 |
| Trở thành cầu nối giữa Việt Nam và quốc tế              | <input type="checkbox"/> 6 | Khác (ghi rõ)<br>.....                      |                             |
| Vấn đề an ninh sinh tồn                                 | <input type="checkbox"/> 7 |                                             |                             |

**Câu 5: Đánh giá của Ông/bà những ảnh hưởng của sinh hoạt thiền trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay?**

|                                                         |                            |                                             |                             |
|---------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------|
| Góp phần khẳng định ý thức tự chủ, tự cường dân tộc     | <input type="checkbox"/> 1 | Để rèn luyện tu dưỡng bản thân              | <input type="checkbox"/> 10 |
| Góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân           | <input type="checkbox"/> 2 | Để chữa bệnh                                | <input type="checkbox"/> 11 |
| Đóng góp cho một số hoạt động kinh tế                   | <input type="checkbox"/> 3 | Tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống | <input type="checkbox"/> 12 |
| Góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc                | <input type="checkbox"/> 4 | Giáo dục, hoàn thiện nhân cách con người    | <input type="checkbox"/> 13 |
| Góp phần làm phong thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay | <input type="checkbox"/> 5 | Giảm thiểu các vấn nạn xã hội               | <input type="checkbox"/> 14 |
| Trở thành cầu nối giữa Việt Nam và quốc tế              | <input type="checkbox"/> 6 | Khác (ghi rõ)<br>.....                      |                             |
| Vấn đề an ninh sinh tồn                                 | <input type="checkbox"/> 7 |                                             |                             |



**Câu 6: Đánh giá của Ông/bà những ảnh hưởng của đạo đức, lối sống Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay?**

|                                                         |                            |                                             |                             |
|---------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------|
| Góp phần khẳng định ý thức tự chủ, tự cường dân tộc     | <input type="checkbox"/> 1 | Để rèn luyện tu dưỡng bản thân              | <input type="checkbox"/> 10 |
| Góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân           | <input type="checkbox"/> 2 | Để chữa bệnh                                | <input type="checkbox"/> 11 |
| Đóng góp cho một số hoạt động kinh tế                   | <input type="checkbox"/> 3 | Tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống | <input type="checkbox"/> 12 |
| Góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc                | <input type="checkbox"/> 4 | Giáo dục, hoàn thiện nhân cách con người    | <input type="checkbox"/> 13 |
| Góp phần làm phong thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay | <input type="checkbox"/> 5 | Giảm thiểu các vấn nạn xã hội               | <input type="checkbox"/> 14 |
| Trở thành cầu nối giữa Việt Nam và quốc tế              | <input type="checkbox"/> 6 | Khác (ghi rõ)<br>.....                      |                             |
| Vấn đề an ninh sinh tồn                                 | <input type="checkbox"/> 7 |                                             |                             |

**Câu 7: Đánh giá của Ông/bà những ảnh hưởng của văn học Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay?**

|                                                         |                            |                                             |                             |
|---------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------|
| Góp phần khẳng định ý thức tự chủ, tự cường dân tộc     | <input type="checkbox"/> 1 | Để rèn luyện tu dưỡng bản thân              | <input type="checkbox"/> 10 |
| Góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân           | <input type="checkbox"/> 2 | Để chữa bệnh                                | <input type="checkbox"/> 11 |
| Đóng góp cho một số hoạt động kinh tế                   | <input type="checkbox"/> 3 | Tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống | <input type="checkbox"/> 12 |
| Góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc                | <input type="checkbox"/> 4 | Giáo dục, hoàn thiện nhân cách con người    | <input type="checkbox"/> 13 |
| Góp phần làm phong thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay | <input type="checkbox"/> 5 | Giảm thiểu các vấn nạn xã hội               | <input type="checkbox"/> 14 |
| Trở thành cầu nối giữa Việt Nam và quốc tế              | <input type="checkbox"/> 6 | Khác (ghi rõ)<br>.....                      |                             |
| Vấn đề an ninh sinh tồn                                 | <input type="checkbox"/> 7 |                                             |                             |

**Câu 8: Đánh giá của Ông/bà những ảnh hưởng của hệ thống di tích, thiên viện mang dấu ấn Thiên tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay?**

|                                                         |                            |                                             |                             |
|---------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------|
| Góp phần khẳng định ý thức tự chủ, tự cường dân tộc     | <input type="checkbox"/> 1 | Đề rèn luyện tu dưỡng bản thân              | <input type="checkbox"/> 10 |
| Góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân           | <input type="checkbox"/> 2 | Đề chữa bệnh                                | <input type="checkbox"/> 11 |
| Đóng góp cho một số hoạt động kinh tế                   | <input type="checkbox"/> 3 | Tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống | <input type="checkbox"/> 12 |
| Góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc                | <input type="checkbox"/> 4 | Giáo dục, hoàn thiện nhân cách con người    | <input type="checkbox"/> 13 |
| Góp phần làm phong thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay | <input type="checkbox"/> 5 | Giảm thiểu các vấn nạn xã hội               | <input type="checkbox"/> 14 |
| Trở thành cầu nối giữa Việt Nam và quốc tế              | <input type="checkbox"/> 6 | Khác (ghi rõ)<br>.....                      |                             |
| Vấn đề an ninh sinh tồn                                 | <input type="checkbox"/> 7 |                                             |                             |

**Câu 9: Đánh giá của Ông/bà những ảnh hưởng của một số lễ hội có nguồn gốc tưởng nhớ Trúc Lâm Tam tổ trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay?**

|                                                         |                            |                                             |                             |
|---------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------|
| Góp phần khẳng định ý thức tự chủ, tự cường dân tộc     | <input type="checkbox"/> 1 | Đề rèn luyện tu dưỡng bản thân              | <input type="checkbox"/> 10 |
| Góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân           | <input type="checkbox"/> 2 | Đề chữa bệnh                                | <input type="checkbox"/> 11 |
| Đóng góp cho một số hoạt động kinh tế                   | <input type="checkbox"/> 3 | Tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống | <input type="checkbox"/> 12 |
| Góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc                | <input type="checkbox"/> 4 | Giáo dục, hoàn thiện nhân cách con người    | <input type="checkbox"/> 13 |
| Góp phần làm phong thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay | <input type="checkbox"/> 5 | Giảm thiểu các vấn nạn xã hội               | <input type="checkbox"/> 14 |
| Trở thành cầu nối giữa Việt Nam và quốc tế              | <input type="checkbox"/> 6 | Khác (ghi rõ)<br>.....                      |                             |
| Vấn đề an ninh sinh tồn                                 | <input type="checkbox"/> 7 |                                             |                             |

**Câu 10: Theo ông/bà những hạn chế và ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay là gì?**

.....

.....

.....

**Câu 11: Câu 7: Ông/bà nhận định thế nào về xu hướng phát triển của các thành tố văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội nước ta hiện nay?**

| Nội dung                                                                       | Không phát triển                 | Khá phát triển | Phát triển |
|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------|------------|
| Giá trị tư tưởng Thiền tông                                                    |                                  |                |            |
| Sinh hoạt thiền                                                                |                                  |                |            |
| Đạo đức, lối sống Thiền tông                                                   |                                  |                |            |
| Văn học Thiền tông                                                             |                                  |                |            |
| Hệ thống di tích, thiền viện mang dấu ấn Thiền tông                            |                                  |                |            |
| Lễ hội có nguồn gốc tưởng nhớ Trúc Lâm Tam tổ                                  |                                  |                |            |
| Ý kiến khác về xu hướng phát triển của các thành tố văn hóa Thiền tông kể trên | .....<br>.....<br>.....<br>..... |                |            |

**Câu 12: Nhận định của Ông (bà) về xu hướng phát triển của văn hóa Thiền tông ở nước ta trong tương lai?**

| Nội dung                                                                                                                            | Đúng | Đúng 1 phần | Không đúng |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------------|------------|
| Gia tăng các đạo tràng, hệ thống thiền viện,...                                                                                     |      |             |            |
| Thu hút nhiều thiền sinh đến tham gia các khóa học thiền gồm đủ các thành phần (nam, nữ, các độ tuổi, mọi nghề nghiệp khác nhau...) |      |             |            |
| Các loại hình văn hóa nghệ thuật về Thiền                                                                                           |      |             |            |

|                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
| tông (văn học, âm nhạc, xuất bản phẩm, băng đĩa, ...) ngày một đa dạng và phong phú                                                                                                                       |  |  |  |
| Thiền tông Việt Nam hiện nay phát triển theo hướng hiện đại và hội nhập                                                                                                                                   |  |  |  |
| Thiền tông Việt Nam ngày càng được nhiều người biết đến qua việc tuyên truyền, quảng bá đến người dân trong và ngoài nước qua nhiều hình thức khác nhau (internet, xuất bản phẩm, văn học, nghệ thuật...) |  |  |  |
| Thiền tông hiện nay đang phát triển cùng với các thiền phái khác                                                                                                                                          |  |  |  |
| Đã xuất hiện một số biểu hiện thương mại hóa, lợi dụng các khóa tu thiền để kiếm lợi cho cá nhân...                                                                                                       |  |  |  |
| Một số di tích, lễ hội, Thiền viện của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử...hiện nay đang phát huy giá trị, góp phần tạo ra nguồn thu nhập nhất định cho địa phương và cộng đồng dân cư của địa phương            |  |  |  |

## PHỤ LỤC 4

### MẪU BẢNG HỎI PHỎNG VẤN SÂU

#### VĂN HÓA THIỀN TÔNG TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY

(Dành cho các thiền sinh - người trung niên)

Câu hỏi: Ông /bà đã tham gia các khóa học tu thiền ở các Thiền viện bao nhiêu lần?

Câu hỏi: Thông thường thời gian mỗi lần ông/bà tham gia khóa học tu thiền là bao nhiêu ngày?

Câu hỏi: Ông /bà thường tham gia các khóa học tu thiền ở đâu? Tại sao chọn nơi đó học?

Câu hỏi: Đối tượng tham gia các khóa tu thiền cùng ông/bà thường là những ai (giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn)?

Câu hỏi: Gia đình ông/bà có người đã hoặc đang theo học các khóa tu thiền không? Đánh giá của ông/bà sau khi người thân của ông/bà tham gia các khóa học tu thiền?

Câu hỏi: Tham gia các khóa học tu thiền ở Thiền viện thường có các hoạt động gì? (kể chi tiết cụ thể)

Câu hỏi: Mục đích Ông/bà tham gia các khóa học tu thiền ở các Thiền viện là gì? Tại sao?

Câu hỏi: Đánh giá của ông/bà sau khi tham gia các khóa học tu thiền? Tại sao?

Câu hỏi: Khi có thời gian rảnh ông (bà) có thường tìm hiểu các loại sách, báo, tạp chí, xuất bản phẩm... về Thiền tông? Tại sao? Đánh giá của ông/bà về các sản phẩm văn hóa này.

Câu hỏi: Ông/bà có thường nghe đài, xem các chương trình tivi, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật về văn hóa Thiền tông? Tại sao?

Câu hỏi: Ông/bà đã từng Tham gia các chương trình hội thảo, hội nghị, chuyên đề, buổi nói chuyện liên quan đến Thiền tông? Kể tên cụ thể chương trình ông/bà tham gia? Cảm nhận của ông/bà về các chương trình này.

Câu hỏi: Đánh giá về tác động của văn hóa Thiền tông đến đời sống của ông/bà?

Tác động tích cực? Tác động tiêu cực? Tại sao?

Câu hỏi: Nhận định của Ông (bà) về ảnh hưởng của Thiền tông trong đời sống xã hội nước ta hiện nay? Tác động tích cực? Tác động tiêu cực? Tại sao?

Câu hỏi: Ý kiến của Ông/bà về xu hướng phát triển Thiền tông trong thời gian tới?

**PHỤ LỤC 5**  
**MẪU BẢNG HỎI PHÒNG VẤN SÂU**  
**VĂN HÓA THIỀN TÔNG TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY**  
**(Dành cho các thiền sinh - Thanh thiếu niên)**

Câu hỏi: Bạn đã tham gia các khóa học tu thiền ở các Thiền viện bao nhiêu lần?

Câu hỏi: Thông thường thời gian mỗi lần bạn tham gia khóa học tu thiền là bao nhiêu ngày?

Câu hỏi: Bạn thường tham gia các khóa học tu thiền ở đâu? Tại sao chọn nơi đó học?

Câu hỏi: Đối tượng tham gia các khóa tu thiền cùng bạn thường là những ai (giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn)?

Câu hỏi: Gia đình bạn có người đã hoặc đang theo học các khóa tu thiền không? Đánh giá của bạn sau khi người thân của bạn tham gia các khóa học tu thiền?

Câu hỏi: Tham gia các khóa học tu thiền ở Thiền viện thường có các hoạt động gì? (kể chi tiết cụ thể)

Câu hỏi: Mục đích bạn tham gia các khóa học tu thiền ở các Thiền viện là gì? Tại sao?

Câu hỏi: Đánh giá của bạn sau khi tham gia các khóa học tu thiền? Tại sao?

Câu hỏi: Khi có thời gian rảnh bạn có thường tìm hiểu các loại sách, báo, tạp chí, xuất bản phẩm... về Thiền tông? Tại sao? Đánh giá của bạn về các sản phẩm văn hóa này.

Câu hỏi: Bạn có thường nghe đài, xem các chương trình tivi, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật về văn hóa Thiền tông? Tại sao?

Câu hỏi: Bạn đã từng Tham gia các buổi nói chuyện liên quan đến Thiền tông? Kể tên cụ thể chương trình bạn tham gia? Cảm nhận của bạn về các chương trình này.

Câu hỏi: Đánh giá về tác động của Thiền tông đến đời sống của bạn? Tác động tích cực? Tác động tiêu cực? Tại sao?

Câu hỏi: Nhận định của bạn về ảnh hưởng của Thiền tông trong đời sống xã hội nước ta hiện nay? Tác động tích cực? Tác động tiêu cực? Tại sao?

Câu hỏi: Ý kiến của bạn về xu hướng phát triển của văn hóa Thiền tông trong thời gian tới?

**PHỤ LỤC 6**  
**MẪU BẢNG HỎI PHÒNG VẤN SÂU**  
**VĂN HÓA THIỀN TÔNG TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI**  
**VIỆT NAM HIỆN NAY**

**(Dành cho các thiền sư tham gia giảng dạy các khóa tu thiền, người quản lý các Thiền viện)**

Câu hỏi: Một năm Thiền viện mở khoảng bao nhiêu khóa học tu thiền? Số lượng thiền sinh mỗi khóa?

Câu hỏi: Thông thường thời gian khóa học tu thiền là bao nhiêu ngày?

Câu hỏi: Đối tượng tham gia các khóa tu thiền ở Thiền viện thường là những ai (giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn)?

Câu hỏi: Trong mỗi khóa học tu thiền ở Thiền viện thường có các hoạt động gì? (kể chi tiết cụ thể)

Câu hỏi: Mục đích Thiền viện mở các khóa học tu thiền là gì? Tại sao?

Câu hỏi: Đánh giá của ông/bà sau khi các thiền sinh tham gia các khóa học tu thiền về các mặt? lấy ví dụ cụ thể?

Câu hỏi: Thiền viện có thư viện trưng bày các loại sách, báo, tạp chí, xuất bản phẩm... về Thiền tông? Mọi người có thường đến đọc tìm hiểu các loại sách báo... này không?

Câu hỏi: Thiền viện có tổ chức các hoạt động nghệ thuật về Thiền tông không? Mức độ tổ chức? Đối tượng tham gia thường những ai?

Câu hỏi: Thiền viện có tổ chức các chương trình hội thảo, hội nghị, chuyên đề, buổi nói chuyện liên quan đến Thiền tông Việt Nam? Đối tượng tham gia thường những ai?

Câu hỏi: Đánh giá về tác động của các khóa tu thiền đến đời sống xã hội nước ta hiện nay? Tác động tích cực? Tác động tiêu cực? Tại sao?

Câu hỏi: Đánh giá về tác động của tư tưởng Thiền tông Việt Nam trong xã hội Việt Nam hiện nay? Tác động tích cực? Tác động tiêu cực? Tại sao?



Câu hỏi: Đánh giá của ông/bà xu hướng phát triển của văn hóa Thiền tông trong thời gian tới?

- Quy mô, số lượng, thành phần các thiền sinh?
- Chủ đề hướng tới? các hoạt động tại các thiền viện?.
- Ảnh hưởng của Thiền tông đến thanh thiếu niên trong thời kỳ mới?
- Mối tương quan với các thiền phái khác?
- Văn hóa Thiền tông trong thời kỳ hội nhập quốc tế?
- Những hình thức, biểu hiện văn hóa Thiền tông trong thời đại mới là gì?

Câu hỏi: Thiền viện có các hoạt động nào hợp tác với các Thiền viện hoặc thiền sinh ở các nước trên thế giới không? (Nếu có) cho ví dụ cụ thể?

## PHỤ LỤC 7

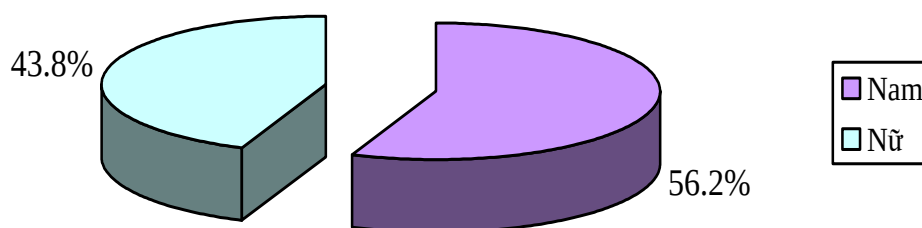
### KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH HOẠT THIỀN TẠI MỘT SỐ THIỀN VIỆN

#### *Thông tin chung về thiền sinh*

Với mục đích tìm hiểu về thiền sinh tham gia các khóa tu thiền tại 5 thiền viện khảo sát, tác giả Luận án đã tiến hành khai thác những thông tin sau đây: giới tính, độ tuổi, tôn giáo và nghề nghiệp thiền sinh. Những thông tin này cho phép tác giả Luận án tìm hiểu được đặc điểm của các thiền sinh. Kết quả thu được như sau:

#### *- Về giới tính thiền sinh*

**Biểu đồ 3.1: Giới tính người được phỏng vấn**



Tác giả Luận án tiến hành phát ra 500 phiếu bảng hỏi. Kết quả điều tra giới tính của thiền sinh tại các thiền viện không có sự chênh lệch nhiều giữa nam giới và nữ giới, tỷ lệ nữ giới là 43.8%; nam giới chiếm 56.2%. Như vậy, các khóa thiền đã thu hút được cả nam và nữ tham gia, không phân biệt giới tính.

#### *- Về độ tuổi thiền sinh*

**Bảng 3.1: Độ tuổi người được phỏng vấn**

| Độ tuổi         | Tần số (người) | Tần suất (%) |
|-----------------|----------------|--------------|
| Dưới 15 tuổi    | 140            | 28.0         |
| Từ 16-24 tuổi   | 137            | 27.4         |
| Từ 25-35 tuổi   | 63             | 12.6         |
| 36 tuổi trở lên | 160            | 32.0         |
| Tổng            | 500            | 100.0        |

Trong cuộc khảo sát này, các nhóm tuổi tham gia khóa thiền tại 5 thiền viện thì nhóm tuổi từ 36 tuổi trở lên chiếm tỉ lệ cao nhất là 32.0%. Số liệu này cho thấy,

các khóa tu thiền tổ chức đều đặn quanh năm tại các thiền viện cho người trung niên nên tỷ lệ trả lời phỏng vấn là cao nhất. Thứ hai là nhóm dưới 15 tuổi chiếm 28.0%; Nhóm từ 16-24 tuổi là 27.4% và nhóm từ 25-35 tuổi thấp nhất là 12.6%. Nếu gộp chung nhóm tuổi thanh, thiếu niên (từ dưới 15 tuổi đến 24 tuổi) thành một thì tỷ lệ này là 55.4%. Đây là tỷ lệ rất cao do các khóa tu thiền cho đối tượng này chỉ chủ yếu tổ chức vào 3 tháng hè.

- Về tôn giáo người được phỏng vấn

**Bảng 3.2: Tôn giáo của người tham gia phỏng vấn**

| Tôn giáo        | Tần số (người) | Tần suất (%) |
|-----------------|----------------|--------------|
| Không tôn giáo  | 213            | 42.6         |
| Phật giáo       | 281            | 56.2         |
| Thiên chúa giáo | 5              | 1.0          |
| Hòa hảo         | 1              | 0.2          |
| Cao đài         | 0              | 0.0          |

Phần lớn người dân theo học khóa thiền tại 5 thiền viện đều cho biết mình đi theo Phật giáo (56.2%), một bộ phận trả lời không theo tôn giáo nào (42.6%), một số theo các tôn giáo khác. Số liệu này phản ánh phần nào ảnh hưởng của Thiền tông cũng như văn hóa Thiền tông trong một bộ phận nhân dân hiện nay, cả những người theo Phật giáo cũng như những người không theo Phật giáo cũng tham gia các khóa tu tại thiền viện. Theo đó, số người theo Thiên chúa giáo là 5 thiền sinh chiếm tỷ lệ 1%, số người theo đạo Hòa Hảo là 1 người chiếm 0,2%, không có thiền sinh theo đạo Cao Đài. Kết quả số liệu này có thể thấy số lượng thiền sinh theo đạo Hòa Hảo và Cao Đài hầu như không có. Điều này có thể lý giải là do các thiền viện được tác giả Luận án tiến hành khảo sát đều nằm ở Bắc Bộ (đã được giới hạn trong phạm vi nghiên cứu: đề tài tập trung khảo sát ở khu vực Bắc Bộ) trong khi số người theo hai tôn giáo là Hòa Hảo và Cao Đài chủ yếu ở Nam Bộ.

- Về trình độ học vấn của thiền sinh

**Bảng 3.3: Trình độ học vấn của người tham gia phỏng vấn**

| <b>Trình độ học vấn</b> | <b>Tần số (người)</b> | <b>Tần suất (%)</b> |
|-------------------------|-----------------------|---------------------|
| Không biết chữ          | 1                     | 0.2                 |
| Tiểu học                | 7                     | 1.4                 |
| Trung học cơ sở         | 189                   | 37.8                |
| Phổ thông trung học     | 174                   | 34.8                |
| Trung cấp, dạy nghề     | 17                    | 3.4                 |
| Cao đẳng, đại học       | 107                   | 21.4                |
| Trên Đại học            | 5                     | 1.0                 |
| <b>Tổng</b>             | <b>500</b>            | <b>100.0</b>        |

Trình độ học vấn của thiên sinh chủ yếu là Trung học cơ sở chiếm 37.8%; Nhóm trình độ học vấn Phổ thông trung học là 34.8% và nhóm Cao đẳng, Đại học là 21.4%. Các nhóm trình độ học vấn khác chiếm tỷ lệ thấp hơn. Trình độ học vấn của thiên sinh gián tiếp cho thấy việc tổ chức các sinh hoạt thiện, giảng giải, truyền thụ tư tưởng Thiên tông cần giản dị, gần gũi với đời sống để phù hợp với trình độ nhận thức của thiên sinh.

- Về nghề nghiệp của thiên sinh

**Bảng 3.4: Nghề nghiệp của người tham gia phỏng vấn**

| <b>Nghề nghiệp</b>  | <b>Tần số (người)</b> | <b>Tần suất (%)</b> |
|---------------------|-----------------------|---------------------|
| Học sinh            | 220                   | 65.3                |
| Sinh viên           | 32                    | 9.5                 |
| Nông nghiệp         | 10                    | 2.0                 |
| Công nhân           | 36                    | 7.2                 |
| CBCNVC              | 38                    | 7.6                 |
| Nghề tự do          | 119                   | 23.8                |
| Nhân viên văn phòng | 14                    | 2.8                 |
| Nghỉ hưu            | 31                    | 6.2                 |
| <b>Tổng</b>         | <b>500</b>            | <b>100.0</b>        |

Tham gia vào đợt khảo sát này có nhiều nhóm nghề nghiệp khác nhau, nhóm học sinh chiếm tỷ lệ chủ yếu (65.3%); nghề tự do (23.8%); một bộ phận là sinh

viên, công nhân, cán bộ viên chức nhà nước, một số người nghỉ hưu... Như vậy, các thiền sinh tham gia sinh hoạt thiền có nhiều nghề nghiệp khác nhau, trong đó, cao nhất là học sinh và người làm nghề tự do. Điều này là phù hợp do hai nhóm nghề này thường có nhiều quỹ thời gian hơn.

Nhằm làm rõ hơn đối tượng tham gia các khóa tu thiền, tác giả Luận án đã tiến hành phỏng vấn sâu thiền sư [PL 4, tr. 198] tại thiền viện Trúc Lâm Yên Tử thu được kết quả cụ thể như sau:

Câu hỏi với thiền sư: Đối tượng tham gia các khóa tu thiền ở thiền viện thường là những ai (giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn)?

Thiền sư: *“Đối tượng đủ các lứa tuổi từ 12 trở lên, biết tự lập và vệ sinh cá nhân; thành phần bao gồm học sinh, sinh viên, thanh thiếu niên, cán bộ hưu trí, thương nhân”*.

Câu trả lời là một kênh thông tin có tính chất tham khảo nhất định. Tuy vậy, thông tin thiền sư cung cấp phù hợp với thông số đã được phân tích trong phần bảng hỏi. Điều này càng củng cố thêm luận điểm các khóa tu thiền thu hút nhiều đối tượng thiền sinh từ các nghề nghiệp khác nhau..

Như vậy, thiền sinh tham gia sinh hoạt thiền tại 5 thiền viện bao gồm cả nam và nữ với tỷ lệ tương đối bằng nhau. Lứa tuổi chủ yếu của các thiền sinh là thanh thiếu niên. Đây là lứa tuổi mà việc giáo dục nhận thức về văn hóa Thiền tông, phát huy tầm ảnh hưởng của văn hóa Thiền tông đến xã hội thông qua các khóa tu thiền sẽ hiệu quả và bền lâu hơn so với các lứa tuổi khác. Tôn giáo chủ yếu của các thiền sinh là đạo Phật. Tuy vậy, trong số thiền sinh tham gia tu thiền có một bộ phận theo tôn giáo khác. Điều này cho thấy ảnh hưởng của các sinh hoạt thiền không chỉ bó hẹp đối với các phật tử mà cả những người dân không theo đạo Phật. Trình độ học vấn và nghề nghiệp của thiền sinh cho thấy việc tổ chức sinh hoạt thiền, giảng giải tư tưởng Thiền tông cần giản dị, gần gũi với đời sống để phù hợp với trình độ nhận thức của thiền sinh

*Thiền viện được thiền sinh lựa chọn tham gia các khóa tu thiền*

Trong giới hạn của Luận án, tác giả lựa chọn 5 thiền viện Trúc Lâm tại miền Bắc để khảo sát. Trong đó, 2 thiền viện là Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên và Thiền viện Trúc Lâm An Tâm, Tây Thiên (Vĩnh Phúc) đều nằm ở Tây Thiên (chỉ cách nhau khoảng hơn 1km), và đều thuộc hệ thống Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên. Thiền viện Trúc Lâm An Tâm, Tây Thiên (Vĩnh Phúc) chỉ dành cho các ni tu tập.

**Bảng 3.5: Thiền viện được lựa chọn tham gia các khóa tu thiền**

| Thiền viện                                                                                      | Tần số<br>(người) | Tần suất (%) |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------|
| Thiền viện Trúc Lâm Giác Tâm, Quảng Ninh                                                        | 115               | 23.0         |
| Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử, Quảng Ninh                                                          | 174               | 34.8         |
| Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên, Vĩnh Phúc<br>Thiền viện Trúc Lâm An Tâm, Tây Thiên,<br>Vĩnh Phúc | 182               | 36.4         |
| Thiền viện Sùng Phúc, Hà Nội                                                                    | 29                | 5.8          |
| Tổng                                                                                            | 500               | 100.0        |

Trong số 5 thiền viện được tiến hành khảo sát, Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên và Thiền viện Trúc Lâm An Tâm, Tây Thiên (Vĩnh Phúc) có 182/500 thiền sinh lựa chọn tu thiền chiếm tỷ lệ 36.4%. Tiếp đến là Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử có 174/500 thiền sinh được hỏi lựa chọn chiếm tỷ lệ 34.8%. Thiền viện Trúc Lâm Giác Tâm (Thiền viện Cái Bàu) có 115/500 thiền sinh lựa chọn chiếm tỷ lệ 23%. Thiền viện Trúc Lâm Sùng Phúc có 29/500 thiền sinh được hỏi lựa chọn chiếm tỷ lệ 5.8%. Từ tỷ lệ trên có thể thấy, các thiền viện được thiền sinh lựa chọn tham gia khóa tu thiền thường gắn với chốn tổ của Thiền phái Trúc Lâm nói riêng, Phật giáo Việt Nam nói chung (Yên Tử, Tây Thiên), hoặc những nơi có cảnh trí khoáng đạt, thuận lợi cho việc tu tập và nảy sinh tâm thức thiền.

Ngoài ra, tác giả Luận án đã tiến hành phỏng vấn sâu hai thiền sinh tại thiền viện Trúc Lâm Yên Tử: một là thiền sinh trung niên [PL 3, tr. 198], hai là thiền sinh thanh thiếu niên [PL 4, tr. 196]. Câu trả lời của hai thiền sinh này cho thấy thiền sinh có ý thức hướng về thiền phái Trúc Lâm Yên Tử - thiền phái của dân tộc, đồng thời muốn lựa chọn nơi yên tĩnh, có cảnh trí khoáng đạt để tu tập.

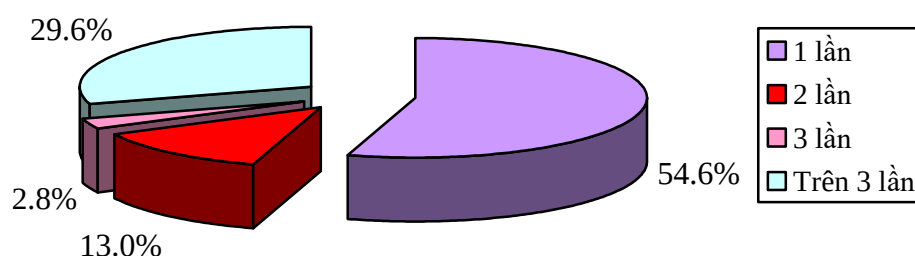
Từ số liệu phân tích trong bảng hỏi và phần phỏng vấn sâu cho thấy, các thiền viện được thiền sinh lựa chọn tu tập với tần suất cao thường là những thiền viện nằm tại

nơi phát tích của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử nói riêng, Phật giáo Việt Nam nói chung; hoặc nơi có cảnh trí khoáng đạt như Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử, Quảng Ninh, Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên, Vĩnh Phúc, Thiền viện Trúc Lâm Giác Tâm, Quảng Ninh.

### *Mức độ tham gia các khóa thiền của thiền sinh*

Tác giả Luận án đã tiến hành khảo sát mức độ tham gia các khóa tu thiền và tương quan giữa tuổi và mức độ tham gia các khóa tu thiền thu được kết quả như sau:

**Biểu đồ 3.2: Mức độ tham gia khóa thiền tại các Thiền viện**



Biểu đồ trên cho thấy trong số những người được hỏi đa số tham gia khóa thiền tại các thiền viện 1 lần, chiếm tỷ lệ 54.6%; trên 3 lần là 29.6%; 2 lần là 13.0% và 3 lần là 2.8%.

**Bảng 3. 6: Tương quan giữa tuổi của người trả lời với mức độ tham gia các khóa thiền (%)**

| Mức độ tham gia các khóa thiền | Dưới 15 tuổi | 16-24 tuổi | 25-35 tuổi | 36 tuổi trở lên |
|--------------------------------|--------------|------------|------------|-----------------|
| 1 lần                          | 72.9         | 59.9       | 47.6       | 36.9            |
| 2 lần                          | 15.7         | 15.3       | 11.1       | 9.4             |
| 3 lần                          | 4.3          | 5.1        | 1.6        | 0.0             |
| Trên 3 lần                     | 7.1          | 19.7       | 39.7       | 53.8            |
| Tổng                           | 100.0        | 100.0      | 100.0      | 100.0           |

Liên quan đến nội dung này, tác giả Luận án đã tiến hành phỏng vấn tại thiền viện Trúc Lâm Yên Tử với thiền sinh trung niên [PL 4, tr. 198] và thiền sinh thanh

thiếu niên [PL 3, tr. 196]. Kết quả phần trả lời phỏng vấn sâu hoàn toàn trùng khớp với những thông số trong quá trình tác giả Luận án tiến hành phỏng vấn bằng bảng hỏi. Điều này cho thấy các khóa tu thiền đã thu hút được một bộ phận người dân ở nhiều lứa tuổi khác nhau.

Xét tương quan giữa tuổi của người trả lời với mức độ tham gia các khóa thiền, tác giả nhận thấy độ tuổi càng cao mức độ người dân tham gia các khóa thiền càng nhiều, nói cách khác mức độ tham gia các khóa thiền ở các thiền viện giảm dần theo độ tuổi cụ thể:

Mức độ tham gia các khóa học tu thiền trên 3 lần ở nhóm dưới 15 tuổi (7.1%), đến nhóm từ 16-24 tuổi cao hơn với 19.7%; nhóm 25-35 tuổi là 39.7% và cao nhất là nhóm từ 36 tuổi trở lên chiếm tới 53.8%.

Ngược lại, mức độ tham gia các khóa thiền 1 lần ở nhóm dưới 15 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất là 72.9%; tiếp theo nhóm tuổi 16-24 tuổi là 59.9%; nhóm từ 36 tuổi thấp nhất là 36.9%.

- Thời gian tham gia các khóa tu thiền

**Bảng 3.7: Thời gian mỗi lần tham gia khóa thiền**

| Thời gian tham gia | Tần số (người) | Tần suất (%) |
|--------------------|----------------|--------------|
| 3 ngày             | 125            | 25.0         |
| 5 ngày             | 57             | 11.4         |
| 7 ngày             | 137            | 27.4         |
| 6 ngày             | 173            | 34.6         |
| Khác               | 8              | 1.6          |
| Tổng               | 500            | 100.0        |

Theo kết quả khảo sát thời gian mỗi lần người dân tham gia khóa học tu thiền cụ thể: 6 ngày chiếm 34.6%, 7 ngày chiếm 27.4%; 3 ngày chiếm 25.0%, một số tham gia trong thời gian 5 ngày.

Với nội dung này, tiến hành phỏng vấn sâu thiền sinh trung niên [PL 4, tr. 198], thiền sinh thanh thiếu niên [PL 3, tr. 196] và thiền sư [PL 5, tr. 199], tác giả Luận án thu được thông tin các thiền viện thường mở nhiều khóa tu thiền, chủ yếu vào dịp hè cho thanh thiếu niên. Số lượng thiền sinh mỗi khóa lên tới hàng trăm người. Đây cũng



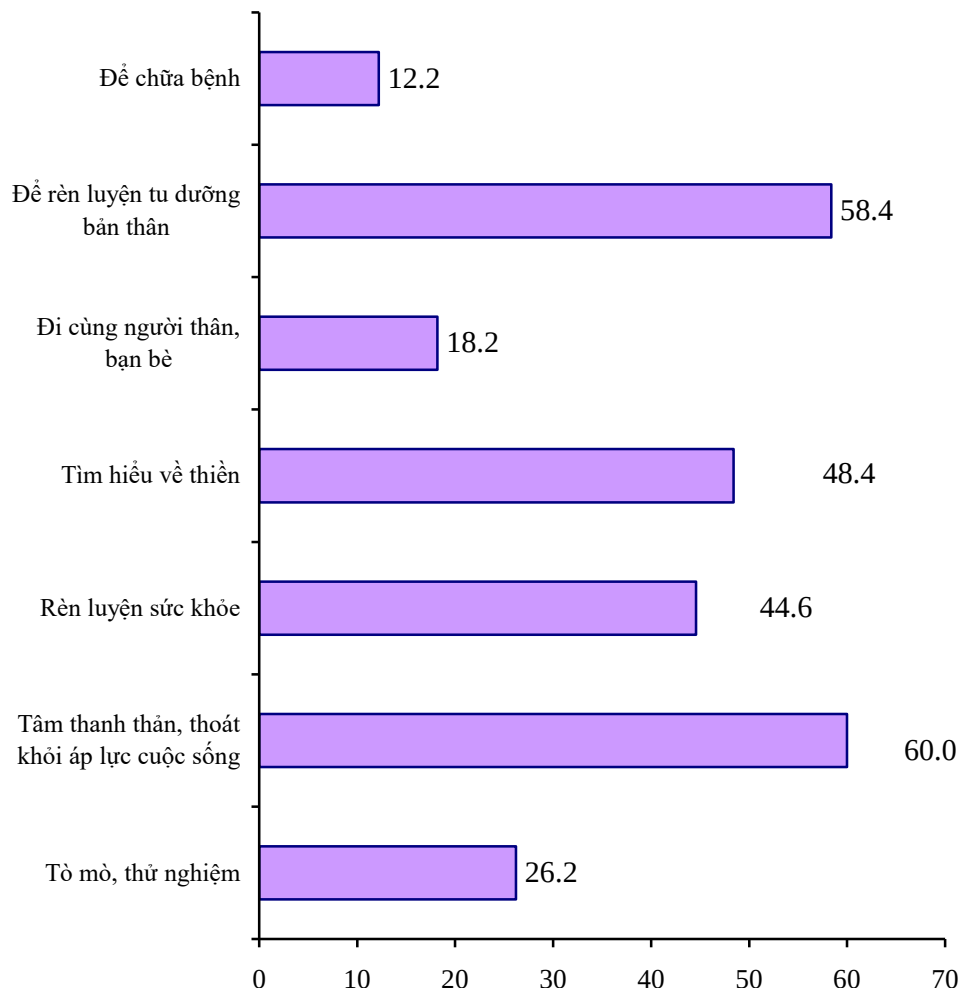
là kênh thông tin có tính chất tham khảo cho thấy hiện nay các khóa tu thiền được tổ chức rất nhiều tại các thiền viện và mỗi khóa tu thu hút tới hàng trăm thiền sinh.

Như vậy, kết quả phân tích từ bảng hỏi và kết quả phỏng vấn sâu cho thấy trong một năm các thiền viện tổ chức nhiều khóa tu thiền, mỗi khóa tu thu hút đông đảo thiền sinh. Trong đó khóa tu mùa hè chủ yếu cho thanh thiếu niên. Các khóa tu cho thiền sinh khác được tổ chức quanh năm. Thời gian tối thiểu người trả lời tham gia khóa thiền là 3 ngày và có thể dài hơn nữa.

#### *Mục đích tham gia khóa thiền tại thiền viện*

Tác giả Luận án đã tiến hành khảo sát để làm rõ mục đích, động cơ tham gia tu thiền của các thiền sinh. Kết quả thu được ở bảng hỏi được thể hiện ở biểu đồ 3.3:

**Biểu đồ 3. 3: Mục đích tham gia khóa thiền tại thiền viện (%)**



Người dân tham gia khóa thiền tại các Thiền viện Trúc Lâm với nhiều mục đích khác nhau, trong đó ba mục đích được nhiều người lựa chọn là: tỷ lệ cao nhất (60.0%) trả lời tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống; thứ hai, để rèn luyện tu dưỡng bản thân (58.4%); thứ ba, tìm hiểu về thiền (48.4%). Ngoài ra, người dân tham gia khóa thiền tại các Thiền viện còn để rèn luyện sức khỏe, chữa bệnh, cũng có người vì tò mò thử nghiệm hoặc đi cùng người thân, bạn bè.

**Bảng 3.8: Tương quan giữa tuổi của người trả lời với mục đích tham gia các khóa thiền (%)**

| <b>Tương quan giữa tuổi của người trả lời với mục đích</b> | <b>Dưới 15 tuổi</b> | <b>16-24 tuổi</b> | <b>25-35 tuổi</b> | <b>36 tuổi trở lên</b> |
|------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------|-------------------|------------------------|
| Tò mò, thử nghiệm                                          | 40.0                | 30.7              | 28.6              | 9.4                    |
| Tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống                | 46.4                | 56.9              | 61.9              | 73.8                   |
| Rèn luyện sức khỏe                                         | 31.4                | 35.0              | 54.0              | 60.6                   |
| Tìm hiểu về văn hóa thiền                                  | 32.9                | 35.0              | 58.7              | 69.4                   |
| Tham gia vì đi cùng người thân, bạn bè                     | 22.9                | 16.8              | 9.5               | 18.8                   |
| Để rèn luyện tu dưỡng bản thân                             | 58.6                | 56.2              | 47.6              | 64.4                   |
| Để chữa bệnh                                               | 13.6                | 12.4              | 3.2               | 14.4                   |

Bảng số liệu trên cho thấy giữa các nhóm tuổi mục đích tham gia khóa thiền có một số điểm khác nhau nổi bật như: đối với nhóm tuổi càng trẻ tỷ lệ đi vì tò mò thử nghiệm nhiều hơn như dưới 15 tuổi chiếm 40.0%, nhóm từ 36 tuổi trở lên đi vì mục đích này chỉ có 9.4%. Ngược lại, nhóm tuổi càng cao mục đích đi để tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống càng lớn hơn nhóm 36 tuổi trở lên chiếm 73.8%, đến nhóm từ 16-24 tuổi thấp hơn là 56.9%, thấp nhất là nhóm dưới 15 tuổi chiếm 46.4%. Điều này cũng dễ hiểu bởi ở độ tuổi này họ phải lo cho công việc, cuộc sống, gia đình... nhiều áp lực nên chọn các khóa thiền để tâm thanh thản.

Tương tự, tham gia các khóa học tu thiền vì mục đích rèn luyện sức khỏe chiếm tỷ lệ cao nhất là nhóm 36 tuổi trở lên, thấp nhất nhóm dưới 15 tuổi (31.4%). Độ tuổi càng cao mục đích tham gia để tìm hiểu về văn hóa thiền càng lớn: dưới 15 tuổi là 32.9%, từ 16-24 tuổi là 35.0%, nhóm tuổi 25-35 tuổi là 58.7%, cao nhất nhóm từ 36 tuổi trở lên chiếm 69.4%. Trong khi đó nhóm dưới 15 tuổi tham gia khóa thiền vì đi cùng người thân, bạn bè cao hơn so với các nhóm tuổi khác với 22.9%. Do đặc trưng của lứa tuổi nên quyết định của nhóm tuổi này thường theo gia đình hoặc bạn bè rủ cùng tham gia. Đặc biệt, mục đích rèn luyện tu dưỡng bản thân các nhóm tuổi đều chọn tỷ lệ cao, nhóm 36 tuổi trở lên cao nhất (64.4%), thứ hai nhóm dưới 15 tuổi (58.6%), thấp nhất nhóm từ 25-35 tuổi (47.6%).

Bên cạnh việc phỏng vấn bằng bảng hỏi, tác giả Luận án đã tiến hành phỏng vấn sâu với thiền sinh trung niên trung niên; thanh thiếu niên:

Câu hỏi với thiền sinh trung niên: Mục đích Ông/bà tham gia các khóa học tu thiền ở các Thiền viện là gì? Tại sao?

Thiền sinh trung niên: *“Tìm hiểu về Thiền tông Việt Nam, giảm áp lực cuộc sống, điều hòa cơ thể, giảm bệnh tật, để tâm thanh thản hơn”*.

Câu trả lời cho thấy người trả lời đã ý thức được tác dụng tích cực của tu thiền trong cuộc sống và có ý thức tìm hiểu về Thiền tông Việt Nam.

Câu hỏi với thiền sinh thanh thiếu niên: Mục đích bạn tham gia các khóa học tu thiền ở các Thiền viện là gì? Tại sao?

Thiền sinh thanh thiếu niên: *“Mình muốn thay đổi không khí học tập, muốn khám phá những điều mới lạ theo các bạn kể”*.

Câu hỏi với thiền sư: Mục đích Thiền viện mở các khóa học tu thiền là gì? Tại sao?

Thiền sư: *“Để các Phật tử hiểu sâu rộng hơn về Thiền tông Việt Nam; Đáp ứng nhu cầu tìm hiểu của các Phật tử; Giới thiệu, quảng bá giá trị của Thiền tông, Góp phần làm phong phú thêm văn hóa nước nhà; Chung tay xây dựng một xã hội đoàn kết hòa bình”*.

Phần trả lời trên mặc dù mang tính chủ quan nhưng cũng là kênh thông tin có tính tham khảo giúp tác giả Luận án hiểu thêm về các hoạt động mà thiền sinh được tham dự trong các khóa tu.

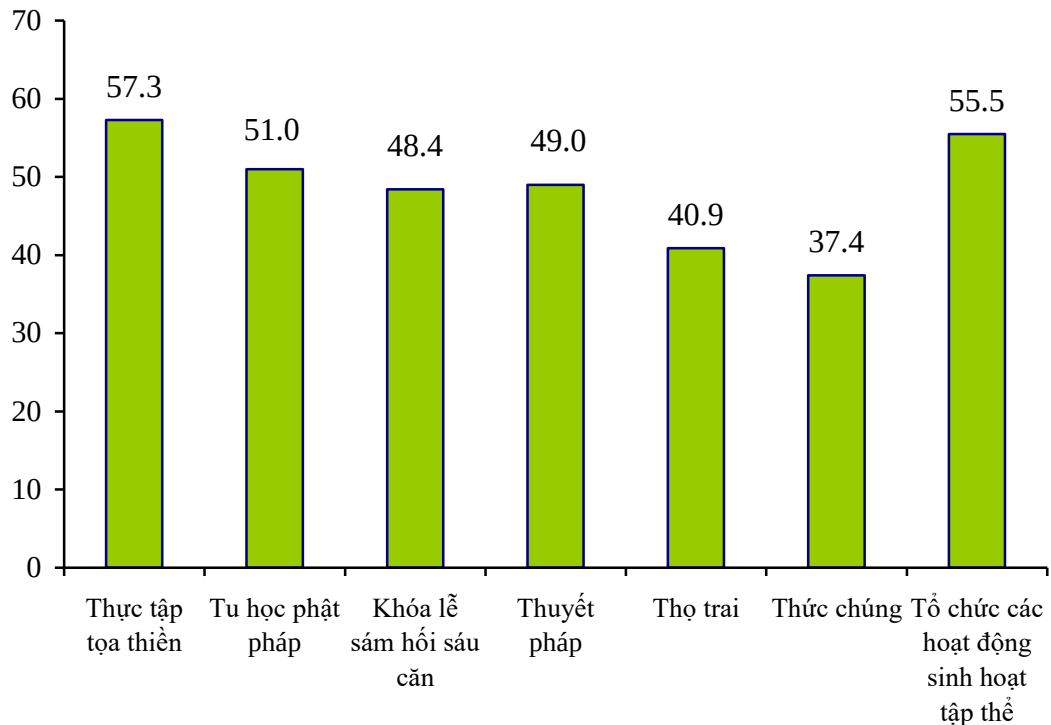
Như vậy, có thể khẳng định mối tương quan có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm tuổi với mục đích tham gia khóa thiền. Đồng thời kết quả phỏng vấn sâu góp phần củng cố thêm phân tích trong bảng hỏi. Đây cũng đồng thời là giá trị, là ảnh hưởng có ý nghĩa tích cực của sinh hoạt thiền trong xã hội hiện đại. Các khóa tu thiền có tác dụng điều chỉnh nhận thức và hành vi để tâm thiền sinh tĩnh tại, rèn luyện sức khỏe thể chất và tinh thần.

#### *Hoạt động tại các khóa tu thiền*

Các khóa tu thiền do 5 thiền viện tổ chức đã có những hoạt động cụ thể, phù hợp với từng đối tượng là thiền sinh thanh thiếu niên, thiền sinh trung niên. Ngoài ra, các thiền sinh còn được tham gia nhiều hoạt động văn hóa Thiền tông. Cụ thể như sau:

- Trong các khóa thiền, thanh thiếu niên được trực tiếp tham gia những hoạt động cụ thể (%)

**Biểu đồ 3.4: Hoạt động trực tiếp tham gia trong các khóa thiền đối với thanh, thiếu niên (%)**



Trong các khóa thiền do thiền viện tổ chức cho thanh, thiếu niên có nhiều hoạt động họ được trực tiếp tham gia như thực tập tọa thiền (57.3%); tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể (văn nghệ, giao lưu, cắm trại...) (55.5%); tu học Phật pháp (51.0%). Bên cạnh đó, thanh, thiếu niên còn được thuyết pháp, thọ trai...

- Trong các khóa tu thiền, người trung niên ngoài việc tham gia sinh hoạt thiền còn được tham gia vào các hoạt động cụ thể sau do thiền viện tổ chức

**Bảng 3.9: Hoạt động tham gia ngoài tu tập thiền do các thiền viện tổ chức cho người trung niên**

| Stt | Hoạt động                                                          | Tần suất (%) |
|-----|--------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1   | Tham gia cứu trợ nhân đạo                                          | 60.1         |
| 2   | Tổ chức các lớp học tình thương                                    | 53.4         |
| 3   | Xây dựng nhà dưỡng lão, cô nhi viện                                | 52.8         |
| 4   | Phụng dưỡng, giúp đỡ các bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình liệt sĩ | 54.0         |
| 5   | Hoạt động khám, chữa bệnh, cấp thuốc miễn phí                      | 49.7         |
| 6   | Giúp đỡ những người cô đơn, khuyết tật                             | 58.9         |
| 7   | Tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể                            | 74.8         |

Ngoài hoạt động tu tập thiền sinh ở lứa tuổi trung niên còn tham gia nhiều sinh hoạt khác do thiền viện tổ chức như các sinh hoạt tập thể (74.8%), tham gia hỗ trợ nhân đạo (60.1%), giúp đỡ những người cô đơn, khuyết tật (58.9%), tổ chức lớp học tình thương, khám chữa bệnh, giúp đỡ bà mẹ Việt Nam anh hùng...

Tác giả Luận án tiến hành phỏng vấn sâu với thiền sinh trung niên [PL 4; tr. 198]:

Câu hỏi: Tham gia các khóa học tu thiền ở Thiền viện thường có các hoạt động gì? (kể chi tiết cụ thể)

Trả lời: “*Thực tập tọa thiền, thức chúng, tu học Phật pháp, Sám hối, làm từ thiện nhân đạo*”.

Câu trả lời cho thấy người tu thiền được thực hành thiền và tham gia hoạt động từ thiện nhân đạo, hướng con người tới hoạt động tích cực, lành mạnh có ích

cho cá nhân và xã hội. Phần trả lời phỏng vấn sâu tuy chỉ là ý kiến chủ quan của người được hỏi nhưng cũng góp phần củng cố thêm thông tin về hoạt động của thiền sinh trong các khóa tu thiền.

Phần thông tin tại bảng hỏi và bảng phỏng vấn sâu cho thấy sinh hoạt thiền thực sự giúp thiền sinh điều chỉnh hành vi theo hướng tích cực, có những suy nghĩ và hành động đúng đắn có lợi cho bản thân và xã hội. Đây là ý nghĩa to lớn, là giá trị văn hóa của các khóa tu thiền mang lại cho xã hội hiện nay.

- Thiền sinh tham gia các hoạt động liên quan đến văn hóa Thiền tông

**Bảng 3.10: Mức độ tham gia các hoạt động khi có thời gian (%)**

| TT | Các loại hình giải trí                                                                                            | Thường xuyên | Thỉnh thoảng | Không bao giờ | Không trả lời |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|---------------|---------------|
| 1  | Đọc, tìm hiểu các loại sách, báo, tạp chí, xuất bản phẩm... về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử                         | 42.6         | 42.6         | 12.6          | 0.2           |
| 2  | Nghe đài, xem các chương trình tivi, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử             | 37.8         | 40.8         | 21.0          | 0.4           |
| 3  | Tham gia các hoạt động của các Thiền viện, nhóm, đội tu thiền                                                     | 41.2         | 38.6         | 19.8          | 0.4           |
| 4  | Tham gia các chương trình hội thảo, hội nghị, chuyên đề, buổi nói chuyện liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử | 36.8         | 31.0         | 31.8          | 0.4           |
| 5  | Tham dự lễ hội, tham quan các di tích, di sản có liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử                         | 44.0         | 38.4         | 17.2          | 0.4           |

|   |                                                                                                                             |      |      |      |     |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|------|-----|
| 6 | Sưu tầm những đồ vật (tranh ảnh, đĩa hình, đĩa nhạc, đồ mỹ thuật, sách báo...) có liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. | 33.4 | 33.0 | 33.2 | 0.4 |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|------|-----|

### **KẾT QUẢ ĐIỀU TRA VỀ HIỂU BIẾT VÀ NHẬN ĐỊNH VỀ THIỀN PHÁI TRÚC LÂM YÊN TỬ**

*Bảng PL6.1: Hiểu biết và nhận định về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (%)*

|   | <b>Nội dung</b>                                                                                                                                                                                | <b>Đúng</b> | <b>Đúng<br/>1 phần</b> | <b>Không<br/>đúng</b> | <b>Không<br/>trả lời</b> |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|
| 1 | Nguồn gốc và sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là sự thể hiện ý thức dân tộc, ý thức tự chủ                                                                                             | 78.2        | 18.2                   | 3.0                   | 0.6                      |
| 2 | Sinh hoạt thiền tổ chức tại các thiền viện Trúc Lâm hiện nay góp phần giáo dục ý thức đoàn kết                                                                                                 | 80.6        | 17.6                   | 1.2                   | 0.6                      |
| 3 | Hiện nay, tư tưởng thiền và tấm gương của Trần Nhân Tông góp phần xây dựng mẫu hình người lãnh đạo                                                                                             | 77.6        | 19.2                   | 2.6                   | 0.6                      |
| 4 | Một số di tích, lễ hội, Thiền viện của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử...hiện nay đang phát huy giá trị, góp phần tạo ra nguồn thu nhập nhất định cho địa phương và cộng đồng dân cư của địa phương | 72.8        | 22.6                   | 4.0                   | 0.6                      |
| 5 | Phát triển và phục hưng Thiền Trúc Lâm Yên Tử (tiền thân của Thiền tông Việt Nam) là góp phần gìn giữ                                                                                          | 76.6        | 20.0                   | 2.8                   | 0.6                      |

|    |                                                                                                                                                                                      |      |      |      |     |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|------|-----|
|    | bản sắc văn hóa dân tộc                                                                                                                                                              |      |      |      |     |
| 6  | Tư tưởng Thiền tông, sinh hoạt thiền, đạo đức, lối sống, văn học, các cơ sở tôn giáo của Thiền tông... góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay                   | 72.6 | 20.8 | 6.0  | 0.6 |
| 7  | Thiền tông Việt Nam là một hình thức biểu hiện của văn hóa tâm linh                                                                                                                  | 80.0 | 16.4 | 2.8  | 0.8 |
| 8  | Đã có giải thưởng Quốc tế mang tên “Giải thưởng Trần Nhân Tông về hòa bình và hòa giải”.                                                                                             | 78.8 | 16.2 | 4.4  | 0.6 |
| 9  | Sự phát triển của Thiền tông VN hiện nay cho thấy sự quan tâm, tạo điều kiện của Đảng và Nhà nước ta với sự phát triển tôn giáo và việc coi trọng những giá trị tốt đẹp của tôn giáo | 79.0 | 17.2 | 3.8  | 0.0 |
| 10 | Đã từng có những chương trình, hoạt động của doanh nhân với thiền do các thiền viện tổ chức nhằm mục đích giới thiệu tác dụng của thiền trong kinh doanh                             | 28.2 | 19.6 | 52.2 | 0.0 |

Bảng số liệu trên cho thấy trên (80.0%) trong số những người được hỏi đánh giá những nhận định về thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là đúng như: Sinh hoạt thiền tổ chức tại các thiền viện Trúc Lâm hiện nay góp phần giáo dục ý thức đoàn kết (80.6%); Thiền tông Việt Nam là một hình thức biểu hiện của văn hóa tâm linh (80.0%). Các nhận định khác đều nhận được sự đánh giá đúng chiếm tỷ lệ cao trên (70.0%). Bên cạnh đó, một số người dân đánh giá các nhận định trên chỉ đúng một

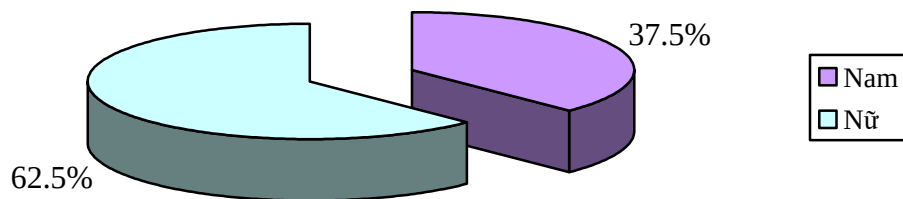


phần như: Một số di tích, lễ hội, Thiền viện của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử...hiện nay đang phát huy giá trị, góp phần tạo ra nguồn thu nhập nhất định cho địa phương và cộng đồng dân cư của địa phương; Tư tưởng Thiền tông, sinh hoạt thiền, đạo đức, lối sống, văn học, các cơ sở tôn giáo của Thiền tông... góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay... Tỷ lệ người dân đánh giá các nhận định trên không đúng chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ dưới (6.0%). Riêng nhận định đã từng có những chương trình, hoạt động của doanh nhân với thiền do các thiền viện tổ chức nhằm mục đích giới thiệu tác dụng của thiền trong kinh doanh có nhiều đối tượng trung niên đánh giá không đúng chiếm tới (52.2%). Tỷ lệ đánh giá đúng chỉ chiếm có (28.2%).

**PHỤ LỤC 8**  
**KẾT QUẢ ĐIỀU TRA ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN VÀ**  
**CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**

**I/ Thông tin chung về người trả lời**

*1. Giới tính*



Tỷ lệ nữ giới là (62.5%); nam giới chiếm (37.5%).

*2. Trình độ học vấn*

|                     | Tần số (người) | Tần suất (%) |
|---------------------|----------------|--------------|
| Tiểu học            | 3              | 1.5          |
| Trung học cơ sở     | 12             | 6.0          |
| PTTH                | 30             | 15.0         |
| Trung cấp, dạy nghề | 12             | 6.0          |
| Cao đẳng, đại học   | 131            | 65.5         |
| Trên Đại học        | 12             | 6.0          |
| Tổng                | 200            | 100.0        |

*3. Nghề nghiệp*

|                     | Tần số (người) | Tần suất (%) |
|---------------------|----------------|--------------|
| Học sinh, sinh viên | 6              | 3.0          |
| Công nhân           | 12             | 6.0          |
| Kinh doanh buôn bán | 19             | 9.5          |
| CBCNVC              | 103            | 51.5         |
| Nghề tự do          | 49             | 24.5         |

|           |     |       |
|-----------|-----|-------|
| Nghỉ hưu  | 8   | 4.0   |
| Nghề khác | 3   | 1.5   |
| Tổng      | 200 | 100.0 |

*4. Địa bàn khảo sát*

|            | <b>Tần số<br/>(người)</b> | <b>Tần suất<br/>(%)</b> |
|------------|---------------------------|-------------------------|
| Hà Nội     | 71                        | 35.5                    |
| Quảng Ninh | 60                        | 30.0                    |
| Vĩnh Phúc  | 69                        | 34.5                    |
| Tổng       | 200                       | 100.0                   |

## **II/ Nội dung nghiên cứu**

### **1. Mức độ tham gia các hoạt động của người dân khi có thời gian rảnh**

*Bảng: Mức độ tham gia các hoạt động khi có thời gian rảnh (%)*

| <b>TT</b> | <b>Các loại hình giải trí</b>                                                                                               | <b>Thường xuyên</b> | <b>Thỉnh thoảng</b> | <b>Không bao giờ</b> |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|----------------------|
| 1         | Đọc, tìm hiểu các loại sách, báo, tạp chí, xuất bản phẩm... về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử                                   | 4.5                 | 90.5                | 5.0                  |
| 2         | Nghe đài, xem các chương trình tivi, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử                       | 14.5                | 79.0                | 6.5                  |
| 3         | Tham gia các chương trình hội thảo, hội nghị, chuyên đề, buổi nói chuyện liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử           | 1.0                 | 50.0                | 49.0                 |
| 4         | Tham dự lễ hội, tham quan các di tích, di sản có liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử                                   | 23.5                | 70.0                | 6.5                  |
| 5         | Sưu tầm những đồ vật (tranh ảnh, đĩa hình, đĩa nhạc, đồ mỹ thuật, sách báo...) có liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. | 4.0                 | 60.0                | 36.0                 |

Bảng số liệu trên cho thấy, đa số người dân tỉnh thành mới tham gia các hoạt động liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, tỷ lệ cao nhất (90.5%) thường đọc, tìm hiểu các loại sách, báo, tạp chí, xuất bản phẩm... về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử; Thứ hai, Nghe đài, xem các chương trình tivi, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử chiếm (79.0%); thứ ba, Tham dự lễ hội, tham quan các di tích, di sản có liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (70.0%).

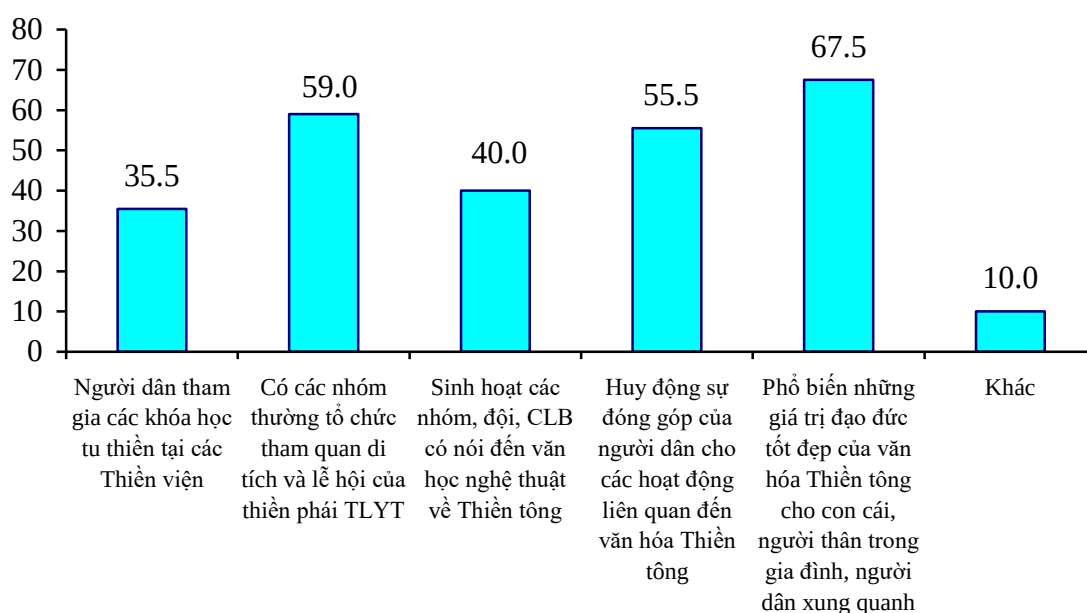
Nhóm thường xuyên tham gia các hoạt động trên chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ, riêng có hoạt động tham dự lễ hội, tham quan các di tích, di sản có liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử có (23.5%) trong số những người được hỏi thường xuyên tham gia khi có thời gian.

Bên cạnh đó, tỷ lệ khá cao người dân không bao giờ tham gia các chương trình hội thảo, hội nghị, chuyên đề, buổi nói chuyện liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (49.0%) hoặc Suru tầm những đồ vật (tranh ảnh, đĩa hình, đĩa nhạc, đồ mỹ thuật, sách báo...) có liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (36.0%).

Có thể nói, người dân đã tham gia nhiều vào các hoạt động liên quan đến thiền phái Trúc Lâm Yên Tử khi có thời gian rảnh như: đọc, tìm hiểu các loại sách, báo, tạp chí, xuất bản phẩm; xem các chương trình tivi, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật và Tham dự lễ hội, tham quan các di tích, di sản có liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

## 2. Các hoạt động thường tổ chức ở nơi dân cư

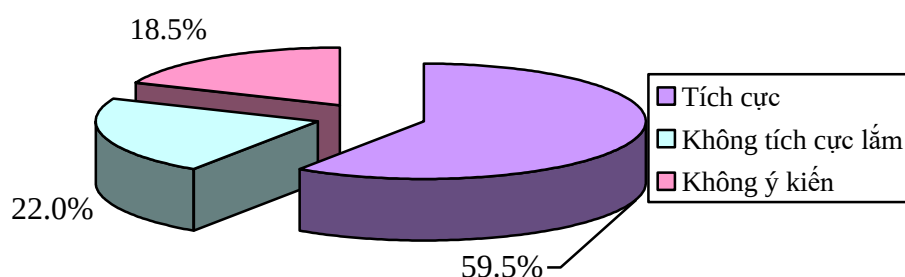
Biểu đồ: Các hoạt động thường tổ chức nơi dân cư sinh sống (%)



Biểu đồ trên cho thấy, nơi người dân sinh sống đã có các hoạt động liên quan đến văn hóa Thiền tông tiêu biểu như: Phổ biến những giá trị đạo đức tốt đẹp của văn hóa thiền tông cho con cái, người thân trong gia đình, người dân xung quanh chiếm (67.5%); Có các nhóm thường tổ chức tham quan di tích và lễ hội của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (59.0%) và Huy động sự đóng góp của người dân cho các hoạt động liên quan đến văn hóa thiền tông (55.0%), ngoài ra còn một số hoạt động khác thể hiện rõ ở biểu đồ trên.

### 3. Đánh giá sự tham gia của người dân địa phương vào các hoạt động trên

*Biểu đồ: Đánh giá sự tham gia của người dân địa phương vào các hoạt động*



Theo đánh giá chung người dân đã tích cực tham gia vào các hoạt động tổ chức ở khu dân cư có liên quan đến văn hóa Thiền tông chiếm tỷ lệ cao nhất với (59.5%). Bên cạnh đó, có (22.0%) trong số những người được hỏi không tích cực tham gia lắm, một bộ phận không có ý kiến khi được hỏi về vấn đề này.

*Bảng: Tương quan giữa địa bàn điều tra với đánh giá sự tham gia của người dân địa phương vào các hoạt động (%)*

|                    | Quảng Ninh | Vĩnh Phúc | Hà Nội |
|--------------------|------------|-----------|--------|
| Tích cực           | 70.0       | 58.0      | 52.1   |
| Không tích cực lắm | 16.7       | 18.8      | 29.6   |
| Không ý kiến       | 13.3       | 23.2      | 18.3   |
| Tổng               | 100.0      | 100.0     | 100.0  |

Giữa các địa bàn điều tra có sự khác nhau về sự tham gia của người dân địa phương vào các hoạt động ở khu dân cư, Quảng Ninh là nơi có nhiều người dân tích cực tham gia nhất chiếm tới (70.0%); Vĩnh Phúc là (58.0%) và thấp nhất là Hà Nội là (52.1%). Ngược lại, Hà Nội tỷ lệ người đánh giá không tham gia tích cực lắm

chiếm tỷ lệ cao hơn so với Quảng Ninh (29.6% so với 16.7%) và Vĩnh Phúc (29.6% so với 23.2%). Một bộ phận trong số những người được hỏi ở cả 3 tỉnh không có ý kiến khi được hỏi về vấn đề này.

#### **4. Ảnh hưởng của giá trị tư tưởng Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay**

*Bảng: Ảnh hưởng của giá trị tư tưởng Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay*

|    | <b>Nội dung</b>                                         | <b>Tỷ lệ (%)</b> |
|----|---------------------------------------------------------|------------------|
| 1  | Góp phần khẳng định ý thức tự chủ, tự cường dân tộc     | 52.0             |
| 2  | Góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân           | 70.0             |
| 3  | Đóng góp cho một số hoạt động kinh tế                   | 38.0             |
| 4  | Góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc                | 69.5             |
| 5  | Góp phần làm phong thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay | 61.5             |
| 6  | Trở thành cầu nối giữa Việt Nam và quốc tế              | 48.5             |
| 7  | Vấn đề an ninh sinh tồn                                 | 19.5             |
| 8  | Đề rèn luyện tu dưỡng bản thân                          | 59.0             |
| 9  | Đề chữa bệnh                                            | 22.5             |
| 10 | Tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống             | 70.5             |
| 11 | Giáo dục, hoàn thiện nhân cách con người                | 73.5             |
| 12 | Giảm thiểu các vấn nạn xã hội                           | 49.0             |

Kết quả khảo sát ý kiến người dân về những ảnh hưởng của giá trị tư tưởng Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay ở nhiều khía cạnh khác nhau, sắp xếp theo thứ tự một cách tương đối Top 4 ảnh hưởng của giá trị tư tưởng Thiền tông ta có: 1/ Giáo dục, hoàn thiện nhân cách con người (73.5%); 2/ Tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống (70.5%); 3/ Góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân (70.0%) và Góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc (69.5%).

#### **5. Ảnh hưởng của sinh hoạt Thiền trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay**

*Bảng: Ảnh hưởng của sinh hoạt Thiện trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay*

|    | <b>Nội dung</b>                                         | <b>Tỷ lệ (%)</b> |
|----|---------------------------------------------------------|------------------|
| 1  | Góp phần khẳng định ý thức tự chủ, tự cường dân tộc     | 39.5             |
| 2  | Góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân           | 60.0             |
| 3  | Đóng góp cho một số hoạt động kinh tế                   | 28.5             |
| 4  | Góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc                | 58.0             |
| 5  | Góp phần làm phong thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay | 44.0             |
| 6  | Trở thành cầu nối giữa Việt Nam và quốc tế              | 35.5             |
| 7  | Vấn đề an ninh sinh tồn                                 | 19.0             |
| 8  | Đề rèn luyện tu dưỡng bản thân                          | 61.0             |
| 9  | Đề chữa bệnh                                            | 22.5             |
| 10 | Tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống             | 66.0             |
| 11 | Giáo dục, hoàn thiện nhân cách con người                | 59.5             |
| 12 | Giảm thiểu các vấn nạn xã hội                           | 46.5             |

Sinh hoạt thiện có nhiều ảnh hưởng trong đời sống xã hội hiện nay, đặc biệt ở một số khía cạnh sau: Thứ nhất, Giúp người dân có tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống (66.0%) chiếm tỷ lệ cao nhất; thứ hai, Đề rèn luyện tu dưỡng bản thân (61.0%); thứ ba, Góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân (60.0%) và sinh hoạt thiện giúp giáo dục hoàn thiện nhân cách con người (59.5%). Ngoài ra, còn một số ảnh hưởng khác nhưng chiếm tỷ lệ thấp hơn.

#### **6. Ảnh hưởng của đạo đức, lối sống Thiện tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay**

*Bảng: Ảnh hưởng của đạo đức, lối sống Thiện tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay*

|   | <b>Nội dung</b>                                     | <b>Tỷ lệ (%)</b> |
|---|-----------------------------------------------------|------------------|
| 1 | Góp phần khẳng định ý thức tự chủ, tự cường dân tộc | 42.5             |
| 2 | Góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân       | 55.0             |

|    |                                                         |      |
|----|---------------------------------------------------------|------|
| 3  | Đóng góp cho một số hoạt động kinh tế                   | 26.5 |
| 4  | Góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc                | 59.0 |
| 5  | Góp phần làm phong thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay | 49.0 |
| 6  | Trở thành cầu nối giữa Việt Nam và quốc tế              | 35.5 |
| 7  | Vấn đề an ninh sinh tồn                                 | 24.0 |
| 8  | Đề rèn luyện tu dưỡng bản thân                          | 63.0 |
| 9  | Đề chữa bệnh                                            | 18.5 |
| 10 | Tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống             | 46.0 |
| 11 | Giáo dục, hoàn thiện nhân cách con người                | 68.5 |
| 12 | Giảm thiểu các vấn nạn xã hội                           | 57.5 |

Bảng số liệu trên cho thấy đạo đức, lối sống Thiền tông có ảnh hưởng đến một số mặt của đời sống xã hội Việt Nam tiêu biểu ở 5 mặt sau: 1/ Giáo dục, hoàn thiện nhân cách con người (68.5%); 2/ Đề rèn luyện tu dưỡng bản thân (63.0%); 3/ Góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc (59.0%); 4/ Giảm thiểu các vấn nạn xã hội (57.5%) và 5/Góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân (55.0%).

### **7. Ảnh hưởng của văn học Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay**

*Bảng: Ảnh hưởng của văn học Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay*

|   | <b>Nội dung</b>                                         | <b>Tỷ lệ (%)</b> |
|---|---------------------------------------------------------|------------------|
| 1 | Góp phần khẳng định ý thức tự chủ, tự cường dân tộc     | 47.5             |
| 2 | Góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân           | 55.0             |
| 3 | Đóng góp cho một số hoạt động kinh tế                   | 35.0             |
| 4 | Góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc                | 65.0             |
| 5 | Góp phần làm phong thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay | 70.5             |
| 6 | Trở thành cầu nối giữa Việt Nam và quốc tế              | 36.5             |
| 7 | Vấn đề an ninh sinh tồn                                 | 16.0             |
| 8 | Đề rèn luyện tu dưỡng bản thân                          | 47.0             |
| 9 | Đề chữa bệnh                                            | 17.0             |



|    |                                             |      |
|----|---------------------------------------------|------|
| 10 | Tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống | 45.0 |
| 11 | Giáo dục, hoàn thiện nhân cách con người    | 56.5 |
| 12 | Giảm thiểu các vấn nạn xã hội               | 36.5 |

Kết quả khảo sát cho thấy văn học Thiền tông có một số ảnh hưởng đến đời sống xã hội Việt Nam, đặc biệt Góp phần làm phong thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay (70.5%); Góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc (65.0%); Giáo dục, hoàn thiện nhân cách con người (56.5%); Góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân (55.0%).

#### **8. Ảnh hưởng của hệ thống di tích, thiền viện mang dấu ấn Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay**

*Bảng: Ảnh hưởng của hệ thống di tích, thiền viện mang dấu ấn Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay*

|    | <b>Nội dung</b>                                         | <b>Tỷ lệ (%)</b> |
|----|---------------------------------------------------------|------------------|
| 1  | Góp phần khẳng định ý thức tự chủ, tự cường dân tộc     | 53.0             |
| 2  | Góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân           | 53.0             |
| 3  | Đóng góp cho một số hoạt động kinh tế                   | 59.0             |
| 4  | Góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc                | 62.0             |
| 5  | Góp phần làm phong thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay | 74.5             |
| 6  | Trở thành cầu nối giữa Việt Nam và quốc tế              | 46.5             |
| 7  | Vấn đề an ninh sinh tồn                                 | 24.0             |
| 8  | Để rèn luyện tu dưỡng bản thân                          | 26.5             |
| 9  | Để chữa bệnh                                            | 14.0             |
| 10 | Tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống             | 38.0             |
| 11 | Giáo dục, hoàn thiện nhân cách con người                | 42.0             |
| 12 | Giảm thiểu các vấn nạn xã hội                           | 29.0             |

Theo đánh giá của người dân hệ thống di tích, thiền viện mang dấu ấn Thiền tông có tác động đến đời sống xã hội Việt Nam hiện nay, tiêu biểu: Góp phần làm phong thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay (74.5%); thứ hai, Góp phần gìn giữ

bản sắc văn hóa dân tộc (62.0%); thứ ba, Đóng góp cho một số hoạt động kinh tế (59.0%); thứ tư, Góp phần khẳng định ý thức tự chủ, tự cường dân tộc và xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân chiếm (53.0%).

**9. Ảnh hưởng của một số lễ hội có nguồn gốc tương nhớ Trúc Lâm Tam Tổ trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay**

*Bảng: Ảnh hưởng của một số lễ hội có nguồn gốc tương nhớ Trúc Lâm Tam Tổ trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay*

|    | <b>Nội dung</b>                                         | <b>Tỷ lệ (%)</b> |
|----|---------------------------------------------------------|------------------|
| 1  | Góp phần khẳng định ý thức tự chủ, tự cường dân tộc     | 52.5             |
| 2  | Góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân           | 76.5             |
| 3  | Đóng góp cho một số hoạt động kinh tế                   | 49.5             |
| 4  | Góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc                | 59.0             |
| 5  | Góp phần làm phong thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay | 63.5             |
| 6  | Trở thành cầu nối giữa Việt Nam và quốc tế              | 50.0             |
| 7  | Vấn đề an ninh sinh tồn                                 | 17.0             |
| 8  | Để rèn luyện tu dưỡng bản thân                          | 28.5             |
| 9  | Để chữa bệnh                                            | 13.0             |
| 10 | Tâm thanh thản, thoát khỏi áp lực cuộc sống             | 46.5             |
| 11 | Giáo dục, hoàn thiện nhân cách con người                | 36.0             |
| 12 | Giảm thiểu các vấn nạn xã hội                           | 23.0             |

Ảnh hưởng của một số lễ hội có nguồn gốc tương nhớ Trúc Lâm Tam Tổ trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay, sắp xếp theo thứ tự một cách tương đối 4 phương án được nhiều người lựa chọn nhất là: 1/ Góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết toàn dân chiếm (76.5%); 2/Góp phần làm phong thêm nền văn hóa nghệ thuật hiện nay (63.5%); 3/Góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc (59.0%); 4/Góp phần khẳng định ý thức tự chủ, tự cường dân tộc (52.5%).

**10. Xu hướng phát triển của các thành tố văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội nước ta hiện nay**

*Bảng: Xu hướng phát triển của các thành tố văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội nước ta hiện nay (%)*

| <b>Nội dung</b>                                     | <b>Không phát triển</b> | <b>Khá phát triển</b> | <b>Phát triển</b> | <b>Không ý kiến</b> |
|-----------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------|---------------------|
| Giá trị tư tưởng Thiền tông                         | 2.0                     | 81.5                  | 13.5              | 3.0                 |
| Sinh hoạt thiền                                     | 6.0                     | 76.5                  | 16.0              | 1.5                 |
| Đạo đức, lối sống Thiền tông                        | 2.0                     | 54.5                  | 40.5              | 3.0                 |
| Văn học Thiền tông                                  | 5.0                     | 57.5                  | 33.0              | 4.5                 |
| Hệ thống di tích, thiền viện mang dấu ấn Thiền tông | 4.0                     | 38.0                  | 48.0              | 10.0                |
| Lễ hội có nguồn gốc tưởng nhớ Trúc Lâm Tam tổ       | 2.0                     | 44.0                  | 44.5              | 9.5                 |

Theo đánh giá của người dân, xu hướng phát triển của các thành tố văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội nước ta hiện nay nhìn chung khá phát triển, đặc biệt giá trị tư tưởng Thiền tông là (81.5%); Sinh hoạt thiền (76.5%).

Trên (40.0%) trong số những người được hỏi nhận định một số yếu tố của văn hóa Thiền tông phát triển ở nước ta hiện nay như: Hệ thống di tích, thiền viện mang dấu ấn Thiền tông (48.0%); Lễ hội có nguồn gốc tưởng nhớ Trúc Lâm Tam tổ (44.5%) và Đạo đức, lối sống Thiền tông (40.5%). Chỉ có tỷ lệ nhỏ người dân đánh giá các thành tố của văn hóa Thiền tông không phát triển ở nước ta hiện nay.

*Bảng: Tương quan giữa địa bàn điều tra với đánh giá mức độ khá phát triển của các thành tố văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay (%)*

|                                 | <b>Quảng Ninh</b> | <b>Vĩnh Phúc</b> | <b>Hà Nội</b> |
|---------------------------------|-------------------|------------------|---------------|
| 1. Giá trị tư tưởng Thiền tông  | 90.0              | 87.0             | 69.0          |
| 2. Sinh hoạt thiền              | 80.0              | 82.6             | 67.6          |
| 3. Đạo đức, lối sống Thiền tông | 63.3              | 50.7             | 50.7          |

|                                                        |      |      |      |
|--------------------------------------------------------|------|------|------|
| 4. Văn học Thiền tông                                  | 76.7 | 65.2 | 33.8 |
| 5. Hệ thống di tích, thiền viện mang dấu ấn Thiền tông | 36.7 | 33.3 | 43.7 |
| 6. Lễ hội có nguồn gốc tưởng nhớ Trúc Lâm Tam tổ       | 56.7 | 50.7 | 26.8 |

Xét tương quan giữa các tỉnh với đánh giá mức độ khá phát triển của các thành tố văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay có một số điểm khác nhau như sau:

Quảng Ninh là nơi có tỷ lệ đánh giá khá phát triển ở một số thành tố cao hơn so với hai địa bàn Vĩnh Phúc và Hà Nội như: Thành tố giá trị tư tưởng thiền tông Quảng Ninh (90.0%), thấp nhất là Hà Nội (69.0%). Đạo đức, lối sống thiền tông Quảng Ninh (63.3%) cao hơn so với Vĩnh Phúc và Hà Nội (50.7%). Văn học Thiền tông Quảng Ninh (76.7%), cao gấp 2 lần Hà Nội (33.6%) và Lễ hội có nguồn gốc tưởng nhớ Trúc Lâm Tam tổ tương tự Quảng Ninh cao nhất (56.7%), thấp nhất Hà Nội (26.8%).

Trong khi đó thành tố sinh hoạt thiền Vĩnh Phúc là nơi đánh giá mức độ khá phát triển cao nhất với (82.6%), tỷ lệ này ở Hà Nội chỉ có (67.6%). Ngược lại, thành tố Hệ thống di tích, thiền viện mang dấu ấn Thiền tông Hà Nội là nơi có nhiều đánh giá khá phát triển cao hơn so với hai địa phương Quảng Ninh (43.7% so với 36.7%) và Vĩnh Phúc (43.7% so với 33.3%).

**11. Nhận định về xu hướng phát triển Thiền tông ở Việt Nam trong tương lai**

**Bảng: Nhận định về xu hướng phát triển Thiền tông ở Việt Nam trong tương lai (%)**

|   | <b>Nội dung</b>                                                                                                                                                                                           | <b>Đúng</b> | <b>Đúng 1 phần</b> | <b>Không đúng</b> |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------|-------------------|
| 1 | Gia tăng các đạo tràng, hệ thống thiền viện,...                                                                                                                                                           | 51.0        | 47.5               | 1.5               |
| 2 | Thu hút nhiều thiền sinh đến tham gia các khóa học thiền gồm đủ các thành phần (nam, nữ, các độ tuổi, mọi nghề nghiệp khác nhau...)                                                                       | 55.0        | 45.0               | 0.0               |
| 3 | Các loại hình văn hóa nghệ thuật về Thiền tông (văn học, âm nhạc, xuất bản phẩm, băng đĩa, ...) ngày một đa dạng và phong phú                                                                             | 45.5        | 54.5               | 0.0               |
| 4 | Thiền tông Việt Nam hiện nay phát triển theo hướng hiện đại và hội nhập                                                                                                                                   | 47.0        | 50.5               | 2.5               |
| 5 | Thiền tông Việt Nam ngày càng được nhiều người biết đến qua việc tuyên truyền, quảng bá đến người dân trong và ngoài nước qua nhiều hình thức khác nhau (internet, xuất bản phẩm, văn học, nghệ thuật...) | 53.5        | 46.5               | 0.0               |
| 6 | Thiền tông hiện nay đang phát triển cùng với các thiền phái khác                                                                                                                                          | 49.0        | 51.0               | 0.0               |
| 7 | Đã xuất hiện một số biểu hiện thương mại hóa, lợi dụng các khóa tu thiền để kiếm lợi cho cá nhân...                                                                                                       | 42.0        | 52.0               | 6.0               |
| 8 | Một số di tích, lễ hội, thiền viện của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử... hiện nay đang phát huy giá trị, góp phần tạo ra nguồn thu nhập nhất định cho địa phương và cộng đồng dân cư của địa phương           | 67.0        | 33.0               | 0.0               |

Kết quả khảo sát cho thấy, đánh giá về xu hướng phát triển Thiền tông trong tương lai ở nước ta có 4 nhận định người dân đánh giá là đúng chiếm tỷ lệ cao hơn là: 1/ Một số di tích, lễ hội, thiền viện của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử... hiện nay đang phát huy giá trị, góp phần tạo ra nguồn thu nhập nhất định cho địa phương và cộng đồng dân cư của địa phương (67.0%); 2/ Thu hút nhiều thiền sinh đến tham gia các khóa học thiền gồm đủ các thành phần (nam, nữ, các độ tuổi, mọi nghề nghiệp khác nhau...) (55.0%); 3/ Thiền tông Việt Nam ngày càng được nhiều người biết đến qua việc tuyên truyền, quảng bá đến người dân trong và ngoài nước qua nhiều hình thức khác nhau (internet, xuất bản phẩm, văn học, nghệ thuật...) (53.5%); 4/ Gia tăng các đạo tràng, hệ thống thiền viện,... (51.0%).

Một số nhận định được nhiều người dân đánh giá xu hướng sẽ phát triển như: Các loại hình văn hóa nghệ thuật về Thiền tông (văn học, âm nhạc, xuất bản phẩm, băng đĩa,s...) ngày một đa dạng và phong phú (54.5%); Đã xuất hiện một số biểu hiện thương mại hóa, lợi dụng các khóa tu thiền để kiếm lợi cho cá nhân... (52.0%); Thiền tông hiện nay đang phát triển cùng với các thiền phái khác (51.0%).

## PHỤ LỤC 9

### MỘT SỐ THÔNG TIN VÀ BÀI VIẾT LIÊN QUAN ĐẾN VĂN HÓA THIỀN TÔNG

#### SINH HOẠT THIỀN TẠI MỘT SỐ THIỀN VIỆN TRÚC LÂM

***PL 9.1: Chương trình sinh hoạt hè do Ban Thiếu nhi - Đoàn Thanh niên Phật tử  
Trần Thái Tông Thiền viện Trúc Lâm Sùng Phúc tổ chức [18]***

Mục đích nhằm tạo môi trường sinh hoạt tốt cho thiếu niên trong thời gian nghỉ hè; Hướng dẫn tìm hiểu và trau dồi Phật pháp; Hướng dẫn các kỹ năng cần thiết cho cuộc sống; Tham gia các hoạt động xã hội, tổ chức các chương trình sinh hoạt như: Tết thiếu nhi, lễ mừng sinh nhật, Tết trung thu, lễ cài hoa hồng mùa Báo hiếu...

Nội dung tu học, sinh hoạt nhằm giúp thiếu nhi hiểu đúng về việc đi chùa học Phật pháp; Oai nghi của người Phật tử: các chào hỏi, lễ lạy... và thực hành tinh thần sống Lục hòa; Học lịch sử cuộc đời đức Phật Thích ca Mâu ni và 24 tấm gương hiếu hạnh; Học các kỹ năng sinh hoạt, môi trường sống...

Chương trình tu học - sinh hoạt cho thiếu nhi:

*Chương trình sinh hoạt ngày chủ nhật bình thường:*

07h15 - 07h30 : Tập trung thiền sinh

07h45 - 08h030 : Bé tập ngồi thiền, Tụng sám Vu Lan, Hành thiền

08h30 - 09h00 : Hướng dẫn cách Lễ Phật Lạy Phật; Nghe các anh chị hướng dẫn nhắc nhở thời khóa trong ngày

09h00 - 10h30 : Học Phật pháp

10h30 - 11h15 : Học hát và sinh hoạt thiếu nhi

11h20 - 11h30 : Vệ sinh cá nhân, xếp hàng vào thọ trai

11h30 - 12h00 : Thọ trai (ăn trưa)

12h15 - 12h30 : Dọn dẹp trai đường - vệ sinh cá nhân (các bé tự rửa bát đĩa của mình theo sự hướng dẫn của anh chị phụ trách)

12h30 - 13h30 : Chỉ tịnh (nghỉ trưa)

13h30 : Thức chúng

14h00 - 15h30 : Sinh hoạt các kỹ năng theo chủ đề

15h30 : Ra về

*Chương trình sinh hoạt ngày chủ nhật cuối tháng âm lịch*

07h30 - 08h15 : Tụng kinh sám hối

08h15 - 09h00 : Bé tập ngồi thiền, Tụng sám Vu Lan, Hành thiền

09h30 - 10h00 : Học cách Lễ Phật và Lạy Phật; Nghe các anh chị phụ trách nhắc nhở thời khóa trong ngày

10h15 - 11h15 : Học Phật pháp

11h15 - 11h25 : Vệ sinh cá nhân, xếp hàng vào thọ trai

11h30 - 12h00 : Thọ trai (ăn trưa)

12h15 - 12h30 : Dọn dẹp trai đường - vệ sinh cá nhân (các bé tự rửa bát đĩa của mình theo sự hướng dẫn của anh chị phụ trách)

12h30 - 13h30 : Chỉ tịnh (ngủ trưa)

13h30 : Thức chúng

14h00 - 15h30 : Sinh hoạt các kỹ năng theo chủ đề

15h30 : Ra về

*Chương trình cụ thể sinh hoạt theo chủ đề*

- Nhóm kỹ năng nhận thức: Vị trí và trách nhiệm của bản thân; Xây dựng kế hoạch; Xác định điểm mạnh, điểm yếu của bản thân; Khắc phục khó khăn để đạt mục tiêu; Tư duy tích cực và tư duy sáng tạo.

- Nhóm kỹ năng xã hội: Kỹ năng thuyết trình và nói được đám đông; Kỹ năng hợp tác; Kỹ năng làm việc nhóm.

- Nhóm kỹ năng quản lý bản thân: Kỹ năng làm chủ cảm xúc; Khắc phục sự tức giận; Quản lý thời gian; Nghỉ ngơi tích cực; Giải trí lành mạnh.

- Kỹ năng môi trường: Môi trường quanh ta; Sự phát triển của thế giới sinh vật; Sự cần thiết của việc bảo vệ môi trường; Những hành động bảo vệ môi trường.

- Kỹ năng cấp cứu thông thường: Sơ cứu xử lý vết thương; Cấp cứu bỏng; Cấp cứu điện giật; Cấp cứu đuối nước.



- Kỹ năng xử lý tình huống: Khi bị lạc cha mẹ; Ứng xử với người lạ; Khi ở nhà một mình; Chơi với động vật; Khi gặp người cần giúp đỡ.

***PL 9.2: Khóa tu mùa hè cho thanh thiếu niên do thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên tổ chức [70]***

Đến với khóa học, các thiền sinh được nghe giảng dạy về đạo lý nhà Phật, hướng các em hiếu lễ với bố mẹ, ông bà, không trộm cắp, không lừa đảo, không nói dối. Những trẻ quá hiếu động sẽ được dạy ngồi thiền để tâm trí được tĩnh hơn... Bên cạnh đó, các thiền sinh nhỏ tuổi được học hát, tập ăn chay, khám phá thiên nhiên và phải tự giặt quần áo, rửa bát của mình sau khi ăn, điều mà nhiều trẻ em thành phố ít khi tự làm. Ngoài ra, các thiền sinh này còn được tham gia các hoạt động vui chơi giải trí, thể dục thể thao, giao lưu văn hóa văn nghệ, trao đổi kỹ năng sống...

Lịch trình các khóa [70]:

| Khóa học | Lứa tuổi          | Hạn nhận hồ sơ | Khai giảng | Bế giảng | Chỉ tiêu  |
|----------|-------------------|----------------|------------|----------|-----------|
| Khóa I   | * Khóa huấn luyện | —              | 01/6       | 06/6     | 60 người  |
| Khóa II  | Nam từ 11-13 tuổi | 07/06-08/6     | 09/6       | 14/6     | 200 người |
| Khóa III | Nam từ 14-17 tuổi | 14/06-15/6     | 16/6       | 21/6     | 200 người |
| Khóa IV  | Nam trên 18 tuổi  | 21/06-22/6     | 23/6       | 28/6     | 200 người |
| Khóa V   | Nữ từ 11-13 tuổi  | 28/06-29/06    | 30/06      | 05/07    | 200 người |
| Khóa VI  | Nữ từ 14-17 tuổi  | 05/07-06/07    | 07/07      | 12/07    | 200 người |
| Khóa VII | Nữ trên 18 tuổi   | 12/07-13/07    | 14/07      | 19/07    | 200 người |

Khóa Huấn luyện chỉ dành riêng cho các Đoàn sinh Đoàn Thanh Thiếu niên Phật tử Trần Nhân Tông và các tình nguyện viên phục vụ cho công tác quản lý Đoàn Thanh Thiếu niên và làm tình nguyện viên cho khóa tu.

Đối tượng tham gia là tất cả các em học sinh, sinh viên trên 11 tuổi đều có thể tham dự, không phân biệt tôn giáo. Tuy nhiên do điều kiện vật chất có giới hạn

nên tạm thời thiền viện chưa nhận những trường hợp bệnh tật không thể tự chăm sóc được bản thân.

Từ năm 2014, để tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ phụ huynh học sinh trong việc đưa đón con em mình tham gia khóa tu, thiền viện tổ chức thuê xe đưa đón học sinh và phụ huynh học sinh từ Hà Nội lên Thiền viện. Tuy nhiên đã có một số tổ chức, cá nhân mượn danh nghĩa của thiền viện liên lạc với các trường học và các đoàn thể trên địa bàn Hà Nội để tổ chức tuyển sinh và thu phí Khóa tu mùa Hè 2014 với mức phí rất cao.

***PL 9.3: Khóa tu mùa hè do thiền viện Trúc Lâm Yên Tử tổ chức [71]***

Tại Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử cũng thường xuyên duy trì các khóa tu, đặc biệt là các khóa tu mùa hè cho thiếu niên [71] các lớp tập tu mở vào mùa hè tại thiền viện duy trì đều đặn đã 3 - 4 năm nay. Đa số thiền sinh khóa tu mùa hè đều từ 10 đến 15 tuổi trở lên. Nhà chùa chỉ tổ chức mỗi đợt 1 tuần trước tiên để “gieo duyên”, nhưng có những trường hợp các thanh niên lên thiền viện tập tu nhiều lần, có trường hợp ở lại tập tu cả tháng... Thời khóa tu tập tập: 5 giờ 30 phút là giờ tập thể dục, ăn sáng rồi lao tác (lao động); sau giờ nghỉ trưa, buổi chiều các thiền sinh phải học đạo lý, 6 giờ chiều tham gia tụng kinh sám hối; 10 giờ là tắt cả phải tắt đèn đi ngủ. Học đạo lý, thiền sinh được các thầy cô trong Ban giáo thọ của Thiền viện giảng về chữ hiếu, về luật nhân quả, tiểu sử đức Phật, bản đồ 10 điều pháp giới. Còn các sinh hoạt bình thường, thiền sinh đều phải tự làm, như dọn dẹp, lau dọn phòng ở, giặt giũ quần áo, phụ giúp nấu ăn, ăn cơm xong phải rửa bát...

***PL 9.1: Thơ thiền Việt Nam - Một con đường tiếp cận với văn hóa trong quá khứ***

Lê Mạnh Thát

Dòng thơ thiền Việt Nam khi suy giảm về thân phận con người, lúc mô tả về phong cảnh của đất nước, cũng không thoát khỏi quy định của chức năng Phật giáo. Điều này cũng dễ hiểu, vì Phật giáo đặt sự tồn vong của mình trong sự tồn vong của dân tộc. Vì sự tồn vong của dân tộc có liên hệ mật thiết đến sự tồn vong của mỗi cá thể làm nên dân tộc đó.

Phật giáo là một hiện tượng văn hóa nước ngoài, truyền vào Việt Nam từ thời Hùng Vương, khi Việt Nam còn là một nước độc lập có chủ quyền khoảng thế kỷ thứ III - II trước Công nguyên, với những Phật tử Việt Nam có tên tuổi như: Chủ Động Tử và Công chúa Tiên Dung. Vào những năm đầu thế kỷ Công nguyên, với quá trình bành trướng về phương Nam, các triều đại Trung Quốc đã bắt đầu xâm lược những quốc gia người Việt ở phía Nam trong đó có Việt Nam, mà tên thời ấy là Tây Âu Lạc Việt. Chính trong quá trình đối phó với cuộc xâm lược bành trướng ở phương Bắc này, Phật giáo đã trở thành một công cụ đắc lực cho sự nghiệp đối kháng với quá trình đồng hóa của lực lượng xâm lược phương Bắc của dân tộc Việt Nam.

Phật giáo vào thời điểm đó được xác định như một con đường “mà ra ngoài xã hội có thể cứu dân giúp nước, còn ở nhà thì có thể thờ phụng cha mẹ và lúc ở một mình có thể dùng để hoàn thiện bản thân”, như Mâu Tử đã viết trong Lý Hoặc Luận (ca. 165-225?) vào cuối thế kỷ thứ II sau Tây lịch khi một nhà nước độc lập đầu tiên của Việt Nam mang tính Phật giáo ra đời với nhân vật nổi tiếng Sĩ Nhiếp (136-226). Như thế, Phật giáo đã được quy định vào thời Mâu Tử không chỉ là một đạo sống bình thường cho từng cá nhân mà còn là một học thuyết chính trị giúp người Việt Nam không những giữ vững được bản sắc văn hóa mà còn giúp họ giữ vững một nước Việt Nam độc lập với chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Chính xuất phát từ một quy định như thế về Phật giáo mà Phật giáo Việt Nam đã hình thành nên những nét đặc trưng riêng biệt, lúc tìm hiểu ta thấy nó hoàn toàn không giống Phật giáo các nước khác. Việc tập hợp lại một số bài thơ thiền tiêu biểu trong một ngàn năm qua, cụ thể từ thế kỷ X-XX, nhất là trong thời nhà Lý và thời nhà Trần (thế kỷ X-XIV) giúp ta nhận ra một số nét đặc trưng ấy.

Nét đặc trưng thứ nhất là đời sống của Phật giáo Việt Nam đã quện chặt với đời sống chính trị của đất nước. Điều này thật dễ hiểu vì trong lịch sử tồn tại của mình, dân tộc Việt Nam phải thường trực đấu tranh và thậm chí phải vũ trang đấu tranh để bảo vệ sự tồn tại của chính mình. Cho nên, Phật giáo như một lực lượng văn hóa của dân tộc và không thể tách khỏi cuộc đấu tranh thường trực này. Từ đó, ta không có gì phải ngạc nhiên trước những phát biểu của các Phật tử thiền sư Việt

Nam khi mang ít nhiều hơi hướng chính trị đối với đất nước. Và bài thơ đầu tiên trong tuyển tập này là một dạng bài thơ như thế. Bản thân vị thiền sư này đã trực tiếp tham gia vào hoạt động chính trị, đặc biệt trong cuộc chiến tranh Hoa- Việt đầu tiên giữa nước Việt Nam độc lập và một triều đại đang lên ở Trung Quốc là nhà Tống. Có thể nói đây là nét đặc trưng xuyên suốt của nền thơ thiền Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn đầu. Những vị thiền sư tên tuổi của giai đoạn này đều có chung một mối quan tâm, hầu hết đều phát biểu xoay quanh vấn đề chính trị của đất nước. Có thể mỗi quan tâm của họ khác nhau, dẫn đến những phát biểu khác nhau về vấn đề ấy. Từ những phát biểu thuần túy và rõ ràng là chính trị như bài Quốc Tộ của Pháp Thuận, cho đến những phát biểu trông bên ngoài như những suy gẫm về đạo đức hay triết lý, cụ thể là bài Thị đệ tử của thiền sư Vạn Hạnh, chúng ta thấy bàng bạc những nỗi niềm lo nghĩ về đất nước, về vận mệnh của dân tộc, từ đó chúng vẫn hàm chứa một nội dung chính trị nào đó. Chính nét đặc trưng đầu tiên này sẽ quy định toàn cảnh thơ thiền của Phật giáo Việt Nam.

Hai lời khuyên của quốc sư Phù Vân, tức thiền sư Trúc Lâm, với vua Trần Thái Tông trên đỉnh núi Yên Tử khi nhà vua trốn hoàng cung lên đó vào tháng 4 năm 1236 vì có chuyện bất đồng ý với Thái sư Trần Thủ Độ, nói lên rất rõ cái nhìn phóng khoáng cũng như quan điểm trị nước đặc sắc của Phật giáo. “Trong núi vốn không có Phật, Phật ở ngay trong lòng. Lòng lặng mà hiểu, đó chính là chân Phật. Nay nếu bệ hạ giác ngộ tâm đó thì lập tức thành Phật, không nhọc công tìm kiếm ở bên ngoài”. Và “Phàm là bậc nhân quân thì phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tấm lòng của thiên hạ làm tấm lòng của mình. Nay thiên hạ muốn đón bệ hạ về thì bệ hạ không về sao được! Duy có việc nghiên cứu nội điển xin bệ hạ đừng chút xao lãng mà thôi”. Trần Thái Tông đã thực hiện triệt để lời nhắn nhủ của Quốc sư, trở nên không những một trong những vị vua xuất sắc nhất của nhà Trần mà còn là một Thiền sư trác tuyệt của thời đại, như bài thơ thiền lung linh của ông trong tuyển tập này.

Cũng nhờ quy định về chức năng của Phật giáo trong đời sống dân tộc mà Mậu Tử đã đề ra, những người Phật giáo Việt Nam đã biết dừng lại đúng chỗ trong

quan hệ giữa Phật giáo và nhà nước Việt Nam. Vào thời đại của họ, có lẽ vấn đề tách rời giữa giáo quyền và thế quyền chưa được đặt ra một cách bức thiết. Tuy nhiên, những người Phật giáo Việt Nam trực tiếp tham gia chính trị đầu tiên này biết được những giới hạn của mình. Cho nên, sự tranh chấp giữa giáo quyền và thế quyền không xảy ra một đẫm máu ở Việt Nam như đã từng xảy ra ở các nơi khác trên thế giới. Đây là một nét đặc trưng thứ hai của nền thơ thiền Phật giáo Việt Nam. Có lẽ họ không ý thức một cách tự giác cái mà sau này các nhà viết lịch sử đã nói tới, đó là quan hệ giữa nhà nước với nhà thờ. Nhưng có thể họ đã thấp thoáng thấy mối quan hệ này và cố tình tách rời thực thể đó. Giáo quyền và thế quyền là hai lãnh vực khác nhau. Và thực tế từ bản chất, giáo lý Phật giáo không bao giờ cho phép xây dựng nên một giáo quyền. Không những thế, đời sống Phật giáo là một đời sống khiêm cung, đòi hỏi những người Phật tử phải tôn trọng người khác như những vị Phật sẽ thành. Vì thế, nói đến giáo quyền trong Phật giáo là một chuyện xa lạ.

Dẫu vậy, do những người Phật giáo đã tham gia vào đời sống chính trị và thực tế đã nắm quyền nên dễ xảy ra tham vọng xây dựng một giáo quyền Phật giáo, từ đó vấn đề giáo quyền của Phật giáo phải được đặt ra. Điều may mắn là trong lịch sử Việt Nam những nhân vật Phật giáo trực tiếp tham gia chính trị đó không hề có một tham vọng như thế, và họ cũng nói rõ vì sao họ không có tham vọng ấy. Đối với họ cuộc đời con người nhìn trong diễn trình vận hành bao la của vũ trụ quá nhỏ bé và phù du. Cái vĩ đại nhất mà con người có thể có trong diễn trình đó là ý chí vươn lên không chút gì sợ hãi trước bất cứ thay đổi nào của thế giới tự nhiên cũng như thế giới con người. Xuất phát từ một nhân sinh quan như thế, Phật giáo Việt Nam đã tránh cho mình cái họa tham quyền cố vị cho đến khi bị hất ra dòng lịch sử.

Cũng bắt nguồn từ hoàn cảnh lịch sử của đất nước như vậy, dòng thơ thiền Việt Nam khi suy giảm về thân phận con người, lúc mô tả về phong cảnh của đất nước, cũng không thoát khỏi quy định của chức năng Phật giáo nói trên. Điều này cũng dễ hiểu thôi, vì Phật giáo đặt sự tồn vong của mình trong sự tồn vong của dân tộc. Vì sự tồn vong của dân tộc có liên hệ mật thiết đến sự tồn vong của mỗi cá thể làm nên dân tộc đó. Cho nên, dù mục tiêu cuối cùng của đời sống Phật giáo là sự

giải thoát, tức là sự đạt đến tự do tuyệt đối cho mỗi con người, nhưng mục tiêu đó chỉ đạt được nhờ vào mối tương quan với các cá thể khác trong một cộng đồng. Đây là quan điểm duyên sinh của Phật giáo, tức quan điểm cho rằng: Mọi tồn tại chỉ tồn tại trong tương quan với những tồn tại khác. Chính quan điểm duyên sinh cơ bản này giúp người Phật giáo có một cái nhìn bao dung không những với chính mình mà còn đối với những người khác và thế giới quanh mình.

Đọc thơ thiền Việt Nam như thế sẽ gợi cho ta nhiều suy nghĩ đặc biệt trong liên hệ với đời sống hiện đại, khi những tiến bộ khoa học kỹ thuật đã giúp cho con người có một cuộc sống gần gũi nhau mà những thế kỷ trước không bao giờ tưởng tượng nổi. Khi đã sống gần gũi nhau, cũng vì duyên sinh, con người cảm thấy phải có trách nhiệm đối với đồng loại của mình cũng như đối với thế giới mình đang sống. Việc tập hợp lại một số thơ thiền tiêu biểu của Việt Nam giúp người đọc có cái nhìn mới không chỉ về nền văn hóa trong quá khứ của dân tộc Việt Nam, mà còn từ nền văn hóa quá khứ ấy xây dựng một lối sống mới trong quan hệ với đồng loại và với thế giới xung quanh.

(Nguồn: Thientong.net)

***PL 9.4. Những gì trong gia sản văn hóa Việt Nam đóng góp cho nền hòa bình và an vui trên thế giới***

Hoà Thượng Thích Nhất Hạnh

Tôi biết một anh chàng họa sĩ sống ở Hoa Kỳ, người Huế. Ngày xưa anh rời quê hương một cách rất khó khăn. Anh ta đã xin làm bồi trên một chiếc tàu thủy để đi qua một nước Tây phương. Anh ta nghĩ rằng mình sẽ có một tương lai ở đó. Cái đêm anh từ già bà mẹ của mình, hai mẹ con đã khóc rất nhiều. Bà cụ là một người đàn bà Huế không biết đọc biết viết nhưng bà đã dặn người con trai như thế này: “Khi con qua bên nớ, mỗi khi nhớ mẹ nhiều lắm thì con đưa bàn tay lên và con nhìn bàn tay con cho kỹ, con sẽ bớt nhớ mẹ”. Trong suốt mấy mươi năm ở Mỹ, chưa có cơ hội trở về Việt Nam, anh ta thường đưa bàn tay lên ngắm và thấy được an ủi. Có nhiên bà mẹ Việt Nam đó chưa bao giờ từng học triết học, chưa từng học khoa học nhưng bà có tuệ giác của cha ông để lại. Bà biết rằng mình có mặt trong bàn tay của con trai mình.

Chúng ta biết rằng tất cả gia tài di truyền của tổ tiên, của cha ông mà chúng ta được tiếp nhận và các thể hệ tổ tiên cũng như cha mẹ mình đang có mặt đích thực trong từng tế bào của cơ thể mình. Đó là một sự thực khoa học. Tất cả kinh nghiệm, trí tuệ, những hạnh phúc của tổ tiên, của ông bà và cha mẹ đã được trao truyền cho chúng ta. Tất cả những khổ đau, khó khăn, những bức xúc của tổ tiên, của ông bà, cha mẹ cũng đã trao truyền cho chúng ta. Tổ tiên chúng ta, kể cả thể hệ tổ tiên trẻ nhất là cha mẹ đang có mặt một cách đích thực trong từng tế bào của cơ thể. Vì vậy cho nên người mẹ kia, tuy không biết khoa học, không biết triết học nhưng đã nói lên tuệ giác đó, này con mỗi khi con nhớ mẹ, con chỉ cần đưa bàn tay lên, con sẽ thấy đỡ nhớ. Tuy bà không nói nhưng trong lời dặn dò với người con trai đó đã ẩn chứa ý nghĩa là mẹ đang có mặt trong từng tế bào của cơ thể con. Sự thực khoa học đó hiện bây giờ đã được mọi người chấp nhận.

Chúng ta thường nói với nhau rằng, con cái ở đâu thì ông bà ở đó. Điều này cũng là một sự thực khoa học. Ông bà đi theo con cái không phải đi theo sau lưng, hoặc đi theo bên phải, hoặc bên trái hay đi trước mặt mình, mà ông bà đi theo ngay từng tế bào của cơ thể. Chúng ta đi đâu thì chúng ta đem tổ tiên ông bà đi theo nơi đó. Điều đó có thể hiểu một cách rất khoa học. Chúng ta đi Mỹ thì tổ tiên ông bà của mình đi Mỹ. Chúng ta đi Hòa Lan thì tổ tiên của mình đi Hòa Lan. Chúng ta đi Úc thì tổ tiên của mình đi Úc. Chúng ta lên thiên đường thì tổ tiên của mình sẽ lên thiên đường. Chúng ta xuống địa ngục thì tổ tiên của mình cũng sẽ xuống địa ngục với chúng ta.

Xã hội chúng ta trong thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21, con người có cảm tưởng là mình mất gốc, cảm thấy bơ vơ, lạc loài mà không cảm thấy được sự liên hệ giữa mình với tổ tiên, ông bà, cha mẹ mình. Có những người trai trẻ lớn lên giận cha, giận mẹ, phủ nhận văn hóa, dân tộc và đất nước của mình. Đó là vì họ phải gánh chịu quá nhiều khổ đau. Có người giận cha mình đến mức tuyên bố: “Ông đó hả, tôi không muốn có liên hệ gì đến ông đó hết! I do not want to have anything to do with him! Nói như vậy không có nghĩa là không có những người thanh niên Việt Nam có nghĩa và nói như vậy khi cảm thấy những đau khổ của mình là do cha mình, mẹ mình

gây ra thì mình sẽ thù hận cha, mẹ và không muốn có sự liên hệ đến cha mẹ mình nữa. Đó là những con người phóng thích, con người không có gốc rễ. Và khi không có gốc rễ thì không thể nào chúng ta có được hạnh phúc.

Thời đại chúng ta đã chế tạo ra không biết bao nhiêu con ma đói. Những con ma đói bằng xương bằng thịt, đi trong xã hội, đi trong cuộc đời để kiếm một chút hiểu và một chút thương, kiếm một nơi nương tựa, nhưng lại hoàn toàn bơ vơ. Chỉ cần nhìn quanh, chúng ta sẽ nhận diện ra được những con ma đói đó. Họ đói nhưng không phải đói cơm áo, mà họ đói hiểu biết, đói tình thương. Cái hiểu và thương đó, gia đình không cung cấp được cho họ. Họ không tin vào nơi hạnh phúc gia đình mà nghĩ rằng hạnh phúc gia đình là một ảo tưởng không bao giờ có. Bởi vì từ lúc họ được sinh ra, họ chưa bao giờ thấy gia đình có hạnh phúc, cha làm khổ mẹ, mẹ làm khổ cha; cha đay nghiến mẹ, mẹ đay nghiến cha... Tất cả điều đó đã gây ra vết thương rất sâu đậm nơi người con trai, con gái. Và khi giữa cha mẹ không có sự truyền thông (communication), khi giữa cha con không có truyền thông, cha không nhìn mặt con được, con không nói chuyện với cha được thì làm sao có được hạnh phúc. Gia đình không phải là nơi mà người trẻ muốn trở về và người trẻ đi tìm quên lãng ở những lĩnh vực khác, và vì thế mà người trẻ sa vào hầm hố của tội ác, của tội phạm, của ma túy, trác táng...

Ở Pháp, mỗi ngày có khoảng 33 thanh niên tự tử. Họ tự tử không phải vì thiếu cơm thiếu áo mà họ lâm vào trạng thái tuyệt vọng. Trong cuộc đời của họ, họ chưa bao giờ tiếp nhận chất liệu hiểu và thương từ cha mẹ, từ xã hội. Cuộc sống đối với họ không có một ý nghĩa gì cả và họ nghĩ rằng phương pháp chấm dứt khổ đau duy nhất còn lại là chấm dứt cuộc đời của mình. Mỗi ngày có 33 thanh niên Pháp tự tử, con số đó là hơi nhiều đối với tôi. Các nước khác ở Âu châu, tình trạng cũng tương tự. Tôi không biết tại Việt Nam mỗi ngày có bao nhiêu thanh niên tự tử, nhưng số lượng các gia đình trong đó người cha không truyền thông được với người mẹ, con không truyền thông được với cha, mọi người trong gia đình cảm thấy không hạnh phúc, số lượng gia đình như vậy càng ngày càng tăng. Tỷ lệ những cặp vợ chồng ly dị cũng càng ngày càng tăng.



Tôi nghe được rằng tỷ lệ của những cặp vợ chồng ly dị ở Hòa Lan là trên 50%. Cấu trúc gia đình tại xã hội Tây phương bây giờ rất là lỏng lẻo và mong manh. Cấu trúc đó có thể tan rã bất cứ lúc nào. Ngày xưa chúng ta có một cấu trúc gia đình vững chãi hơn nhiều. Khi chúng ta có những khó khăn trong gia đình của mình, mình có thể chạy qua nhà ông chú, bà thím, ông bác...để “tỵ nạn”, và sau đó chúng ta có thể trở về nhà được. Còn bây giờ gia đình trở nên nhỏ xíu, mỗi gia đình ở trong căn hộ rất nhỏ hẹp trong khu chung cư. Những gia đình như thế gọi là gia đình hạt nhân (nuclear family), chỉ gồm hai vợ chồng và một hoặc hai đứa con. Khi mà chúng ta cảm thấy rằng mình không có gốc rễ, không bám vào được gia đình mình, mình không có gốc rễ trong gia đình, không có gốc rễ trong truyền thống tâm linh và trong xã hội, trong văn hóa, trong đất nước thì lúc đó mình sẽ trở thành con ma đói. Xã hội Tây phương hiện nay sản xuất rất nhiều con ma đói như thế.

Những trung tâm tu học của chúng tôi tại Pháp quốc và Mỹ quốc luôn luôn sẵn sàng chấp nhận những con ma đói. Chúng ta chỉ nhìn ai đó qua cách họ đi, ngồi, nhìn, nói chuyện trong một phút là có thể nhận diện ra họ có phải là một con ma đói đích thực hay không, họ có phải là người đói tình thương, đói hiểu biết, đói một cái gì đó để mình có thể đồng nhất hóa, thống thuộc vào và hoàn toàn bơ vơ.

Trong những năm hành đạo tại Tây phương, chúng tôi đã giúp cho không biết bao nhiêu người Tây phương trở về được với gia đình của họ, tái lập được truyền thông với cha, với mẹ và xây dựng lại được tình thân trong gia đình. Chúng tôi đã giúp được vô số cặp vợ chồng, cha con, mẹ con hòa giải được với nhau. Chúng tôi đã sử dụng những yếu tố của văn hóa Việt Nam để làm việc đó.

Tôi đã từng nói với một thanh niên: Anh nói rằng anh không muốn có một sự liên hệ gì với cha anh cả, điều đó thật là buồn cười. Bởi vì, nếu dành chút thì giờ để nhìn lại thì anh sẽ thấy rằng anh chính là sự tiếp nối của cha anh, anh chính là cha anh đó! (You are continuation of your father. You are your father!). Anh hãy nhìn một hạt bắp người ta mới gieo xuống đất, vài ngày sau hạt bắp nảy mầm, mình sẽ thấy một cây bắp con được biểu hiện bằng hai lá, ba lá. Khi cây bắp con được biểu hiện ra rồi thì mình không thấy cái tướng, hình tướng của hạt bắp nguyên sơ nữa.

Hạt bắp coi như đã chết để cho cây bắp được sinh ra. Nhưng kỳ thực, hạt bắp không chết. Hạt bắp chỉ luân hồi thành cây bắp. Không có cái chết. Tự tính của hạt bắp là vô sinh, bất diệt. Khi anh là người có trí tuệ, nhìn vào cây bắp, anh sẽ thấy được hạt bắp, không phải với cái tướng cũ của nó mà với cái tướng mới, tại vì cây bắp là sự tiếp nối của hạt bắp, cây bắp chính là hạt bắp. Khi cây bắp lớn lên, có bông có trái thì đó cũng là sự tiếp nối của hạt bắp ban đầu. Khi nhìn cò bắp, những trái bắp mới ta phải thấy được hạt bắp ban sơ. Cũng vậy, anh hãy nhìn lại mà xem, anh là sự tiếp nối của cha anh, anh là sự tiếp nối của mẹ anh; và anh chính là cha anh, anh chính là mẹ anh. Đây là một sự thực hiển nhiên anh phải công nhận rằng cha anh, mẹ anh có mặt một cách rất hiện thực trong từng tế bào của cơ thể anh. Anh không thể nào lấy cha anh ra khỏi con người của anh được. Anh không thể tách mẹ anh ra khỏi con người của anh được. Và như vậy, khi anh giận cha anh, tức là anh đang giận chính bản thân mình. Anh không có nẻo thoát. Hãy hãy sử dụng những phương pháp mà chúng tôi đề nghị để anh hòa giải với cha anh trong anh trước. Tại vì anh biết rằng thật là vô vọng nếu anh muốn lấy cha anh ra khỏi anh. Bởi anh không thể làm điều đó được, vì anh là sự tiếp nối của cha anh, anh chính là cha anh. Chỉ có một con đường duy nhất là anh phải hòa giải với cha anh trong chính anh. Phương pháp này gọi là phương pháp quán chiếu: thấy mình là sự tiếp nối của cha mình, mình là cha mình. Có thể cha mình trong quá khứ, trong thời thơ ấu đã không được may mắn, đã bị bầm dập, không được thương yêu, không được chăm sóc và những vết thương ấy nơi cha anh không bao giờ lành cả. Cha anh chưa có cơ duyên gặp được Chánh pháp, gặp được vị hướng dẫn tinh thần giúp cho cha anh nhận diện vết thương, ôm ấp và chuyển hóa vết thương đó, vì vậy cha anh đã trao truyền cho anh nguyên vẹn vết thương mà cha anh đã tiếp thu.

Khi chúng ta có niềm đau nỗi khổ mà chúng ta không có biện pháp để trị liệu và chuyển hóa thì chắc chắn chúng ta sẽ truyền trao niềm đau nỗi khổ đó cho con, cho cháu của chúng ta. Vì vậy cho nên sự tu tập là rất quan trọng. Tu tập để nhận diện niềm đau nỗi khổ trong ta, để có thể trị liệu, chuyển hóa và để đừng có trao truyền nó lại cho thế hệ tương lai. Nếu mình là một người cha hay, một người mẹ

giỏi thì mình chỉ muốn trao truyền cái hay cái đẹp, cái hạnh phúc của mình thôi. Và điều đó chỉ thực hiện được khi chúng ta có sự tu tập. Nếu mình muốn là một người thầy giỏi, thì mình chỉ trao truyền những cái hay cái đẹp, cái tuệ giác, từ bi của mình thôi; còn những yếu kém và khổ đau của mình, mình phải biết ôm ấp, chuyển hóa và trị liệu trước khi mình trao truyền cho thế hệ tương lai.

Mỗi chúng ta đều có hai gia đình: gia đình huyết thống và gia đình tâm linh. Gia đình huyết thống trong đó có ông bà, cha mẹ và di sản di truyền mà chúng ta tiếp nhận là từ cha mẹ, từ ông bà tổ tiên huyết thống. Mỗi chúng ta đều có một gia đình tâm linh, tại vì mỗi người trong chúng ta đều có chiều hướng tâm linh trong cuộc sống, nếu không có nó thì cuộc sống của mình sẽ khô cạn, nghèo đói và khổ đau.

Giả sử vua Trần Thái Tông nếu không có chiều hướng tâm linh trong đời sống thì vua không thể nào trở thành một vị vua như vua đã trở thành. Năm 20 tuổi, vua bị thái sư Trần Thủ Độ ép buộc phải bỏ người yêu là công chúa Lý Chiêu Hoàng để lấy người chị ruột của Lý Chiêu Hoàng đang có thai với An Sinh vương Trần Liễu, tại vì thái sư Trần Thủ Độ nóng lòng muốn có sự kế tiếp cho dòng dõi nhà Trần. An Sinh vương Trần Liễu rất căm thù và đã tổ chức hải quân chống lại triều đình. Triều đình nhà Trần ban đầu mặc dù Trần Cảnh tại vị nhưng quyền lực chính trị thì hoàn toàn do Trần Thủ Độ quyết định. Trong đau khổ tột cùng đó, Trần Cảnh đã bỏ ngai vàng tìm đến núi Yên Tử để muốn xuất gia với thiền sư Viên Chứng. Sau mấy ngày tìm kiếm, Trần Thủ Độ đã phát hiện ra rằng vua đang ở trên núi và ông đã đến ép vua phải trở về để làm vua. Ông dọa với thiền sư Viên Chứng rằng nếu thiền sư không khuyên được vua trở về kinh thành thì ông sẽ cho thiết lập cung điện ngay trên núi. Thiền sư Viên Chứng đã tâu với vua Trần Thái Tông rằng: Bệ hạ trong khi làm vua vẫn có thể tu tập được, vẫn có thể có được một đời sống tâm linh. Giờ đây, dân muốn bệ hạ trở về thì bệ hạ cứ trở về, và cứ làm vua, vẫn đóng vai trò chính trị của một người lãnh đạo đất nước, nhưng có một điều mà bệ hạ vẫn làm được là mỗi ngày vẫn có thể nghiên cứu và thực tập giáo lý của đức Thế Tôn. Không phải ở trong núi mới tu được, mà ở kinh thành cũng tu được. Mình là nhà chính trị, mình có thể vừa làm chính trị vừa tu. Nhớ lời khuyên ấy của quốc sư

Viên Chúng, vua đã trở về kinh thành và mỗi đêm sau một ngày làm việc nặng nhọc về chính trị và quân sự thì vua đều chong đèn để học kinh và ngồi thiền.

Trần Thái Tông đã sáng tác nhiều tác phẩm, trong đó có tác phẩm Lục Thời Sám Hồi Khoa Nghi để vua tự thực tập bằng nghi thức của mình. “Lục thời sám hồi” có nghĩa là vua đã thực tập bái sám và hành thiền sáu lần trong 24 giờ mỗi ngày. Nếu không có chiều hướng tâm linh đó thì vua không có đủ sức mạnh để hoàn tất sứ mạng của một nhà chính trị lớn như vậy. Nói một cách khác là từ hồi 20 tuổi, vua đã biết tu, đã biết đem chiều hướng tâm linh vào trong đời sống của chính mình để có đủ sức mạnh đối phó với những khó khăn dồn dập trong một nhà chính trị còn trẻ, còn thiếu kinh nghiệm, và nhờ đó chịu đựng được những đau khổ, vượt thắng được những khó khăn và trở thành một vị vua nổi tiếng thành công trong lĩnh vực dựng nước, giữ nước và giáo dục quốc dân.

Vì vậy cho nên chúng ta phải biết rằng, ngoài gia đình huyết thống, mỗi chúng ta phải có một gia đình tâm linh. Nhờ gia đình tâm linh đó, chúng ta được nuôi dưỡng trong đời sống tâm linh của mình. Chúng ta biết làm thế nào để nhận diện, ôm ấp, trị liệu và chuyển hóa nỗi khổ niềm đau của ta thì ta mới có thể phục vụ được cho gia đình, phục vụ cho quốc gia, phục vụ cho xã hội một cách thành công, vững chãi và hữu hiệu. Nếu chúng ta đọc lịch sử thời Lý thì chúng ta thấy được rằng tất cả những ông vua thời đó đều có tu, có thực tập Thiền. Các ông vua thời Trần cũng vậy. Các vị đó không đợi khi lớn tuổi, về hưu mới bắt đầu thực tập, họ thực tập ngay từ khi còn ấu thơ. Chẳng hạn như vua Trần Nhân Tông, vị vua thứ ba của đời Trần, ngay khi còn là chú tiểu đồng đã theo học Thiền với Tuệ Trung Thượng sĩ, tức Hưng Ninh vương Trần Quốc Tung, anh cả của tướng Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn, con của An Sinh vương Trần Liễu. An Sinh vương trước lúc chết có gọi mấy người con đến dặn dò rằng phải trả thù việc Trần Thủ Độ đã cướp vợ đang có thai gán cho Trần Cảnh. Nhưng những người con của An Sinh vương Trần Liễu đã không nghe lời cha. Từ người con gái lớn là hoàng hậu Thiên Cảm cho đến An Ninh vương Trần Quốc Tung và Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn đều quay về phụ tá cho chính quyền nhà Trần. Họ có một ý hướng đoàn kết

rất mạnh, điều đó nhờ sự thực tập đạo Phật. Sự thực tập đó đã giúp cho họ nối kết, tha thứ được những lỗi lầm, chuyển hóa được những khổ đau, giận hờn, thù hận để có thể cùng góp sức với nhau, cùng xây dựng một đất nước vững chãi, có khả năng chống lại sự đe dọa của phương Bắc.

Tôi nhắc lại vài sự kiện lịch sử là để chúng ta nhớ tới sự thật là mỗi chúng ta đều phải có hai gia đình, đó là gia đình huyết thống và gia đình tâm linh. Gia đình huyết thống trao truyền cho ta bằng con đường huyết thống và gia đình tâm linh trao truyền cho mình bằng con đường văn hóa. Sự trao truyền bằng con đường văn hóa tâm linh cũng đi thẳng vào từng tế bào của cơ thể.

Tây phương bây giờ thích dùng hai danh từ đi đôi với nhau, đó là nature và nurture. Nature là tiên thiên, nurture là hậu thiên. Cha mẹ sinh ra mình với hình hài này tức là tiên thiên. Còn thầy mình trao truyền cho mình nếp sống tâm linh, đạo đức là hậu thiên. Hai đường lối trao truyền đều đi thẳng vào từng tế bào của cơ thể. Tôi không có con cái huyết thống, nhưng tôi có rất nhiều con cháu tâm linh, không có ngày nào là tôi không trao truyền những gì mà tôi cho là hay nhất, đẹp nhất của cuộc đời tôi. Vì vậy cho nên, gia đình tâm linh của tôi là một gia đình rất lớn. Bất cứ một tư duy nào, một ngôn ngữ, lời nói nào hay bất cứ một hành động nào cũng đều là phẩm vật để trao truyền. Nếu tư duy của ta đi đôi được với trí tuệ và từ bi, với sự bao dung, hòa ái thì tư duy đó là một phẩm vật trao truyền cho con cháu tâm linh. Nếu lời nói của ta đi đôi với sự hòa ái, với tình thương và sự hiểu biết, sự an ủi và khả năng gây dựng niềm hy vọng, niềm tin yêu thì lời nói đó là một phẩm vật trao truyền. Nếu hành động của mình đi đôi với ý chí bảo vệ sinh mạng, muốn cứu đời giúp người thì hành động đó là một phẩm vật trao truyền. Mỗi tư duy của tôi đều mang chữ ký của tôi. Tôi không thể nói rằng đó không phải là tư duy của tôi. Nếu tư duy đó mang tính tham, sân và si thì đó là một tư duy tiêu cực, và nếu tôi trao truyền lại cho con cháu thì thật tội nghiệp cho chúng nó. Tại vì con cháu tôi là sự tiếp nối của tôi, là tôi. Vì vậy cho nên tôi rất cẩn thận để cho tư duy của tôi luôn luôn là Chánh tư duy (right thinking). Chánh tư duy là tư duy đi đôi với sự hiểu, thương và sự bao dung. Mỗi lời nói của tôi mang theo chữ ký của tôi. Tôi không thể

chối bỏ những gì tôi đã nói, tại vì câu nói đó có thể gây hoang mang, gây hận thù và tôi không muốn trao truyền một lời nói như vậy, tôi không muốn được tiếp nối bằng một lời nói như vậy. Sự tu tập giúp cho tôi chỉ trao truyền những gì đi đôi với tinh thần từ bi, trí tuệ, hiểu biết, bao dung và thương yêu.

Những hành động của tôi cũng vậy, nó đều mang chữ ký của tôi, tôi không thể chối bỏ được. Hành động đó phải là hành động bảo vệ sự sống, xây dựng tình huynh đệ. Đó mới là những phẩm vật đáng để trao truyền, đáng được tiếp nối. Luân hồi là như vậy. Luân hồi là sự tiếp nối. Nếu chúng ta muôn luân hồi cho thật đẹp thì chúng ta phải chế tác những tư tưởng thiện (chánh tư duy), ngôn ngữ đẹp (chánh ngữ) và những hành động cao cả (chánh nghiệp). Chỉ có những người tu mới biết được là họ đang trao truyền chánh tư duy hay tà tư duy, họ đang trao truyền chánh ngữ hay tà ngữ, chánh nghiệp hay tà nghiệp... Vì vậy cho nên đời sống tâm linh, chiều hướng tâm linh là rất quan trọng trong mỗi người. Là người làm cha, làm mẹ, làm thầy giáo, cô giáo, thương gia, kỹ nghệ gia, chính trị gia, nhà văn học mình phải có chiều hướng tâm linh để mình chỉ trao truyền những gì tích cực và không trao truyền những gì có tính cách tiêu cực. Và vì mình muốn được tiếp nối một cách đẹp để nên mình chỉ trao truyền những gì tích cực mà thôi.

Khi tôi dạy cho các người Cơ Đốc giáo tôi đã không làm như những vị giáo sĩ ngày xưa tới Việt Nam khuyên người ta theo đạo của họ và đừng thờ cúng tổ tiên. Ở Tây phương chúng tôi đã làm hoàn toàn ngược lại những điều mà các giáo sĩ Thiên chúa giáo đã từng làm ở Việt Nam trong những thế kỷ trước, Chúng tôi khuyên họ trở về truyền thống tâm linh của họ, chấp nhận tổ tiên tâm linh và huyết thống của họ. Tại vì chúng tôi biết rằng con người mất gốc là con người không bao giờ có được hạnh phúc...

Tôi đã nói với người thanh niên Âu châu: anh nhìn lại mà coi, anh thử đặt câu hỏi tại sao cha của anh có nhiều khổ đau, nhiều hận thù, có nhiều bạo động, nhiều tuyệt vọng, cha anh có muốn như vậy không hay bởi vì cha anh đã là nạn nhân của một xã hội, một gia đình trong đó người ta không chế tác được chất liệu

hiếu và thương, chất liệu bao dung, nuôi dưỡng. Nếu cha của anh may mắn gặp được một người bạn hay một người thầy có đời sống tâm linh dồi dào và người đó chỉ dẫn cho cha anh phương pháp nhận diện, ôm ấp và chuyển hóa những nỗi khổ niềm đau trong cha anh thì cha anh đã chuyển hóa rồi và cha anh đã không trao truyền những tiêu cực đó cho anh. Nếu cha anh chưa có điều may mắn đó thì anh phải biết nhìn cha anh với con mắt xót thương: tội nghiệp cho cha, cha chưa bao giờ có cơ hội, chưa bao giờ được ai giúp đỡ. Ông nội, bà nội đã làm khổ cha, không có khả năng để giúp cha. Bạn bè của cha cũng chưa có cơ hội để giúp cha. Riêng mình, mình đã có cơ hội tiếp xúc với những bậc đạo sư, những người anh, người chị, những người bạn có chiều hướng tâm linh tốt giúp cho mình nhận diện, ôm ấp và chuyển hóa những khổ đau trong đời sống.

Năm 20 tuổi, vua Trần Thái Tông đã ôm ấp niềm đau đó nhưng đã may mắn gặp được Viên Chứng quốc sư trên núi Yên Tử và đã được Viên Chứng quốc sư khai sinh ra đời sống tâm linh cho vua. Từ đó trở về sau, vua đã có một con đường tu học, một chiều hướng tâm linh trong đời sống của mình, đời sống của một vị vua, một nhà chính trị. Vua đã có cơ hội nhận diện, ôm ấp và chuyển hóa niềm đau đó và vì vậy vua đã tạo được sự đoàn kết trong dòng họ, trong triều đình và quốc dân và để thành công là một vị vua lớn. Chúng ta cũng vậy, nếu cha chúng ta chưa có cơ hội là vì cha của chúng ta chưa gặp may mắn. Điều đó không đáng để chúng ta giận và thù hận cha mình mà chúng ta phải phát ra lòng đại bi với cha mình. Mình phải thực tập cho được và sau khi mình thực tập thành công rồi, mình phải hòa giải với cha trong từng tế bào cơ thể thì mình có thể giúp cha mình hóa giải và trị liệu những nỗi khổ niềm đau đó một cách rất dễ dàng.

Những người thành niên như vậy đã nghe lời tôi, đã tu tập và đã chuyển hóa, đã trở về giúp cho những thân phụ và thân mẫu của họ. Khi giúp được những thanh niên như vậy chuyển hóa được khổ đau, trở về hòa giải được với cha, với mẹ của họ thì niềm vui, hạnh phúc của mình rất lớn. Cái hạnh phúc đó không nằm ở uy quyền, tiền bạc, danh vọng hay sắc dục mà ở chỗ mình thấy cuộc đời của mình có ý nghĩa, mình giúp được cho rất nhiều người chuyển hóa được nỗi khổ niềm đau và hòa giải được với người thương của họ.

Khi chúng ta nghiên cứu văn hóa Việt Nam, chúng ta thấy được rằng giáo lý đạo Phật đã đi đôi một cách tuyệt hảo với truyền thống thờ cúng tổ tiên có mặt tại đất nước này trước khi Phật giáo du nhập. Truyền thống thờ cúng tổ tiên đã có trên hai ngàn năm. Phật giáo du nhập Việt Nam vào thế kỷ đầu của kỷ nguyên Tây lịch và đến đến thế kỷ thứ ba, chúng ta có một vị thiền sư lỗi lạc là thiền sư Khương Tăng Hội. Giữa thế kỷ thứ ba, vị thiền sư Việt Nam này đã sang Trung Quốc để giảng dạy đạo Thiền, thiền sư đã làm điều đó trước khi tổ Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn Độ sang Trung Quốc đến 300 năm. Ở Việt Nam chúng ta, nếu biết lịch sử, thay vì thờ tổ Bồ Đề Đạt Ma trong các thiền viện thì chúng ta phải thờ tổ Khương Tăng Hội. Bởi vì tổ Khương Tăng Hội chính là người sáng lập thiền tông Việt Nam và chính là người đã đem thiền sang dạy ở Trung Quốc, và bởi tuổi của tổ Tăng Hội lớn hơn tuổi của tổ Bồ Đề Đạt Ma đến 300 năm.

Câu nói của bà mẹ Việt Nam chưa bao giờ từng học chữ, học triết: *‘con ơi, mỗi khi qua bên nớ con nhớ mẹ, con chỉ cần đưa bàn tay lên con nhìn thì con sẽ đỡ nhớ.’* Câu nói đó chứa đựng tuệ giác của Phật giáo và của truyền thống thờ cúng tổ tiên của dân tộc Việt Nam.

Trong Phật giáo, chúng ta có hệ thống văn học Bát-nhã và Trung quán. Nếu chúng ta đặt vấn đề hạt bắp sinh ra cây bắp thì hạt bắp và cây bắp đó là một thực thể hay hai thực thể khác nhau? Chúng ta nói một cũng không đúng, nói hai cũng không đúng. Chúng ta biết rất rõ cây bắp từ hạt bắp sinh khởi, cây bắp là sự tiếp nối của hạt bắp. Nhưng chúng ta nói cây bắp là hạt bắp thì có cái gì đó còn lẩn cẩn, nói cây bắp là một thực thể hoàn toàn khác với hạt bắp cũng không đúng. Trong triết học Trung quán có giáo lý gọi là phi nhất, phi dị, không phải một, không phải khác. Đó là sự thực, chúng ta thấy qua sự liên hệ giữa hạt bắp và cây bắp. Cây bắp với hạt bắp không phải là một mà cũng không phải là hai thực thể khác nhau. Đứa con với người cha cũng vậy. Đứa con là từ người cha mà được sinh ra, nhưng nói đứa con với người cha là một người thì không đúng, mà nói là hai người khác nhau cũng không đúng. Đó là giáo lý thậm thâm vi diệu của Trung quán.



Khi chúng ta nhìn một đám mây thì chúng ta nghĩ rằng đám mây đó có sinh có diệt. Và trong đầu chúng ta nghĩ rằng sinh là từ chỗ không có gì trở nên có, và diệt có nghĩa là đang là cái gì đó trở thành không có cái gì cả. Nhưng nếu chúng ta quán chiếu đám mây thì chúng ta sẽ thấy rằng đám mây không thể từ chỗ không trở thành có được. Trước khi là đám mây, thì đám mây là nước sông, nước hồ, nước ao, nước biển và sức nóng của mặt trời. Trong tiền kiếp của nó, đám mây đã từng là nước, đã là hơi nóng. Vì vậy, đám mây không phải được sinh ra mà chẳng qua là một sự tiếp nối của nước sông, nước hồ, nước ao, nước biển và sức nóng của mặt trời. Cũng như tờ giấy này, nó không phải từ không mà sinh có, trước khi mang cái tướng của tờ giấy thì nó là cây rừng, vì vậy nó là sự tiếp nối của cây rừng. Tự tánh của đám mây là vô sinh, đám mây chưa bao giờ được sinh ra. Giờ phút mà chúng ta gọi là giờ sinh của đám mây chẳng qua là giờ phút của sự tiếp nối dưới một hình thái khác. Khi đám mây biến thành mưa thì không có nghĩa là đám mây chết. Vì chết là từ có trở thành không. Đám mây không chết, mà chỉ có thể trở thành tuyết, thành mưa, băng đá mà thôi. Nếu chúng ta có con mắt vô tướng, con mắt của Trung quán, khi nhìn đám mây chúng ta sẽ thấy cơn mưa trong đó... Đó là một sự thật rất khoa học.

Một nhà khoa học Pháp nói rằng không có cái gì sinh cũng không có cái gì diệt. Ông ta đã dùng những chữ đúng như trong Tâm kinh Bát-nhã: thị chư pháp bất sinh bất diệt. Tự tính của vạn hữu là vô sinh bất diệt, không phải một mà cũng không phải hai cái khác nhau. Khi nhìn vào đứa con và nhìn cho kỹ thì sẽ đứa con là sự tiếp nối của người cha. Nếu đứa con có cơ hội để tu tập, để chuyển hóa thì những nỗi khổ niềm đau mà người cha trao truyền lại cho đứa con có thể chuyển hóa được, thì đó là một người con có hiếu. Tại vì người con đó đã chuyển hóa được nỗi khổ niềm đau mà ngày xưa cha mình chưa chuyển hóa được. Và khi đã chuyển hóa được rồi thì mình không còn truyền trao những nỗi khổ niềm đau lại cho thế hệ tương lai nữa.

Chúng ta hãy tưởng tượng một ngọn đồi trên đó có 5000 thiền sinh người Âu châu hay Hoa Kỳ đang thực tập lạy. Ở Tây phương, chúng tôi thực tập thiền lạy, trong khi chúng tôi gọi là địa xúc, chúng tôi dùng chữ này thay cho chữ lạy, tiếng

Anh là touching the earth, khi năm vóc (đầu, 2 tay và 2 chân) chạm với đất thì mình có cơ hội tiếp xúc được với tất cả tổ tiên của mình. Khi mình ở trong tư thế ngũ thể đầu địa, năm vóc sát đất thì mình quán chiếu trở lại, thấy trong dòng máu của mình đang luân lưu sự có mặt của các thể hệ tổ tiên huyết thống và tổ tiên tâm linh. Chúng ta có những tổ tiên huyết thống rất hào hùng nhưng thỉnh thoảng chúng ta cũng có những tổ tiên huyết thống rất kém cỏi. Chúng ta có Lý Thường Kiệt, có Trần Hưng Đạo, và chúng ta cũng có Trần Ích Tắc... Họ có mặt trong từng tế bào của cơ thể ta. Dầu hào hùng như Trần Hưng Đạo hay yếu kém như Trần Ích Tắc, chúng ta phải chấp nhận đều là tổ tiên của chúng ta. Tại vì, chúng ta là ai? Chính trong tự thân chúng ta cũng còn những yếu kém, những lên xuống, trời sụt, chúng ta là ai mà dám không chấp nhận tổ tiên của chúng ta. Thấy được điều đó, chúng ta sẽ chấp nhận các tổ tiên không những những vị hào hùng mà cả những vị còn yếu kém, và tự nhiên trong lòng mình, sau khi đã chấp nhận rồi sẽ có niệm bình an. Cha mẹ mình cũng là tổ tiên, là thể hệ tổ tiên trẻ nhất. Nếu cha mẹ mình có những yếu kém, bạo động và có những buồn đau, đã làm khổ mình, nhưng mình không thể nào từ khước đó không phải là cha mẹ mình, là tổ tiên của mình. Chúng ta quán chiếu cho kỹ, sẽ thấy rằng cha mẹ của mình đã không có cơ hội, không có sự may mắn cho nên đã không có được một đời sống tâm linh đủ để hướng dẫn cho những vị đó trị liệu, chuyển hóa những nỗi khổ niềm đau. Đến thể hệ mình, mình phải làm tốt hơn cha mẹ mình để có thể chuyển hóa những nỗi khổ niềm đau mà mình đã tiếp nhận và mình trở lui độ cho cha, độ cho mẹ mình. Những người thanh niên khi lạy xuống, họ thấy được điều đó.

Chúng tôi có pháp môn thiền lạy, 3 cái lạy và 5 cái lạy. Tất cả những pháp môn mà chúng tôi đem ra để giáo dục, hướng dẫn cho những thanh niên đó tu học hoàn toàn được lấy từ gia sản văn hóa của Việt Nam.

Ở Tây phương có những người thuộc truyền thống Cơ Đốc giáo, Do Thái giáo, Hồi giáo... không cảm thấy thoải mái trong truyền thống của họ, họ bỏ nhà thờ, bỏ giáo đường, họ giận các vị linh mục, giận các vị mục sư, họ phủ nhận những vị đó là tổ tiên tâm linh của họ; trong khi đó các thể hệ cha anh của họ đều hành trì và công nhận các vị đó là tổ tiên tâm linh của mình, nhưng đến thể hệ thanh niên

bây giờ thì họ giận cha, giận mẹ, giận linh mục, mục sư... và thề không trở lại nhà thờ nữa. Tại vì những người đó không có khả năng hiểu thế hệ thanh niên, ép họ làm những điều mà họ không hiểu, không muốn làm. Cũng như có những thanh niên Việt Nam bị mẹ ép đi chùa, khi đến chùa nghe tụng kinh tiếng Phạn, âm Hán Việt, họ chẳng hiểu gì cả, họ lạy cái lạy này tiếp sau cái lạy khác... như thế một lúc sau họ chán đi chùa. Họ cảm thấy không dính líu gì đến ông thầy, đến sư cô trong chùa, cảm thấy đó không phải là khung cảnh của họ. Ở Tây phương cũng vậy, có những giáo đường ở đó có cách học hỏi và cách thực tập nghi lễ không còn phù hợp với người trẻ bây giờ. Người trẻ khi bị bắt ép làm theo những điều đó, họ cảm thấy rất đau khổ, rất thù hận, vì những nhà lãnh đạo tâm linh không có khả năng làm mới, đổi mới, hiện đại hóa cách dạy dỗ và thực tập. Một truyền thống nếu không có khả năng tự làm mới mình thì sẽ đánh mất con cháu. Đạo Phật cũng vậy thôi. Nếu quý vị là Phật tử, là những vị giáo thọ, trú trì thì quý vị biết rằng nếu quý vị không hiện đại hóa đạo Phật, nếu quý vị không cung cấp thứ giáo lý và cách hành trì phù hợp với tinh thần và tâm lý của những người trẻ thì những người trẻ sẽ cảm thấy lạc lõng, xa lạ mỗi khi họ đến chùa. Vì vậy cho nên nhu yếu hiện đại hóa Phật giáo, hiện đại hóa Phật pháp, hiện đại hóa nền sinh hoạt tâm linh của mình là rất quan trọng. Chúng ta phải giảng dạy như thế nào để người trẻ thấy được sự giảng dạy đó đang đáp ứng những đau khổ, những bức xúc, những tuyệt vọng của họ. Chúng ta phải cung cấp cho họ những phương pháp tu học có khả năng tháo gỡ, chuyển hóa những nỗi khổ niềm đau của họ thì họ mới cảm thấy là họ thuộc về gia đình tâm linh này mà thôi. Vấn đề đó không phải chỉ là vấn đề của Cơ Đốc giáo hay Hồi giáo mà cũng là vấn đề của Phật giáo. Phật giáo ở Trung Quốc, Đại Hàn, Việt Nam rất cần những nỗ lực để hiện đại hóa, nếu không thì sẽ không có tương lai và con cháu chúng ta sẽ rất bơ vơ. Trong truyền thống tâm linh này có rất nhiều châu báu nhưng nếu chúng ta không chỉ bày được cho thế hệ trẻ những châu báu đó, mà dùng những hình thức học hỏi và thực tập quá xưa cũ thì chúng ta không thể nào khai thị cho người trẻ thấy rằng đây là một truyền thống rất sâu sắc, rất nhiệm màu mà cha ông chúng ta qua không biết bao nhiêu thế hệ đã nương tựa, học hỏi và đã thành công trong sự nghiệp của họ, sự nghiệp xã hội cũng như sự nghiệp chính trị.

Xin các vị thượng tọa, các vị sư trưởng lắng nghe những người trẻ, và làm thế nào để cung cấp cho những người trẻ, những người trí thức các giáo lý và thực tập đáp ứng lại được nhu cầu đích thực của họ trong thời đại mới, nghĩa là phải hiện đại hóa đạo Phật.

Khi chúng tôi khai thị cho những người trẻ Tây phương, có hàng ngàn, hàng chục ngàn, hàng triệu người trẻ Tây phương đi như những con ma đói vì không thấy liên hệ gì với truyền thống tâm linh và truyền thống huyết thống của họ. Sử dụng những yếu tố của nền văn hóa Việt Nam, trong đó có đạo Phật, chúng tôi đã hướng dẫn cho họ, đã đưa họ trở về với truyền thống của họ để họ chấp nhận những tổ tiên của họ, dấu tổ tiên của họ có những yếu kém, còn những khiếm khuyết về giới hạnh, đạo đức. Và có như vậy mới có được cơ hội làm mới, đổi mới cái truyền thống của họ mà thôi.

Trong gia đình tâm linh của mình, thỉnh thoảng chúng ta thấy có những vị lãnh đạo tâm linh giới hạnh rất nghiêm minh, đạo đức rất cao viễn, nhưng thỉnh thoảng chúng ta cũng thấy có những ông thầy, sư cô phạm giới, nhưng như vậy không đủ để chúng ta nản chí. Chúng ta thấy rằng những vị đó chưa có may mắn gặp được minh sư, gặp được đoàn thể tu học có khả năng bảo hộ, nâng đỡ và che chở cho nên họ mới lâm vào tình trạng phá giới hoặc chạy theo danh lợi. Điều đó cho thấy rằng những vị đó thiếu may mắn chứ không phải truyền thống của chúng ta thiếu châu báu. Từ ngàn xưa cho đến bây giờ, truyền thống của chúng ta đã sản xuất không biết bao nhiêu là bậc cao tăng đã từng làm quốc sư cho các vị vua lớn, đã từng cứu nước cứu dân ra khỏi tình trạng hiểm nghèo. Trong quá khứ chúng ta đã làm được như thế, tại sao trong hiện tại và trong tương lai chúng ta không đóng vai trò đó được. Vì vậy cho nên chúng ta phải khuyên những người trẻ đó trở về chấp nhận những tổ tiên tâm linh của mình. Nếu những tổ tiên tâm linh của mình còn yếu kém thì ta phải đủ sức giúp các vị đó vượt thoát tình trạng khó khăn và yếu kém của họ. Khi chấp nhận được như thế rồi, trong lòng sẽ có một sự bình an rất lớn.

Đứng về phương diện tổ tiên huyết thống cũng vậy. Chúng ta có những vị rất hào hùng, rất đạo đức và rất trí tuệ, nhưng thỉnh thoảng chúng ta cũng có những vị

tổ tiên huyết thống không xứng đáng đã phản nước, phản dân nhưng dầu sao, họ cũng là tổ tiên của chúng ta, họ đã không có cơ hội, không có may mắn nên đã không tiếp nhận được một nền giáo dục thích hợp, họ không có bạn hiền thầy giỏi nên đã cư xử như vậy. Họ là những người đáng thương hơn là đáng ghét và đáng trừng phạt. Khi người thanh niên thấy được như vậy thì những nỗi buồn, cơn giận của họ sẽ dịu lại và bắt đầu chấp nhận được những vị tổ tiên huyết thống hay tâm linh còn yếu kém của họ. Tại vì chính họ trong lòng vẫn còn những yếu kém, trôi sụt.

Khi tôi dạy cho các người Cơ Đốc giáo tôi đã không làm như những vị giáo sĩ ngày xưa tới Việt Nam khuyên người ta theo đạo của họ và dùng thờ cúng tổ tiên. Ở Tây phương chúng tôi đã làm hoàn toàn ngược lại những điều mà các giáo sĩ Thiên chúa giáo đã từng làm ở Việt Nam trong những thế kỷ trước, Chúng tôi khuyên họ trở về truyền thống tâm linh của họ, chấp nhận tổ tiên tâm linh và huyết thống của họ. Tại vì chúng tôi biết rằng con người mất gốc là con người không bao giờ có được hạnh phúc. Vì vậy chúng tôi đạo Phật có một lượng bao dung rất lớn, như thế làm cho họ càng kính phục, càng thương mến đạo Phật nhiều hơn. Lượng bao dung của đạo Phật không kỳ thị, không xúi người ta bỏ nguồn gốc của họ, mà trái lại còn xúi họ trở về cắm rễ vào trong truyền thống đó. Các vị cứ thực tập đạo Phật đi, và sự thành công của quý vị sẽ giúp quý vị trở lại xây dựng truyền thống để cho những người trẻ không tiếp tục bỏ truyền thống đó mà đi và trở thành những con ma đói.

Có những người trong chúng ta đã từng làm cha, làm mẹ, làm thầy. Làm cha, làm mẹ, chúng ta từng thấy có những con rất dễ thương, đức độ, ngoan ngoãn, tài ba, xứng đáng là sự tiếp nối tổ tiên mình. Nhưng thỉnh thoảng chúng ta cũng có những đứa con rất khó dạy, cứng đầu giống như không phải là con của mình, không phải là cháu của tổ tiên mình, mình có khuynh hướng muốn từ chối những người con như thế, mình đau khổ với những đứa con như vậy. Các thầy, các sư cô, quý sư trưởng cũng có những người đệ tử rất ngoan ngoãn, tu hành rất nghiêm túc. Nhưng thỉnh thoảng các thầy, các sư cô, các sư trưởng cũng có những người đệ tử “khó chịu”, cứng đầu, có những khiếm khuyết, không xứng đáng làm con cháu, làm đệ tử

của mình. Khi quán chiếu, chúng ta thấy rằng chính tổ tiên tâm linh cũng như tổ tiên huyết thống của mình cũng có những vị có khiếm khuyết, cũng như chính mình đây khi làm cha, làm mẹ, hay làm thầy chúng ta cũng có những khiếm, những yếu đuối. Vậy mình là ai mà không chấp nhận những khiếm khuyết, những yếu đuối trong những đứa con, hay đệ tử mình mình. Khi thấy được như thế rồi thì chúng ta dễ dàng chấp nhận những đứa con, hay đệ tử khó thương của mình một cách rất dễ dàng và trong mình sẽ có một sự bình an. Tại vì chưa chấp nhận thì chúng ta sẽ đau khổ, chấp nhận được rồi thì chúng ta sẽ có một niềm bình an rất lớn.

Đối với các vị sư trưởng cũng vậy, với những đệ tử từng làm mình đau khổ đó, nếu nhìn cho kỹ mình sẽ thấy rằng họ đã nhận những hạt giống từ phía nội, ngoại, từ xã hội, có những trời sập, có những khó khăn, lao đao. Đối với những người đệ tử như thế, mình phải cho họ nhiều thì giờ, nhiều thương yêu và chăm sóc hơn. Còn với những đệ tử giỏi thì chúng ta đâu cần phí nhiều thì giờ và nhiều công phu. Khi thấy được như vậy rồi thì chúng ta dễ dàng chấp nhận những người đệ tử còn yếu kém, còn lao đao và còn lên xuống. Khi chấp nhận rồi thì trong lòng mình sẽ có một niềm bình an rất lớn.

Khi lạy cái lạy đầu tiên, mục đích là để mình nhìn thấy cho rõ tất cả các vị tổ tiên tâm linh và huyết thống trong con người mình, tất cả thể hệ con cháu có mặt trong từng tế bào của mình. Khi mình chấp nhận được tổ tiên và con cháu trong mình thì niệm yêu thương dâng lên tràn ngập và mình sẽ có một sự bình an rất lớn, mình buông bỏ những hận thù, những tuyệt vọng. Lúc đứng dậy, mình là một con người mới. Đó gọi là thiền lạy. Chúng ta cứ tưởng tượng 5000 người Hoa Kỳ cùng lạy xuống như vậy với sự hướng dẫn của một thầy hay một sư cô người Việt Nam. Có nhiều người sau khi lạy ba cái lạy đã trở thành một con người khác, trở thành một con người có hiểu và thương. (Nếu có thì giờ, xin quý vị đọc những dẫn giải về thực tập ba cái lạy, năm cái lạy trong cuốn Nhật Tụng Thiền Môn Năm 2000, nhà xuất bản Tôn Giáo, 2004).

Những pháp môn mà chúng tôi cung cấp cho người Tây phương này chúng tôi hoàn toàn rút ra từ gia tài văn hóa Việt Nam.

Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn có dạy rằng cái một được làm cái tất cả và cái tất cả được làm bằng cái một. Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất. Giáo lý đó, trong một hạt bụi chứa đựng cả tam thiên đại thiên thế giới, ngày nay đã được khoa học chứng minh là một sự thật. David Bohm, nhà vật lý học nguyên tử có nói một câu gần giống với ý trong kinh Hoa Nghiêm: một điện tử được tất cả các điện tử khác làm ra, *one electron is made of the other electrons*. Khoa học bây giờ có khả năng lấy ra một tế bào của cơ thể con người, từ một tế bào thôi và làm ra một cơ thể trọn vẹn, điều đó gọi là sinh hóa thân, sinh sản vô tính (clonning). Họ lấy một cái trứng trong noãn sào của người đàn bà, rồi nạo sạch tất cả nội dung của cái trứng đó, không còn một dấu vết nào của gia tài di truyền, chỉ mượn cái vỏ của tế bào thôi, sau đó họ lấy một tế bào của bất kỳ thuộc bộ phận nào đó, hoặc là gan, hoặc bắp chân, một tế bào của thân thể, của hình hài của một người đàn ông hay đàn bà rồi bỏ đói cái tế bào đó trong vòng 2-3 ngày, cái tế bào đó trở thành một tế bào mầm, nó là một tế bào chuyên môn, tế bào có một phận sự đặc biệt trong cơ thể con người (như tế bào gan thì làm chức năng của gan, tế bào não có chức năng của não...) nhưng khi bỏ đói nó thì nó trở thành một tế bào mầm, có khả năng sinh hóa trở lại. Các nhà khoa học lấy tế bào đó, cho một dòng điện chạy qua để nó khép lại, rồi họ gói vào tử cung của người đàn bà để được nuôi dưỡng. Khi cái thai đó lớn lên, đứa bé được sinh ra giống hoàn toàn nguyên bản của con người mà họ lấy tế bào đó ra, gọi là một sinh hóa thân, clonning. Nếu lấy 100 tế bào ra thì sẽ có 100 con người y hệt con người nguyên bản. Hiện bây giờ luật pháp trên thế giới cấm điều này, nhưng đứng về phương diện kỹ thuật thì các nhà khoa học đã, đang và sẽ làm như vậy. Họ đang thực hiện với các loài thú vật. Điều đó có nghĩa là trong mỗi tế bào chứa đựng tất cả gia tài huyết thống, tâm linh, tất cả gia tài di truyền của tất cả thể hệ tổ tiên, cái một chứa đựng cái tất cả, *the one contains the all*. Đó là giáo lý của kinh Hoa Nghiêm đã được khoa học chứng minh.

Có một vị thiền sư đời Lý nói rằng trời đất có thể đặt gọn vào trong một hạt cải. Đó là một hình ảnh của thi ca để nói lên một sự thật: cái tất cả có thể tìm thấy trong cái một, trong cái một ta có thể tìm thấy đủ các tư liệu về cái tất cả, những dữ liệu (data) của cái tất cả nằm trong cái một. Vì vậy cho nên chúng tôi đã nói rằng đạo Phật và truyền thống thờ cúng tổ tiên của Việt Nam đã đi đôi với nhau trong hai ngàn năm, cái này làm giàu cho cái kia, cái kia làm giàu cho cái này, và giờ đây đạo Phật và truyền thống thờ cúng tổ tiên Việt Nam đã đi đôi với nhau rất tuyệt hảo, nó là phương pháp thực tập giúp cho chúng ta nhận diện được gốc rễ của chính mình để chấm dứt tình trạng và thân phận của những con ma đói. Xã hội Tây phương đã sản xuất ra hàng triệu con ma đói. Xã hội của Việt Nam hôm nay cũng đã bắt đầu sản xuất ra những con ma đói. Những người thanh niên đi trong cuộc đời và không biết mình thuộc về truyền thống nào, không thấy gốc rễ trong gia đình, không thấy liên hệ giữa mình với cha mẹ, tổ tiên ông bà...

Hiện nay, nhà nước đang có chính sách khuyến khích việc thành lập những gia đình văn hóa, tổ dân phố văn hóa, khu phố văn hóa, làng văn hóa... trong đó không có tệ nạn xã hội như là tội phạm, đĩ điếm, ma túy, cờ bạc... những tệ nạn xã hội sinh ra trong một nền kinh tế đang phát triển, không thể tránh được. Chúng ta có thể làm được gì để xây dựng những gia đình văn hóa, tổ dân phố văn hóa, khu phố văn hóa...? Chúng ta có thể kiểm soát, trừng phạt nhưng đó không phải là giải pháp gốc. Sờ dĩ người thanh niên đi ra ngoài và sa và hãm hố của ma túy, tội ác, sắc dục... là tại họ không cảm thấy hạnh phúc trong gia đình, không có niềm tin nơi hạnh phúc gia đình. Hạnh phúc gia đình đối với họ là điều chưa bao giờ từng có. Cha mẹ làm khổ nhau. Cha con trong truyền thông được với nhau, không nhìn được mặt nhau. Do đó người thanh niên không muốn trở về gia đình, tại vì không khí của gia đình là không khí của nặng nề, bảo thủ, địa ngục. Vậy thì các thầy, các sư cô, các bậc phụ huynh đã nắm được tư tưởng, giáo lý và sự thực tập để có thể giúp con người cảm rễ lại, tìm lại được gốc rễ của mình nhằm giúp người thanh niên đó thiết lập lại được truyền thông với cha, với mẹ; giúp vợ thiết lập lại được truyền thông



với chồng, dựng lại tình thân và đem hạnh phúc trở lại trong gia đình, chỉ khi đó chúng ta mới thực sự bài trừ được tệ đoan của xã hội như đĩ điếm, ma túy, băng đảng, tội phạm... Vì vậy pháp luật không đủ để giải quyết các tệ nạn xã hội mà phải có đạo đức. Ai là người nắm giữ giềng mối đạo đức? Các bậc phụ huynh, các nhà làm giáo dục, các nhà nghệ sĩ... phải có nhiệm vụ giáo dục, giúp cho các gia đình trong thôn xóm, trong khu phố, làm thế nào để con với cha có thể hòa giải với nhau được, làm thế nào để sự truyền thông giữa cha và con được phục hồi, vợ chồng có thể trở về, hòa giải với nhau và biết làm cho nhau hạnh phúc.

Tôi đã làm việc với người trẻ trong bốn mươi năm, những người trẻ thường nói với nhau rằng cái quý giá nhất mà cha mẹ để lại cho con cái là hạnh phúc của chính cha mẹ. Nếu cha mẹ có hạnh phúc, biết chăm sóc cho nhau thì đó là gia tài lớn nhất mà con cháu có thể tiếp thu. Nếu cha mẹ làm khổ nhau mỗi ngày thì cha mẹ không có gì để trao truyền lại cho con cháu. Chúng ta, những vị xuất gia, những người tại gia, những nhà giáo dục, những nhà chính trị, nhà kinh tế, những nhà nghệ sĩ... có thể đóng góp gì vào công việc phục hồi hạnh phúc gia đình, phục hồi được sự truyền thông giữa vợ chồng và cha con. Đó là công tác căn bản để chúng ta có thể thành công thực sự trong việc xây dựng những gia đình văn hóa, tổ dân phố văn hóa, khu phố văn hóa, làng văn hóa. Và vai trò của Phật giáo cũng như vai trò của các nhà giáo dục, các văn nghệ sĩ... là rất quan trọng.

Trong gia sản văn hóa Việt Nam, chúng ta có đủ các yếu tố để có thể làm được việc đó.

Trong bốn mươi năm lưu lạc ở xứ người, khi rời quê hương vào năm 1966, chúng tôi không nghĩ mình sang Tây phương để truyền bá Phật pháp, mà chỉ muốn ở bên đó chừng ba tháng để kêu gọi thế giới góp vào một tay vào việc làm ngưng lại cuộc chiến tranh thảm khốc ở Việt Nam. Nhưng thời thế xảy ra như vậy, chúng tôi đã không thể về nước trong ba mươi chín năm, và cố nhiên là phải làm đủ mọi cách để có thể cống hiến được những gì mình có thể cống hiến được cho thế giới Tây phương. Chúng tôi đã tu tập, đã sử dụng những yếu tố của nền văn hóa Việt Nam để giúp cho người Tây phương. Đạo Phật cũng vậy, truyền thống thờ cúng tổ tiên cũng

vậy, chúng ta phải nhào nặn và chế tác trở lại, làm thế nào để những sản phẩm đó của Việt Nam có thể được xuất khẩu và được chấp nhận, fit for exportation, chứ chúng ta không thể xuất cảng một cách bừa bãi. Trong bốn mươi năm, chúng tôi đã làm việc của một tòa đại sứ văn hóa của một đất nước. Chúng tôi đã cống hiến đạo Phật, chúng tôi đã cống hiến sự thực tập thờ cúng tổ tiên. Cố nhiên có những điều khác nữa. Nhưng hai yếu tố đó là những nội dung mà chúng tôi muốn chia sẻ với quý vị hôm nay. Chúng tôi đã tinh luyện, chế biến những yếu tố đó của nền văn hóa dân tộc để cho người thanh niên Tây phương có thể hiểu, chấp nhận và thực tập để chuyển hóa nỗi khổ niềm đau, tháo gỡ những khó khăn, trở về với gia đình, trở về với truyền thống tâm linh của họ, thiết lập lại truyền thống và xây dựng lại hạnh phúc. Và chúng tôi đã thành công.

Trong chuyến về thăm Việt Nam lần này, chúng tôi có một niềm tin rất lớn, nếu những pháp môn đó hữu hiệu đối với người thanh niên, trí thức Tây phương thì tại sao không hữu hiệu đối với người thanh niên và trí thức Việt Nam. Tại vì những pháp môn này hoàn toàn có gốc rễ trong nền văn hóa Việt Nam.

(Nguồn: Lược ghi theo bài thuyết giảng tại trung tâm Festival Huế, ngày 10.3.2005, do Trung tâm Văn Hóa Phật Giáo Liễu Quán tổ chức).

### ***PL 9.3: Chùa Lâm - Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử***

Khi xuất gia về Yên Tử tu hành một thời gian ngắn, vua Trần Nhân Tông đã cho tôn tạo, xây dựng chùa Lâm thành một nơi khang trang, chùa Lâm trở thành Viện Kỳ Lâm, là nơi giảng đạo, độ Tăng. Ba vị Sư Tổ Trúc Lâm là Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang thường đến đây thuyết Pháp, giảng Kinh.

Chùa Lâm xưa kia là một trong những ngôi chùa quan trọng trong hệ thống chùa, tháp của Thiền Phái Trúc Lâm Yên Tử. Chùa Lâm có vị trí như một ngôi chùa Trình ở cửa ngõ vào Yên tử thời Lý, Trần và Hậu Lê .

Ngõ chùa Lâm to và đẹp, được xem là một trong ba cái nhất không thể so bì trong các ngôi chùa cổ thời Trần, thời Thiền Phái Trúc Lâm thịnh vượng. Dân gian có câu:

"Ngõ chùa Lân (to), sân chùa Muồng (rộng), ruộng chùa Quỳnh (nhiều) cũng đủ thấy chùa Lân quả là một ngôi chùa có tiếng.

Trong kháng chiến chống Pháp, chùa gần như bị thiêu huỷ hoàn toàn, chỉ còn hệ thống các tháp, mộ. Trong đó tháp lớn nhất là tháp Tịch Quang (Thiền sư Chân Nguyên, 1647-1726).

Ngày 19 tháng Giêng năm Nhâm Ngọ (2002), lễ đặt đá xây dựng chùa Lân - Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử được tổ chức rất long trọng, trang nghiêm. Lễ khánh thành công trình được tổ chức vào dịp kỷ niệm 744 năm, ngày sinh của Phật Hoàng Trần Nhân Tông, (Ngày 11 tháng 11 năm Mậu Ngọ (1258) - Ngày 11 tháng 11 năm Nhâm Ngọ (2002). Công trình Chùa Lân - Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử được xây dựng do sự khởi xướng của Hòa Thượng Thích Thanh Từ - Viện trưởng Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt và lòng thành kính cúng dường của Sư Ni Thích Đàm Châu sau vài thập kỷ trong thế kỷ 20 đã tu hành ở Chùa Lân, cùng với công đức của Quý khách, Phật tử trong và ngoài nước.

Chùa Lân - Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử xây dựng với 3 chức năng chủ yếu: Là nghiên cứu, bảo tồn, tàng trữ các Kinh văn, thư tịch, các ấn phẩm văn hoá về Yên Tử, Thiền Phái Trúc Lâm Yên Tử; Là nơi hướng dẫn tu Thiền cho tu sĩ, Phật tử và những ai muốn tu hành Thiền theo Phái Thiền Trúc Lâm; Là nơi tham quan, du lịch, hành hương lễ Phật của Du khách thập phương.

Gọi là Chùa Lân vì chùa nằm trên một quả đồi có hình dáng giống một con Lân nằm phủ phục. Con Lân là một trong bốn con vật biểu tượng cho "Tứ Linh" là Long (Rồng), Li (Lân), Quy (Rùa), Phụng (Chim Phượng) được tôn thờ theo văn hoá tín ngưỡng Phương Đông. Hiện thời ngõ Chùa Lân vẫn còn lưu dấu tích xưa, ngõ dài, rộng, hai bên có nhiều tháp, mộ của các Thiền sư tu hành ở đây.

Nổi bật ở Chùa Lân – Thiền Viện Trúc Lâm là ngôi tháp Tịch Quang nằm ở phía sau Nhà Tổ, trước cổng vào Thiền Đường, bên cạnh có một cây Đa cổ ôm cây Thị. Tháp được xây dựng bằng chất liệu đỏ xanh, cấu trúc thành 3 cấp:

Cấp thứ nhất: Hình tứ giác có kích thước 7,6m x 8,07m, cao 1m; phía Bắc có một lối lên xuống, rộng 3,45m; ở giữa có một tấm bia dựng vào mùa An Cư năm Quý Mùi (2003) do đệ tử Trúc Lâm Yên Tử lập nói về Thiền sư Chân Nguyên. Hai bên có hai lối lên nhỏ rộng 89cm. Bề mặt cấp này được lát gạch đỏ, có kích thước 30cm x 30cm.

Cấp thứ hai: Từ mặt nền cấp thứ nhất qua một lối lên xuống rộng 44cm ta sẽ đến cấp nền thứ hai. Cấp nền này cũng được xây kè đá xung quanh, có kích thước 4,6m x 4,6m, cao 0,5m. Phần trung tâm có kích thước 2,73m x 2,74m, được lát bằng những khối đá hình chữ nhật có kích thước 71cm x 32cm, 56cm x 34cm, 67cm x 36cm. Phía ngoài hình tứ giác trung tâm được lát bằng những viên đá trắng có kích thước 30cm x 30cm. Ngoài cùng là hai hàng gạch đỏ.

Cấp thứ ba: có kích thước 2,29m x 2,25m, cao 30cm. Phần này được tạo bởi những khối đá lớn có dạng hình hộp chữ nhật. Kích thước của một vài khối đá như sau: 80cm x 44cm x 30cm, 61cm x 51cm x 30cm; 94,5cm x 40cm x 30cm; 59,5cm x 40cm x 30cm.

Tháp Tịch Quang cao khoảng 4,5m. Đế tháp hình tu di toa có kích thước 1,84m x 1,84m cao 66,5cm, có thể chia làm ba phần. Phần một có kích thước 1,84m x 1,84m, cao 22cm. Phần hai thắt mâm bông có kích thước 1,31m x 1,31m cao 25cm. Phần ba có dạng như một đài sen cách điệu có kích thước 1,7m x 1,69m cao 19cm.

Thân Tháp bao gồm một khám thờ và hai tầng tháp. Khám thờ có kích thước 1,3m x 1,29m cao 95,5cm. Mặt phía Nam có một cửa nhỏ rộng 36,5cm cao 61cm. Phía Bắc có gắn một tấm bia ghi thân thế và sự nghiệp tu hành của Thiền sư Chân Nguyên. Các góc diềm mái khám thờ và hai tầng tháp cong hình đầu đao. Chòm tháp cong hình mũi luyến. Bên trên là hình bình nước Cam Lồ.

Tháp Tịch Quang thờ Hòa Thượng Tuệ Đăng - Chính Giác, tức thiền sư Chân Nguyên. Sư tên Nguyễn Nghiễm, tên chữ là Đình Lân, quê ở làng Tiên Liệt, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Mẹ sư họ Phạm, nhân mộng thấy ông già trao

cho một hoa sen, tỉnh giấc liền cảm biết có thai. Sư sinh ra vào ngày 16 tháng 9 năm 1647, thuộc giờ Mão, ngày Quý Sửu, dáng vẻ thanh tú, cốt cách khác thường.

Năm lên 8 tuổi, Sư được người cậu là ông Giám Sinh dạy dỗ cho mà không phải nhọc công nhiều vì Sư tự có sẵn năng khiếu văn chương.

Năm 19 tuổi, tình cờ Sư nghe người đọc Thực Lục của Đế Tam Tổ Huyền Quang, chợt bùi ngùi than: “Người xưa tài học bậc nhất trong thiên hạ như thế còn chán bỏ công danh, xem tợ dế rách, sánh sự cao quý như lông rọ, huống nữa ta chỉ là một chú học trò thì có đáng gì?” Sư bèn phát chí đi thẳng lên chùa Hoa Yên trên núi Yên Tử kính lễ Thiền sư Tuệ Nguyệt Chân Trú.

*Thiền sư hỏi: Từ đâu đến?*

*Sư đáp: Vốn không đến đi?*

Thiền sư biết đây là bậc pháp khí, bèn cho cạo tóc, thọ giới và đặt tên cho là Tuệ Thông. Không lâu Thiền sư Chân Trú tịch, Sư thờ Thầy trả hiệu 3 năm rồi chuyển đến ở chùa Long Động. Sau đó Sư phát tâm muốn đăng Đàn thọ giới và tham vấn Thiền tông. Lại lên chùa Vĩnh Phúc, núi Côn Cương, kính lễ Thiền sư Minh Hương.

*Thiền sư hỏi: Ông đến đây học đạo gì?*

*Sư ngồi nghiêm nhiên không đáp.*

*Thiền sư bảo: Như như chẳng động chính là chân tông của Phật!*

Bèn đổi tên cho sư là Chân Nguyên và trao giới Tỳ kheo.

Năm sau Sư khắc in lại kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đốt hai ngón tay cúng dường Tam Tôn (Thích Ca, Di Đà, Di Lặc) tâm nguyện cầu thọ giới Bồ Tát phát 10 nguyện, phát tâm thành Chính Giác. Năm 1684, Sư dựng Đài Cửu Phẩm Liên Hoa ở chùa Quỳnh lâm. Năm 1687, Sư lại dựng lại ở chùa Hoa Yên. Năm 1697, vua triều về cung hỏi yếu chỉ Thiền. Biết Sư là bậc khác thường vua ban hiệu là “Hòa Thượng Tuệ Đăng”, tự tay viết hai chữ to “Vô Thượng” để khen tặng đồng thời ban phán phục, pháp khí, tiền của. Sư trở về chùa tự tạo tượng, đúc chuông, phóng

sinh, công lon của Sư khó nói hết. Các Pháp tạng Tam thừa Sư đều khắc gỗ lưu lại ở Quỳnh Lâm, bản in có thể chất cao ngất, Tăng chúng hướng về nương tựa xem như Thái Sơn, Bắc Đẩu.

Năm 1722, Sư 76 tuổi, vua triệu Sư đến làm chủ đàn chay dâng phúc, sau đó phong “Tăng Thống Chính Giác Hòa Thượng”.

Năm 1726, đời vua Lê Dụ Tông, nhằm ngày 28 tháng 10, Sư ngồi yên thi tịch, thọ 80 tuổi. Ngày 30, môn đồ làm lễ Trà tỳ, sau đó xây tháp ở hai nơi.

Một ở chùa Long Động là Tháp Thê.

Một ở chùa Quỳnh Lâm là Tháp Dụng.

Chùa Lâm gắn với truyền thuyết về sự tích Vua Trần Nhân Tông cùng Bảo Sái trên đường vào Yên Tử tu hành, khi đến chùa Lâm đã nghỉ lại đây. Nhà Vua mộng thấy mình cưới con Rồng vàng bay vào trong động đẹp, có mặt hồ nước lung linh đầy hoa sen nở, toả ngát hương thơm. Khi tỉnh giấc, Nhà Vua kể lại câu chuyện về giấc mộng đó cho Bảo Sái nghe và đặt tên chùa Lâm là "Long Động Tự" nghĩa là chùa Động Rồng

Chùa Lâm - Thiền Viện Trúc Lâm, là một công trình kiến trúc mang nét đẹp cổ kính, hoà vào cảnh sắc thiên nhiên kỳ vĩ, có những cây Thông cổ, cây Đa cổ thụ ôm cây Thị kỳ lạ, linh thiêng, cảnh lá Xum xuê tươi tốt phong sương cùng thời gian của cõi Thiền Trúc Lâm.

Về chiêm bái chốn Tổ Trúc Lâm, cảnh sắc thiên nhiên kỳ vĩ đã cho ta hương thiền sâu lắng, bởi dường như thiên nhiên cũng ẩn chứa tâm tình :

*"Xum xuê bên tháp Tịch Quang,  
Lạ chưa gốc thị ôm choàng gốc đa,  
Thiên nhiên bài học trong ta,  
Sống chung hoà thuận ấy là chân kinh"*

(Thơ Vũ Xuân Hồng)

Các công trình chính của chùa gồm Chính điện (Đại Hùng Bảo Điện), Nhà thờ Tam Tổ, Lầu Trống, Lầu Chuông, Thiền Đường, Chính Pháp Đường, La Hán Đường, Nhà Tăng, Ni...các công trình được xây dựng trên diện tích 125.198 mét vuông. Bài trí tượng thờ, pháp khí trong chùa theo pháp Thiền tông, trên các hoành phi, câu đối được viết bằng chữ Quốc ngữ để mọi người dễ hiểu.

Trong Chính điện thờ tượng Thích Ca Mâu Ni toạ Thiền thành đạo dưới cội Bồ Đề được đúc bằng đồng có trọng lượng gần 4 tấn. Pho tượng Tổ Bồ Đề Đạt Ma tạc bằng gỗ Giáng hương có nguồn gốc từ Nam Mỹ, tượng cao 3,2m, bệ đỡ cao 0,65m, chiều rộng bệ đỡ 0,95m, nặng khoảng 3,2 tấn với những đường nét chạm khắc tinh tế, được đặt ở sau Chính Điện, trước nhà thờ Tam Tổ, để chúng Tăng, Ni, Phật tử, du khách chiêm bái vị Tổ thứ 28 Đạo Phật Ấn Độ đã đến đất nước Trung Hoa truyền giáo, tu hành ở núi Tung Sơn và trở thành vị Tổ đầu tiên của dòng thiền Đông Độ.

Trong La Hán Đường thờ mười tám vị La Hán, tượng được tạc bằng gỗ Giáng hương, đường nét chạm khắc tinh tế, đủ các dáng điệu tư thế và lai lịch của từng vị.

Chính Điện có tên gọi là: "Đại Hùng Bảo Điện" để tôn xưng đức hạnh Từ - Bi - Trí - Huệ, pháp lực cao siêu cứu độ chúng sinh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Trước sân Thiền Viện đặt một quả cầu "*Như ý báo ân Phật Tổ*" bằng đá hoa cương đỏ, đường kính 1.950mm, trọng lượng 6,5 tấn được lấy từ mỏ đá An Nhơn, Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Quả cầu được đặt trên một bệ đá có tiết diện vuông, nặng 4,5 tấn, nó có thể tự quay quanh mình nó theo chiều chữ "Vạn" (+). Tất cả nằm trên bệ đá hình bát giác với tám bông hoa bao quanh, tượng trưng cho bát chính đạo là: Chính kiến; Chính tư duy; Chính ngữ; Chính nghiệp; Chính mệnh; Chính tinh tiến; Chính niệm và Chính định.

Quả cầu đã được Trung tâm sách kỉ lục Việt Nam xác nhận: Quả cầu Như ý lớn nhất Việt Nam.

Chính Pháp Đường được xây dựng năm 2011. Đây là nơi thuyết pháp cho hàng ngàn chúng Tăng, Ni, Phật tử.

Bên trong thờ Phật Thích Ca, Tam Tổ Trúc Lâm và các Tôn giả được tạc tinh tế bằng gỗ Giáng hương. Mỗi khi chúng Tăng, Ni, Phật tử, du khách trong và ngoài nước hành hương chiêm bái chốn Tổ Trúc Lâm, vào chùa Lâm - Thiền viện Trúc Lâm lễ Phật, chiêm bái cảnh chùa và đi bộ quanh hồ Tĩnh Tâm ở trước cửa Chính Pháp Đường thấy lòng thanh thản, tâm hồn thư thái. Vào Chính Pháp Đường một không gian thoáng rộng, trang nghiêm, tôn kính Đức Phật và các Chư Tổ, ta được chiêm ngưỡng pho tượng Hoà thượng - Viện trưởng Thích Thanh Từ. Là một Thiền sư tu hành công phu, có công lớn phục hồi, phát triển dòng Thiền Trúc Lâm đời Trần từ những năm Năm mươi thế kỷ XX đến nay. Hoà thượng - Viện Trưởng đã phát triển ảnh hưởng dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử trong khắp cả nước và lan rộng sang một số nước trên thế giới như: Căm Pu Chia, Ấn Độ, Tích Lan, Nhật Bản, Trung Quốc, Pháp, Mỹ, Thụy Sĩ, Úc, Indônêsi-a, Canada. Pho tượng Hoà thượng - Viện Trưởng tư thế đứng, đúc bằng đồng, cao 2,8m, có trọng lượng 1300kg, được đặt ở vị trí trang trọng và gần gũi với chúng Tăng, Ni, Phật tử và đại chúng. Bên cạnh là cuốn sách đọc bản "Thi Vân Yên Tử" do tác giả Giáo sư tiến sỹ Hoàng Quang Thuận, cúng dường chư Phật, chư Tổ vào ngày 12 tháng Chạp năm Tân Mão (2011). Với 143 bài thơ được viết bằng tám lòng thành kính của một Nhà khoa học, bằng trí tuệ, tâm thức thanh tịnh và sự linh nghiệm của một con người giàu lòng nhân ái, giác ngộ đạo Thiền. Những bài thơ trong "Thi Vân Yên Tử" viết về Danh sơn Yên Tử - Thiền Phái Trúc Lâm và được viết tại "Linh sơn Yên Tử" khi ông về thăm chốn Tổ Thiền Trúc Lâm năm 1997. Cuốn sách đọc bản có kích thước lớn nhất từ trước tới nay, chủ yếu được làm thủ công bằng tay do Trần Quốc Ân và Phạm Tú thực hiện năm 2011, với chiều dài 125cm, chiều rộng 80cm. độ dày 16cm, trọng lượng 120kg, các bài thơ được trình bày bằng chữ quốc ngữ và thư pháp Việt trong 300 trang giấy chất liệu đặc biệt in nền hoa văn hoa cúc thời Trần. Cuốn sách đọc bản "Thi Vân Yên Tử", là cuốn sách đọc bản lớn nhất Việt Nam và Châu Á bằng thơ, là công trình văn hoá, nghệ thuật có giá trị lớn về văn hoá vật thể và văn



hoá phi vật thể của Non thiêng Yên Tử để cho hôm nay và mai sau chiêm ngưỡng. Như lời của Đại Tướng Võ Nguyên Giáp đã viết khi đọc cuốn "Thi Văn Yên Tử: "Đọc những bài thơ hay, đượm gió ngàn cao, thâm nguồn suối núi. Những bài thơ của một con người đầy tư tưởng nhân văn".

(Nguồn: Khu di tích Yên Tử)

### ***PL9.5: Phật giáo Trúc Lâm trong văn hóa Việt Nam***

#### **DẪN NHẬP**

Theo dòng lịch sử, chúng ta nhìn lại Phật giáo Việt Nam hẳn thấy nổi bật một nét đột phá vô cùng thú vị - một Thiền phái mang tên Việt Nam, với ông Tổ người Việt Nam, lại là một vị vua anh hùng của dân tộc. Đây là một chấm son trên lịch sử dân tộc nói chung, Phật giáo Việt Nam nói riêng.

Phật giáo là giáo lý giác ngộ chân thật, đó là một lẽ thật bình đẳng không phân chia ranh giới vì "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh". Tuy nhiên Phật giáo truyền vào mỗi nước, thì mỗi nước có tính dân tộc riêng, có ngôn ngữ, có nếp sinh hoạt, nếp suy nghĩ theo cá tính dân tộc, do đó Phật giáo cũng phải hoà nhập vào mỗi dân tộc để có được sự tiếp thu dễ dàng thích ứng. Điều này, điём qua lịch sử, chúng ta thấy Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử quả thực đã làm nổi bật lên những nét chấm phá của Phật giáo Việt Nam, nếu khai thác đúng mức, chắc rằng nó sẽ đóng góp rất nhiều lợi ích trên đường phát triển của dân tộc và sẽ ảnh hưởng sâu rộng ra ngoài nữa.

Nguyễn Lang, trong Việt Nam Phật giáo Sử luận đã viết: "Phật giáo Trúc Lâm là một nền Phật giáo độc lập, uy tín tinh thần của nó là uy tín tinh thần quốc gia Đại Việt. Nó là xương sống của một nền văn hoá Việt Nam độc lập. Nền Phật giáo này tuy có tiếp nhận những ảnh hưởng của Phật giáo Trung Hoa, Ấn Độ và Tây Tạng nhưng vẫn giữ cá tính đặc biệt của mình." [1] Phải nói rằng sự ra đời của thiền phái Trúc Lâm là niềm tự hào lớn của dân tộc. Nó thể hiện bản sắc, cũng như tín tự chủ, tinh thần không chịu lệ thuộc bởi ngoại lai. Cũng chính sự ra đời của thiền phái này trong lúc đất nước bị quân Nguyên - Mông xâm lược đã tạo nên sức

mạnh của toàn dân. Từ vua quan đều là Phật tử cho đến những người dân đều đồng lòng ra sức dẹp giặc để bảo vệ cho đất nước.

Nguyễn Tài Thư trong Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam cũng đã khẳng định: “Nếu như nhập thế là một khuynh hướng tư tưởng của một học thuyết, một tôn giáo chủ trương tham gia các hoạt động chính trị và giải quyết các vấn đề chính trị xã hội thì Phật giáo không phải là một Tôn giáo nhập thế - trái lại nó là tôn giáo xuất thế”. Khác với các Thiền phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử của Đại Việt mang đậm tinh thần nhập thế, điều đó cho thấy đạo Phật không phải là đạo yếm thế, mà muốn tìm con đường giác ngộ không thể từ bỏ thế gian này mà giác ngộ được. Với tinh thần Bồ tát đạo thì người con Phật càng phải dấn thân vào cuộc sống, đồng sự với chúng sanh, vui với niềm vui của đất nước, đau với nỗi đau của dân tộc, nhưng khi thanh bình thì vẫn trở về với cuộc sống tu hành thoát tục. Chính Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là một thiền phái đã mang những đặc điểm ấy. Vì vậy mà người viết đã chọn đề tài “Sự hình thành và phát triển của thiền phái Trúc Lâm”. Chúng ta là người Việt Nam học Phật, quyết không thể bỏ qua, không thể không hiểu rõ về Phật giáo Việt Nam, trong đó Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là một cửa báu của dân tộc càng phải được tìm hiểu và phát huy.

Về phương pháp nghiên cứu người viết dùng phương pháp phân tích những sự kiện hay thông tin có sẵn mà phân tích chúng để có được một sự đánh giá tài liệu một cách có phê phán. Bên cạnh đó có sử dụng một số phương pháp khác dựa trên mục tiêu nghiên cứu hay hoàn cảnh nghiên cứu để làm sáng tỏ đề tài mong rằng sẽ đóng góp một phần nào làm rõ đề tài vì trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc Việt Nam thì Phật giáo và dân tộc luôn luôn song hành. Đó cũng là một nét văn hóa rất riêng của Việt Nam và cũng là nét riêng của Phật giáo từ khi Đức Thích Ca khai sáng cho đến các vị đệ tử truyền thừa trải qua bao nhiêu thời gian bao nhiêu không gian vẫn không làm rơi một giọt máu nào mà ngược lại còn làm rạng danh cho dân tộc ấy.

## NỘI DUNG

### 1. BỐI CẢNH LỊCH SỬ CUỐI NHÀ LÝ ĐẦU NHÀ TRẦN

Đầu thế kỷ XIII, triều đình nhà Lý bắt đầu suy yếu. Các nhà vua khi lên ngôi còn quá non trẻ, lớn lên ham chơi, bỏ bê việc triều chính. Vua Cao Tông mãi mê xây cung điện, nghe đàn hát. Vua Duệ Tông thì nhu nhược, lại mắc bệnh cuồng. Trong triều các gian thần, nịnh thần lộng hành nhiều loạn. Ngoài xã hội, nhiều năm mất mùa, đói kém triền miên. Nạn hôn chiến giữa các phe phái phong kiến càng trở nên sâu sắc.

Trong triều đình bấy giờ, họ Trần ngày càng chiếm ưu thế, anh em con cháu họ Trần lần lượt nắm giữ các chức vụ quan trọng trong triều. Vốn sống bằng nghề đánh cá, họ Trần thường sinh sống làm ăn ở những vùng cửa sông ven biển, đến đời Trần Lý (ông nội của vua Trần Thái Tông) đã trở thành một cự tộc có thế lực vùng Hải Ấp (nay là xã Lưu Xá, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình).

Năm 1209, khi trong triều có biến loạn, vua Lý Cao Tông phải chạy lên Quy Hoá, Thái tử Sảm chạy về Hải Ấp đã được gia đình Trần Lý giúp đỡ. Hoàng tử Sảm đã kết duyên cùng Trần Thị Dung, con gái thứ hai của Trần Lý. Họ Trần đã tập hợp hương binh giúp nhà Lý dẹp loạn, diệt trừ Quách Bốc (thuộc tướng của Phạm Bình Di), đưa vua Lý trở lại kinh đô. Cậu ruột Trần Thị Dung là Tô Trung Từ làm Điện tiền chỉ huy sứ.

Uy thế họ Trần bắt đầu được đề cao từ khi hoàng tử Sảm lên ngôi vào năm 1211, tức là vua Lý Huệ Tông. Ông cho đón vợ là Trần Thị Dung về cung lập làm nguyên phi. Lúc này, Tô Trung Từ được phong Thái úy phụ chính.

Huệ Tông là người yếu đuối, lại bị Thái hậu họ Đàm khống chế, nên mọi việc đều phó thác cho Đàm Dĩ Mông, người chức cao, quyền lớn nhưng "không có học thức, không có mưu thuật, lại nhu nhược không quyết đoán, chính sự ngày một đổ nát". Lợi dụng tình hình đó, Đoàn Thượng làm phản, tụ tập bè đảng ở Hồng Châu thả sức cướp bóc, khiến triều đình không chế ngự nổi.

Năm 1216, trước tình thế bức bách của Đàm thái hậu, Lý Huệ Tông đã bí mật rời bỏ hoàng cung, cùng với Trần thị Dung trốn đến nơi đóng quân của Trần Tự Khánh. Từ đó, vua Lý hoàn toàn phụ thuộc vào thế lực anh em họ Trần.

Năm 1223, Trần Tự Khánh chết, mọi việc đều uỷ quyền cho Trần Thủ Độ (em họ Trần Thừa và Tự Khánh) khi ấy là chỉ huy sứ, quân lĩnh cấm quân. Là người cơ mưu, quyết đoán, Trần Thủ Độ đã sắp xếp để vua Huệ Tông nhường ngôi cho công chúa Chiêu Thánh, rồi cắt tóc đi tu ở chùa Chân Giáo. Liên sau đó, Trần Thủ Độ lại thu xếp cho Lý Chiêu Hoàng lên 7 tuổi lấy con trai thứ của Trần Thừa là Trần Cảnh lên 6 tuổi. Một năm sau, vào tháng 12 âm lịch năm 1225, Trần Thủ Độ ép Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng, nhà Trần bắt đầu nắm quyền cai trị.

Khi lên ngôi, Trần Cảnh (Trần Thái Tông) còn nhỏ, mọi việc triều chính đều trong tay Thái sư Trần Thủ Độ và cha là Nhiếp chính Trần Thừa.

Nhà Trần (陳朝) trải qua 13 đời vua bắt đầu khi vua Thái Tông lên ngôi năm 1225 sau khi giành được quyền lực từ tay nhà Lý và chấm dứt khi vua Thiếu Đế, khi đó mới có 5 tuổi bị ép thoái vị vào năm 1400 để nhường ngôi cho ông ngoại là Hồ Quý Ly tức Lê Quý Ly – tổng cộng là 175 năm. Những vị vua và tôn thất nhà Trần mến mộ Phật giáo, nghiên cứu tu tập và có sự chứng đắc, điển hình là vua Trần Nhân Tông, sau hai lần đánh thắng quân Nguyên – Mông (1285 và 1287) đã nhường ngôi lại cho Trần Anh Tông, về làm Thái thượng hoàng và tu hành trên núi Yên Tử rồi sáng lập thiền phái Trúc Lâm.

## **2. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN THIỀN PHÁI TRÚC LÂM YÊN TỬ**

### **2.1. Nguyên nhân ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử**

Việc nhà Trần thay ngôi nhà Lý là vâng theo mệnh trời, vì vua Trần Thái Tông là người nhân từ, trí đức song toàn có thể lãnh đạo nhân dân giải quyết các vấn đề mâu thuẫn nảy sinh trong nước, cũng như đối phó với các thế lực ngoại bang xâm lấn và tập trung xây dựng và phát triển đất nước. Ngoài việc thâu giang sơn về

một mối, thống nhất từ ý chí đến hành động của toàn dân và xây dựng đất thịnh vượng, vua Trần Thái Tông còn đặt nền móng thống nhất các thiền phái hiện có như Tỳ-ni-đa-lưu-chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, tiến đến sát nhập và hình thành dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử duy nhất đời Trần.

thể nói chính xác và cụ thể, người có công đặt nền móng thiết lập cho thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (竹林安子) phát triển và truyền thừa từ mô hình tổ chức đến nội dung hành trì, thể hiện bản sắc dân tộc là Trần Thái Tông nhưng người khai sáng và làm rạng danh thiền phái là vua Trần Nhân Tông, là đệ nhất Tổ. Trúc Lâm cũng là hiệu của Trần Nhân Tông, đồng thời cũng là hiệu của Thiền sư Đạo Viên, tiền bối của Trần Nhân Tông, Tổ thứ hai của dòng thiền Yên Tử. Thiền phái Trúc Lâm có ba Thiền sư kiệt xuất là Nhân Tông (Trúc Lâm Đầu Đà), Pháp Loa và Huyền Quang. Thiền phái này được xem là tiếp nối của dòng Yên Tử, dòng Yên Tử lại là sự hợp nhất của ba dòng thiền Việt Nam của thế kỉ thứ 12 – đó là dòng Thảo Đường, Vô Ngôn Thông và Tỳ Ni Đa Lưu Chi.

Nhà Trần trong buổi đầu mới thành lập, về mặt văn hóa, việc xây dựng một ý thức hệ độc lập thống nhất vô cùng cấp bách. Phải thoát khỏi sự lệ thuộc chặt chẽ về ý thức hệ với nước ngoài, thống nhất ý thức dân tộc về mặt chính trị, làm công cụ thống nhất quyền lực vào chính quyền Trung ương (họ Trần) và làm phương tiện giải quyết các mâu thuẫn nội bộ dân tộc chủ yếu là giai cấp lãnh đạo và đông đảo quần chúng nhân dân nhằm duy trì một trật tự xã hội và cũng tức là duy trì ngai vàng của dòng họ.

Về mặt tôn giáo, nhà Trần phải lựa chọn Thiền tông làm ý thức hệ tiêu biểu, nhưng cần phải thay đổi nội dung của các Thiền phái trước đây để đáp ứng các yêu cầu của đất nước. Vì thế, nhà Trần chủ trương lập ra một Thiền phái có nội dung tư tưởng độc lập, thể hiện đúng tinh thần bản sắc dân tộc tự mình độc lập không lệ thuộc Thiền tông ở Trung Quốc, vượt lên trên sự khác biệt của tất cả các tông phái Phật giáo cũng như các tín ngưỡng phi Phật giáo để nhằm thống nhất ý thức hệ. Không chịu trách nhiệm về sự khác biệt và đụng độ đã xảy ra trong lịch sử giữa các

phái Thiền tông với nhau cũng như Thiền tông với các tín ngưỡng khác, do đó thu hút các tín ngưỡng khác. Bên cạnh đó thiền phái này cũng tự khoác cho mình chiếc áo một tôn giáo mới - tuy rằng thực tế chỉ là một phái, với đầy đủ các yếu tố để thu phục quần chúng.

Sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử không những mang ý nghĩa rất lớn về tính tự chủ của dân tộc ta từ kinh tế, chính trị, văn hóa mà đến cả tôn giáo cũng không bị lệ thuộc vào các dòng thiền trước ảnh hưởng từ Trung Hoa. Từ mô hình tổ chức đến nội dung tu tập hành trì thể hiện bản sắc dân tộc Đại Việt lúc bấy giờ.

**2.2. Trần Nhân Tông - Vị vua sáng lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử**  
Trần Nhân Tông (chữ Hán: 陳仁宗; 1258 - 1308), tên thật là Trần Khâm (陳吟) là vị vua thứ ba của nhà Trần, ở ngôi 15 năm (1278 - 1293) và làm Thái Thượng Hoàng 15 năm. Ông được sử sách ca ngợi là một trong những vị vua anh minh nhất trong lịch sử Việt Nam.

Trần Nhân Tông là con trai trưởng của vua Trần Thánh Tông với Nguyên Thánh Thiên Cảm hoàng thái hậu Trần Thị Thiệu, sinh ngày 11 tháng 11 âm lịch năm Mậu Ngọ, niên hiệu Thiệu Long năm thứ 1 (1258). Ngài có duyên với Phật pháp từ thuở nhỏ, khi sinh ra, thân sắc vàng như sắc Phật, lớn lên năm 16 tuổi, được vua cha lập làm Hoàng thái tử, Ngài hai lần cố xin nhường lại cho em là Đức Việp, nhưng vua Thánh Tông không cho, vì thấy Ngài có khả năng gánh vác việc lớn. Trong khi đó, lịch sử lại biết bao trang sử đau lòng, chỉ vì ngôi vị mà cốt nhục tương tàn. Hạt giống Phật đã ngầm chứa sẵn trong Ngài mà biểu lộ ra như thế. Ngày 22 tháng 10 âm lịch năm 1278, được vua cha là Trần Thánh Tông nhường ngôi, tức vua Trần Nhân Tông. Ông ở ngôi 15 năm, nhường ngôi 5 năm, Vợ vua là Khâm Từ hoàng hậu (?-13/9/1293), (bà là con gái Trần Hưng Đạo), Tuyên Từ hoàng hậu (?-19/8/1318). Con trai là Trần Thuyên (17/9/1276-16/3/1320), con của Bảo Thánh hoàng hậu, (sau là vua Trần Anh Tông) và Huệ Vũ đại vương Trần Quốc Chẩn (29/1/1281-3/1328); con gái là công chúa Huyền Trân.

Bấy giờ nhà Nguyên sai sứ sang hạch điều này, trách điều nọ, triều đình cũng có nhiều việc bối rối. Nhưng nhờ có Thượng hoàng Thánh Tông còn coi mọi việc và các quan trong triều nhiều người có tài trí, Nhân Tông lại là một vị vua thông minh và quả quyết, mà trong nước từ vua quan đến dân chúng đều một lòng cả, nên từ năm 1285 đến 1288, Nguyên Mông hai lần sang đánh Đại Việt nhưng bị đập tan.

Ngoài ra, quân Ai Lao thường hay quấy nhiễu biên giới, bởi vậy năm 1290 nhà vua phải thân chinh đi đánh dẹp.

Các niên hiệu trong thời gian vua Trần Nhân Tông trị vì là Thiệu Bảo, Trùng Hưng.

Sau khi nhường ngôi cho con trai là Trần Anh Tông, ông xuất gia tu hành tại cung Vũ Lâm, Ninh Bình, sau đó rời đến Yên Tử (Quảng Ninh) tu hành. Một lần ông tắm gội ở Ngự Dội lên ngồi dưới gốc tùng tư duy thiền định, bùng sáng trí tuệ. Sau đó thành lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, lấy đạo hiệu là Điều Ngự Giác Hoàng (hay Trúc Lâm đầu đà). Nhân Tông đã cùng hai môn đệ là Pháp Loa và Huyền Quang vân du thuyết pháp ở chùa Sùng Nghiêm, Siêu Loại. Ông là tổ thứ nhất của dòng Thiền Việt Nam này. Về sau ông được gọi cung kính là “Phật Hoàng” nhờ những việc này. Trần Nhân Tông giã từ hoàng cung vào núi Yên Tử, Phật tử nước ta thời đó đã tôn xưng Trần Nhân Tông là Phật Biến Chiếu Tôn. Nhưng điều đáng nói Sơ tổ là “hiện thân của Phật Đại Việt với nhiều đường nét riêng biệt, phong cách riêng biệt, khác với tông phái Thiền tông khác. Nó không phải là chi nhánh Phật giáo từ bên ngoài vào, nó bắt nguồn tại chỗ, tức từ một vị Phật đầu thai, thuyết pháp, giáo hóa cứu vớt chúng sinh” [2].

Ông qua đời ngày 3 tháng 11 âm lịch năm 1308, ở am Ngoạ Vân núi Yên Tử, xuất gia 8 năm, thọ 50 tuổi. Sau khi viên tịch, xá lợi của Sơ tổ thờ ở tháp Huệ Quang, được tổ chức bằng một nghi lễ trang trọng với số lượng tín đồ rất đông, vừa đi vừa đọc kinh thể hiện niềm tin của Phật tử đối với vị giáo chủ.

### **2.3. Tôn chỉ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử**

Bằng sự chứng ngộ Thiền lý sâu xa, Trần Nhân Tông dùng ánh sáng chân thật đó, dung hợp ba dòng thiền đã có trước đó thành dòng Thiền Trúc Lâm, mở ra

phong trào học Phật mới. Lấy tôn chỉ của thiền tông: “Giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật” làm chủ đạo, ngài linh động kết hợp giảng kinh thuyết pháp, giúp cho người học Phật hiểu sâu kinh điển, chuyển những lời kinh chết trong sách vở thành những bài kinh sống nơi người, chứng minh cho “Tâm Thiền” sáng ngời không có gì sai khác.

Xét kỹ, tông chỉ Thiền tông rất thực tế và gần gũi với con người, lấy “Chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật”, nhằm đánh thức mỗi người tự sống vươn lên. Vì tâm mình mà không biết, vậy lo biết cái gì ở đâu xa? Thành Phật là thành ngay trong tâm tánh mình đây thôi, không phải thành ở trên núi cao, trên cõi trời xa xôi, chỉ cần mình xoay lại chính mình, thì ngay đó là bờ mé (Hồi đầu thị ngạn). Đó là lấy con người làm gốc, là tôn trọng người, nâng cao giá trị con người, cũng là lý bình đẳng với tất cả, vậy sao không khai thác?

Tôn chỉ của Sơ Tổ thể hiện rất rõ trong bốn câu kệ cuối của bài phú Cư trần lạc đạo: “Cư trần lạc đạo thả tùy duyên, Cơ tắc san hê khốn tắc miên. Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch, Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền.” (Ở đời vui đạo hãy tùy duyên, Đối cảnh vô tâm mặc vấn thiền.) (Ở đời vui đạo hãy tùy duyên, Đối cảnh vô tâm mặc vấn thiền.). Đoạn kệ trên nói lên tinh thần nhập thế tùy duyên mà hành đạo trong bốn quan điểm: 1. Hãy nên sống hòa mình với đời không chấp trước, mọi sự ở đời đều có nhân duyên của nó và hãy tùy duyên mà sống vui với đạo. 2. Hành động tùy duyên tức là làm việc cần phải làm, đúng lúc, đúng thời không trái với quy luật tự nhiên. 3. Tự tin nơi chính khả năng của mình mà không tìm cầu một sự trợ lực nào từ bên ngoài. 4. Khi tâm đã sáng tỏ thì không còn nô lệ vào những điều trong giáo lý và cũng không lệ thuộc kinh điển.

Đúng là thiền tông chỉ thẳng “Ngay trong đây, lúc này, người này thôi”, rất hiện thực không có gì xa xôi, mập mờ hên lại kiếp nào khác. Nghĩa là mình sống trong giờ phút hiện tại qua từng cử chỉ hành động, từ những việc con con cho đến những việc lớn đều sống trong chánh niệm tỉnh giác như vậy là thiền. Sơ Tổ khuyến cáo người tu hành tùy duyên nhập thế để làm lợi ích cho đời, vì chúng sanh còn



hiều đau khổ, nhiều người chưa biết Phật pháp, chưa biết trong nhà của mình có báu vật mà không biết khai thác. Trên tinh thần dù có sống giữa thế gian này nhưng vẫn vui với niềm vui của đạo, Sơ Tổ đã vân du khắp đó đây để giảng dạy Phật pháp. Tinh thần nhập thế này đã được những người nối truyền dòng phái cũng áp dụng làm cho Phật pháp lúc bấy giờ được hưng long như một quốc giáo của Đại Việt. Bản thân Trần Nhân Tông sau khi xuất gia và hóa đạo mà vẫn lo việc nước việc dân trong giai đoạn vua Trần Anh Tông trị vì. Bằng chứng sự kiện gả Công chúa Huyền Trân và sát nhập hai châu Ô Mã và Việt Lý vào cương thổ Đại Việt đều có sự chỉ đạo của Tổ Trúc Lâm. [3] Cho thấy tinh thần nhập thế của Phật giáo đời Trần thể hiện qua sự hành đạo của các vị tổ Trúc Lâm là “Phật pháp bất ly thế gian pháp”.

#### **2.4. Sự truyền thừa của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử**

1. Đối với thiền phái Trúc Lâm, thì Trúc Lâm Điều Ngự - Trần Nhân Tông là đệ nhất Tổ, nhưng tính theo hệ thống truyền thừa của Yên Tử phải kể từ Thiền sư Hiện Quang là Tổ ban đầu. Sư là người khai sơn chùa Vân Yên (chùa Hoa Yên như ngày nay). Vốn là đệ tử của Thiền sư Thường Chiếu, dòng Vô Ngôn Thông, nhưng tỏ ngộ nơi Thiền sư Trí Thông chùa Thánh Quả.

2. Thiền sư Viên Chứng, cũng gọi là Quốc Sư Trúc Lâm, người đã từng đón tiếp vua Trần Thái Tông tìm lên Yên Tử năm 1236.

3. Quốc sư Đại Đăng, người đã tiếp nhận thêm dòng thiền Lâm Tế từ Thiền sư Thiên Phong người Trung Hoa tại kinh đô Thăng Long và là thầy của vua Trần Thánh Tông.

4. Thiền sư Tiêu Dao, là Thầy của Thượng Sĩ Tuệ Trung, cũng gọi là Đại Sư Phúc Đường, vì sư ở Tĩnh xá Phúc Đường mà Thượng sĩ Tuệ Trung có bài thơ tựa “Thượng Phúc Đường Tiêu Dao Thiền Sư”.

5. Thiền sư Huệ Tuệ, theo Việt Nam Phật giáo Sử Luận của Nguyễn Lang cho là sư vốn làm Hoà thượng Đường đầu truyền giới pháp cho vua Trần Nhân Tông khi vua xuất gia.

6. Trúc Lâm Đại Đầu đà-Trần Nhân Tông, theo hệ thống truyền thừa của Yên Tử, Ngài thuộc hàng thứ sáu, nhưng là người khai sáng ra dòng Thiền Trúc Lâm của Đại Việt nên là Sơ Tổ.

Theo sách Đại Nam Thiền Uyển Truyền Đăng Tập Lục (大南禪苑傳燈錄), của Hòa thượng Phúc Điền (福田), hệ thống truyền thừa của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử được tiếp nối qua các vị sau:

7. Tổ sư Pháp Loa.
8. Tổ sư Huyền Quang.
9. Quốc sư An Tâm (安心);
10. Quốc sư Phù Vân Tĩnh Lự (浮雲靜慮);
11. Quốc sư Vô Trước (無著)
12. Quốc sư Quốc Nhất (國一);
13. Tổ sư Viên Minh. (圓明);
14. Tổ sư Đạo Huệ. (道惠);
15. Tổ sư Viên Ngộ. (圓遇);
16. Quốc sư Tổng Trì. (總持);
17. Quốc sư Khuê Thám. (珪琛);
18. Quốc sư Sơn Đăng (山燈);
19. Đại sư Hương Sơn (香山);
20. Quốc sư Trí Dung (智容);
21. Tổ sư Tuệ Quang (慧光);
22. Tổ sư Chân Trú. (真住);
23. Đại sư Vô Phiền (無煩).

Danh sách này được Thiền sư Tuệ Nhãn lược dẫn trong phần đầu của bia ký tháp Giao Quang thờ Thiền sư Tính Đường hiệu Tuệ Cự ngay bên phải cổng chùa Lâm-Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử: “Núi Yên Tử Sơ Tổ Hiện Quang đến Trúc Lâm

Viên Chứng trải qua tới Trần Triều Tam Tổ, lần lượt tiếp nối nhau, danh chép truyền đăng phần nhiều khó nêu ra hết. Trong lý ẩn hiện đến Tổ Sư Tuệ Quang trung hưng rộng lớn, Phật pháp thịnh hành, danh lam thắng cảnh, Tuệ Nguyệt sáng mãi, Tuệ Đăng chiếu khắp cho đến Tuệ Cự...”[4]

Trong đây ghi rõ Thiền sư Hiện Quang là Sở Tổ của Yên Tử, Quốc sư Trúc Lâm hiệu Viên Chứng rõ ràng, Tổ sư Tuệ Quang trung hưng Yên Tử, Thiền sư Tuệ Nguyệt thầy của Thiền sư Chân Nguyên tiếp sáng luôn và Thiền sư Tuệ Đăng tức Ngài Chân Nguyên hiện còn tháp đá tôn thờ ở sau nhà tổ của Thiền viện đã làm cho dòng Thiền chiếu khắp.

Cứ theo danh sách này, sau Tổ Sư Huyền Quang có tới tám vị Quốc Sư, thì biết rằng dòng Thiền Trúc Lâm, ngoài Tam Tổ Huyền Quang, theo bia tháp Viên Thông thờ Tổ sư Pháp Loa ở Thanh Mai, phần cuối có kể ra hai vị tiếp nối đời thứ ba là Tông Huyền và Kim Sơn, nguyên văn:”Trúc Lâm Đệ Tam Đại Tự Pháp Trụ Trì Tông Huyền, Kim Sơn tấu tuyên”.

Tuy nhiên danh sách tên tuổi là phần biểu hiện bên ngoài, chính “tâm Thiền “ là mạch sống thật. Dù ẩn, dù hiện, dù thăng, dù trầm, hễ có người tỏ sáng được tâm Thiền, là còn tiếp nối được mạch sống Tổ Tông.

Thiền phái Trúc Lâm được một vị vua nhà Trần sáng lập, được xem là dạng Phật giáo chính thức của Đại Việt thời đó nên có liên quan mật thiết đến triều đại nhà Trần, phải chịu một hoàn cảnh mai một sau khi triều đại này suy tàn. Vì vậy, sau ba vị Tổ là Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông sơ tổ Trúc Lâm truyền thừa cho Pháp Loa là đệ nhị tổ, đến Huyền Quang đệ tam tổ, sau đó hệ thống truyền thừa của phái này không còn rõ ràng, nhưng có lẽ không bị gián đoạn bởi vì đến thời kì Trịnh-Nguyễn phân tranh (1600-1700), người ta lại thấy xuất hiện những vị Thiền sư của Trúc Lâm Yên Tử như Viên Cảnh Lục Hồ, Viên Khoan Đại Thâm và nổi bật nhất là Thiền sư Minh Châu Hương Hải [5].

Sau một thời gian ẩn dật, dòng thiền này sản sinh ra một vị Thiền sư xuất sắc là Hương Hải, người đã phục hưng tông phong Trúc Lâm. Trong thế kỉ thứ 17-18,

thiền phái này được hoà nhập vào tông Lâm Tế và vị Thiền sư xuất sắc cuối cùng là Chân Nguyên Huệ Đăng.

### **3. HỆ THỐNG GIÁO LÝ**

#### **3.1. Chủ trương của Thiền phái**

Chúng ta nên ghi nhớ hai tác phẩm trọng yếu đã mở đầu cho phái Thiền Trúc Lâm này của các vị tiền bối trước Ngài Trần Nhân Tông. Đó là bản Ngũ lục của Tuệ Trung Thượng Sĩ và Khóa hư lục của Trần Thái Tông. Hai tác phẩm này, một đăng có thể khảo sát trên khía cạnh lý thuyết, và một đăng có thể được chiêm nghiệm trên phương diện thực hành, là những bản tổng kết của một thời gian dài phát triển tư tưởng của Phật giáo Việt Nam.

Thượng Sĩ Ngũ lục, một cách nào đó, có thể không mấy có tính chất sáng tạo về mặt tư tưởng Thiền, nhưng quả thực nó là sự kết tinh của Thiền học của các tông phái Đại thừa khác tại Việt Nam. Nhờ vào hệ thống công án, Thượng Sĩ Ngũ lục đã có thể phát biểu kiến giải của mình một cách thông dong về tất cả các chủ điểm axis yếu trong các khuynh hướng dị biệt của Phật học. Sau Thượng Sĩ ngũ lục, công án vẫn còn được tiếp tục với tinh thần tương tự, như chúng ta có thể thấy trong Tam tổ đã tạo ra cho công án một vóc dáng lớn, bao hàm cả tư tưởng Tam giáo, không riêng gì Thiền hay Phật giáo.

Đến thời Trần Nhân Tông, “Ngài lại chủ trương xây dựng hệ thống giáo lý Thiền - Giáo song hành” [6] để tính nhập thế được vận dụng tích cực trong đời sống đạo nhằm tạo ra một đời sống hạnh phúc cho dân chúng. Chủ trương của Thiền phái Trúc Lâm là đào tạo ra những mẫu người dân Phật tử kế thừa tông phong được giáo dục toàn diện mới đáp ứng nhu cầu lịch sử đặt ra. Đó là xây dựng và phát triển Đại Việt trở nên hùng cường thì Phật giáo mới hưng thịnh. Khi đất nước chưa có hệ thống giáo dục đào tạo theo trường lớp, thì nhà chùa trở thành nhà trường, nơi đó dạy đủ các môn học mà con người cần học.

Một người Phật tử không chỉ thông thạo kinh điển nhà Phật mà còn phải học những môn khác nữa mới đủ tri thức vận dụng thực tiễn các nhu cầu con người đặt

ra. Bên cạnh đó còn sử dụng Nho giáo như là một công cụ phục vụ lợi ích quốc gia và Phật giáo.

Trần Nhân Nhân Tông dẫn dò Đệ Nhị tổ mở rộng việc học bên trong và bên ngoài Phật giáo là nhằm thực hiện xã hội hóa giáo dục, nâng cao trình độ dân trí sau này. Tôn ý của Sơ tổ muốn Pháp Loa đủ kiến thức nội và ngoại điển để đào tạo ra những người thừa kế Thiền phái đủ sức gánh vác các Phật sự khác nhau của đạo cũng như đời. Nếu không, thì Phật giáo chỉ biết đào tạo cho xã hội những con người chuyên tu hành và làm các công việc khác xung quanh khuôn viên nhà chùa mà không tham gia hoạt động gì cả cho xã hội.

Với chủ trương như thế, tháng 12, năm 1038, Pháp Loa kêu gọi tăng chúng và cư sĩ trích máu in Đại tạng kinh hơn 5.000 bản. Riêng bản thân Pháp Loa cũng nghiên cứu và sáng tác nhiều bản kinh thuộc hệ thống kinh điển Đại thừa như: Tham Thiền kỷ yếu, Kim Cương trùng Đà la ni kinh khoa chú, Niết Bàn đại kinh khoa số, Pháp Hoa kinh khoa số, Lăng Già tứ quyển khoa số, Bát Nhã tâm kinh khoa số, Hưng vương hộ quốc nghi quỹ, Pháp sự khoa văn và Độ môn trợ thành tập. Hẳn nhiên, Pháp Loa cũng là nhân vật được giới Phật giáo và các thành phần khác trong xã hội mời thuyết giảng kinh Hoa Nghiêm. Mà tư tưởng của Cư Trần lạc đạo cũng ảnh hưởng tinh thần nhập thế từ kinh Hoa Nghiêm. Kết quả, Thiền phái ra đời và thể nhập vào đời sống sinh hoạt chung cả dân tộc. Từ đây, Thiền phái này có một sự liên hệ chặt chẽ mọi thành phần trong xã hội, tạo ra sức mạnh đoàn kết toàn dân, với hào khí Đông A hào hùng trong lịch sử của dân tộc.

### **3.2. Tín đồ và Nghi lễ truyền thừa**

Chưa bao giờ trong lịch sử Phật giáo, số lượng tín đồ Phật tử trở thành thành viên Thiền phái Trúc Lâm đông đảo như vậy. Sở dĩ như vậy, là do Trần Nhân Tông sáng suốt trong việc tổ chức bộ máy giáo hội. Sau đó giao trọng trách cho Pháp Loa là người lãnh đạo Giáo hội trẻ nhất trong lịch sử Phật giáo làm Đệ Nhị tổ lãnh đạo Tăng già vào năm 1307. Sau khi lãnh đạo Tăng già, tháng 9, năm Quý Sửu (1313), “Thiền sư Pháp Loa phụng chiếu đến cư trú tại chùa Vĩnh Nghiêm ở Lương Giang,

đặt văn phòng Trung ương Giáo hội tại đó, quy định mọi chức vụ Tăng sĩ trong Giáo hội, kiểm tra tự viện và làm sổ Tăng tịch. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam Tăng sĩ có hồ sơ tại Giáo hội Trung ương”[7] . Theo Nguyễn Lang trong Việt Nam Phật giáo sử luận thì do số lượng Tăng Ni đông quá, cứ mỗi lần tổ chức thọ giới thì phải thái ra hàng nghìn người; tuy vậy, “tính đến năm 1329, số Tăng sĩ đã được xuất gia trong những giới đàn do Giáo hội Nhất Tông (Trúc Lâm) tổ chức dưới quyền lãnh đạo của Pháp Loa là trên 15.000 vị”. Con số hàng nghìn người được quy y, thọ Bồ tát giới tại gia hay xuất gia rất đông. Pháp Loa là người chủ trương phát triển Giáo hội Phật giáo Trúc Lâm có tổ chức hệ thống quy củ đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Số lượng xuất gia này là đã có sự hạn chế, ba năm mới tổ chức giới đàn một lần, mỗi giới đàn chỉ giới hạn 3.000 Tăng Ni. Những vị đệ tử xuất sắc của Pháp Loa là Tuệ Nhiên, Tuệ Chúc, Hải Ấn, Hoàng Tế, Huyền Giác, Quế Đường, Cảnh Ngung... Các nghi lễ truyền thọ Tỳ kheo, Bồ tát, Tam quy Ngũ giới cho các vị Hoàng tộc, Phật tử tại gia được tổ chức thường xuyên. Các buổi khóa niệm cầu an, cầu siêu chẩn tế cũng được tổ chức, gọi là “Diệm khẩu thí pháp hội”, có nghĩa là đại hội Phật pháp để bố thí cho loài quý đỏi. Pháp này bày ra để thực hiện giáo nghĩa từ bi, lợi lạc quần sinh. Năm 1320, Pháp Loa tổ chức trai đàn chẩn tế ở chùa Phổ Minh trong cung để cầu cho Thượng hoàng Anh Tông sống trường thọ. Việc biên soạn khoa nghi Du già, Phật giáo pháp sự đạo tràng công cách thức ấn hành vào năm 1299 là nhằm mục đích thu hút tín đồ tham gia học đạo. Các cuộc đại tham về thiền thường xuyên được tổ chức theo một nghi thức trang trọng. Mở đầu là phần niệm hương, kế đó là thiền sư đăng tòa, có lời sách tấn và sau đó trả lời các câu hỏi của các thiền sinh. Việc xây chùa, đúc tượng phục vụ cho việc hoằng pháp qua các Phật sự như nghi lễ thiền giáo, thuyết pháp được chú trọng. Có thể nói từ khi tổ chức Giáo hội Nhất Tông này chính thức đi vào hoạt động trở về sau thì Phật giáo Việt Nam bấy giờ đã trở thành lực lượng tôn giáo hùng mạnh yểm trợ cho triều đại nhà Trần thiết lập một nền độc lập hòa bình cho cả dân tộc.

Sau đời Trần, Phật giáo Việt Nam tiếp tục song hành cùng dân tộc trong sự nghiệp giữ nước và phát triển đất nước. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp tục thừa kế truyền thống và phát huy sức mạnh nội tại “thống nhất lãnh đạo và tổ

chức, thống nhất ý chí và hành động” để cùng dân tộc Việt Nam xây dựng một đời sống hạnh phúc an lành và thịnh vượng.

#### **4. SỰ NGHIỆP PHẬT GIÁO CỦA THIỀN PHÁI TRÚC LÂM**

Thiền phái Trúc Lâm ra đời đã mang một màu sắc mới, một thiền phái được kết hợp từ ba dòng thiền trước đây của Trung Hoa nhưng mang đậm bản sắc của Đại Việt. Sự nhập thế của các thiền sư nhà Trần khi đất nước bị quân Nguyên – Mông ba lần đánh chiếm vẫn đứng lên chống lại kẻ thù xâm lược. Nhưng khi đất nước thái bình thì họ vẫn trở về với bản chất thiền sư ngày xưa, tiếp tục tu hành và nghiên cứu để đưa sự hiểu biết của mình chỉ dạy cho nhân dân. Đây là tinh thần nhập thế mà các thiền phái trước chưa thực hiện được. Chính vì tinh thần nhập thế này đã tạo nên sức mạnh của dân tộc Việt và cũng là thời đại phát triển Phật giáo đạt tới đỉnh cao của Việt Nam từ xưa đến nay. Sự nghiệp Phật giáo của thiền phái Trúc Lâm có những đóng góp rất lớn trên hai điểm lớn: Lý tưởng và thực tế.

##### **4.1. Về phương diện lý tưởng**

Thiền phái Trúc Lâm quả tình đã kết hợp khéo léo giữa lý tưởng Quốc gia và Phật đạo mà sáo ngữ ngày nay thường nói Phật giáo và Dân tộc. Đây không chỉ cách nói tuyên truyền nhất thời với một hậu ý chính trị nào đó. Lý tưởng Quốc gia và Phật đạo đã có mặt trước cả đời nhà Trần, như chúng ta chứng kiến trong các cuộc vận động cho quyền tự chủ và ý thức dân tộc của các Thiền sư trước thời Lý. Cho đến đời nhà Trần, lý tưởng này đã được khẳng định nhiều lần do chính miệng của những người sáng lập triều đại nhà Trần.

Nếu xét kỹ, có lẽ chúng ta phải thấy rằng lý tưởng Quốc gia và Phật đạo vốn là khía cạnh của lý tưởng tôn giáo đại đồng. Đó là một nền tín ngưỡng lấy niềm tin nơi con người làm đối tượng cứu cánh, không giới hạn vào biên giới quốc gia. Tư tưởng Tam giáo đồng qui thực sự cũng được hỗ trợ bởi một lý tưởng tôn giáo như thế.

##### **4.2. Về phương diện thực tế**

Điểm này phải kể trước nhất là các nhà khai sáng Trúc Lâm đã tạo cho Phật giáo Việt Nam kể từ đây trở đi mang nhiều sắc thái thế tục hơn. Một phần, vì những nhà lãnh đạo tinh thần thời đó là cư sĩ. Họ vừa có thẩm quyền về đạo cũng như về

đời, nên ảnh hưởng về thái độ thể hiện giáo lý của Phật thực tế không phải là nhỏ. Phật giáo thế tục, tức Phật giáo bận tâm nhiều đến các công tác thế tục hơn. Thí dụ, chăm sóc đến đời sống của dân chúng, không những về mặt tinh thần, mà còn đặc biệt ở các phương tiện vật chất.

Trên đây chỉ là tóm tắt sự nghiệp tinh thần của Trúc lâm đối với Phật giáo Việt Nam. Ngoài ra, những sự nghiệp khác, như đối với sự tiến bộ của văn học, nghệ thuật, vân vân.....chỉ là những thành quả đương nhiên. Và cũng vì giới hạn của tập Tiểu luận này chỉ nằm trong vòng sự nghiệp tư tưởng, mà những khảo cứu của chúng tôi đã có thể chấm dứt được ở đây.

## **5. THIỀN PHÁI TRÚC LÂM YÊN TỬ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

Trên dòng chảy lịch sử Phật giáo Việt Nam có cả sự ảnh hưởng, tiếp nhận từ phương nam và phương bắc, có cả các bậc sư tổ người nước ngoài và người Việt, có cả sự trầm tích, cộng sinh và phát triển trên cơ sở văn hoá truyền thống bản địa.

Đặt trong tương quan giữa Phật giáo và văn hoá dân tộc, dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử có một vị trí đặc biệt. Trước hết cần đánh giá cao vai trò hoàng đế - thiền sư - thi sĩ Trần Nhân Tông (1258-1308). Đương thời, chắc chắn ông biết rõ các thiền phái ngoại nhập nổi tiếng nhiều đời như Tì Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường nhưng lại hướng về tu tập, soạn sách Phật học theo một lối riêng và mở ra dòng Thiền Trúc Lâm in đậm dấu ấn Việt giữa nơi non cao Yên Tử. Đóng góp của ông mở rộng từ việc tuyên truyền đạo Phật giữa chúng sinh đến giảng giải kinh sách cho đệ tử, qua thơ văn đi sâu biện giải mối quan hệ giữa "hữu" và "vô", "thân" và "tâm", đề cao bản ngã chủ thể "nghiệp lạng", "an nhàn thể tính", "tự tại thân tâm", "Sống giữa cõi trần, hãy tùy duyên mà vui với đạo", đồng thời coi trọng cuộc sống thực tại, cảnh tỉnh lối tu hành cực đoan, cố chấp: Ai trói buộc chi, tìm giải thoát - Khác phạm đâu phải kiếm thần tiên (Mạn hứng ở sơn phòng)...

Nổi tiếp Trần Nhân Tông, đệ nhị tổ Pháp Loa (Đồng Kiên Cương, 1284-1330) Qua hơn hai mươi năm lãnh đạo, Pháp Loa đã cho sang khắc bộ Đại tạng kinh với hơn 5.000 quyển, xây dựng hàng trăm ngôi chùa như Báo Ân, Quỳnh Lâm, Thanh Mai và trực tiếp giảng dạy giáo lý, có tới ba nghìn đệ tử đến cầu pháp và đắc



pháp. Ông để lại các tác phẩm khuyên người xuất gia chăm lo việc tu đạo, khuyên mọi người hiểu sâu con đường tu thiền chân chính bằng việc học giới luật, thiền định và trí tuệ, chỉ rõ cách học cần sáng tỏ...

Người cuối cùng trong số ba vị tổ Trúc Lâm là Huyền Quang (Lý Đạo Tái, 1254-1334), hơn Pháp Loa tròn ba mươi tuổi nhưng lại tu hành muộn hơn, từng làm quan trong triều đình rồi mới từ chức đi tu. Huyền Quang để lại hơn hai mươi bài thơ chữ Hán, một bài phú vịnh chùa Vân Yên bằng chữ Nôm và câu chuyện liên quan đến Diêm Bích đượm chất thế sự.

Với sự hiện diện của ba vị sư tổ Trần Nhân Tông - Pháp Loa - Huyền Quang và khoảng hơn ba mươi năm hưng thịnh, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đã trở thành một biểu tượng giá trị tinh thần người Việt. Trên phương diện văn hoá vật thể, dấu tích những ngôi chùa, tháp, am, đường tùng, trúc, suối Giải Oan, vườn Ngự Dược, tượng đá An Kỳ Sinh, chùa Đồng trên đỉnh núi hợp thành một quần thể sống động giữa nơi non cao rừng thẳm. Chỉ nói riêng cái tên Trúc Lâm Yên Tử cũng đã khơi gợi được vẻ cổ kính và chiều sâu thế giới tâm linh mỗi người dân nước Việt, nơi tu hành giảng đạo của người xưa và điểm du lịch, tham quan danh thắng của người hiện đại.

Một điều quan trọng khác nữa, chính tác phẩm của ba vị sư tổ cũng trở thành những giá trị tinh thần dân tộc, vừa là di sản tư tưởng nhân văn của ông cha vừa là những áng thơ còn mãi với thời gian. Nhiều chuyên ngành khoa học xã hội như lịch sử tư tưởng, triết học, văn học, văn hoá học, tôn giáo, ngôn ngữ... đều có thể tìm đến khai thác các văn bản này.

Điều quan trọng hơn, sự ra đời Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đã góp phần cổ vũ tinh thần người dân nước Việt về khả năng phát triển những giá trị văn hoá bản địa, nội sinh trong lòng dân tộc. Đây cũng chính là sự đáp ứng nhu cầu đời sống tâm linh, tín ngưỡng của mỗi cộng đồng người ở từng thời đại, giai đoạn lịch sử cụ thể.

Có thể nói sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đã tạo nên trường lực hấp dẫn mạnh mẽ, tạo đà thúc đẩy sự ra đời hàng trăm ngôi chùa lớn, nhiều tầng lớp tăng chúng cùng quy hướng theo một dòng tu hành in đậm sắc thái Phật giáo dân

tộc. Bản thân hình tượng ba vị sư tổ cũng được tôn thờ, nghệ thuật hoá thành tranh, tượng và nhân vật trong văn học viết cũng như truyền thuyết dân gian.

Những bài thuyết pháp, giảng đạo của các ngài đồng thời cũng là những bài học đạo đức khuyên răn con người hướng thiện đã đến với muôn dân, đã được khắc in và truyền lại cho hậu thế.

Mặc dù đến hết triều Trần, Phật giáo không còn giữ được địa vị như giai đoạn trước, song tinh thần Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đã kịp chuyển hoá, thâm sâu trong đời sống tinh thần dân chúng và trở thành những giá trị văn hoá bền vững trước thời gian.

Nếu văn hoá là những gì còn lại trước thời gian thì chính các giá trị vật thể và phi vật thể liên quan Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đã là một minh chứng sâu sắc cho khả năng tồn tại và phát triển của một di sản văn hoá, bất chấp năm tháng và mọi thăng trầm thế sự. Theo một nghĩa rộng, di sản này đã toả sáng thành "tâm thức Trúc Lâm" trong lòng mỗi con người thuộc mọi thế hệ, ở khắp mọi vùng đất nước.

### KẾT LUẬN

Trúc Lâm Điều Ngự - Trần Nhân Tông, một con người quá nổi bật ở nhiều mặt, một nhân cách quá sáng ngời: Nói về mặt lãnh đạo, là một nhà lãnh đạo tài ba; về chính trị là một nhà chính trị xuất chúng; về văn hoá là nhà văn hoá lớn; về tôn giáo, là nhà tôn giáo tuyệt vời...Do đó, để nhận định về Ngài, chúng ta khó có thể nhận định toàn vẹn được, nếu đứng trên một chủ kiến, một khía cạnh. Và hơn thế nữa, Ngài lại là hành giả trong pháp xuất thế, một bậc Tổ sư của nhà thiền thì càng không thể lấy theo ý thức tư duy bình thường mà hiểu được Ngài, phải là người trong cuộc với nhau mới hiểu thấu được nhau, như kinh Pháp Hoa nói: “Chỉ Phật mới biết”.

Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử được gắn liền với tên tuổi của Ngài, với dòng Thiền do Ngài mở lối, là một đại nhân duyên không phải tầm thường cần được tôn trọng và phải tôn trọng. Phật giáo nói chung, còn đường Thiền nói riêng, là con đường luôn sáng tạo, phù hợp với tinh thần phát triển ở các thời đại. Trúc Lâm Điều Ngự - Trần Nhân Tông là bậc tôn kính đối với tất cả con cháu chúng ta, và tinh thần

của Ngài còn được phát huy đúng mức, nhắc nhở cho con em chúng ta và con cháu mai sau phải luôn nhớ cội nguồn, phải biết trân quý, giữ gìn gia sản quý báu của tổ tiên, chính đó là nền tảng xây dựng đất nước vững bền. Ngài đã dung hợp các dòng thiền thành một thiền phái Trúc Lâm. Với tinh thần căn bản của Thiền tông là: “Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”, tức chỉ thẳng ngay tâm người, ai nhận được bản tánh thì đủ cái nhân thành Phật. Vậy thành Phật là ở ngay trong tự tánh, không ở nơi nước này hay nước nọ, hoặc nơi người sứ này hay sứ kia. Hơn nữa, đã chỉ thẳng tâm người, thì ai không có tâm? Đã có tâm tức có thiền, nếu chúng ta sáng được tâm tức đạt yếu chỉ thiền, đâu phải tự khinh mình? Đó là đem lại niềm tự tin cho dân tộc. Thiền dạy phải tự tin chính mình là gốc, thì ở đây thiền phái Trúc Lâm đã ứng dụng điều đó vào thực tế.

Do đó, dung hợp các dòng thiền thành một dòng thiền Việt Nam, trong ý nghĩa thâm kín sâu xa, là một nhát đánh động lòng tin của dân tộc, đồng trừ đi niệm phân biệt đây kia. Không phái này chỉ trích phái nọ, chỉ ngộ bản tâm là chính. Không tông môn này đối chọi tông môn kia, chỉ sáng tâm là trên. Quả thật, chính đây là một nét chấm phá làm nổi bật nền Phật Giáo Việt Nam và đó là ngọn đèn sáng cho những thế hệ sau này cần soi sáng. Đối với lịch sử và văn hóa Phật giáo thì thiền phái Trúc Lâm vẫn để lại dấu ấn thiêng liêng trên dãy núi Yên Tử mà ngàn đời sau con cháu người Việt dù có phải là tín đồ của Phật giáo hay không thì cũng luôn hướng về nơi đó, nơi có một vị vua của dân tộc Việt đã để lại những giá trị quý giá mà không phải đất nước nào cũng có được.

***Thích Pháp Như***

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. HT. Thích Thanh Từ - Trúc Lâm Tam Tổ giảng giải. 1997.
  2. Lê Văn Hưu, Đại Việt sử ký toàn thư, Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1993.
  3. Lê Mạnh Thát, Lịch sử Phật giáo Việt Nam, tập 2, Nhà xuất bản TP.HCM, 2001.
  4. Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, Nxb Văn học, Hà Nội, 2000.
  5. Mật Thể, Việt Nam Phật giáo Sử lược. Nxb Minh Đức 1960.
  6. Lê Mạnh Thát - Toàn Tập Trần Nhân Tông - Nxb TPHCM - 2000.
  7. Ngô Sĩ Liên - Đại Việt Sử Ký Toàn Thư. 1985
  8. Thích Phước Đạt, Từ Giáo hội Phật giáo Nhất Tông đời Trần đến Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày nay.
- [1] Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, tập I, trang. 428
- [2] Thích Phước Đạt, Giáo hội Phật giáo Nhất Tông đời Trần, tr. 1
- [3] Thích Phước Đạt, Giáo hội Phật giáo Nhất Tông đời Trần, tr. 1
- [4] Thích Thông Phương, Trần Nhân Tông Với Thiền Phái Trúc Lâm, [www.khongtu.com](http://www.khongtu.com)
- [5] Nguyễn Hiền Đức, Lịch sử Phật giáo đương trong, TP HCM 1995
- [6] Tam Tổ thực lục, Thích Phước Sơn dịch, Viện NCPHVN, 1995, tr.40 - 41.
- [7] Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, tập 1, Lá bối, Sài Gòn, 1974, tr.406.

**PHỤ LỤC 10**  
**MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ VĂN HÓA THIỀN TÔNG TRONG XÃ HỘI**  
**VIỆT NAM HIỆN NAY**



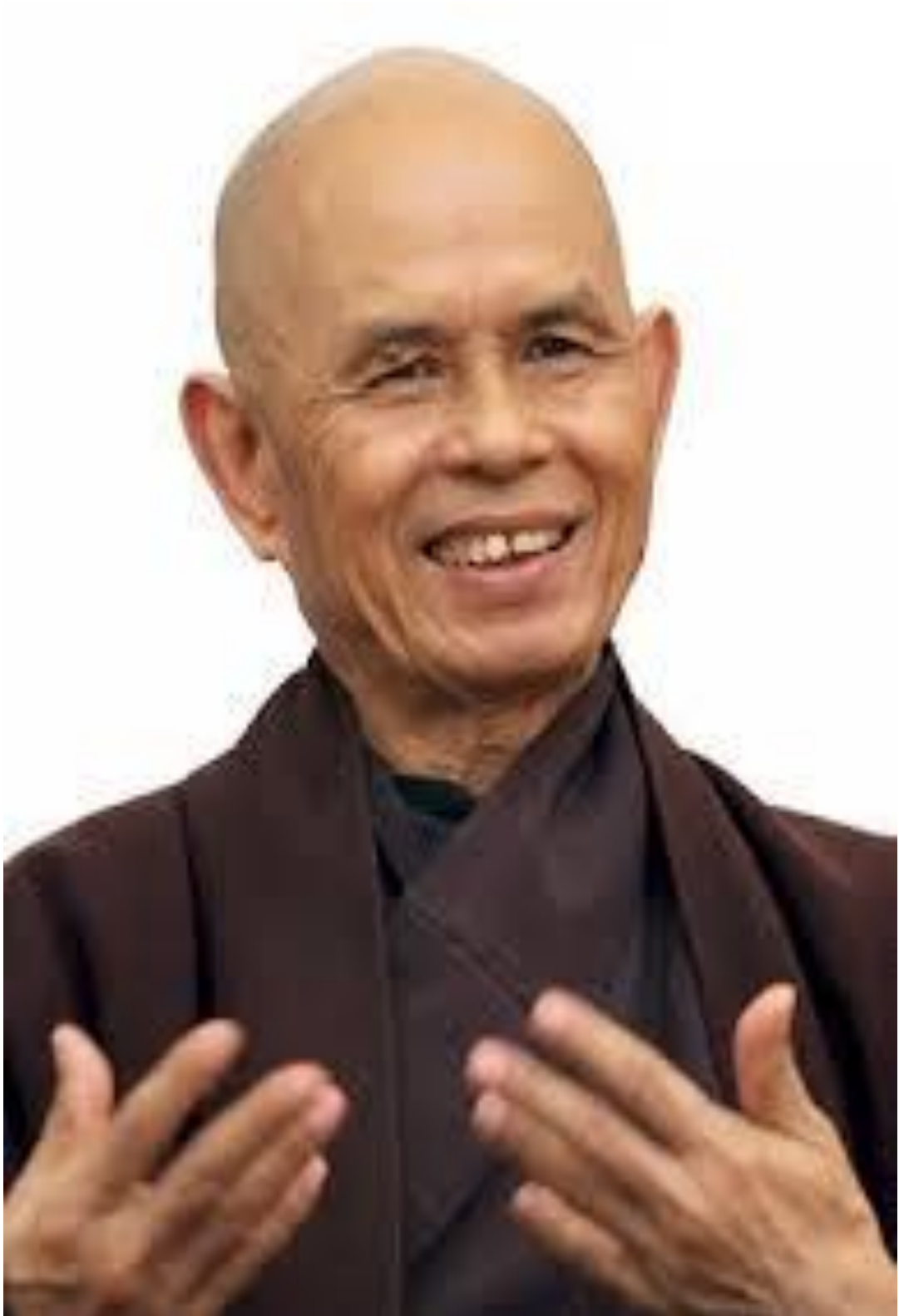
Ở giữa: Trúc Lâm đệ nhất tổ Giáo Ngại Giác Hoàng.  
 Bên trái: Thiệu long Phật Tổ chỉ Tâm Tông - Trúc Lâm  
 đệ nhị tổ Pháp Loa Tôn giả.  
 Bên phải: Hoàng phái Thành Hiền chỉ pháp chủ - Trúc Lâm  
 đệ tam tổ Huyền Quang Tôn giả.

Nguồn: Thành Phước Tôn dịch - Tam Tổ Trúc Lâm - Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

Hình 10.1: Tam tổ Trúc Lâm (Nguồn: Internet)



Hình 10. 2: Hòa Thượng Thích Thanh Từ - Người có công đầu trong việc phục hưng Thiền tông trong nước hiện nay (Nguồn: Internet).



Hình 10.3: Thiền sư Thích Nhất Hạnh - người có công trong việc phục hưng và giới thiệu Thiền tông Việt Nam ra thế giới (Nguồn Intrenet)









Hình 10.6: Tháp Phổ Minh - Di tích còn lại của văn hóa Thiền tông  
Việt Nam thời Trần (Nguồn: Internet).



Hình 10.7: Chùa Vĩnh Nghiêm và Kho mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm

(Nguồn: Internet)





Hình 10.8. Phối cảnh khu bảo tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông tại khu di tích Yên Tử (Nguồn: Ban quản lý khu di tích Yên Tử cung cấp)



Hình 10.9. Bảo tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông tại khu di tích Yên Tử

(Nguồn: Internet)



Hình 10.10: Chùa Lân năm 1998 (Nguồn: Viện Bảo tồn di tích)





Hình 10.11: Cổng Tam Quan chùa Lâm - Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử

(Ảnh: Xuân Yên)



Hình 10.12: Tháp tổ tại vườn Tháp Khu di tích Yên Tử (Nguồn: Internet)





Hình 10.13: Chùa Hoa Yên - Yên Tử (Nguồn: Internet)



Hình 10.14: Thiên viện Trúc Lâm Yên Tử (Nguồn: Internet)





Hình 10.15: Thiền viện Trúc Lâm Cái Bàu

(Nguồn: Internet)



Hình 10.16: Thiền viện Trúc Lâm Sùng Phúc

(Nguồn: Tác giả thực hiện)



Hình 11.17. Các thiền sinh, người dân đang trả lời câu hỏi trưng cầu ý kiến  
(Nguồn: Tác giả thực hiện)



Hình 10.18: Phù điêu trang trí tại các thiền viện Trúc Lâm  
(Nguồn: nghethuatphatgiao.com)





Hình 10.19: Tác phẩm Trúc Lâm đại sĩ.

(Nguồn nghethuatphatgiao.com)



Hình 10.20. Hình ảnh về khóa tu tại thiền viện Trúc Lâm Sùng Phúc

(Nguồn: Tác giả thực hiện)



Hình 10.21. Khóa tu thiền thu hút thiền sinh là người nước ngoài

(Nguồn: Internet)



Hình 10.22: Các hoạt động tại giải trí sau các khóa tu tập

(Nguồn: Internet)





Hình 10.23: Khóa tu thiền dành cho lứa tuổi học sinh

(Nguồn: Tác giả sưu tầm)



Hình 10.24: Thiền sinh nhỏ tuổi thực tập thiền

(Nguồn: Tác giả sưu tầm)





Hình 10.25: Thiên sinh lao động  
(Nguồn: Tác giả sưu tầm)



Hình 10.26: Thiên sinh lao động  
(Nguồn: Tác giả sưu tầm)